BỘ 2 • SỐ 19 • THÁNG MƯỜI MỘT, 1990

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

TÚY HỒNG

Xuân xưa Huế vàng

LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

小西貢超級市場

ĐANG ĐƯỢC ĐỒNG HƯƠNG ỦNG HỘ MẠNH NHẤT!

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT!

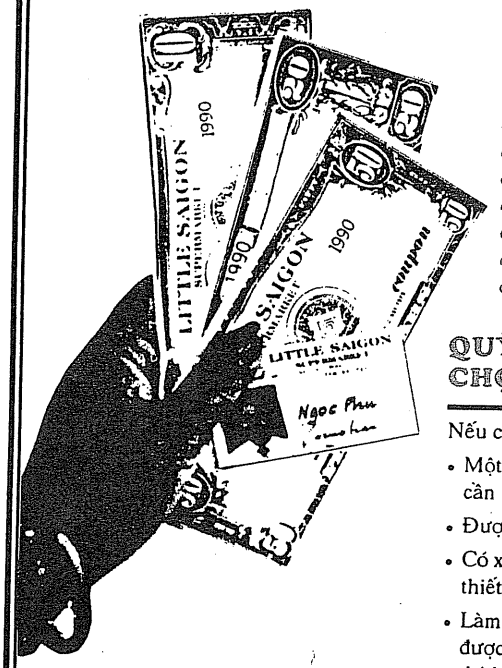

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt cá rau tươi NHẤT
- Đầy đủ các hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người thích NHẤT

QUÝ VỊ ĐÃ CÓ THẺ MEMBERSHIP CỦA CHỢ LITTLE SAIGON CHƯA?

Nếu có, thì quý vị được hưởng những quyền lợi sau đây:

- Một khi Cash/Check hay trả tiền bằng Ngân phiếu, quý vị khỏi cần trình bằng lái xe hay thẻ Tín dụng.
- Được hưởng Coupons các loại hàng giá hạ, gởi tận nhà.
- Có xổ số mỗi tuần dành cho các Hội viên, với các tặng phẩm thiết dụng và đáng giá.
- Làm thẻ hội viên miễn phí. Có thẻ hội viên, quý vị sẽ tiết kiệm được một số tiền không nhỏ cho việc chi tiêu, và được nhiều thích thú bất ngờ.

Open: 9:00 AM to 9:00 PM.
7 Days A Week

Mua tận gốc, bán tận ngọn ● Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất, chỉ có tại Chợ Little Saigon

100 NGƯỜI NÓI, 1.000 NGƯỜI TIN, 10.000 NGƯỜI ĐẾN

MỘT SIÊU THỊ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT TẠI HẢI NGOẠI

9822 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 ★ Tel: (714) 531-7272

design by Ngoc Phu

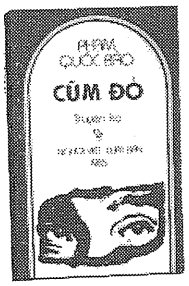

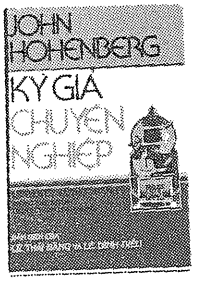

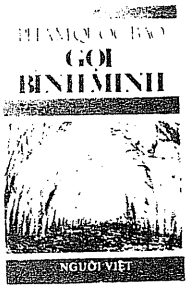

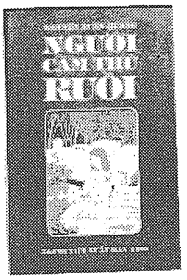

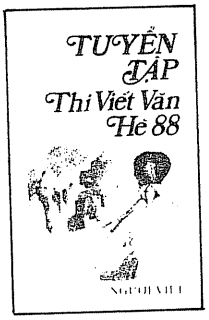

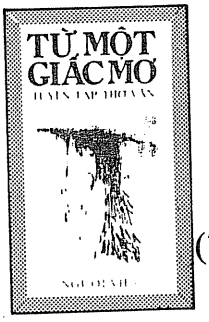

Nhà Xuất Bản
NGƯỜI VIỆT
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
(714) 892-9414 & 892-9316
Fax: (714) 894-1381

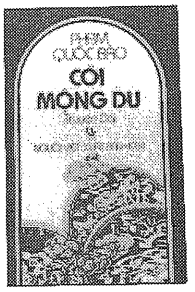

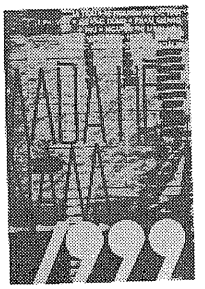

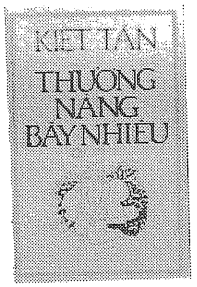

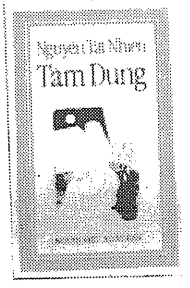

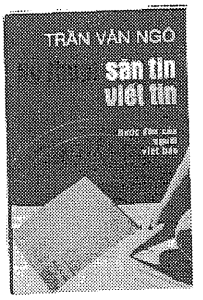

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại PHÁP:

* Le Tai Dien
  21 Jean Racine
  95400 Villiers-Le-Bel
  Paris-France

* Nam Á
  44, Ave. D'Ivry
  Paris
  75013 France

Tại TÂY ĐỨC:

* Lê Vũ
  Flattichstr. 55
  7140 Ludwigsburg
  Hoheneck W. Germany

Tại CANADA:

* Nhà sách Trung Việt
  6520 Darlington - Montreal
  Qué H3S2J3
  Canada
  Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
  415 Spadina Ave.
  Toronto - Ont - M5T2G6
  Canada
  Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
  10767 Street
  Edmonton - T5H2M2
  Canada
  Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
  265 E. Hasting
  Vancouver B.C.
  V6R1P2 Canada
  Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
  15 Rochdale Ave.
  Toronto
  M6E1W9 Canada

Tại ÚC:

* Tòa soạn báo Việt Luận
  P.O. Box 415
  Villawood, NSW 2163
  Australia

* Văn Lang Publishing
  1st Floor. 34 Old Town
  Plaza Bankstown
  NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
  PO Box 133 Pascoe Vale
  South Vic. 3044 - Australia

* Saigon
  Shop 17, Penny Arcade
  Cabramatta góc Arthur St.
  và Railway trong khu siêu
  thị Franklin
  Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
  3710 Springvale Rd.
  Vic. 3171
  Tel. (03) 548-2216

Tại NHẬT BẢN:

* Mekong Center
  F140 Tokyo - To,
  Shinagawaku
  Yashio, 5-12-69-115
  Japan

* Thằng Bờm
  1 Shinowada 262
  Ichodanchi 72-918
  Yamatoshi Kanagawaken
  Japan

Tại HOA KỲ:

Minnesota:

* Saigon Bookstore
  2950 4th Ave. S.
  Minneapolis MN 55408
  Tel. (612) 722-4360

Washington State:

* Nam Phương
  1032 S. Jackson St. #B
  Seattle, WA 98104
  Tel. (206) 324-6364

Virginia:

* Nhà sách Alpha
  6771 Wilson Blvd.
  Falls Church, VA 22044
  Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
  6763 Wilson Blvd. #9
  Falls Church, VA 22044
  Tel. (703) 532-7890

Florida:

* Tiến Hưng
  1108-1112 E. Colonial Dr.
  Orlando, FL 32803
  Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
  3638 Hendenson Blvd.
  Tampa, FL 33609
  Tel. (813) 874-0526

New York:

* Tú Quỳnh
  128 Hester St.
  New York, NY 10002

Massachusetts:

* Thăng Long
  201 Adams St.
  Dorchester, MA 02122

Louisiana:

* Về Nguồn
  1717 Caal St. Suite 12
  New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
  3709 G. West Bank
  Expressharvey, LA 70058

Tel. (504) 340-4626

Missouri:

* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:

* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006

* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 650-1770

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:

* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd #12
San Jose, CA 95133

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:

* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Phượng Hoàng
14354 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel. 839-6481

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21 xin vui lòng liên lạc với chúng tôi. Hoa hồng cao.

Nhà xuất bản NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St.,
Westminster, CA 92683
USA

SÁU TÁC PHẨM MỚI NHẤT
DO
NHÀ XUẤT BẢN **NGƯỜI VIỆT**
ẤN HÀNH

14841 MORAN ST., WESTMINSTER
CA 92683
(714) 892-9414 / 892-9316
FAX: (714) 894-1381

- GỌI BÌNH MINH
Truyện dài của PHẠM QUỐC BẢO
Sách dày 232 trang, giá 12.00 MK

- BUỔI SÁNG MỘT MÌNH
Tập truyện đầu tay của BÙI BÍCH HÀ
Sách dày 195 trang, giá 12.00 MK

- ĐỔI MỚI KINH TẾ
Biên khảo của VƯƠNG HỮU BỘT
Sách dày 318 trang, giá 14.00 MK

- TUYỂN TẬP THI VIẾT VĂN HÈ 88
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 135 trang, giá 8.00 MK

- THIÊN ĐÀNG TREO
Tập truyện XHCN của XUÂN VŨ
Sách dày 286 trang, giá 14.00 MK

- TỪ MỘT GIẤC MƠ
NHIỀU TÁC GIẢ
Sách dày 259 trang, giá 12.00 MK

NHỮNG CUỐN SÁCH KHÔNG THỂ THIẾU TRONG TỦ SÁCH CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HẢI NGOẠI

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Chủ biên văn học:
Nguyễn Xuân Hoàng
Chủ biên biên khảo:
Lê Đình Điểu
Giám đốc mỹ thuật:
Nguyễn Đồng
Giám đốc trị sự:
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhãn danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

THƯ TÒA SOẠN

Bạn đọc thân mến,

Một trong những vấn đề lớn đối với người Việt Nam chúng ta hôm nay đó là vấn đề phải tranh đấu thế nào để đặt những viên đá đầu tiên cho nền dân chủ một khi nước Việt Nam bắt đầu có tự do.

Cứ giả sử như ngày hôm nay chúng ta bắt đầu có một nước Việt Nam dân chủ thì trong bao lâu nữa chúng ta mới có một nước Việt Nam "ổn định" về kinh tế và xã hội?

Đó là một câu hỏi gọn gàng nhưng là một câu hỏi khó. Sẽ có người lạc quan nói đến một nước Việt Nam giàu mạnh có thể sánh vai ngay với năm con rồng Đông Á. Cũng sẽ có người bi quan thấy rằng thời gian để "ổn định" một nước Việt Nam sau khi thiết lập được chế độ dân chủ ở Việt Nam sẽ dài cả một "thế hệ" đấu tranh không ngừng.

Dù sao trước khi trả lời câu hỏi trên chúng ta cần trả lời câu hỏi có thể nào có tự do kinh tế mà không có tự do chính trị được không? Cái mà Trung Hoa Cộng Sản đang thực thi, và cũng là cái mà Việt Nam Cộng Sản đang "chép lại" một cách máy móc.

Trong một số báo trước, Vương Hữu Bột đã hỏi: "Đi một chân được không?"

Trong số này, Thế Kỷ 21 *dứt khoát khẳng định rằng tự do chính trị và tự do kinh tế không thể tách rời được.*

Làm lẫn của Cộng Sản Việt Nam là để mở cánh cửa kinh tế (thực ra cũng chỉ là mới hé hé thôi), trong khi vẫn đóng chặt cánh cửa chánh trị. Đó là lý do khiến xã hội Việt Nam hiện nay diễn ra vô số cảnh tượng dở khóc dở cười. Từ vụ nước hoa Thanh Hương lường gạt cả trăm ngàn người, đến các vụ buôn lậu qui mô với cảnh hàng 400, 500 con buôn chạy xe gắn máy tấn công vào các cơ sở nhà nước. Nhật báo Người Việt *phát hành ở* Quận Cam *trong một số mới đây cho biết có đến 80 phần trăm "cán bộ nhà nước" dính líu đến buôn lậu. Tại sao một nền kinh tế tự do mà "nhà nhà buôn lậu, người người buôn lậu?"*

Thế Kỷ 21 *số này muốn đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi đó.*

Mong bạn đọc và góp ý. Chúng tôi trân trọng mọi ý kiến đến từ phía bạn đọc.

TK21

Bìa: tác phẩm nhiếp ảnh
"Chiếc lá cuối cùng"
của **C.T. Nguyễn**

Trình bày:
Nguyễn Thị Hợp

TRONG SỐ NÀY

CHÍNH TRỊ/BÌNH LUẬN

VƯƠNG HỮU BỘT
Dân Chủ đa nguyên và phúc lợi kinh tế / 8
NGUYỄN HỮU CHUNG
Thử tìm một phương cách
để thiết lập dân chủ ở Việt Nam / 16
LƯU VĂN VỊNH
Những chặng đường tiến tới dân chủ đa nguyên
và tiến về truyền thống kinh tế chế sản
nhân bản liên quốc của dân tộc / 24
PHƯƠNG LỆ CHI / ĐẶNG HOÀNG dịch
Bệnh mất trí nhớ Trung Hoa / 24

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

TÚY HỒNG
Xuân xưa thiếu vàng / 28
HÀN SONG TƯỜNG
Phía bên kia mặt trời / 36
LÊ PHỤC SINH
Trường hợp Huỳnh Văn Nương / 40.
BÙI BẢO TRÚC
Octavio Paz,
Nobel Văn Chương 1990 / 42
ELGY GILLESPIE / NGUYỄN Đ. THƯỜNG dịch
San Francisco, Thánh địa
của nhà thơ đang đi tìm công chúng / 46
JORGE LUIS BORGES
Borges và chính tôi / 48
LÊ KIM ĐÍNH
Phạm Duy, Buổi chiều
và những dự phóng tiếp nối / 48
ĐÀO TRUNG ĐẠO
Những đóng góp của văn học nữ quyền
vào phê bình văn học mới / 54
NGUYỄN HƯNG QUỐC
Nhìn lại phong trào Nhân Văn Giai Phẩm / 64
NGUYỄN NAM ANH
Trở về từ Việt Nam, nhà văn Nhật Tiến nhận định
"Buồn bã. Đất nước như một nồi cám heo" / 70

THƠ

TRẦN DẠ TỪ * NGUYỄN BÁ TRẠC *
TRẦN TUẤN

Minh Họa: Phạm Tiến
Hí Họa: Vẹt, Gúc, Kúm

Các Mục Thường Xuyên:

Thời sự tháng qua, Lê Thụy / 71 * Chữ và Nghĩa, Đỗ Tỉnh / 74 * Trong Cõi Người Ta, Vương Công Tử / 76 * Đấu Cờ Tướng, Đỗ Quán Anh / 79 * Sách báo trong tháng, Nguyễn Nam Anh / 83 * **Mục lục chỉ dẫn Thế Kỷ 21 Từ số 16 đến số 18.**

DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN VÀ PHÚC LỢI KINH TẾ
Vương Hữu Bột / 9

Xác nhận một nền *dân chủ đích thực* trước hết phải công nhận một xã hội *đa nguyên* về tư tưởng, *đa dạng* trong đời sống văn hóa, *đa dảng* trong đời sống kinh tế thì một nền kinh tế *đa thành phần*. Vương Hữu Bột muốn trình bày với chúng ta về sự liên hệ hữu cơ giữa các quyền tự do chính trị và các quyền tự do kinh tế.

THỬ TÌM MỘT PHƯƠNG CÁCH ĐỂ THIẾT LẬP DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM. Nguyễn Hữu Chung / 16

Bài tham luận của Nguyễn Hữu Chung đọc trong cuộc Hội Luận về Dân Chủ Đa Nguyên tổ chức tại Paris, Pháp vào ngày 27 tháng Mười 1990. Những đề nghị đại cương về tổng tuyển cử, quốc hội lâm thời, chính phủ lâm thời, hiến pháp, tư pháp. Trước 1975 tại VN tác giả từng hoạt động chính trị và sinh hoạt báo chí trong 10 năm trời. Bình bút của Thế Kỷ 21.

BỆNH MẤT TRÍ NHỚ TRUNG HOA
Phương Lệ Chi - Đặng Hoàng dịch / 24

Giáo sư Phương Lệ Chi là người bị đảng Cộng Sản Trung Hoa khai trừ vì cuộc biểu tình của sinh viên tại Quảng trường Thiên An Môn mùa Xuân năm ngoái. Bài *Bệnh Mất Trí Nhớ Trung Hoa* được viết trong thời gian tạm trú tại tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Bắc Kinh.

Bài viết cho thấy Trung Hoa Cộng Sản (và cả thế giới cộng sản) cứ mỗi thập niên lại xóa nhoà khỏi ký ức xã hội bộ mặt đích thực của lịch sử. Chính sách "quên lịch sử" của những người cộng sản Trung Hoa nhằm ép buộc toàn thể xã hội rơi vào một tình trạng quên lãng liên tục những chi tiết nào xét ra không có lợi cho họ. Đó là bệnh mất trí nhớ Trung Hoa Cộng Sản.

XUÂN XƯA HUẾ VÀNG. Tuý Hồng / 28

Truyện của Túy Hồng "rất Túy Hồng" khó ai mà bắt chước được. Người ta chạy đuổi theo chữ nghĩa của bà hơn là câu chuyện bà kể. Cái làm thành một tác giả do nhiều yếu tố, nhưng "chữ nghĩa của riêng mình" bút pháp của một nhà văn có thể là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Túy Hồng có yếu tố đó.

Bạn Đọc Viết

Rất thích Lê Thị Huệ, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Diệu Hằng . . .

Hoan nghênh *Thế Kỷ 21* đã giới thiệu một loạt sáng tác của các nhà văn nữ Việt Nam hải ngoại. Tôi rất thích truyện của Trần Diệu Hằng, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Huệ . . . *Nhân vật X.* hay và tân kỳ. *Phố Mùa* cương ngạnh và bướng bỉnh. *Thứ Bảy, Xóm Tàu Xóm Việt* phải được xếp ngang hàng với những tác phẩm của Nguyễn Thị Thụy Vũ ở quê nhà. Xin tòa soạn chuyển giúp lời cám ơn đến các tác giả nói trên.

TRẦN VĂN KHANH
Texas

Thiếu, không công bằng

Tôi nghĩ *Thế Kỷ 21* hoặc là sơ ý, hoặc là không công bình khi giới thiệu các nhà văn nữ hải ngoại mà lại thiên lệch thiếu rất nhiều người như Vũ Quỳnh Hương, Cao Bình Minh . . . Dù sao cũng xin khen một phát: Các vị tìm được các cây bút nữ viết biên khảo như Nguyễn Thị Chân Quỳnh, viết đọc sách như Quỳnh Giao, viết tiểu luận như Thụy Khuê . . . Tuyệt vời. Không thua bất cứ nhà văn nữ nào trong nước. Về mặt văn chương, nếu trong nước có các cây bút như Dương Thu Hương và Phạm Thị Hoài, bất quá cũng chỉ là những người viết truyện thôi, đằng này các cây bút nữ hải ngoại chiếm nhiều lĩnh vực và lãnh vực nào cũng ngon lành cả.

Chào thua!

LƯƠNG THIẾT TÂM
Stockton

Tôi cảm thấy bị châm chọc

Tôi đã đọc truyện *Dưới Ánh Mặt Trời* của Vi Khuê. Truyện hay lắm, nhưng tôi có cảm tưởng bà nhà văn này châm chọc tôi. Bởi vì nhân vật người đàn bà trong truyện ấy giống tôi như hệt. Khác chăng là tôi thì đau khổ còn bà ta thì dửng dưng thu nhận trong một niềm hạnh phúc của một người chồng khó hiểu. Tôi yêu cầu vị phụ trách bài vở không giờ chọn đăng những truyện có loại châm chọc, móc đời tư người ta như vậy.

BÀ X. Ở POMONA

Chỉ thích Hoàng Bắc thôi

Tôi là người quê ở Nha Trang. Tôi nghe nói chị Hoàng Bắc cũng người Nha Trang nên tôi đọc kỹ truyện của chị lắm. Tôi rất thích chị Hoàng Bắc. Tòa báo có cho tôi xin địa chỉ để biên thư cho chị Hoàng Bắc được không?

NGUYỄN THỊ THÙY MỊ
Huntington Beach, Cali

Hạng hay thành phần?

Tôi xin được tự giới thiệu: Nguyễn Ngọc Từ hiện sống ở Montreal, Canada. Tôi biết ông Chung ở đây, nhưng chưa gặp mặt và chưa quen. Tôi đọc *Thế Kỷ 21* đều đặn. Ông Chung viết rất hay. Tôi hoàn toàn đồng ý những điều ông Chung viết trên *Thế Kỷ 21* số 18 tháng Mười 1990. Nhưng tôi không thích cái tựa đề. Thứ nữa tôi không ưa chữ *hạng* mà ông Chung dùng trong đoạn . . . *Do đó, chúng ta có thể xếp những người Việt Nam thành hai "hạng". Hạng thứ nhất, những người chủ trương phải có đổi mới chánh trị, xây dựng dân chủ, là những người yêu nước mà chúng ta có thể hợp tác và cần hợp tác. Hạng thứ hai, những người nói quanh nói quẩn, đòi đổi mới đủ thứ nhưng không muốn đổi mới chánh trị, không muốn thiết lập dân chủ, là những người vì quyền lợi cá nhân bè đảng"* . . .

Tôi đồng ý dùng chữ *hạng* cho hạng thứ hai. Còn những người ở *hạng thứ nhất* xin gọi là *thành phần*. Chữ *hạng* trong *tiếng* Việt có nghĩa biếm nhẽ.

Trân trọng.

NGUYỄN NGỌC TỪ
Montreal, Canada

DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN VÀ PHÚC LỢI KINH TẾ

VƯƠNG HỮU BỘT

Trong bài này chúng tôi sẽ bàn về sự liên hệ hữu cơ giữa các quyền tự do chánh trị và các quyền tự do kinh tế. Quyền tự do kinh tế trong một nền kinh tế thị trường, với các căn bản là quyền tư hữu và tự do kết ước, là điều kiện cần thiết cho chế độ dân chủ. Ngược lại, các quyền tự do chánh trị trong một chế độ dân chủ đa nguyên, cũng đảm bảo và là động cơ thúc đẩy cho các quyền tự do kinh tế, và sự phát triển của kinh tế thị trường. Trong phần đầu chúng tôi sẽ nêu lên các chứng cớ thực tế. Trong phần sau sẽ là các lý luận chứng minh sự liên kết giữa tự do chánh trị và tự do kinh tế. Phần kết luận sẽ bàn về thực trạng Việt Nam.

Nhưng trước khi vào câu chuyện chính, cũng nên xác nhận rằng một nền *dân chủ đích thực*, theo nghĩa *của dân, do dân,* và *vì dân*, nhất thiết phải công nhận một xã hội *đa nguyên về tư tưởng, đa dạng trong đời sống văn hóa, đa đảng trong đời sống chánh trị* và *một nền kinh tế đa thành phần*. Sở dĩ chúng ta phải nêu thuộc từ đa nguyên sau danh từ dân chủ, chỉ vì các chiêu bài "dân chủ tập trung", "dân chủ chuyên chính nhân dân", v.v., đã làm hai tiếng "dân chủ" mất hết ý nghĩa. Trong các xã hội đã quen sống dân chủ thì ai cũng biết "đa nguyên" là một đặc tính thiết yếu của thể chế dân chủ, không có tánh đa nguyên thì không có dân chủ.

Mọi người sẽ cảm nhận được đặc tính đa nguyên là thiết yếu khi nào họ thấy rõ thể chế tự do dân chủ mang lại nhiều phúc lợi cho nhiều người nhất. Phúc lợi cụ thể, thiết thực, đo lường được, là mức sống vật chất và trình độ phát triển kinh tế. Nền kinh tế thị trường mang lại mức sống cao hơn hẳn các chế độ kinh tế chỉ huy, tập trung hoạch định; mà nền kinh tế thị trường luôn luôn đi song hành với chế độ dân chủ đa nguyên. Nền kinh tế thị trường tự do và năng động đòi hỏi những quyết định chung của cả quốc gia phải phù hợp với nhu cầu sống, nhu cầu làm việc và tạo ra của cải của mọi người dân. Muốn cho các quyết định phù hợp ý kiến của dân, một chính quyền độc tài có thể thăm dò nhưng sự tham khảo ý kiến đó hoàn toàn là do ân huệ mà chính quyền ban cho dân, do đó nhà độc tài có thể rút lại ân huệ đó bất cứ lúc nào. Trong chế độ độc tài không có cách nào kiểm soát được việc tham khảo đó là thành tâm, kết quả công bố là đích thực, hay tất cả diễn trình tham khảo chỉ là tuyên truyền, bịp bợm.

Ngược lại, trong một thể chế dân chủ, các quyền tự do tư tưởng và ngôn luận (đa nguyên), tự do lập hội, lập đảng, bầu cử và ứng cử (đa đảng) là các bảo đảm cho sự trình bày, thảo luận, và lựa chọn các giải pháp kinh tế nâng cao phúc lợi chung, một cách tự do, định kỳ, có người dân tham dự. Mặt khác, các quyền tự do về kinh tế cũng là những điều kiện cần thiết của nền chánh trị dân chủ, tự do. Chúng ta có thể nói một cách giản dị như thế này: không có quyền tự do làm ăn, không có tự do làm chủ của cải do mình tạo ra (kể cả các phương tiện sản xuất) thì không ai muốn hết sức làm ăn để cho nền kinh tế quốc dân cùng phát triển. Nhưng nếu không có quyền tự do chánh trị, quyền phát biểu, quyền lập đảng, quyền cử đại diện, thì không ai thấy có gì bảo đảm rằng quyền tự do làm ăn, tự do làm chủ của cải của mình sẽ được tôn trọng lâu dài. Điều đó đúng trong trường hợp bình thường. Điều đó lại càng đúng trong hoàn cảnh một nước mà người dân hết tin tưởng vào chính quyền, với kinh nghiệm bao lần dối trá, lọc lừa của chính quyền, như ở việt Nam hiện nay.

Hai thứ quyền, tự do chánh trị và tự do kinh tế không thể tách rời được. Các chứng cớ thực tế cho thấy điều đó, và sự suy nghĩ hợp lý cũng chứng tỏ điều đó.

Kinh nghiệm trên thế giới gần đây

Hãy thử nêu lên một số chứng cớ thực tế. Chúng ta đã chứng kiến trước mắt các nước cộng sản, với chế độ một đảng chuyên chính, đã khiến cho nền kinh tế của họ không thể phát triển đúng mức độ mà khả năng, tài vật của quốc dân đáng lẽ phải tạo nên. Các nước cộng sản Đông Âu và Liên Xô đã thay đổi, và sự thay đổi của họ đang bắt đầu thực hiện trên cả hai lãnh vực: mở rộng tự do về kinh tế và thiết lập các định chế cho nền dân chủ về chánh trị. Hungary và Ba Lan đã thí nghiệm việc cởi trói kinh tế, lần lượt, từ cuối thập niên 1960 và cuối thập niên 1970, nhưng vì các nước này còn giữ chế độ độc đảng chuyên chính nên các cuộc thí nghiệm trên đã thất bại. Kết quả

là từ năm 1989, cả hai nước trên đã gấp rút thay đổi thể chế chánh trị để thúc đẩy việc cải tổ kinh tế. Ở Liên Xô sau năm năm dò dẫm Tổng thống Gorbachev đã ngả theo chủ trương cải tổ kinh tế và thiết lập chế độ đa đảng, mở cửa cho xã hội đa nguyên.

Ở các nước thứ ba chúng ta cũng thấy các chứng cớ hiển nhiên. Một số nước, như Ấn Độ, có thể chế chánh trị dân chủ nhưng, một thời gian trong thập niên 1970, đã tính áp dụng một phần nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Kết quả là kinh tế Ấn Độ suy kém, cho nên nước Ấn Độ đã phải cải tổ để cho kinh tế tự do hơn. Ngược lại,ở một số nước Châu Mỹ La Tinh, nền kinh tế được tự do đối với các nhà tư bản, nhưng chính quyền lại nằm trong tay các nhóm quân phiệt, độc tài. Kết quả là nền kinh tế tư bản quả đầu (oligarchy) không thể phát triển mà xáo trộn xã hội lại gia tăng. Hiện nay ở vùng đó phong trào đòi hỏi dân chủ, tự do đã thắng thế, mà mục đích cũng là để giải tỏa đời sống kinh tế cũng như xã hội.

Các chứng cớ trên đây đã cho thấy rõ ràng là hai loại quyền tự do, tự do chính trị và tự do kinh tế liên kết với nhau không thể tách rời. Nền kinh tế thị trường mang lại phúc lợi chung cho nhiều người vì mọi người cùng gắng sức làm ăn tạo ra của cải. Họ chỉ gắng sức tạo ra của cải nếu họ không lo sợ bị nhà nước lừa dối, cướp đoạt. Họ chỉ yên tâm không lo sợ nếu họ được bảo đảm bằng các quyền tự do về chánh trị, trong một chế độ dân chủ đích thực.

Đến đây đáng lẽ chúng ta có thể đi sang phạm vi lý luận, tuy nhiên cũng nên mở một dấu ngoặc để thảo luận về trường hợp các nước Đại Hàn và Đài Loan. Lý do là vì có người ở Việt Nam chủ trương rằng đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục nắm quyền độc tài chuyên chính, mà vẫn có thể cởi trói kinh tế. Họ có thể viện dẫn sự phát triển của Đại Hàn, Đài Loan dưới các chế độ có tiếng là độc tài.

Ý định mang Việt Nam làm thí nghiệm để mô phỏng Nam Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba là một sự sai lầm. Vì tình trạng nội bộ và hoàn cảnh quốc tế ở các nước đó thời trước đây 20 năm khác hẳn tình cảnh Việt Nam bây giờ.

Ở các nước Nam Hàn, Đài Loan, Tân Gia Ba kinh tế phát triển nhờ vào mối đồng tâm lớn và đạo chuyên cần (work ethic) của đại đa số dân chúng, chứ không phải nhờ chế độ độc tài. Nếu các chế độ độc tài không có mặt, hay mức độ độc tài bớt đi, thì chắc kinh tế còn phát triển nhanh và đồng đều hơn, vì mối đồng tâm của toàn dân còn cao hơn. Nhờ đâu mà dân các nước trên đạt được mối đồng tâm lớn đó? Chúng ta có thể thấy hai yếu tố chính. Yếu tố thứ nhất là sự tồn vong của các quốc gia trên lúc đó đều bị đe dọa. Hai mươi năm trước đây chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới, nhất là ở Á Đông. Đài Loan nằm dưới họng súng của Trung Cộng. Nam Hàn có thể bị Bắc Hàn xâm lăng, phải kéo dài tình trạng thiết quân luật suốt mấy chục năm. Và Tân Gia Ba vừa lập quốc, với dân số nhỏ bé và tài nguyên trống rỗng. Trong khi đó sự lan tràn của cộng sản đang đe dọa cả vùng Đông Nam Á. Mối đồng tâm, nhất trí trên lại được củng cố nhờ yếu tố thứ hai là một truyền thống văn hóa thuần nhất, mà căn bản là văn hóa Khổng Mạnh. Đạo lý Khổng Mạnh thấm nhuần dân tộc Đài Loan không đứt đoạn. Nam Hàn đã từng bị Nhật cai trị, nhưng căn bản văn hóa Nhật và Đại Hàn không khác nhau. Tân Gia Ba cũng được lập nên trên nền tảng văn hóa Trung Hoa. *Yếu tố văn hóa thuần nhất và liên tục, cộng với mối đe dọa về an ninh và sự sống còn chung, đã tạo ra mối đồng tâm, nhất trí, nỗ lực làm việc, tinh thần kỷ luật.* Chính các điều kiện đó tạo ra sự phát triển kinh tế lớn lao ở các xứ "Tư bản Khổng giáo" này. Sự ổn định ở các nước trên là do mối đồng tâm nhất trí của dân chúng, chứ không phải là do chế độ độc tài, cảnh sát trị. Bằng cớ là sinh viên, công nhân, và trí thức ở các nước trên luôn luôn có các hành động chống độc tài, xáo trộn chánh trị luôn luôn xảy ra. Nhưng khi đụng vô lãnh vực an ninh kinh tế, tinh thần dân tộc, thì lúc nào dân Đài Loan, Đại Hàn, Tân Gia Ba cũng có sự đoàn kết, nhất tâm.

Các điều kiện trên ở Việt Nam hiện nay không có, mà ở miền Nam Việt Nam trước 1975 cũng không có. *Một chế độ độc tài ở Việt Nam bây giờ sẽ gây tình trạng bất ổn thường xuyên, nhân tâm ly tán, và không ai muốn làm ăn, đầu tư lâu dài.* Lý do thứ nhất là dân chúng không ai tin vào đảng cộng sản; kể cả các đảng viên cũng hết tin. Họ *không tin vào khả năng quản lý của đảng cộng sản* vì suốt mấy thế hệ lãnh tụ đảng cộng sản hoàn toàn bất lực. *Không tin cả vào sự thành thật của đảng cộng sản* vì hơn nửa thế kỷ đảng đó chỉ dùng thủ đoạn man trá, lừa gạt, từ chuyện lớn đến chuyện nhỏ, từ cấp xã lên cấp trung ương. Đó là về chánh trị. Còn về văn hóa thì đảng cộng sản đã phá vỡ tất cả nền tảng đạo lý cổ truyền, thay thế bằng lý thuyết Mác-xít mà chính lý thuyết này cũng đang phá sản khắp thế giới. Trên nước Việt Nam ngày nay có nhiều luồng tư tưởng xung đột. Ngoài tư tưởng Mác-xít ra, còn cả ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ thuần lý kiểu Pháp, tư tưởng thực dụng kiểu Mỹ, và truyền thống đạo lý dân tộc ở những vùng nông thôn nơi văn hóa, đạo lý truyền thống còn tồn tại. Khác với Đài Loan và Đại Hàn, Việt Nam đã bị nhiều nền văn hóa Âu Mỹ xâm nhập, sự thuần nhất về văn hóa không còn nguyên vẹn. Muốn tạo được mối đồng tâm, nhất trí của dân tộc thì phải xây dựng mối đồng tâm trên thể thức sinh hoạt dân chủ, lấy dân tộc làm căn bản, còn các chủ nghĩa, các mô hình văn hóa được phép tự do tranh đua. Mối đồng tâm không phải là ở chỗ mọi người suy nghĩ

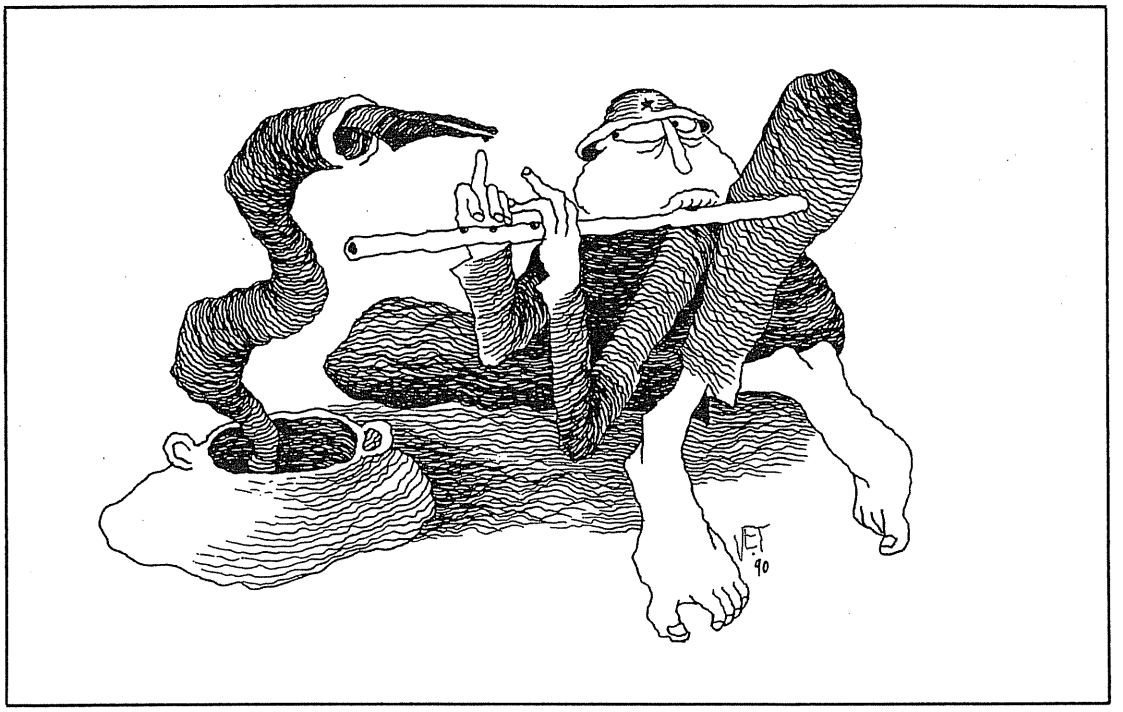

giống nhau, nhưng là do ai cũng đồng ý phải tôn trọng luật lệ, với tinh thần tương dung cho các tư tưởng được trình bày bình đẳng và bất bạo động. Ngược lại, một chế độ độc tài với một chủ nghĩa độc tài lạc hậu, lỗi thời sẽ chỉ làm nhân tâm tán loạn, xã hội tan rã. Năm 1975 các giám đốc xí nghiệp ở miền Bắc vào Nam làm việc đều khen công nhân, kỹ sư miền Nam dễ điều khiển hơn miền Bắc vì họ có kỷ luật, không ăn cắp của công, và làm việc hết sức. Sau 15 năm giờ đây miền Nam đã theo kịp miền Bắc! Nạn tham nhũng, lạm quyền, chính sách kinh tế "sớm đầu tối đánh" đã phá hủy hết các cơ cấu tinh thần và mối đồng tâm của dân tộc. Không có cách nào mang đất nước Việt Nam ra làm thí nghiệm bắt chước Đại Hàn được nữa! Chỉ còn một đường là chấm dứt chế độ độc tài của đảng cộng sản Việt Nam.

Trước khi đóng lại dấu ngoặc về trường hợp Đài Loan, Nam Hàn, chắc cũng nên nhắc lại thêm rằng các nước trên phát triển trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Họ ở cùng phía với các nước Âu, Mỹ và Nhật, do đó họ được hưởng sự giao lưu kinh tế dễ dàng, học hỏi kỹ thuật của các nước tiên tiến (Việt Nam ngày nay không có hoàn cảnh như vậy).

Tóm lại, về mặt chứng cớ thực tế, chúng ta phải chú ý tới trường hợp chung ở các nước Đông Âu, Liên Xô, châu Mỹ La tinh. Hễ ở đâu có chế độ độc tài, thì dù kinh tế xã hội chủ nghĩa hay kinh tế tư bản quả đầu (oligarchy), nền kinh tế không thể phát triển hết tiềm năng. Bây giờ chúng ta có thể bàn tới sự liên kết mật thiết giữa tự do kinh tế với tự do chánh trị trên bình diện lý luận.

Tự do kinh tế cần thiết cho tự do chánh trị

Thể chế chánh trị và cơ cấu kinh tế nào cũng là để mưu cầu hạnh phúc cho con người, cụ thể là mang lại phúc lợi cao cho nhiều người nhất. Nền kinh tế thị trường, với các căn bản là quyền tư hữu các phương tiện sản xuất và tự do trao đổi, kết ước, đã mang lại nhiều của cải cho nhiều người nhất. Nền chánh trị dân chủ cũng giúp bảo đảm không ai phải sống dưới một mức tối thiểu, vì các tư tưởng nhân đạo sẽ thắng các chủ trương phi nhân. Kinh tế thị trường và nền dân chủ xã hội là sản phẩm của sự tiến hóa của nhân loại trong một thế kỷ vừa qua, chứ không phải là do một chủ nghĩa hay một đảng nào tạo ra.

Trong phần thứ nhì này chúng tôi sẽ biện luận về mối liên hệ hai chiều. Thứ nhất, quyền tự do kinh tế là điều kiện thiết yếu cho tự do chánh trị. Thứ hai, quyền tự do chánh trị, thể hiện trong một chế độ dân chủ đa nguyên, cũng là điều kiện thiết yếu cho sự thể hiện tự do kinh tế.

Tại sao tự do kinh tế lại cần thiết cho tự do chánh trị. Trong chế độ dân chủ người dân có quyền quyết định vận mạng mình. Nhưng nếu trong đó không có quyền bảo vệ công việc làm, bảo vệ của cải mình tạo ra thì chỉ còn là thứ quyền trống rỗng.

Lý do thứ hai là người muốn bảo vệ các quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, lập hội, lập đảng, ứng cử, bầu cử thì phải có phương tiện thực hiện các quyền đó. Người ta chỉ có phương tiện được tự do làm ăn, tạo ra của cải, và các người chung một ý kiến có thể đóng góp của cải với nhau, bình vực lập trường chung.

Lý do thứ ba là quyền tự do kinh tế cho phép người dân tự quyết định lấy nhiều phần đời sống của mình, không lệ thuộc vào chính phủ. Đó là một cách hạn chế, giữ cân bằng và kiểm soát quyền của chính phủ. Người ta tự quyết định ăn ở cửa hàng nào, mặc áo màu gì, ở đâu, làm việc với ai v.v. số lượng quyết định riêng nhiều lên thì số quyết định chung do chính phủ đảm nhận sẽ bớt đi.

Điểm thứ ba này cần khai triển rõ hơn. Trong đời sống, chúng ta có nhiều quyết định cá nhân, và cũng có những quyết định chung của cả xã hội, trao cho, thí dụ nhà nước đảm trách. Quyết định cá nhân làm nổi bật tính chất đa dạng, dị biệt giữa mọi người, mỗi người tìm cách gia tăng phúc lợi theo ý của mình. Còn quyết định của nhà nước, ngược lại, áp dụng cho tất cả mọi người, làm giảm tính đa dạng và dị biệt, làm tăng tính đồng nhất. Thí dụ mỗi người được chọn nơi mình cư ngụ, không cần xin phép phường khóm, đó là quyền sống đa dạng, dị biệt. Nhưng khi làm nhà thì phải theo quy định của thị, xã để bảo vệ an ninh, vệ sinh và mỹ thuật, đó là ràng buộc xã hội làm mọi người giống nhau.

Thể chế dân chủ dựa trên giả thiết rằng mọi người trong xã hội khác nhau và không ai hoàn toàn thánh thiện, không ai biết hết, hiểu hết mọi chuyện. Chế độ dân chủ bao dung tính chất bất toàn và bảo đảm tính chất đa dạng, dị biệt. Sống dân chủ là "hòa nhi bất đồng", xã hội điều hợp nhờ đức tương dung. Ngược lại, một chế độ độc tài không có sự tương dung, nhất là chế độ thần quyền kiểu Khomeini hay ý thức hệ độc tôn kiểu Mao Trạch Đông.

Tự do kinh tế là một sự cân bằng giữa quyền quyết định, lựa chọn cá nhân với quyền quyết định tập thể mà nhà nước đảm trách. Khi cá nhân được quyền quyết định cho mình càng nhiều thì số quyết định của nhà nước càng giảm bớt. Nhà nước có quyền vận dụng tài nguyên chung (thuế khóa, sưu dịch) thực hiện chính sách của họ, nhưng nếu cá nhân có của cải riêng, tài nguyên riêng thì cá nhân có khả năng hạn chế, kiểm soát phạm vi ảnh hưởng của nhà nước. Xã hội công dân, với các hội đoàn, đảng phái, công đoàn, hội thiện nguyện, vận dụng tài nguyên tư, là quả cân đối trọng với nhà nước. Chính nhờ tính "hòa nhi bất đồng" mà xã hội dân chủ có ổn định về tâm lý, được bảo vệ bằng sự an toàn pháp lý. Còn chế độ độc tài giảm tính đa dạng, dị biệt, ngược lại, chỉ tạo tình trạng căng thẳng, bất an về tâm lý cũng như luật pháp, đó chính là đầu mối của xã hội bất ổn sâu xa và lâu dài. Nhà nước càng can thiệp vào đời sống cá nhân thì tâm lý bất an, nạn tham nhũng, cửa quyền càng gia tăng.

Trên đây là những lý lẽ cho thấy tự do kinh tế là điều kiện thiết yếu cho tự do chánh trị. Bây giờ chúng ta sẽ bàn tới vế thứ hai, là quyền tự do chánh trị trong chế độ dân chủ đa nguyên cũng là điều kiện cần thiết cho tự do kinh tế, và do đó, cho sự phát triển kinh tế.

Tự Do Chánh Trị
Bảo Đảm Tự Do Kinh Tế Và
Thúc Đẩy Sự Phát Triển Kinh Tế

Điều đầu tiên chắc ai cũng đồng ý, là một chế độ tự do sẽ thúc đẩy, nuôi dưỡng sự phát triển, không phải riêng về kinh tế, mà cả về văn hóa, tư tưởng, khoa học, nghệ thuật. Một chế độ độc tài, ngược lại, tạo nên khuynh hướng cứng đọng của toàn xã hội, mọi ngành sinh hoạt sẽ trì trệ. Chế độ độc tài chỉ có một cách thúc đẩy sự phát triển là biến toàn dân thành một đạo quân, cả nước thành một trại lính. Nhưng sự phát triển, trong trường hợp đó, cũng có giới hạn, mức giới hạn của trình độ kỹ thuật. Khi nào sự phát triển đòi hỏi phải thay đổi kỹ thuật, đòi hỏi sáng kiến, đầu tư vào tương lai, có rủi ro, bất trắc, thì mô hình trại lính sẽ bất lực. Chúng ta có thể so sánh Tây Đức và Đông Đức, hai nước cùng văn hóa, cùng chủng tộc, mà chế độ chánh trị khác nhau. Đông Đức thua kém Tây Đức xa. Chúng ta có thể so sánh Tây Ban Nha trước và sau Franco. Thời Franco độc tài nước đó lạc hậu, chậm tiến, dù chính trị ổn định; đến thời sau Franco, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế phát triển nhờ chế độ tự do. Chế độ độc tài tạo một tình trạng ổn định giả tạo, dựa trên sợ hãi, làm con người trở nên đạo đức giả, mất nhân cách. Người ta chỉ có thể phát triển trí óc và sự sáng tạo trong tự do. Sự ổn định trong chế độ tự do đạt được nhờ mọi người tin tưởng vào luật pháp, mọi người chia sẻ một nền đạo lý chung, một hệ thống giá trị chung. Chính đời sống văn hóa tự do tác động mọi người làm việc, gây ra kinh tế phát triển.

Một xã hội tự do, cởi mở, sinh động tạo môi trường cho phát triển, trong khi một xã hội độc tài, cứng đọng, khép kín sẽ kìm hãm phát triển. Đó là mối liên hệ mật thiết văn hóa - chánh trị - kinh tế. Riêng trên bình diện kinh tế thuần lý, còn có nhiều lý lẽ để thấy tự do chánh trị là điều kiện thiết yếu của kinh tế thị trường.

Hãy trở lại với mệnh đề đầu tiên: thể chế chánh trị và tổ chức kinh tế có mục đích là tạo phúc lợi chung. Nhà nước, cũng như các cơ cấu xã hội khác, có mặt là để điều hợp các hoạt động của mọi thành viên trong cộng đồng quốc dân. Vì con người đa dạng và bất toàn cho nên mới cần đến nhà nước để ngăn cản những hành động có hại cho phúc lợi chung.

Khi nói điều hợp các hoạt động thì cách điều hợp đơn giản nhất là sự trao đổi, kết ước giữa hai cá nhân. Khi mỗi cá nhân có cái gì riêng để trao đổi với nhau, hiểu rõ ý muốn của mình và các hậu quả của sự trao đổi, thì sự trao đổi tự nguyện giữa hai người là cách điều hợp giản dị và hữu hiệu nhất. Vì thế, trong đời sống kinh tế tự do, quyền tư hữu và tự do kết ước thúc đẩy mọi người tạo ra của cải, và phúc lợi chung được tăng thêm.

Khi các quyết định ảnh hưởng đến sự điều hợp xã hội vượt lên trên con số hai người, mà bao trùm nhiều người, thì có nhiều quy ước chung cần được đặt ra. Thí dụ quy ước về quyền sở hữu. Khi nói đến quyền tư hữu các phương tiện sản xuất, chúng ta đụng tới một khái niệm khá trừu tượng và phức tạp. Người nông dân làm chủ ruộng đất là một quyền tư hữu dễ xác định. Nhưng quyền làm chủ các xí nghiệp với nhiều cổ phần, là một ý niệm phức tạp. Phải có quy ước ấn định quyền hạn và trách nhiệm của người chủ cổ phần, tức cổ đông. Các quyền lợi và trách nhiệm đó phải có giới hạn rõ ràng. Quyền sở hữu cho phép người chủ sử dụng tài sản của mình đến mức nào thì có thể vi phạm quyền lợi của người khác, hay có thể làm thiệt hại tài sản chung như làm ô nhiễm môi trường sống, vân vân. Những định nghĩa của các quyền tư hữu về bản quyền, bằng sáng chế, v.v. cũng là các quy ước ấn định chung cho cả xã hội. Còn rất nhiều quy ước khác trong đời sống kinh tế.

Ai đặt ra các quy ước trên và ai có bổn phận bảo đảm cho các quy ước được thi hành đứng đắn? Đó là vai trò lập pháp, hành pháp và tư pháp của nhà nước.

Bên cạnh quyền tư hữu, nền tảng thứ hai của chế độ kinh tế tự do là quyền tự do kết ước. Người ta có thể kết ước với nhau, giữa các đơn vị kinh tế tư nhân, hoặc người ta kết ước giữa tư nhân với xã hội, qua đại diện của xã hội là nhà nước. Luật lệ về sự kết ước phải bảo đảm tính chất tự do, tự nguyện; thí dụ bảo đảm rằng mỗi người có hiểu biết đầy đủ về hậu quả của mỗi sự kết ước, người yếu kém không bị lừa gạt. Sự kết ước giữa hai bên cũng không được vi phạm sự kết ước chung của cả tập thể. Do đó các luật lệ về kết ước, và bảo đảm sự thi hành đúng các khế ước, là do xã hội lo, mà đại diện xã hội là các cơ quan hành pháp, lập pháp, và tư pháp.

Vai trò của nhà nước rất quan trọng để bảo đảm các cơ bản của nền kinh tế thị trường. Nhà nước ấn định các luật chơi (lập pháp) và làm trọng tài cho cuộc chơi (hành pháp, tư pháp). Nếu các quyền đó lại nằm trong tay của một nhóm người thì không có gì bảo đảm rằng các luật chơi được đặt ra sẽ phản ảnh ý muốn chung của mọi người. Và cũng không có gì bảo đảm rằng việc thi hành luật chơi được công minh, lương thiện. Chỉ có một chế độ dân chủ mới bảo đảm được sự công bằng và tính cách chính thống của cơ quan đặt ra luật chơi và làm trọng tài. Người dân được quyền nói, được bàn luận về luật chơi. Người dân có quyền thay đổi nhà nước qua bầu cử, tức là kiểm soát được trọng tài. Hai chuyện đó chỉ xảy ra trong một thể chế dân chủ đa nguyên, đa đảng.

Bên cạnh vai trò đặt luật chơi và làm trọng tài, nhà nước còn đóng vai trò tích cực hơn qua các chính sách thuế khóa, ngân sách và chính sách tiền tệ. Các quyết định trên ảnh hưởng đến tất cả nền kinh tế, và phúc lợi chung của mọi người cũng như riêng của mỗi người. Môn kinh tế học không chính xác như môn vật lý học, cho nên mỗi chính sách thuế khóa, tiền tệ, trước khi áp dụng, không thể biết chắc (với xác suất 100%) sẽ gây ra các hậu quả nào, ảnh hưởng tốt hay xấu đến thành phần nào. Hơn nữa, biết rằng mỗi chính sách sẽ làm lợi cho người này và có thể làm thiệt cho người khác, thì ai là người nên lãnh trách nhiệm lựa chọn một chính sách? Chỉ có một chính quyền dân chủ, do dân cử, mới nên được trao cho trách nhiệm đó, là trách nhiệm lựa chọn với sự rủi ro. Thể chế dân chủ sẽ cho dân cơ hội thay thế chánh quyền đó khi họ sai lầm. Hoạt động kinh tế đòi hỏi phải quyết định với ít nhiều rủi ro, nhưng với sự tin tưởng rằng có thể sửa chữa các quyết định khi các tiên đoán của mình sai lầm hoặc thiếu sót. Khi một đảng, một nhóm người độc quyền việc quyết định thì không có gì bảo đảm họ thấy sự sai lầm gây tai hại cho đa số người dân. Vì người cầm quyền sẽ chỉ thấy quyền lợi của mình, của đảng mình trước; và vì họ không sợ bị thay thế cho nên khuynh hướng đó sẽ càng ngày càng tăng.

Hơn nữa, sự điều hợp nền kinh tế hiện đại đòi hỏi vai trò quan trọng của các nhà chuyên môn và kiến thức của họ. Các nhà chuyên môn phải suy nghĩ một cách độc lập, khách quan. Các đề nghị của họ phải dựa tối đa trên những phân tích bằng phương pháp khoa học. Muốn bảo đảm tính chất khách quan của các phân tích và đề nghị thì các chuyên gia phải độc lập đối với người và đảng cầm quyền. Trong chế độ dân chủ, người và đảng cầm quyền có thể bị thay thế, cho nên các chuyên gia biết rằng họ có thể giữ sự độc lập của họ. Ngược lại, trong chế độ chuyên chính, độc tài, các chuyên gia sẽ cảm thấy đời sống của họ tùy thuộc vào người cầm quyền. Những phân tích, nghiên cứu và đề nghị của họ sẽ mất tính khách quan, khoa học, do đó hiệu năng sẽ rất đáng nghi ngờ.

Cần phát triển toàn diện và đồng bộ

Những phân tích trên đây cho thấy thể chế dân chủ đa nguyên, đa đảng là điều kiện thiết yếu cho sự vận hành của một nền kinh tế tự do, mà lối làm kinh tế tự do đã chứng tỏ là đường lối mang lại phúc lợi cho nhiều người nhất. Trong

Chuyện các đảng viên cộng sản lại là những người chống chế độ cộng sản mạnh nhất không có chi lạ. Thứ nhất là bởi vì chỉ có bọn họ mới có một chút quyền ăn nói, đi đây đi đó, mà không sợ bị chụp mũ là "tàn dư của Mỹ, Ngụy". Thứ hai là các tổ chức và tập hợp khác, như các đảng phái, tôn giáo, đều bị kìm kẹp hết sức chặt chẽ. Chỉ có mấy nhóm thanh niên, mấy văn nghệ sĩ, rất bồng bột và điếc không sợ súng, là dám đứng lên chống đối mấy năm đầu sau 1975. Chỉ gần đây khi cộng sản thế giới rã ngũ thì các người hoạt động chánh trị, tôn giáo mới nhân đà xuất hiện. Tình trạng chỉ có các đảng viên cộng sản mới mạnh bạo lên tiếng chống chế độ cũng tương tự như tình trạng thời Pháp cai trị Nam Kỳ thuộc địa. Lúc đó chính những người Việt làng Tây (quốc tịch Pháp) khi được lòng yêu nước và ý thức dân chủ đánh thức lại là nhóm chống chế độ thuộc địa mạnh bạo nhất. Các đảng viên cộng sản trung cấp phản đối chế độ chính là các nhà ái quốc làng Tây Nam Kỳ của thời nay vì họ cũng có địa vị của dân làng Tây.

Diễn trình chống đối chế độ của các đảng viên cộng sản có thể chia làm ba bước.

Bước đầu là cộng sản nghèo chống cộng sản giàu. Đó là thời kỳ 1986-87 ở miền Bắc, khi các đảng viên bất mãn chống cường hào ác bá ở nông thôn cũng như đô thị.

Bước thứ hai là cộng sản dân chống cộng sản quan. Hiện tượng này xảy ra ở khắp các lãnh vực, từ 1987-88 đến ngày nay. Ở hội nhà văn, các nhà văn chống lại ban chấp hành. Ở trường đại học, các giáo sư đòi tự do thêm trong việc giảng dạy. Cựu kháng chiến về vườn họp nhau chống lại trung ương. Công việc cởi trói kinh tế làm gia tăng cường độ của vụ chống đối này vì nhiều đảng viên dân ở ngoài biên chế có kế sinh nhai không còn phải lệ thuộc vào thẻ mua gạo, thẻ mua đường . . . mà các quan trong đảng ban phát nữa.

Bước thứ ba, hiện đang diễn ra, từ 1989, là cộng sản có ý thức chống cộng sản lạc hậu, u mê. Được cao trào dân chủ ở Đông Âu và cuộc cải cách ở Liên Xô tạo thêm hứng khởi, các đảng viên có ý thức về thực trạng "vô đạo, vô pháp" của đất nước, ý thức được tính chất hão huyền, giả ngụy của thiên đường Mác-Lênin, chính họ là lớp người tiền phong trong cao trào chống chế độ hiện nay. Khi ngọn lửa ý thức đã bốc lên, không có gì dập tắt nổi. Chính vì nhìn thấy ngọn lửa ý thức đó bùng lên, nên các nhà trí thức ở ngoài đảng, như Chân Tín, Nguyễn Đan Quế . . . mới thấy cơ hội nói lên tiếng nói của ý thức dân tộc và dân chủ. Trước kia có nói cũng không có người dám nghe. Nhưng bây giờ chính các đảng viên cộng sản sẽ đòi nghe. Bây giờ cũng là lúc các phong trào dân tộc và dân chủ ở hải ngoại góp sức thổi ngọn lửa ý thức đó bùng thêm. Cho đến khi cả triệu đảng viên cộng sản đứng dậy từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin. Họ sẽ trở về cùng dân tộc để xây dựng dân chủ, và tất cả chúng ta sẽ đón tiếp họ, trong niềm tin yêu và tình đoàn kết dân tộc.

Toàn thể dân tộc đang khát khao một cuộc chuyển hóa toàn diện và đồng bộ để xây dựng no ấm, tự do và tiến bộ, dựa trên tình đoàn kết và tin yêu dân tộc.

hai phạm vi sinh hoạt của xã hội, chánh trị và kinh tế, quyền tự do, dân chủ ở một phạm vi này nhất thiết ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng của phạm vi kia, không thể tách rời được.

Cả hai thứ quyền tự do dân chủ, kinh tế và chính trị, rút cuộc cũng chỉ là phương tiện để chúng ta thực hiện các mục đích cao hơn, là hạnh phúc của mỗi cá nhân, và của cả dân tộc. Từ khi công nghiệp phát triển, trở nên quan trọng hơn nông nghiệp, thì gia đình không còn là đơn vị kinh tế cơ bản, cá nhân, và xí nghiệp tập hợp các cá nhân, đóng vai trò kinh tế cơ bản. Từ đó đã phát khởi ý thức về quyền của cá nhân, tự do cá nhân. Nhưng cũng từ đó các tập hợp rộng lớn đã ra đời đe dọa vai trò của cá nhân: quốc gia, giai cấp, đại công ty, đại nghiệp đoàn . . . thay thế cho vua chúa và giáo hội để hạn chế tự do, và nhiều khi tước đoạt tự do của cá nhân. Nhưng khác với thời quân chủ và phong kiến, cuộc cách mạng công nghiệp đã nảy sinh cùng với tư tưởng dân chủ pháp trị, lấy hiến pháp và luật lệ làm căn bản giao ước xã hội. Nhờ các quyền tự do hiến định, chế độ dân chủ bảo đảm sự phân tán quyền lực trong xã hội: có nhiều trung tâm quyền lực để cân bằng và kiểm soát lẫn nhau, thay vì tập trung vào một đầu não tất cả các thứ quyền lực. Quyền tự do về kinh tế giúp mọi người có phương tiện thể hiện các quyền tự do khác, nhất là quyền sống theo lối mình lựa chọn. Nhưng mỗi một phát minh về kỹ thuật, mỗi sự tiến bộ về kinh tế, đều tạo phương tiện cho kẻ mạnh có thể lấn át người yếu dễ dàng hơn. Từ mấy ngàn năm nay, loài người đã biết một dấu hiệu của văn minh là thiết lập các quy tắc sống chung để người yếu không bị kẻ mạnh lợi dụng, lấn áp. Các quyền tự do về chánh trị không những bảo đảm sự phát triển kinh tế, mà còn bảo đảm công bằng xã hội, một giá trị đạo lý của loài người văn minh. Văn hóa, chính trị và kinh tế là các mặt của đời sống một xã hội, không thể tách rời nhau được. Sự phát triển ở khu vực này nhất thiết sẽ ảnh hưởng và chịu ảnh hưởng của khu vực khác.

Cuộc chuyển hóa mang no ấm, tự do và tiến bộ cho toàn dân

Tình trạng nước Việt Nam hiện nay đúng là

tình trạng *"Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ"* (Mạnh Tử): Bên trên (văn hóa) thì không có một nền đạo lý để theo, bên dưới (chánh trị, kinh tế) thì không có luật pháp để giữ kỷ luật.

Tình trạng vô kỷ luật, không luật pháp, đã hiển nhiên. Một em bé bảy tuổi cũng có thể đi giết người. Mua vé máy bay cũng phải hối lộ. Đi tới cửa quyền là phải có tiền lót tay. Mỗi địa phương tự tung, tự tác không cần luật lệ quốc gia. Chuyện suy đồi đó là một bộ mặt của cuộc khủng hoảng ý thức hệ: chủ nghĩa Mác-Lênin không còn ai tin nữa, kể cả đảng viên cộng sản, nền chuyên chính của đảng hoàn toàn chỉ dựa trên công an, mật vụ. Chính đảng viên không còn có ảnh hưởng gì đến đảng, ở mỗi địa phương là một nhóm cường hào nắm mọi đầu mối. Nhóm cường hào có thể dùng bất cứ chính sách, nghị quyết nào của đảng để thủ lợi. Đổi mới họ có ăn, sửa sai họ cũng có ăn, nói dân chủ họ biết cách làm ra lợi, mà nói tập trung họ lại càng có cơ thủ lợi. Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ là như vậy.

Tình trạng vô đạo, vô pháp này do đâu mà có? Không phải vì các chính sách, nghị quyết của đảng sai lầm. Cũng không phải vì bên dưới thi hành sai lầm. Dù có sửa lại hết các chánh sách, thanh lọc hết các cán bộ, thì cảnh suy đồi vẫn còn nguyên. Cảnh suy đồi, vô đạo, vô pháp, là do bản chất một chế độ độc tài chuyên chế mà ra, mà chỉ có nền dân chủ đa nguyên mới chữa được.

Một đảng độc tài chuyên chế phải duy trì ách độc tài nhờ một đám cường hào, như nhà thơ Nguyễn Duy mô tả "lúc nhúc cường hào đầu trâu mặt ngựa." Đám cường hào đó tận lực trung thành với đảng vì quyền uy chánh trị và quyền lợi kinh tế của họ gắn liền với sự tồn vong của chế độ. Ngược lại, nhà nước và đảng phải bảo vệ bọn cường hào, có lúc cách chức đứa này thì lại sẽ có đứa khác vào thế chỗ, hoặc mọc ra hai, ba đứa khác chia chỗ. Vì bọn cường hào là cột trụ của chế độ. Liệu có thể "dân chủ hóa đảng" được không? Như Phan Đình Diệu ở trong nước nhận xét: không thể dân chủ hóa đảng nếu xã hội chung quanh không có dân chủ đa nguyên. Một đảng độc quyền, chuyên chế thì không thấy có nhu cầu phải dân chủ hóa. Chỉ khi nó phải cạnh tranh với các đảng khác nó mới thấy cần tự nó thay đổi, vì lẽ sống còn.

Chính các đảng viên cộng sản Việt Nam đã nhìn thấy điều đó. Họ thấy: muốn chấm dứt tình trạng "Thượng vô đạo quỹ, hạ vô pháp thủ", muốn thực hiện lý tưởng thời thanh niên của họ, thì phải từ bỏ giáo điều Mác-Lênin, từ bỏ ách chuyên chế. Từ mấy năm nay ở Việt Nam chính các đảng viên cộng sản là những người chống lại chế độ nhiều nhất.

Về mặt văn hóa, việc đầu tiên là tạo lại niềm tin. Đó là niềm tin tưởng ở khả năng của chúng ta, ở trong nước và ngoài nước, có đủ sức xây dựng tương lai của giống nòi, niềm tin tưởng rằng người Việt Nam có đạo lý và có thể sống thuận thảo, lương thiện, hòa hài với nhau. Với niềm tin đó thì mới có thể cùng làm việc, cùng dựng một nền móng pháp luật bảo đảm ai làm sẽ được hưởng. Nhờ thế mới cùng phát triển nền kinh tế thị trường, tạo cơm no, áo ấm chung cho mọi người. Cuộc chuyển hóa này phải diễn ra cùng một lúc, trên mọi mặt. Nhưng cái khâu quan trọng nhất để làm động cơ, làm ngòi nổ cho tất cả cuộc chuyển hóa, là khâu chính trị.

Tại sao sự thay đổi chánh trị lại là khâu quan trọng nhất? Vì sự trì trệ, lạc hậu, vô đạo, vô pháp là do nền cai trị chuyên chế của một đảng tạo ra. Hiện nay nhân tâm ly tán, dân không có niềm tin, người ta không tin nhau và không tin ở tương lai. Tất cả chỉ vì nền cai trị vô đạo, vô pháp kéo dài gần nửa thế kỷ, lấy dối trá, thủ đoạn làm khí giới chính để cai trị dân, gây ra cảnh toàn dân phải tập dối trá, thủ đoạn để sống còn. Chỉ khi nào chế độ độc tài, chuyên chế đó chấm dứt, một thể chế dân chủ đa nguyên, đa dạng, đa đảng được chính thức thiết lập, thì người dân mới tự cởi trói được về tinh thần. Với một thể chế dân chủ, niềm tin và đạo lý được khôi phục, pháp luật công minh được tôn trọng, rồi nhờ thế kinh tế mới phát triển, an sinh xã hội được bảo vệ, phúc lợi chung được mọi người góp công xây dựng. Sự thay đổi về chánh trị là ngòi nổ cho cuộc chuyển hóa. Tôn giáo và tư tưởng được tự do sẽ giúp phục hồi truyền thống đạo lý của dân tộc và đón tiếp các trào lưu tư tưởng thế giới, kể cả tư tưởng Mác-xít nếu còn, trong tinh thần tương dung. Một thể chế dân chủ đa nguyên dựa trên tinh thần tương dung. Nhờ tinh thần tương dung. Khoa học, giáo dục mới có cơ hội phát triển. Công việc đầu tư lớn nhất và khẩn thiết nhất sẽ là đầu tư vào giáo dục và khoa học. Nền giáo dục khoa học tự do sẽ đào tạo các nhà quản lý, các chuyên viên, các thợ giỏi, người làm ăn, buôn bán giỏi. Đó là tài nguyên lớn nhất cho công cuộc phát triển kinh tế bây giờ.

Một chế độ dân chủ đa nguyên dựa trên tinh thần thượng tôn pháp luật. Người ta chỉ tôn trọng pháp luật, không ghê sợ, không khinh bỉ người thi hành pháp luật, nếu pháp luật được đặt ra bởi một chế độ của dân, do dân, và vì dân. Một chế độ độc tài là của đảng, do đảng, và vì đảng, sẽ duy trì tình trạng vô đạo, vô pháp.

Hy vọng của cả dân tộc hiện nay đặt trên ý thức của chúng ta về nền dân chủ đa nguyên, dân chủ đích thực. Đó là mục tiêu đầu tiên phải đạt tới, để dựng lại đất nước trong no ấm, tự do, và tiến bộ. K

VƯƠNG HỮU BỘT

Tháng Mười 1990

THỬ TÌM MỘT PHƯƠNG CÁCH ĐỂ THIẾT LẬP DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU CHUNG

Gần đây tôi có thấy một học giả viết về việc đi tìm một triết thuyết cho một nền dân chủ ở Việt Nam.

Tôi không nói với các bạn về điều này, vì một lý do đơn giản là tôi không biết nhiều về những triết thuyết. Lý thuyết sơ đẳng mà tôi biết là những điều mà J.J.Rousseau nói trong "Contrat social" và những điều mà Montesquieu đề cập trong "Esprit des lois". Có hàng triệu người đã bàn tới những điều này nên tôi nghĩ chúng ta cũng không cần bàn thêm.

Tôi cũng không bàn ở đây câu hỏi vì sao các dân tộc trên thế giới càng ngày càng lựa chọn đường lối dân chủ và loại bỏ các chế độ độc tài, mặc dầu chế độ dân chủ nào cũng có nhiều khuyết điểm và các chế độ độc tài thường được xây dựng trên những lý thuyết hấp dẫn, đôi khi thần thánh.

Điều tôi muốn đề cập với các bạn để chúng ta cùng nhau suy nghĩ, là mai đây, khi nước Việt Nam BẮT ĐẦU có tự do dân chủ thì chúng ta phải tranh đấu như thế nào để đặt những viên đá đầu tiên cho nền dân chủ, và trên đó xây dựng những cơ chế nào để Việt Nam có được một nền dân chủ linh hoạt và bền vững. Đây chỉ là những đề nghị đại cương, dựa trên sự quan sát những sinh hoạt chánh trị của nhiều nước và nhất là những kinh nghiệm mà tôi được sống trong 10 năm làm báo và hoạt động chánh trị ở Việt Nam trước 1975, cũng như những nhận xét về đảng cộng sản Việt Nam.

Tổng tuyển cử

Nói đến dân chủ là nói đến bầu cử. Tôi nghĩ là khởi đầu phải có một cuộc tổng tuyển cử trên bình diện quốc gia để thiết lập một quốc hội lâm thời. Quốc hội này có nhiệm vụ thành lập một chánh phủ lâm thời và soạn thảo một hiến pháp. Khi hiến pháp đã được soạn thảo xong và được ban hành, sẽ có một cuộc bầu cử khác để thiết lập quốc hội lập pháp, và bầu cử tổng thống nếu hiến pháp lựa chọn tổng thống chế.

Nói đến cuộc tổng tuyển cử đầu tiên, tôi nghĩ rằng nhiều người cùng có một lo âu với tôi: làm sao có được một cuộc bầu cử tự do và trong sạch? Nhiều người nghĩ ngay tới một cuộc giám sát quốc tế. Kinh nghiệm cho tôi thấy rằng điều này có càng hay, nhưng không bảo đảm được gì hết. Nước Việt Nam có hơn 60 triệu dân, không một cơ quan quốc tế nào có thể giám sát nổi các cuộc bầu cử. Vả lại, trong bối cảnh quốc tế hiện nay, chẳng ai bỏ công, bỏ của ra để lo cho tương lai dân chủ của nước chúng ta. Chỉ có nhân dân mới có khả năng giám sát cuộc bầu cử của mình mà thôi. Vì vậy, ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT LÀ PHẢI CÓ TỰ DO BÁO CHÍ, TỰ DO HỘI HỌP, TỰ DO SINH HOẠT CHÁNH TRỊ. Không có những thứ tự do này, không có dân chủ, bầu cử chỉ là trò hề, vô ích. Phải có những thứ tự do này ít nhất một năm trước ngày tổng tuyển cử. Phải có những thứ tự do này để chúng ta huy động quần chúng. Bằng công an và một bộ máy cán bộ khổng lồ, CSVN đã kềm kẹp, khủng bố nhân dân miền Bắc trong hơn 35 năm và nhân dân miền Nam trong hơn 15 năm. PHẢI VÔ HIỆU HÓA BỘ MÁY KỀM KẸP VÀ KHỦNG BỐ NÀY TRƯỚC KHI CÓ TỔNG TUYỂN CỬ. Có hai cách:

— Cách thứ nhất là huy động nhân dân, thành lập các phong trào quần chúng khắp nơi để người dân có đội ngũ, không còn sợ cán bộ và công an nữa và sẵn sàng đối đầu với họ. Cách này dễ thực hiện, nhưng khó ở chỗ làm sao kềm chế các phong trào, tránh bạo động, đổ máu và hỗn loạn.

— Cách thứ hai là thành lập một chánh phủ chuyển tiếp để tổ chức tổng tuyển cử. Chánh phủ này phải có khả năng vô hiệu hóa bộ máy kềm kẹp và khủng bố hiện tại của cộng sản.

Cách thứ hai là giải pháp tốt đẹp nhất cho đất nước, người cộng sản phải chấp nhận nó nếu họ chấp nhận dân chủ và tôn trọng quyền lợi quốc gia.

Khi có sinh hoạt chánh trị tự do thì ưu tiên số một của phe không cộng sản phải là huy động quần chúng để đòi hỏi một chánh phủ chuyển tiếp để tổ chức tổng tuyển cử, nếu không được thì phải dùng các phong trào quần chúng để vô hiệu hóa bộ máy công an kềm kẹp của cộng sản. Nếu không làm được một trong hai điều này thì sẽ không có bầu cử trong sạch. Nếu cuộc tổng tuyển cử đầu tiên ở Việt Nam không tự do và trong sạch thì nền dân chủ ở Việt Nam sẽ còn lâu

mới được thành lập. Trường hợp nước Lô4-mã-ni là một bài học quý giá cho chúng ta. Lỗi lầm của phe chống cộng ở đây là không có khả năng kết hợp để huy động quần chúng và hoạch định rõ rệt con đường phải đi, khiến quần chúng lầm tưởng rằng các người chỉ huy quân đội và phe Ion Illiescu đã từ bỏ độc tài và lựa chọn dân chủ.

Chiến lược hiện nay của đảng CSVN là biến Việt Nam thành một thứ Nam Hàn, mở rộng tự do kinh tế, hy vọng Mỹ và các nước tự do đến đầu tư và giúp họ phát triển kinh tế, trong khi họ vẫn nắm trọn quyền chánh trị. Họ sẽ tạo dựng một chế độ "dân chủ nửa vời", cho nhiều tự do phóng túng, dung túng một hình thức đối lập yếu ớt để xóa bỏ hình ảnh độc tài của họ. Trước viễn ảnh đó, người Việt dân chủ phải cảnh giác.

Tóm lại, phải đòi hỏi sinh hoạt tự do dân chủ thật sự trước khi có tổng tuyển cử. Tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do hội họp, tự do đảng phái. Dùng những phong trào quần chúng tranh đấu đòi hỏi một chánh phủ chuyển tiếp để tổ chức bầu cử.

Quốc hội lâm thời, chánh phủ lâm thời

Quốc hội lâm thời là một Quốc hội Lập pháp, đồng thời cũng là một quốc hội Lập hiến.

Lập pháp bởi vì nó sẽ thành lập một chánh phủ lâm thời trong thời gian soạn thảo hiến pháp, và ban hành những đạo luật tối cần thiết. Lập hiến bởi vì nó có nhiệm vụ soạn thảo một hiến pháp cho nước Việt Nam dân chủ. Phải xác định trước nhiệm kỳ của quốc hội lâm thời và chánh phủ lâm thời là hai hay ba năm, và quy định một lịch trình làm việc chặt chẽ.

Tôi giả thiết rằng người Việt không cộng sản thắng cuộc tổng tuyển cử và thành lập chánh phủ lâm thời. Đường lối của chánh phủ này tùy những người lãnh đạo lúc đó, nhưng có mấy điểm tôi thấy cần phải đưa ra ở đây để thảo luận vì những điểm này đã được nêu lên và có nhiều người ủng hộ.

Một số người đòi giải tán đảng CSVN. Tôi thấy khi mình đã tôn trọng dân chủ thì phải tôn trọng lập trường của những kẻ khác, miễn sao tất cả các phe nhóm đều tôn trọng một quy luật chung của sinh hoạt dân chủ. Muốn có một chế độ dân chủ mà lại đòi hỏi giải tán một đảng chánh trị thì đó là một đòi hỏi mâu thuẫn. Đảng CSVN tự nó sẽ biến thể như các đảng cộng sản ở Đông Âu.

Một số người đòi giải tán tức khắc quân đội cộng sản. Tôi thấy điều này không thực tế. Nhu cầu quốc phòng của nước Việt Nam bao giờ cũng có và không thể trong một ngày hay một tháng thay thế một quân đội này bằng một quân đội khác. Điều cần làm là đem chánh trị ra khỏi quân đội như bãi bỏ chức chánh trị viên, bãi bỏ học tập Mác Lê, thanh lọc các cấp chỉ huy v.v. và đem quân số tới mức tối thiểu của nhu cầu tự vệ.

Một số người đòi hỏi giải tán tức khắc công an cộng sản. Tôi thấy cần giải tán công an chánh trị, nhưng ngược lại phải củng cố cảnh sát tư pháp vì tình trạng kinh tế và xã hội Việt Nam rất hỗn loạn. Cũng phải bãi bỏ các chức vụ chánh trị trong cảnh sát.

Một chánh quyền mới, theo ý tôi, dù phe không cộng sản có toàn thắng trong cuộc tổng tuyển cử, cũng nên giữ lại những thành phần tiến bộ và không tham nhũng. Các nước Đông Âu đã cho chúng ta những bài học rất quý giá. Dĩ nhiên, không có quốc gia nào giống quốc gia nào, đảng cộng sản nào giống đảng cộng sản nào, nhưng con người thì gần giống nhau, dù ở đâu, thời nào, Việt Nam sẽ không có được những hoàn cảnh như hai nước Tiệp Khắc, Đông Đức. Tôi chỉ sợ Việt Nam tái diễn cái hoạt cảnh Lỗ-ma-ni. Nếu người Việt cộng sản và không cộng sản đều khéo léo và yêu nước thì may ra chúng ta sẽ có những diễn tiến kiểu Ba-lan.

Về kinh tế, tôi thấy vấn đề này đang làm cho nhiều người suy nghĩ nhất. Hiện đã có rất nhiều cuộc hội luận về vấn đề này. Lý do có lẽ vì dân ta đang đói quá và nước Việt Nam ta nghèo nhất thế giới, ai nghĩ tới cũng xót xa. Tôi thấy có hai câu hỏi lớn mà nhiều người thường nêu ra là: làm cách nào để chuyển nền kinh tế cộng sản sang nền kinh tế thị trường, và làm cách nào để nước Việt Nam mau phồn thịnh. Một cách thực tế, tôi thấy:

— Thứ nhất: vấn đề chuyển kinh tế cộng sản sang kinh tế thị trường không phải là một vấn đề, vì lý do đơn giản là hiện không có cái gọi là "kinh tế cộng sản" ở Việt Nam (như kinh tế ở Đông Âu hay Liên Xô). Trên thực tế, không có kinh tế cộng sản hay kinh tế tư bản, chỉ có một nền kinh tế phá sản biến thành nền "kinh tế chợ trời" để mạnh ai nấy bốc hốt. Vấn đề chỉ là lựa chọn một số xí nghiệp quốc doanh tư hữu hóa và giải tán các cơ sở làm ăn bốc hốt của các cơ quan hành chánh cộng sản, như cơ quan đầu tư quận Mười, xí nghiệp ăn uống Phú Nhuận v.v.

— Thứ hai: không có phép lạ nào có thể biến nền kinh tế phá sản hôm nay thành một nền kinh tế phồn thịnh trong vài ba năm. Việt Nam không có nhiều tài nguyên. Những gì có thể bán, người c ộng sản đã đem bán hết rồi, một cách bừa bãi, từ khúc gỗ trên rừng, con tôm dưới sông, con cá dưới biển, và mấy túi dầu lửa ngoài khơi. Việt Nam chỉ có Con Người là nhiều. Phải có thời gian để huấn luyện, đầu tư v.v. hầu có thể toàn dụng nhân lực. Trong thời gian chuyển tiếp, không nên có ảo tưởng thi hành các kế hoạch kinh tế ngoạn mục. Chỉ có một phương pháp duy nhất là để thị trường tự do và đẩy mạnh thêm việc sản xuất thực phẩm để nuôi dân. Trong giai đoạn chuyển tiếp, nhà nước phải dồn nhiều nỗ lực trong vấn

đề an ninh, nhưng phải vô cùng khéo léo trong lãnh vực thuế khóa và ngân sách để vẫn tôn trọng những nguyên tắc căn bản của kinh tế thị trường và sinh hoạt dân chủ.

Hiến pháp

Nói tới hiến pháp, điều mà nhiều người nghĩ tới trước tiên là sự lựa chọn một chế độ tổng thống hay một chế độ đại nghị. Tôi thấy đây là một sự lựa chọn khó khăn vì chế độ nào cũng có nhiều cái hay và nhiều cái dở, khó đem ra cân lường để so sánh. Trong một xứ chậm tiến, chế độ tổng thống thường tạo ra những sinh hoạt phản dân chủ, và hành pháp lúc nào cũng có khuynh hướng lạm quyền. Trong một xứ có nhiều đảng phái, chế độ đại nghị thường tạo ra những bất ổn chánh trị. Tôi có khuynh hướng muốn thấy Việt Nam có một chế độ đại nghị để các tổng bộ trưởng phải là những người được dân bầu, những người làm chánh trị thật sự, chứ không phải những chuyên viên, những bạn bè của ông tổng thống. Trong thời đệ nhất và đệ nhị cộng hòa, mấy ông kỹ sư, tiến sĩ học bên Tây về cứ xếp hàng đứng chờ, không chánh phủ này thì sẽ có chánh phủ kia gọi ra làm tổng bộ trưởng. Có ít nhất hai ba ông tổng bộ trưởng vừa cười vừa than với tôi đại khái rằng "moa bị bắt cóc, ông thủ tướng kêu quá, moa phải ra giúp chớ moa không làm chánh trị". Làm tổng trưởng mà không làm chánh trị thì không biết các ổng làm cái gì? Có lẽ không làm gì cả! Chính vì vậy mà rất nhiều ông tổng trưởng chẳng làm gì cả, chẳng cần biết coi dân chúng muốn gì để làm. Trong một chế độ đại nghị, ông thủ tướng và các ông tổng bộ trưởng luôn luôn phải nhớ tới cử tri của mình trong mọi hành động và lời nói, phải lo giữ gìn đạo đức, lo tạo thành tích để có ngày đối diện cử tri.

Nhưng nếu chúng ta xét thấy xã hội Việt Nam bị phân hóa nặng, đảng phái sẽ rất đông, việc lập chánh phủ là một vấn đề khó khăn, khó có một đường lối thống nhất trong chánh phủ, không thể có một chánh phủ mạnh, chánh phủ sẽ dễ bị đổ gây ra khủng hoảng chánh trị v.v. thì ta phải chọn tổng thống chế. Nếu chọn thể chế này thì nên theo gương của Hoa Kỳ, xác định trong hiến pháp thẩm quyền lập ngân sách, chuẩn bị chi và kiểm soát các chi tiêu của quốc hội và các ủy ban quốc hội. Nếu không có quyền này thì hành pháp coi việc mấy ông dân biểu họp nhau ở quốc hội cải vả la lối chẳng khác chi "chó cứ sủa, đoàn lạc đà vẫn đi."

Nhưng theo tôi, sự lựa chọn giữa tổng thống chế hay đại nghị chế không phải là vấn đề quan trọng nhất. Trong một chế độ dân chủ, quan trọng nhất là sinh hoạt chánh trị của người dân. Người dân phải có tự do, tự do ngôn luận, tự do đảng phái, và hành xử đúng đắn các quyền tự do của mình, trong đó có việc tôn trọng tự do của người khác, và tôn trọng luật pháp. Nhiều người cho rằng nhân dân Việt Nam chưa đủ trình độ để hành xử các quyền tự do đó. Tôi không muốn tranh cãi về vấn đề này. Nhưng nếu lập luận này có vẻ đúng thì nguyên do chánh là vì người dân chưa bao giờ có cơ hội hành xử những quyền tự do đó. Quan điểm của riêng tôi là những người làm chánh trị và các chánh phủ không nên tiếp tục "ôm giữ" tự do mà phải mang tự do đến dân chúng, mang sinh hoạt chánh trị vào đời sống nhân dân, biến dân chủ thành một truyền thống, một giá trị xã hội, để một ngày nào đó, không còn những nhà độc tài vừa gian lận bầu cử, vừa láo khoét huyênh hoang là được toàn dân ủng hộ mà không hề ngượng ngập.

Tôi thấy rằng nếu dân chủ chỉ có ở các cơ chế thượng tầng thì người dân thấp bé sẽ không bao giờ có được một đời sống dân chủ và sẽ chẳng bao giờ quan tâm đến các vấn đề chánh trị. Kinh nghiệm cho tôi thấy dân chủ là một cái gì rất "nhẹ", có khuynh hướng nổi lên và không chìm xuống. Nếu ta thiết lập dân chủ trên các lớp thượng tầng thì đời đời nó sẽ ở trên đó. Nó sẽ chẳng bao giờ xuống tới các lớp hạ tầng để "gặp gỡ" dân chúng, chỉ có những thứ "nặng" như dao, búa, súng, đạn, kềm kẹp đi xuống hạ tầng để đối đầu với dân chúng. Nếu ta thiết lập dân chủ từ hạ tầng, nó sẽ nổi lên, đem áp lực từ dưới dâng lên thượng tầng, buộc các cấp lãnh đạo phải nghe theo dân chúng.

Muốn thiết lập và củng cố chế độ dân chủ ở Việt Nam, bắt buộc chúng ta phải ghi vào hiến pháp việc bầu cử ở cấp Xã và cấp Tỉnh. Dân chúng sẽ bầu một hội đồng Xã với một nhiệm kỳ là hai hay ba năm. Phe đa số sẽ thành lập cơ quan hành pháp của Xã, trực tiếp điều hành và chịu trách nhiệm trước dân chúng về các lãnh vực hành chánh, thuế khóa, cảnh sát v.v. Ở cấp Tỉnh, hội đồng Tỉnh cũng được trực tiếp bầu trong một nhiệm kỳ là ba hay bốn năm và phe đa số sẽ thành lập cơ quan hành pháp Tỉnh. Dĩ nhiên, hiến pháp phải ghi rõ phạm vi thẩm quyền về lập pháp, thuế khóa, an ninh v.v. của mỗi cấp.

Việc bầu cử hội đồng các cấp và nguyên tắc tản quyền là căn bản của các hệ thống chánh trị đang được áp dụng ở các nước dân chủ tiến bộ ở Âu Châu và Bắc Mỹ. Nó hoàn toàn không giống phương pháp "chia quyền lợi" cho các công thần mà đảng CSVN đang áp dụng ở việt Nam, mà hậu quả là mỗi địa phương có một ông lãnh chúa do trung ương đặt để, và luật lệ trong xứ thì hỗn loạn. Ở miền Nam Việt Nam trước 1975, người ta cũng rất sợ vấn đề này. Hồi soạn thảo hiến pháp đệ nhị Cộng hòa, tôi và một số người đã tranh đấu quyết liệt để ghi vào hiến pháp việc bầu cử Tỉnh trưởng và Xã trưởng, nhưng phe chánh quyền đã cương quyết bác bỏ, viện dẫn lý do an ninh. Họ sợ rằng dân chúng sẽ bầu cộng sản vào

các chức vụ này. Nhưng lý do chánh là nếu bầu cử như vậy thì mấy ông lớn sẽ không còn có thể đặt để và bảo vệ các đàn em để ăn chia. Ông Tỉnh trưởng ngày xưa cũng như ông Tỉnh ủy bây giờ, muốn làm gì thì làm, không cần tới dân chúng, chỉ cần tới trung ương; ngày nào còn được trung ương bảo bọc thì muốn giết ai cũng được. Ông công an Xã trước 1975 hay sau 1975 muốn bắt ai thì bắt, chẳng ai có thể kêu ca gì, vì cái gốc của ổng ở tận đâu đâu, dân chúng không có cách gì để bứng gốc ông ta.

Việc những người hành xử quyền lập pháp và hành pháp ở mỗi cấp phải chịu trách nhiệm trực tiếp với dân chúng là phương cách duy nhất để loại bỏ cường hào ác bá, loại bỏ các cán bộ hủ hóa ra khỏi chánh quyền và giải thể những đảng phái không hợp lòng dân. Nó cũng là phương cách duy nhất để dân chúng học tập dân chủ.

Khởi đầu, chắc chắn có những khó khăn về phương diện điều hành của các cơ quan địa phương. Hiến pháp phải ghi rõ việc chánh phủ trung ương phải "bảo trợ" các cơ quan địa phương khi được chính các cơ quan này yêu cầu hay khi tòa án tuyên bố sự bất lực hay sự phá sản của một cơ quan địa phương.

Tôi cũng có suy nghĩ về việc bầu cử và tản quyền ở các cấp địa phương và hậu quả của nó đối với vấn đề chia rẽ địa phương, vấn đề các nhóm dân tộc thiểu số v.v. Tôi tiên đoán có những vấn đề sẽ được phơi bày và sẽ đòi hỏi những người lãnh đạo nhiều khả năng và khéo léo để giải quyết. Tôi quan niệm rằng nếu chúng ta chủ trương dân chủ, nhân bản và đa nguyên, chúng ta phải nhìn nhận và tôn trọng sự khác biệt giữa các địa phương, các chủng tộc, và phải cư xử trong tinh thần hòa hợp dân tộc để bảo tồn sự thống nhất quốc gia. Dĩ nhiên là hiến pháp phải ghi rõ thẩm quyền ở mỗi cấp địa phương, và theo nguyên tắc phổ cập về pháp lý, quyền lập pháp ở quốc hội phải cao hơn các quyền lập quy ở các hội đồng địa phương và có khả năng ngăn chặn các hành vi chia rẽ. Nhưng không phải luật pháp và vũ lực có khả năng giải quyết mọi vấn đề. Vũ lực chỉ có hiệu quả cấp thời. Dùng vũ lực như cộng sản độc tài đang làm để che đậy những bất ổn trong xã hội là kéo dài đến vô tận bất ổn xã hội. Mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, tới một lúc nào đó phải trực diện với những vấn đề của mình trong ánh sáng dân chủ và phải có khả năng giải quyết những vấn đề đó bằng khoan dung, hòa hợp, theo sau bằng những biện pháp kinh tế, pháp lý. Chánh phủ trung ương phải có nhiệm vụ điều hòa sinh hoạt giữa các khu vực địa lý, trên những lãnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, an ninh v.v.

Tư pháp

Việc cấp bách cần phải làm để chế độ dân chủ có thể hoạt động được là việc tái thiết lập nền tư pháp độc lập. Quyết định đem dân chủ tới tận các địa phương thì bắt buộc phải đem tòa án tới các địa phương , bởi vì dân chủ là luật pháp và chỉ có tòa án mới có quyền phán xét ai đúng luật, ai không.

*
* *

Đôi khi tôi tự hỏi nếu ngày hôm nay chúng ta bắt đầu có dân chủ và chúng ta sẽ thiết lập được một chế độ dân chủ ở Việt Nam thì trong bao lâu nữa chúng ta sẽ có một nước Việt Nam trong đó có ổn định kinh tế và ổn định xã hội? Tôi chỉ nói kinh tế "ổn định" thôi chớ tôi không dám nói "phát triển" vì mức độ phát triển vừa ý là một phán xét chủ quan. Tôi nói xã hội "ổn định" chớ tôi không dám nói "tiến bộ" như các xã hội Âu Mỹ mà chúng ta đang sống. Năm năm, mười năm, một thế hệ? Tôi chỉ hy vọng cái "bao lâu" đó không lâu hơn quảng đời còn lại của chúng tôi, những người lứa tuổi 50, sanh ra khi cuộc chiến khởi đầu. Tôi không lạc quan, bởi vì nếu chúng ta nhìn kỹ ở mọi lãnh vực, chúng ta thấy có hàng ngàn chuyện cần phải làm. Tôi không có cái tham vọng có thể thấy một nước Việt Nam giàu có, oai hùng, "sáng chói trời đông". Tôi chỉ hy vọng thấy một nước Việt Nam bình thường, với một dân tộc có văn hóa, sống ấm no và hạnh phúc.

Sau cùng, tôi xin trích ra đây một đoạn thơ mà tôi đã trả lời một người trẻ khi anh đặt vấn đề đất nước với tôi. Tôi muốn nhắn gởi điều này với các bạn nào có cái may mắn xây dựng đất nước mai sau: "Xin chỉ làm Việt Nam một nước dân chủ bình thường, với những con người bình thường, nhiều thợ máy hơn nhiều anh hùng". "Xin chỉ làm người Việt Nam là những con người bình thường, biết suy nghĩ, biết thương yêu và biết trách nhiệm của mình. Những con người có lương tâm, không gian dối". "Xin ngưng nói đến những gì vĩ đại, những gì cao siêu v.v., những cái đó đang giết chết dân tộc Việt Nam, như những đền đài vĩ đại ở Angkor đã giết chết dân tộc Khmer khoảng mươi thế kỷ trước".

"Những gì vĩ đại rất nguy hiểm, vì nó sẽ giết chết nhân nghĩa, giết chết phúc lợi của người dân". "Xin nhớ rằng nền văn hóa của dân tộc ta lấy hai chữ NHÂN và DÂN làm gốc". "Hãy bảo dân sẵn sàng hy sinh đời sống của họ khi nào chính đời sống đó (vật chất và tinh thần) bị đe dọa". "Xin đừng đưa dân vào những giấc mơ kỳ ảo tưởng tượng bởi những bộ óc siêu phàm và bịnh hoạn". K

NGUYỄN HỮU CHUNG

Mùa thu 1990

Bài tham luận này được tác giả đọc trong cuộc Hội luận về Dân chủ Đa nguyên, tổ chức vào ngày 27 tháng Mười 1990

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG TIẾN TỚI DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN VÀ TIẾN VỀ TRUYỀN THỐNG KINH TẾ CHẾ SẢN NHÂN BẢN LIÊN QUỐC CỦA DÂN TỘC

LƯU VĂN VỊNH

Sự thành công vĩ đại của cuộc cách mạng điện tử song song với những khối chính trị kinh tế liên lập của đại thị trường tự do, đã đưa ngọn gió dân chủ đa nguyên thổi mạnh từ Âu sang Á. Những ốc đảo lẻ loi như Cuba, Albany, Việt Nam, Trung Hoa . . . không phải là đang tìm cách chống lại ngọn gió mà thật ra đang mua thời gian để tìm lối thoát.

Lối thoát ổn thỏa từ độc tài chậm tiến sang dân chủ tân tiến đòi hỏi những chặng đường ý thức và hành động phù hợp với hoàn cảnh riêng của mỗi nước.

Tại Việt Nam, ba loại vi trùng đã sinh sôi nẩy nở trên môi trường chậm tiến là Phong, Thực và Cộng, loại này là nhân, loại kia là quả, cộng sinh với nhau, khiến dân tộc Việt Nam, cho tới cuối thế kỷ 20, vẫn chưa thoát khỏi tình trạng nghèo đói, người đối người giống như lang sói: *Homo homini lupus.*

Vậy thì vấn đề căn để của Việt Nam là vấn đề tiêu diệt tình trạng chậm tiến để tiến tới dân chủ thật sự.

Kẻ thù số một của dân tộc: tình trạng chậm tiến

Thế kỷ 19, Nhật Bản đã tập trung toàn thể lực lượng dân tộc vào một kẻ thù chính, rõ ràng minh bạch là tình trạng chậm tiến, chậm tiến về kinh tế, xã hội, giáo dục v.v... so với các nước tiền tiến Âu Mỹ thời đó.

Cũng vào hậu bán thế kỷ 19 ở Việt Nam, khoảng 1860, những người như Nguyễn Trường Tộ, Cao Bá Quát cũng đã nhìn thấy nhu cầu canh tân, và trước đó Nguyễn Huệ cũng đã biết sử dụng những kỹ thuật tân tiến từ Âu Châu mang tới. Không may cho Việt Nam là kẻ thù chậm tiến bị các kẻ thù khác che mờ đi khiến toàn lực dân tộc bị phung phí vào các cuộc chiến vô bổ, nào phải kháng Pháp, kháng Cộng, bài phong . . . Vì nhiều kẻ thù một lúc nên ta đã bị phân tán lực lượng, chia rẽ trong lối nhìn kẻ thù, đặt sai ưu tiên kháng cự, thậm chí chém giết lẫn nhau chỉ vì bị lâm vào hỏa mù không phân biệt nổi thù, bạn trên một mảnh đất nhiễu nhương đủ loại mưu đồ thiển cận.

Sau nửa thế kỷ cực kỳ rối loạn, màn sương mù bao che lịch sử dần dần sáng tỏ: chỉ còn một nhóm mặc áo đỏ Mác Lê đã rách tả tơi cố bám lấy cái ngai phong kiến che trước mặt kẻ thù đích thực và tối hậu của dân tộc hiện tại là kẻ thù

CHẬM TIẾN.

Vậy chiến lược cấp thời của toàn dân Việt là làm sao:

1. Vận động toàn dân trong và ngoài nước, quốc gia lẫn cộng sản, nhìn ra kẻ thù chậm tiến để quên đi những tranh chấp nhỏ nhen phe phái, ngõ hầu tập trung nghị lực vào công trình lịch sử cao cả kiến quốc và thăng hoa dân tộc.

2. Thuyết phục nhóm cầm quyền ở Việt Nam cởi bỏ áo đỏ không còn là chuyện bất khả thi vì giáo chủ Nga Xô đã hết cuồng tín thì tín đồ chỉ còn lại trần truồng như những nhóm độc tài phong kiến khác, *nẩy nở trên môi trường chậm tiến và sẽ tàn lụi rất nhanh khi môi trường này được chuyển biến sang tân tiến.*

3. Phương thức hữu hiệu khiến nhóm độc tài Cộng Sản rơi rớt còn lại ở Việt Nam, Cuba, phải chấp nhận thay đổi là:

* Dùng tài vật lực của thế giới tư bản tự do đánh ngay vào nọc của con người chậm tiến: tham lam, ích kỷ, ghen ghét, tỵ hiềm. Họ sẽ chia rẽ và giết nhau vì mấy tờ đô la như ở các nước chậm tiến khác, Cộng Sản hay không Cộng Sản.

* Ở Việt Nam, càng nhiều người ở ngoại quốc từ Đông Âu, Tây Âu, Úc, Mỹ . . . về càng tốt. Mỗi người là một ngọn lửa tự do giầu mạnh soi sáng tăm tối cho quê hương và xúc tác chuyển động xã hội. Người Việt Nam di cư trên thế giới cần thúc đẩy bang giao Mỹ-Việt càng sớm ngày nào thì Cộng Sản càng chóng tiêu tan ngày ấy, hãy để Mỹ bắc cầu cho chúng ta đưa đạo quân xanh vào nước, chiến lược này là thượng sách cho quốc gia, không cần đổ máu mà đẩy được Cộng Sản vào thế tự diệt. Những lý luận ngược lại, cho rằng hàng hóa đô la mang về làm Cộng Sản mạnh hơn, bang giao Mỹ Việt là hợp thức hóa kẻ gian v.v... chỉ là những tiểu kế thiển cận, thoát thai từ lối chống Cộng cổ điển (đã thất bại) mà không thông quán đại mưu chiến lược. Nếu chúng ta muốn ở Việt Nam nẩy ra được một hay nhiều Gorbachev, nếu chúng ta muốn gieo mầm tự do dân chủ, tất nhiên việc tiên khởi là tạo ra môi trường thuận tiện cho cây mọc.

Từ dầu hỏa Trung Đông tới Cao Miên và Việt Nam

Từ thập niên 70 khi khối OPEC tăng giá dầu làm rung chuyển thị trường Âu Mỹ, cho tới nay, sau 20 năm, Hoa Kỳ vẫn chưa giải quyết được vấn đề nhiên liệu, mặc dù đã có những chính sách khảo cứu năng lượng thay thế. Lý do rất đơn giản là khối tư bản Ả Rập và Hoa Kỳ đã làm ăn chung: bạc tỉ đô la mua dầu lại được đầu tư trở lại vào Hoa Kỳ, tạo cán cân quân bình mậu dịch. Các nước sản xuất dầu hỏa khác như Trung Hoa, Nam Dương, Mễ Tây Cơ v.v. . . không những không sản xuất đủ số lượng mà chỉ lấy đô la vào, không nhả đô la ra trở lại vào guồng máy kinh tế Mỹ. Bởi vậy ta có cảm tưởng như Mỹ đã chịu lệ thuộc vào dầu hỏa Ả Rập, thực ra toàn diện vấn đề là cán cân mậu dịch quốc tế.

Iraq và vài nhóm lẻ tẻ khác như Libya, Syria . . . muốn xé lẻ; không chịu đi vào quỹ đạo làm ăn chung và muốn đi nước cờ riêng, với Nga Xô hỗ trợ đàng sau, nên luôn luôn ở thế chống đối với Hoa Kỳ. Ngòi nổ ở Trung Đông không hẳn ở lãnh vực tôn giáo mà chủ chốt là hệ thống kinh tài thượng tầng.

Nhìn áp lực của Mỹ đối với Nhật Bản gần đây ta thấy rõ mối lo âu của Mỹ đối với thị trường quốc tế tương lai: Nhật Bản ngày càng lớn mạnh với các nhà băng đầy ắp tiền kinh doanh, Tây Âu và Đức sẽ choán chỗ cả vùng Âu Châu, Trung Hoa nhất định độc lập kinh tế chính trị với khối dân khổng lồ của mình. Còn lại là Phi Châu, Nam Mỹ, và các nước nghèo nàn khác như Đông Âu, Đông Dương . . . chưa có mãi lực để tiêu thụ hàng hoá. Như vậy, với sự thâm thủng ngân sách, Mỹ đã phải hạ giá đô la để hàng Mỹ xuất cảng được nhằm cứu vãn thâm thủng ngân sách (deficit), nhưng ngược lại ngoại quốc lại không đầu tư vào Hoa Kỳ vì lãi suất không hơn gì ở Nhật và Âu Châu, nên nhà băng Mỹ thiếu tư bản, khan đô la để kinh doanh, nhất là dân Mỹ chưa để dành tiền nhiều như dân Nhật và Đức. Còn lại chỉ có tư bản Ả Rập mới hợp tác với Anh Mỹ và làm cho hệ thống tư bản Anh Mỹ vững chãi trong giai đoạn hiện tại. Đấy là lý do tại sao Trung Đông cực kỳ quan trọng đối với vận mạng nước Mỹ và trục Nữu Ước - Luân Đôn.

So sánh với Đông Dương, tầm quan trọng nhìn từ lăng kính kinh tế chính tri chỉ là thứ yếu. Hoa Thịnh Đốn có thể từ từ giải quyết toàn bộ vùng Đông Dương. Sau khi Nga Xô tự đi sát gần vào quỹ đạo tư bản Âu Mỹ, đã và sẽ cắt giảm viện trợ cho Việt Nam, Cộng Sản Hà Nội chỉ còn một điểm nương tựa là tìm tới Bắc Kinh *tính thế liên hoàn độc lập* vì biết một khi bang giao với Mỹ, căn nhà dột nát của Hà Nội sẽ bị lung lay từ nền móng.

Nhìn theo chiều hướng chính trị địa thế Á Đông, hiển nhiên *Trung Hoa phải là "trung tâm" quyền lực* được Nga Mỹ tôn trọng. Trung Hoa muốn có vùng ảnh hưởng của mình và muốn Đông Dương nằm trong vùng ảnh hưởng đó; trước kia Việt Nam Cộng Sản dùng áo giáp Nga Xô để Bắc cự Nam tiến, nay Nga Xô đã buông cả Âu lẫn Á, nên *sự mặc cả còn lại là sự mặc cả giữa Hoa và Mỹ, với hai ngoại vi là Nga và Nhật.* Vì thế chỉ cần chờ Mỹ Tàu tương nhượng ra sao ở Cao Miên thì ta sẽ thấy ngay biến chuyển ngã ngũ ở Việt Nam. Với khối dân 100 triệu người, từng quen thuộc với Âu Mỹ, Hoa Kỳ và các doanh gia sẽ không bỏ thị trường này cho Nhật, Đại Hàn, Đài Loan.

Ngược lại, Trung Hoa và có lẽ cả Nhật, chỉ

muốn Mỹ trở lại Đông Dương tới một giới hạn nào đó để khối "Đại Á" giữ được địa thế quyền lực của mình. Chiều hướng này, xét theo trường kế, có lợi cho Á Đông và dân Việt, nhưng xét theo nhu cầu hiện tại, ta cần ảnh hưởng Âu Mỹ thật mạnh để bứt phá cái khung sắt Cộng Sản tai ương đã đè quá nặng ở Việt Nam suốt hai thế hệ qua.

Hãy trở về với truyền thống liên quốc chế sản của dân tộc

Qui luật của vạn vật là mạnh được yếu thua, nước nghèo nàn như Việt Nam chỉ là một con thỏ giữa một thế giới đầy lang sói. Nếu khôn ngoan như Thái Lan thì sẽ được sống và tránh nô lệ, còn chơi thế tiểu xảo gây chuyện với cường quốc như Cộng Sản Việt Nam thời nhất định không phải là diệu kế. Với dân số non trăm triệu trong ít năm tới, dân tộc Việt Nam sẽ đi về đâu với những tay lái tầu vụng về ngoan cố hiện tại?

Thiết tưởng đã tới lúc phải tước bỏ tấm màn u tối duy lý - dù tâm hay vật - để trở lại với *truyền thống nhân bản hữu lễ* của dân tộc, tinh thần đa giáo đồng tôn cởi mở của giống nòi theo chiều hướng *Liên lập nhân bản quốc gia,* mới có thể đứng vững "hòa nhi bất đồng" trong thế giới nhiễu nhương hiện đại.

Thật vậy, theo Cộng Sản thì "những máu cùng me," theo tư bản thì coi chừng "những xương cùng xẩu," chỉ còn lại truyền thống *CHẾ SẢN* (hữu sản hạn chế) mới là con đường giúp dân tộc sinh tồn phong phú hòa bình, tạo dựng được một xã hội công bình nhân ái không sát phạt lẫn nhau.

Từ mấy thế kỷ nay, Âu Mỹ đã đẻ ra những ý thức hệ duy lý và đặt ra những cái khung xã hội có thể thích hợp cho con dân Tây phương nhưng không chắc đã ổn thỏa cho văn hóa truyền thống Á đông, nhất là truyền thống văn hóa độc đáo HỮU LỄ của dân Việt văn hiến.

Tinh thần tự do dân chủ Tây phương đã kết tinh được mặt nhân bản của văn hóa Âu Mỹ và đã lấn át được vô sản độc tài duy vật. Cao trào Dân Chủ đa nguyên là ngọn gió tất yếu đã đến, dù là hơi muộn, để thổi đi ý thức hệ duy vật biện chứng cặn bã của tư tưởng Âu Tây.

Tất nhiên dân chủ đa nguyên đã nằm trong tinh thần nhân bản liên quốc chế sản của dân tộc, nhưng thể chế dân chủ đa nguyên cần được áp dụng linh động ở Việt Nam.

Thật vậy, *trở ngại lớn nhất trong việc tiến tới dân chủ đa nguyên ở Việt Nam là trở ngại tâm lý của các phe phái.* So sánh với Ba Lan và nhất là Đức quốc, Nam Bắc Hàn đã gặp những trở ngại lớn hơn trên đường thống nhất dân chủ tự do bởi vì cũng như Việt Nam, họ đã "trót" đánh nhau thời 1950, họ lại ở cạnh Trung Cộng, một ông khổng lồ chậm chạp nặng nề, thủ cựu. Trung Hoa Bắc Hàn, Việt Cộng . . . thường nói tới độc lập, nhân dân, ái quốc, chửi rủa Đế quốc v.v. . . nhưng họ chưa chịu ý thức một điều cơ bản: họ đã và đang nô lệ một ý thức hệ cặn bã của Tây phương mà chính nơi xuất phát ra cặn bã đó đã thải bỏ đi! Nếu những người quốc gia miền Nam Việt Nam khó nuốt chữ "thua" thời 1975, thì bây giờ Cộng Sản cũng không nuốt nổi chữ "thua," thua toàn diện trên cả thế giới, của cả khối Cộng Sản. Lối thoát cho tâm lý "được, thua" ắt là trở lại với truyền thống dân tộc bao dung và chuyện được thua hãy cho vào cát bụi vô thường của một cuộc hí trường vô nghĩa.

Một thể chế phản ảnh truyền thống dân tộc: kinh tế chế sản nhân bản liên quốc.

Mọi thể chế độc tài, ở những nước chậm tiến, thường giống nhau ở một điểm: trung ương tập quyền. Nại cớ thống nhất đường lối, quần chúng chưa ý thức dân chủ v.v. . . nhóm độc tài dù Cộng Sản hay quân phiệt, hay anh hùng cá nhân . . . đều chỉ là nhóm tham quyền và khinh thường thiên hạ. Do đó, việc đầu tiên để tránh độc tài là trung ương *tản quyền, phân quyền và tôn trọng quyền dân địa phương là khởi điểm của dân chủ tự do.*

Có thể Việt Nam thành những *vùng* đơn vị hành chánh kinh tế tương đương với vùng chiến thuật hoặc *trấn* thời xưa. Người đứng đầu do dân vùng bầu lên với một viện dân cử địa phương phản ảnh quyền lập pháp quốc gia.

Quốc hội lưỡng thể gồm một Nghị viện do dân trực tiếp bầu lên và một Hội đồng nhân sĩ nhằm quân bình đảng phái chính trị và các thành phần độc lập không đảng phái. Quốc hội lưỡng thể nên trực tiếp cử *ban Quân Cơ* đảm trách quân đội để tránh việc chính phủ độc quyền sử dụng quân lính vào những mưu đồ tranh chấp phe nhóm thường xẩy ra ở các nước chậm tiến.

Cũng trong tinh thần dân chủ, mọi tầng lớp nhân tài phải có cơ hội để phục vụ đất nước dù trong lập pháp, tư pháp hay hành pháp, dù trung ương hay vùng địa phương, một *Quốc kế đoàn* bên cạnh quốc trưởng sẽ làm bộ óc đặt chiến lược kế sách tổng quát cho chính phủ thi hành. Nhưng chính quyền trung ương cần giản dị để vùng địa phương có cơ hội tự lập thích nghi với hoàn cảnh nhân văn địa phương.

Với tinh thần *nhân bản liên quốc làm nòng cốt cho chính trị và tinh thần chế sản làm triết lý kinh tế nhân sinh,* một nước chậm tiến như Việt Nam, khi tháo được cái cũi Cộng Sản, có thể có sẵn cơ sở tinh thần để phát triển nhịp nhàng trong thế giới tự do kinh tế thị trường hiện tại.

Những chặng đường tiến tới dân chủ tự do

và tiến về truyền thống kinh tế chế sản nhân bản liên quốc.

Những nước Cộng Sản còn lại như Cuba, Việt Nam, Trung Hoa, Bắc Hàn hiện đang lâm vào ngõ bí chính trị kinh tế . . . Họ lựa chọn con đường ở giữa vừa giữ quyền bính (với chủ nghĩa Cộng Sản làm bình phong) vừa cải tổ kinh tế theo thị trường tự do. Lại một cái bánh vẽ nữa với hy vọng lần này, bánh vẽ độc tài chính trị và cởi mở kinh tế sẽ hơn cái bánh vẽ cũ là độc tài toàn diện. Ai cũng biết, kể cả Cộng Sản, là độc tài không đi đôi với cởi mở và kinh tế lẫn chính trị là hai mặt dính liền của xã hội, do đó thật tình Cộng Sản cũng đang tìm lối thoát "vinh dự" như Hoa Kỳ tìm cách rút quân "danh dự" khi xưa. Biết vậy, phe quốc gia tự do cần giải quyết hộ Cộng Sản vấn đề "sĩ diện," vì một cuộc cách mạng đổ máu hiện tại không thực tế và vì máu Việt Nam đã đổ quá nhiều trong 45 năm qua.

Giải quyết vấn đề êm đẹp tức là chấp nhận những *cải tổ tiệm tiến,* những cải tổ này chỉ có Mỹ mới đủ lá bài để đánh với Cộng Sản: ta hãy sát cánh với Mỹ để Mỹ mặc cả những cải tổ kinh tế trước, khi kinh tế đã vào quỹ đạo thị trường tự do thì các ông ngồi trên lưng cọp hiện tại sẽ dần dần văng xuống đất hoặc nhẩy vào quỹ đạo mới, diễn trình này phải xẩy ra trong lịch sử dù Đông Âu hay Á Châu xét theo ngọn gió dân chủ đa nguyên đang thổi.

Đòi hỏi hiện tại của người quốc gia tự do là những đòi hỏi thực tế, bước một, và là những đòi hỏi mà Cộng Sản có thể "nuốt" được, thí dụ:

1. Các bộ Kinh tế, Canh Nông, Thương Mại, Kỹ Nghệ v.v. . . dành cho các chuyên viên được đào tạo tại ngoại quốc và không Cộng Sản.

2. Chấp nhận và bảo đảm an ninh cho các chuyên viên Việt Nam quốc ngoại trở về nước lập các viện Đại Học, song song với các giáo sư Âu Mỹ, tại các miền từ Bắc chí Nam, để giảng dậy theo mô thức giáo dục nhân bản khai phóng.

3. Quốc Hội Cộng Sản hiện tại cần dành 50% cho các người không Cộng Sản và từ đó thành lập nhóm tác vụ (task force) nghiên cứu cải tổ cơ cấu tiến tới đa nguyên dân chủ thực sự.

Đấy là vài đòi hỏi tiên khởi có thể làm được và không phải là những chửi rủa nặng lời kiểu chống Cộng cổ điển, mà cũng không phải là lối hòa hợp hòa giải của nhóm ăn cơm quốc gia thờ ma Cộng Sản. Cộng Sản đã chết nhưng dù chết cũng cần giúp con ma đó có lối thoát xác, thay vì cứ để nó tiếp tục bí lối quay ra hoành hành tác hại dân lành.

Hạ Long LƯU VĂN VỊNH

Trung Thu 1990

BỆNH MẤT TRÍ NHỚ TRUNG HOA

PHƯƠNG LỆ CHI
ĐẶNG HOÀNG dịch

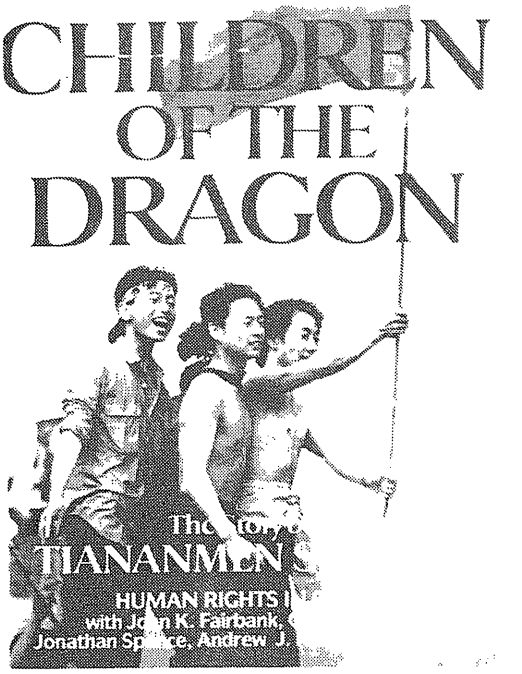

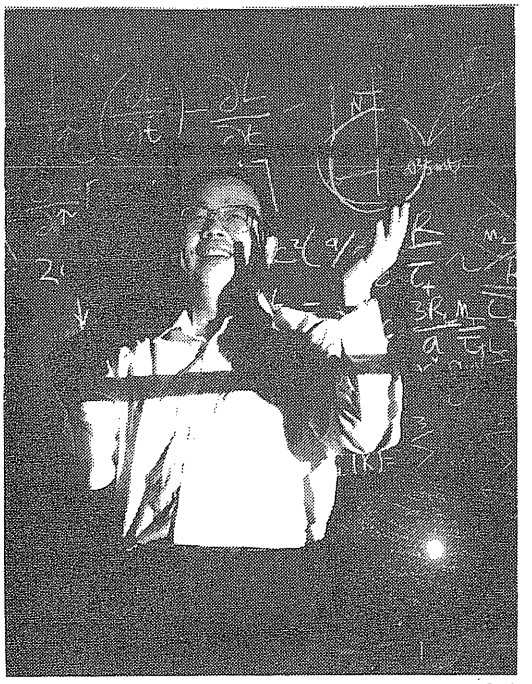

Giáo sư Phương Lệ Chi

(Nguyên Phó Viện trưởng Viện Đại học Khoa học và Kỹ thuật tại An Huy, Trung Quốc, và được giới truyền thông Tây phương mệnh danh là "Sakharov của Trung Quốc", Giáo sư Phương Lệ Chi đã bị khai trừ khỏi đảng cộng sản Trung Hoa vì tội "phản cách mạng" sau khi xảy ra những cuộc biểu tình của sinh viên tại quảng trường Thiên An Môn mùa xuân năm ngoái. Sau một năm lánh nạn ở sứ quán Hoa Kỳ tại Bắc Kinh, cặp vợ chồng họ Phương hồi tháng Sáu năm nay đã được nhà cầm quyền Trung Cộng cho phép xuất ngoại với điều kiện họ sẽ không có hành vi nào phương hại tới Trung Quốc. Phương Lệ Chi hiện nay là giáo sư Thỉnh Giảng của Hội Hoàng gia Anh tại viện Thiên văn Đại học Cambridge, Anh quốc.

Bài viết sau đây đã được tác giả soạn trong thời gian tạm trú tại sứ quán Hoa Kỳ. Bài này đăng trên The New York Review of Books, *số đề ngày 27 tháng Chín 1990. Bài thứ hai, "Vũ trụ không có trung tâm . . .", đã được sửa lại từ bài diễn văn đón nhận Giải thưởng Nhân quyền*

Robert F. Kennedy năm 1989, và được dùng làm một bài "tái bút" cho cuốn Những người con rồng, tập tài liệu và hình ảnh về những biến cố Thiên An Môn, do tổ chức "Nhân quyền tại Trung Quốc" mới xuất bản năm nay. Bài thứ hai này sẽ đăng trên Thế Kỷ 21 *số tháng Mười Hai, 1990 — Đ.H.)*

Hồi tháng Một 1989, vào tháng trú ẩn thứ năm của tôi trong sứ quán Hoa Kỳ tại Bắc Kinh, tôi nhận được hai lá thư từ Nữu Ước, một của chủ tịch một nhóm tên là Nhân quyền tại Trung Quốc, và một của một người bạn. Cả hai lá thư đều xin tôi đóng góp bút tự của tôi cho trang đề một cuốn sách mang tên *Những người con rồng* (1) mà hai vị lúc ấy đang hoàn chỉnh. Mới đầu tôi đã có ý định không làm. Lý do thứ nhất là tôi không kiếm đâu ra bút lông và nghiên mực Tàu trong sứ quán. Tôi chỉ có một máy đánh chữ Hán, đâu có thích hợp chút nào cho cái bút pháp đang cần thực hiện. Tôi cũng chẳng khoái mấy bốn cái chữ "*Long đích truyền nhân*" (2) nữa. Lấy một con rồng, một sinh vật không có thực, để tượng trưng cho dân tộc Trung Quốc, có vẻ như ngụ ý là dân tộc Trung Hoa là chủng loại duy nhất. Điều này đi ngược với lòng tin cơ bản của tôi là bản chất nhân loại có tính cách phổ biến và không chấp nhận một sự phân biệt chủng tộc nào hết.

Thế nhưng, bởi tôi đã hoàn toàn đồng ý với cái tinh thần và nội dung của cuốn sách mà hai nhà biên soạn đang chuẩn bị, cuối cùng tôi đã tìm được cách để thực hiện cái lối viết đẹp kia. Tôi nghĩ, đôi khi các nhan đề sách chỉ là những sáo ngữ thuận tiện mà thôi; cần gì phải quá ư đắn đo về cái đó. Giờ đây cuốn sách đã được xuất bản, tôi mừng là nó mang cái đóng góp bốn chữ ấy của tôi.

Là người đóng góp bốn chữ đó, cho nên về mặt kỹ thuật tôi cũng là một trong các tác giả của *Những người con rồng* vậy. Là tác giả tất nhiên ai cũng mong cho sách mình lưu hành rộng rãi. Nhưng tôi muốn chứng minh, trong phần còn lại của bài tiểu luận này, tại sao tôi sẽ còn sung sướng hơn nếu như sự lưu hành chỉ vừa phải mà thôi.

Dường như không có một số chính xác nào về những sách đã được xuất bản tường thuật những biến cố Thiên An Môn vào mùa xuân 1989. Nhưng chắc chắn đã có nhiều. Một người bạn tại Đại học Columbia mới đây viết cho tôi nói rằng bà và một đồng nghiệp người Trung Hoa của bà, cả hai đã là người mục kích tại Thiên An Môn, thoạt kỳ thủy đã dự định viết một cuốn sách về nó. Nhưng các nhà xuất bản bảo họ rằng những sách về Thiên An Môn xuất hiện nhiều đến cái độ thị trường đã "bão hòa" rồi. Hai người đành phải bỏ rơi kế hoạch. Dường như lúc này một cuốn sách mới về Thiên An Môn chỉ có thể lưu hành khiêm tốn mà thôi.

Theo tôi, một thị trường lớn nhưng "bão hòa" tự nó đã là một trong những hậu quả quan trọng nhất nảy ra từ những biến cố Thiên An Môn. Nó báo hiệu sự thất bại của "Kỹ thuật quên lịch sử", từng là một phương sách cai trị của cộng sản Trung Hoa. Tôi đã sống dưới chế độ cộng sản Trung Hoa trong bốn chục năm, và đã có nhiều cơ hội quan sát cái kỹ thuật này trong thực hành. Mục đích của kỹ thuật ấy là bắt toàn thể xã hội quên đi lịch sử của nó, và nhất là cái lịch sử thật sự của chính cái đảng cộng sản Trung Hoa.

Năm 1957 Mao Trạch Đông phát động một Phong trào Chống Hữu phái *(Phản hữu Vận động)* để thanh trừng giới trí thức, và 500,000 người đã bị khủng bố. Một số bị giết, một số tự sát, và một số bị tù đày hoặc đưa đi "lao động cải tạo". Hình phạt nhẹ nhất là được liệt vào loại "Hữu phái". Hình phạt này được gọi là "mang nón" và có nghĩa là ta bị mang một vết nhơ rất lớn. Năm đó tôi vừa mới tốt nghiệp đại học, và cũng trong năm đó bị thanh trừng lần thứ nhất.

Sau vụ thanh trừng Chống Hữu phái năm 1957, điều làm tôi lo ngại nhất không phải là việc tôi đã bị trừng phạt, hoặc là tự do tư tưởng đã bị tước đoạt. Hồi ấy tôi vẫn còn là một người tin tưởng, hoặc bán tin tưởng, vào chủ nghĩa Marx, và cho rằng việc phê phán tự do tư tưởng, kể cả tự do tư tưởng của riêng tôi, đã không hẳn là không hợp lý.

Nhưng cái điều làm tôi lo ngại, điều tôi đã không thể hiểu nổi, là tại sao đảng cộng sản Trung Quốc lại muốn dùng những phương pháp tàn nhẫn như thế chống giới trí thức chỉ vì họ đã biểu lộ có một chút xíu (và có người còn không một chút nào) tư tưởng độc lập. Trước đó tôi đã vẫn luôn luôn cho rằng quan hệ giữa đảng cộng sản và giới trí thức, kể cả những người trí thức có đôi chút tư tưởng độc lập, là một quan hệ thân hữu — hay ít nhất không phải là thù địch.

Về sau tôi mới khám phá ra rằng điều lo ngại này của tôi đã là lố bịch trước mắt những người thầy và bằng hữu của tôi lớn hơn tôi mười hay hai chục tuổi. Họ đã cười về cái dốt lịch sử của tôi. Họ bảo tôi rằng, ngay từ năm 1942, lúc đảng chưa cướp được quyền kiểm soát toàn quốc, những phương pháp tàn bạo tương tự cũng đã được áp dụng tại căn cứ cộng sản tại Diên-an. Tại đại học tôi đã học những lớp về lịch sử đảng cộng sản, và tất nhiên có được biết rằng năm 1942 tại Diên-an đã có một phong trào "chỉnh đảng" nhắm vào "tự do chủ nghĩa", "cá nhân chủ nghĩa" và những tư tưởng phi-Mác-xít khác. Nhưng quả thật là tôi đã không hề biết rằng những phương pháp chỉnh đảng lại bao gồm cả "phê bình và đấu tranh" — mà trong thực tế có

nghĩa là cưỡng bách người ta tự sát, và ngay cả xử tử bằng cách chém đầu nữa. Những người đã có kinh nghiệm về (thời kỳ) "chỉnh đảhg" Diên-an thường tái mặt mỗi khi nghe nói đến nó. Nhưng mười lăm năm sau thế hệ của tôi đã hoàn toàn không biết gì về nó cả. Cho nên chúng tôi bị chế nhạo là đáng lắm.

Mười ba năm sau nữa, năm 1970, đến lượt chúng tôi chế nhạo cái thế hệ trẻ hơn. Dịp đó vào giai đoạn giữa cuộc Cách mạng Văn hóa xảy ra từ 1966 đến 1976. Trong giai đoạn đầu cuộc Cách mạng Văn hóa, Mao Trạch Đông đã dùng sinh viên đại học (trong số này có nhiều người đã ủng hộ y một cách cuồng tín), để hạ bệ đối thủ chính trị của mình. Nhưng những năm đầu thập niên 1970 lại chính những sinh viên này đã trở thành mục tiêu tấn công. Năm 1970 tất cả mọi giáo sư và sinh viên phân khoa vật lý Đại học Khoa học Trung Quốc đã bị đưa đi một mỏ than ở Hoài Nam, thuộc quận An Huy, để "cải tạo". Hồi đó tôi đang làm giảng sư vật lý. Phong trào "phê bình và đấu tranh" chống lại "những ngôn từ và hành động phản cách mạng" của sinh viên đã lên tới cực điểm vào mùa hè. Một số sinh viên bị "đấu tranh"; một số khác bị câu lưu "để điều tra"; nhiều người đã không chịu nổi nỗi thống khổ của cái không khí chính trị ô nhiễm đó và lâm bệnh. Một trong những công tác được giao phó cho tôi là kéo xe ván (giống xe ngựa nhưng do người kéo) để chở sinh viên bị bệnh. Trong số lối bốn mươi sinh viên làm việc trong cùng một mỏ với tôi, hai người đã bị đồn tới chỗ tự sát — một người nhảy từ cao ốc xuống, một người nằm đằng trước xe lửa.

Phần lớn những sinh viên này, cũng ngây thơ như tôi hồi 1957, chưa bao giờ tưởng tượng rằng chánh phủ cộng sản lại có thể đối xử tàn bạo như thế với sinh viên, là những người đã từng theo họ trung thành như thế. Về sau có một sinh viên, sau này là bạn đồng nghiệp của tôi trong ngành nghiên cứu vật lý thiên thể (và hiện nay đang ở HK), tâm sự với tôi rằng chàng đã không hề hay biết chút gì về lịch sử đích thực của cuộc Vận động Phản hữu cả. Chỉ cho tới khi chính mình bị giam giữ và thẩm vấn thì chàng mới bắt đầu dần dần hiểu được tại sao một số người lớn tuổi mà chàng quen biết đã sợ hãi đến thế mỗi khi nghe thấy mấy chữ Phản Hữu. Toàn thể câu chuyện của những nhân vật và vấn đề chính của Phản hữu Vận động đã trở thành một khoảng trống khổng lồ đối với thế hệ này.

Hết thảy những sự việc đó đã lại được lập lại vào năm 1989. Theo một bản điều nghiên chưa hoàn tất của những sinh viên đã tham gia phong trào dân chủ Thiên An Môn, thì trên một nửa số sinh viên đã không biết đích xác về những gì đã xảy ra vào mùa xuân 1979, hồi mà giới thanh niên tích cực hoạt động đã công bố quan điểm của họ trên tường Dân chủ ở Bắc Kinh và rồi bị bắt vì đã có hành động ấy. Họ không biết gì về việc Đặng Tiểu Bình đã khủng bố những người tham dự Phong trào Tường Dân chủ *(Minh chủ Tường Vận động)*, hoặc về "Hiện đại hóa thứ năm" (3), hoặc về việc Ngụy Kinh-sinh, một trong những người hoạt động lên tiếng to nhất, vẫn đang còn nằm tù vì những hành động của ông. Những biến cố xảy ra mới mười năm trước đây thôi mà đã trở thành lịch sử vô danh đối với thế hệ mới này rồi.

Cứ như thế, lối một lần mỗi thập niên, mà bộ mặt đích thực của lịch sử đã hoàn toàn bị xóa nhòa khỏi ký ức xã hội Trung Hoa. Đây là mục tiêu của chính sách "Quên Lịch sử" của những người cộng sản Trung Quốc. Trong nỗ lực ép buộc toàn thể xã hội rơi vào một tình trạng quên lãng liên tục, chính sách này đòi rằng bất cứ một chi tiết lịch sử nào không có lợi cho bọn cộng sản Trung Quốc thì không thể được phát biểu trong diễn văn, sách vở, tài liệu, hay bằng bất cứ một phương tiện truyền thông nào khác.

Năm 1987 là dịp kỷ niệm năm thứ ba mươi cuộc Phản hữu Vận động. Vào tháng Một 1986, Hứa Lương-anh (Xu Liangying), Lưu Tấn-nhạn (Liu Binyan) (4), và tôi chuẩn bị cho một hội nghị nhìn lại Phản hữu Vận động theo quan điểm của ba chục năm sau. Mục tiêu chủ yếu của chúng tôi là thiết lập một hồ sơ về lịch sử đích thực của thời kỳ này. Mặc dù cuộc vận động đã mang đau khổ đến cho nửa triệu người (con số người bị hành hạ tới chết còn lớn hơn rất nhiều con số người bị giết trong vụ tàn sát Mồng 4 Tháng Sáu [1989]), thế mà chúng tôi tìm kiếm hoài không thấy bất cứ một tài liệu công khai nào về lịch sử của nó. Những hồ sơ duy nhất về cuộc vận động đã nằm trong trí nhớ của những ai còn được may mắn sống sót. Rồi thời gian trôi qua, những kẻ may mắn ấy rồi cũng sẽ thưa dần đi, và đối với thế hệ trẻ hơn thì cái ấn tượng về Phản hữu Vận động đã phai nhạt dần. Chúng tôi đã muốn tạo được một hồ sơ về cuộc vận động trước khi không còn nữa những kẻ có thể cung ứng những bản tường thuật bằng miệng.

Dự định của chúng tôi lập tức bị nhà cầm quyền ngăn cấm. Trung tuần Tháng Chạp 1986, chúng tôi gởi đi những thông báo đầu tiên về một "Hội nghị Học thuật Kỷ niệm Năm Thứ Ba-mươi cuộc Chỉnh đảng Chống Hữu phái". Sự hưởng ứng đã thật mau lẹ. Nội mấy ngày đã có nhiều người gửi đến chúng tôi bài thuyết trình, có người còn tỏ lòng ủng hộ bằng cách gửi tiền nữa. Nhưng nhà cầm quyền phản ứng cũng mau lẹ không kém. Hứa Lương-anh và Lưu Tấn-nhạn đã bị làm áp lực vô cùng nặng nề (tôi được tha vì lẽ lúc đó không có mặt tại Bắc Kinh). Sau hai tuần lễ, đã không còn cách nào hơn là phải thông báo không

thể tổ chức được hội nghị. Điều này chứng tỏ rằng, ngay đến những biến cố đã xảy ra ba mươi năm trước, nhà cầm quyền cộng sản cũng còn không muốn cho phép mở ra chút nào thảo luận tự do, và chỉ muốn cho phép người ta hoàn toàn quên lãng. Vì thế mà ngày nay người ta vẫn không tìm được trên thị trường sách ở Trung Quốc một tài liệu nào thảo luận sâu xa về Phản hữu Vận động năm 1957.

Tiếc thay, tài liệu của Tây phương về Trung Quốc, theo sự hiểu biết của tôi, dường như cũng thiếu một cuốn sách như thế. Phần lớn lịch sử về Chủ nghĩa Cộng sản Trung Hoa đã không được thế giới biết tới, hoặc đã bị lãng quên. Nếu như, bên trong Trung Quốc, nguyên cả xã hội đã bị nhà cầm quyền cưỡng bách phải quên đi, thì tại Tây phương cái hành động lãng quên đó có thể được quan sát thấy trong tác phẩm một số người viết có ảnh hưởng đã cố tình làm ra vẻ không biết đến lịch sử và đã sẵn lòng chiều theo "công luận chuẩn đích" của hệ thống kiểm duyệt cộng sản.

Tác phẩm của nhà văn quá cố Edgar Snow cho ta một trong những thí dụ có ý nghĩa nhất về khuynh hướng này. Snow đã sống nhiều năm tại Trung Quốc, ta phải cho rằng ông đã hiểu biết xã hội Trung Hoa chứ. Vậy mà, trong những bản tường trình về Trung Quốc sau khi cộng sản lên nắm chính quyền, ông đã chỉ một mực tuân theo những yêu cầu tuyên truyền của chế độ — kể cả việc quên đi lịch sử. Trong cuốn *Trung Hoa đỏ ngày hôm nay* ông đã nói như thế này về Trung Quốc hồi những năm đầu thập niên 1960:

> *Tôi đã dầy công tìm kiếm mà không thấy có người đang chết đói hoặc người ăn xin để chụp hình. Mà cũng chẳng ai khác tìm thấy ... Tôi phải xác nhận rằng tôi đã không thấy có người chết đói ở Trung Quốc, không có gì giống như nạn đói kém thời xưa, (và) rằng tôi không tin là hiện nay, lúc viết sách này, tại Trung Quốc có nạn đói kém (5).*

Sự thật là (ngay đến bọn Trung Cộng cũng không dám công khai phủ nhận), những năm đầu thập niên 1960 đã có một trong những vụ đói kém lớn nhất trong trên hai ngàn năm lịch sử có ghi chép của Trung Quốc. Trong ba năm từ 1960 đến 1962 xấp xỉ hai mươi lăm triệu người ở Trung Quốc đã chết vì đói. Còn như người ăn xin, thì chẳng những họ có mặt, mà còn có cả một thứ "văn hóa", với những đặc tính cộng sản nữa. Năm 1973, tại An Huy, tôi được nghe một bản phúc trình của viên Bí thư Đảng "tiên tiến" một làng nọ. Một trong những kinh nghiệm "tiên tiến" của hắn là tổ chức dân làng thành những đội hành khất để đi ăn xin tại khắp vùng quê lân cận.

Mộ Snow đặt trên một gò đất nhỏ tĩnh mịch và hẻo lánh trong khuôn viên Đại học Bắc Kinh. Sinh thời ông ta được kính trọng tại Trung Quốc, không một ai ngờ vực lòng quý mến thành thật của ông đối với Trung Quốc và người Trung Quốc. Nhưng sách ông viết đã không nhận được một lòng kính trọng tương tự. Sách của ông đã chấp nhận quá nhiều quan điểm của người bạn cũ Mao Trạch Đông, nghĩa là quan điểm của bộ máy tuyên truyền chính thức cộng sản. Những tác phẩm của giới chuyên môn về Trung Quốc như Snow thực ra đã phục vụ như một "Bộ Tuyên truyền Đặc biệt" cho cộng sản. Chúng đã giúp cái "Kỹ thuật Quên Lịch sử" của cộng sản trở thành một đường tròn trọn vẹn, liên tục cả bên trong lẫn bên ngoài Trung Quốc.

Cái loại ngoại việc này đã giúp những người cộng sản Trung Hoa, trong một thời kỳ lâu dài, tiếp tục những hoạt động của chúng vượt khỏi tầm với của dư luận thế giới và được miễn kiểm tra hữu hiệu. Hồ sơ hung bạo của cộng sản về những vi phạm nhân quyền chẳng những bị cấm ghi nhớ và cấm thảo luận bên trong Trung Quốc mà còn được thế giới bên ngoài phần lớn bỏ qua; thế giới chưa bao giờ lên án sự đàn áp của nó với sự khẩn cấp và khắt khe thích đáng.

Những biến cố tại quảng trường Thiên An Môn đã là ngoại lệ đầu tiên cho cái mô hình ấy — lần đầu tiên sự tàn bạo của cộng sản Trung Hoa đã được ghi chép đầy đủ, và lần đầu tiên mà hầu như toàn thể thế giới đã đồng tình chỉ trích sự bạo tàn đó.

Dù rằng, bên trong Trung Quốc, bọn cộng sản vẫn đang làm mọi thứ chúng có thể làm đặng đẩy mạnh cái "Kỹ thuật Quên" của chúng, thế nhưng cái "Đặc biệt Tuyên truyền Bộ" của chúng không còn nữa. Lập trường của giới tạo dư luận thế giới, và nhất là của giới ký giả và quan sát viên đủ loại bên trong Trung Quốc, cũng đã thay đổi. Hồi đầu thập niên 1960 Edgar Snow đã được mời đứng cạnh Mao Trạch Đông trên nóc tường ở Thiên An Môn và tham dự những cuộc lễ nghi đình đám. Tới năm 1990, thì số phận của giới ký giả đã còn bao gồm cả những vụ lính tráng đánh đập mình ngay dưới chân cùng một bức tường đó. Điều này đã là một trong những thay đổi vô cùng có ý nghĩa do những biến cố Thiên An Môn gây ra.

Do đó, tình trạng "bão hòa của thị trường" sách vở về Thiên An Môn tượng trưng cho một sự kiện quan trọng: nếu như mối quan tâm của quốc tế về sự đàn áp của chế độ (cộng sản) có thể phai nhạt phần nào, thì bọn cộng sản Trung Hoa sẽ không còn thoát được khỏi tầm với của dư luận thế giới nữa. Những sự kiện sẽ thôi không còn bị giấu diếm dễ dàng nữa, và lịch sử đích thực của những biến cố năm ngoái sẽ chẳng thể nào bị lãng quên nữa. Đây là một bước đi không thể thiếu trong việc Trung Quốc kết giao với thế giới và đi về hướng tiến bộ. K

ĐẶNG HOÀNG dịch
theo bản dịch Anh ngữ của PERRY LINK

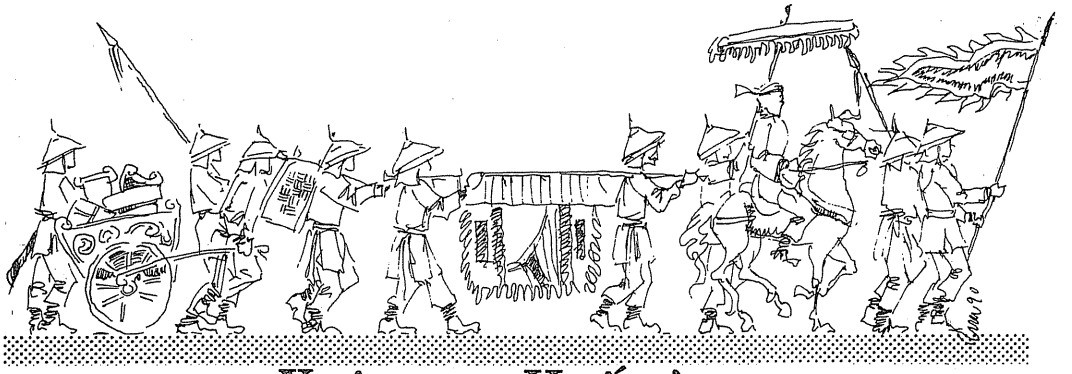

Xuân xưa Huế vàng

TÚY HỒNG

Những nàng tiên trong cung cấm trải rộng mùa xuân trên năm sắc áo, màu lục già của Công chúa Như Hoa tuy thanh bai nhưng trông đượm buồn bên cạnh màu hoàng yếu sóng sánh ánh sao, màu hồnn phấn mờ ảo, màu tím than thẫm đậm. Ba mùa tám tiết, điện Thái Hòa vẫn cầm chân những nàng công nữ cao số giết nỗi cô đơn bằng canh bài nước bạc và mùa xuân thì tam cung lục viện đều họp mặt vầy sòng sau khi bầy thể nữ dâng hương, xông trầm, đốt quế ngào ngạt hơi ngút vần quanh lân cận. Trong điện Thái Hòa ấm áp như có một mùa hạ và ngoài nắng mới, ngày trưởng xuân lạnh lẽo hơn so với những ngày chót của tháng chạp vừa mất. Đức Hoàng Thái hậu Từ Dụ ngự sang cung Thanh Hư khai bút đầu năm với bài thơ liên hoàn ngợi ca chốn đế đô nghiêm mật mơ màng triều Nguyễn.

Xuân trong cung cấm là Xuân đen đỏ, các nàng Công chúa nghĩ được gì rộng hơn những lá bài và hoàng tử và vương tôn và công hầu khanh tướng. Ngày Tết, những người con gái Hoàng tộc thức dậy vái chào nhau, nhìn nhau trang điểm, trao đổi vài câu chúc tụng rồi ngồi đợi giờ triều bái Thái hậu, Thánh thượng, và Hoàng hậu sau khi bước ra am lễ Phật. Trong Cung lạnh không có người khác phái, các Hoàng tử, vương tử, tôn thất chiếm cứ giang san bên trái nam tả nữ hữu thụ thụ bất thân ngày đêm không tương ngộ. Những ông con vua cháu chúa đó được người thứ dân gọi là các Mệ, các Mụ và họ cũng tự xưng mình là Mệ là Mụ tuy không phải là đàn bà. Chỉ ngày Nguyên đán, con cháu chắt chiu hai nhánh Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng mới họp mặt đông đủ ở Cung Từ Dụ để lạy mừng Thái hậu cùng Thánh thượng muôn muôn tuổi.

Cả họ Nguyễn đông gần chật làng nước hầu như đều thất nghiệp, nhàn rỗi sống bám vào một người làm việc là Vua. May mà tôi sinh ra làm Công chúa, nếu là bách tính và với tấm sắc đẹp này, có thể tôi sẽ bị gọi vào Cung làm vợ Tôn thất. Có ông Hoàng hư hỏng đến độ bán cả đãy gấm khăn điều đựng cau trầu thuốc hút để lấy năm xu mua củ khoai lang. Có ông Hoàng suốt đời cam phận nữ nhi đánh đôi má trắng, điểm đôi chút gò hồng và rõi đôi hàm răng đen bóng như hạt dưa hấu; có ông Hoàng nợ như Chúa Chổm họ Trịnh ở ngoài Bắc... Những ông Hoàng đó sáng dậy súc miệng bằng rượu vua ban rồi ngồi khom lưng rung đùi đánh bạc thâu đêm phải ăn yến sào chưng với bầu dục con sơn dương lấy sức. Bao nhiêu nhà nho, bao nhiêu võ sĩ được tuyển vào cung dạy học, nhưng những ông Hoàng họ Nguyễn Phước và Tôn Thất cứ già đời văn dốt vũ "dác" vác hà bao đi ve gái Chợ Dinh không thôi.

Các bà Công chúa, Quận chúa, Công tần tôn nữ cũng vậy. Chốn thâm cung nghiêm mật mơ màng đã đào tạo trở nên những con bạc cự phách, già dặn ngày đêm ôm thần đen đỏ đợi chờ những ông Phò trong mộng ước áo mão cân đai.

Bầy thể nữ dâng trà, mứt bánh rồi trải chiếu rồng bày ra bốn sòng bạc: Hai hoàng tức, một bà chúa góa và một bà chúa già ngồi cong vòng xương sống chơi bài Tứ sắc, bộ bài Tàu này tượng trưng một tổ chức quốc gia lành mạnh vì kẻ chỉ đạo bao giờ cũng là những vị tướng lãnh tài ba trong quân đội, tướng thì đỏ, tướng thì trắng, và vàng và xanh, hai bên sĩ tướng xe pháo tháp tùng để cuối cùng Tốt sang sông giết giặc.

Sáu nàng quận chúa nhỏ choai choai thì mải chơi Bài Tới: Ôn Âm đi chợ bỏ vợ ở nhà, gặp nàng Bạch Tuyết đỏ mỏ cặp tay chú Đội Đấu tứ cẳng đang ôm Bát Bồng chạy lăng quăng đứt Gióng sập cầu...

Mấy cô Công huyền Tôn nữ tuổi dại mê vui thì đang đổ Bài Vụ tôm cua rùa cá cứu cái một chung thành sáu.

Sôi nổi hơn hết là sòng bạc Tam hường cười nói dòn tan với sáu hạt nhất lục chồm lên tung

hô reo hò, âm thanh nhộn nhịp dậy khắp cung cấm. Quân bài bằng ngà nạm san hô, thỉnh thoảng chạy vài đường vàng diệp, hạt tào cáo màu ngọc tía, điểm vân son, khoáy tròn trong lòng chén sứ, la hét nô đùa từng hồi từng chuỗi. Hạt bằng ngọc, lên nước bóng ngời vì ủ hơi tay của những con người hoàng phái.

Tam hường điển hình mọi ham muốn trưởng giả, phong kiến, mọi ý nghĩ phân chia giai cấp trong xã hội quân chủ một thời không giặc giã. Người ta đã đem từng bằng cấp để đặt tên cho mỗi quân bài. Cầm đầu hoạn lộ công danh là một vị trạng nguyên mĩ mạo, mũ cao áo dài và thấp nhất trên đường đua là anh tú tài thất nghiệp áo chúc bâu quần vải cộc.

Đổ tam hường người ta thường nóng mặt vì không phải ai ai cũng ủ mộng lấy được trạng nguyên mà trạng ta thì vô tình như bướm nên hay bị "cướp" tay trên. Nếu gieo tứ hường thì trạng hai tuổi còn bú mẹ phải chui vào tay áo trạng ba. Đó là những ông trạng còn non xèo, chưa sạch máu đầu, công nương hãy khoan cất vào tim. Áp trạng là hai ông trạng em tuổi vừa đôi tám; bước công danh của trạng em thường là một bước đường thông "*suốt*" nhưng đôi khi cũng phải "*phân song*" vì cuộc thế nổi chìm "*lúc lên lúc xuống ngựa*". Bốn vị tam nguyên đeo bốn túi thơ, bốn bầu rượu với "ba" cái "hường" lô trĩu nặng trên nếp áo sa đen, tuy mắc vòng công danh nhưng thiệt là những tấm chồng trung thành. Họ rất yêu vợ, ngày đêm gọi vợ bằng em; mặn nghĩa tào khang nên không ai có thể "cướp" tam hường trên tay hiền thê của chàng cả. Kén vợ đệ nhất là tám ông Tấn sĩ hàm tứ tự, mỗi ông có một chòm râu để vuốt. Ông Nghè oai to, lính ông Nghè oai nhỏ, luôn luôn đe dọa những cô bán rượu đồng trinh. Nếu mộng tam nguyên không thành, chỉ hai lần ra mặt tứ đỏ, thì "nhị hường" đành nhận cử nhân. Có đến mười sáu cử nhân và ba mươi hai tú tài. Những anh tú gầy chỉ còn xương, ngày ngày nằm kềnh ra ăn bám nách vợ, nói xỏ xiên cuộc đời cho đã giận. Người ta gọi tôn Tú tài là ông "*hường nhất*".

Thời thế tạo anh hùng, tú tài sẽ lên mặt ngồi võng điều với Tấn Sĩ: *Tứ tự nhất hường* và em ruột của trạng nguyên tìm đến kết nghĩa đồng sanh tử với người chăm chỉ ba khoa ba lần đậu đầu: *Phân song tam hường* . . .

Mắt các công chúa long lanh, kiểm soát những quân bài chặt chẽ một con kiến cũng không ăn gian được trong khi miệng vẫn cười to thả cửa, tay cụt kín nhau, bóp cổ, điểm huyệt. Tôi mỏi lưng quá, giơ nắm tay đấm nhẹ không hết liền đứng dậy. Chị Như Ngọc lắc lắc chén vài cái theo nhịp nụ cười sún răng trên miệng rồi nói:

"Như Mai chạy đi mô, mới ngồi được một chặp . . . Lúc nào trông em cũng hấp tấp như châu chấu trên cỏ cũng lanh chanh như hành chua giá dập."

Tôi bước nhẹ đến lầu thưởng nguyệt; trời đất cũng lạnh, miệng người sủi hơi khi cười nói. Lầu Vọng Nguyệt có chiếc thang nhỏ bắc lên trời theo hình mảnh trăng ốm. Ở nấc thang thấp, một con bọ ngựa, con ngựa nhà trời xanh màu đọt chuối, mang hai thanh kiếm xuống trần xin vôi ăn trầu. Tôi quay vào mang cả bình vôi ra, lấy chìa quẹt lên cặp kiếm răng cưa để ngựa bay về dâng trời. Còn nhớ lúc nhỏ thường bắt bọ ngựa để cướp hai cây gươm bén khiến bọ ngựa hiền lành như châu chấu bị bẻ càng.

Trong cung chỉ mình tôi hiếu học, ham đọc binh thư, anh hùng liệt nữ truyện và thường trộm phép Từ dụ Thái hậu tập tành võ nghệ với bầy cung nữ. Có một đêm đoàn nữ binh cơm no, ngậm tăm, do tôi làm đầu, kéo vào phòng các Công chúa nhét dẻ vào miệng, trói gô tay chân lại đem đặt ở lầu phấn cung. Đạo nữ binh dẫm lên bồn hoa của Thái hậu và đập chết con Bạch thử của Anh Hoàng đế Tự đức.

Tôi bảo chị Như Hoa:

"Đời Mãn Thanh, vua Càn Long chỉ dùng một mẹo nhỏ mà làm cho tất cả các phái võ nghi kỵ nhau, nổi lên đánh giết nhau. Ông vua chỉ đưa ra một chức quan, một miếng công danh mà làm đảo điên cả hệ thống các môn phái Thiếu Lâm, Nga My, Bạch Hạc, Côn Lôn, Võ Đương, Tây Khương, Hồng Quang, Không Động, Điểm Thương."

Công chúa Như Ngọc nhăn mặt:

"Lúc nào trông em cũng hệt như Sơn Đông mãi võ, như ông Tàu cạo cơm cháy chế thuốc cao đơn hoàn tán. Như Mai, em nghĩ gì về ái tình và công danh? Em có nghe Phụ hoàng vừa kể chuyện gì không? Rằng nhiều Công tử trong nước bỏ tước vị Công tử, bỏ đi xa làm thứ dân chứ không ở kinh đô nữa vì sợ bị lấy chị em ta, vì sợ phải làm phò mã bất đắc dĩ . . . Công danh cũng không quyến rũ được họ . . . em thấy không?"

Tôi đáp vội:

"Lòng chị sao mà rào rạt sóng tình! Em thì em nhận thấy các công tử ấy có lý. Tại vì hằng năm triều đình ban lệnh lập danh sách các công tử con quan, và các công tử con nhà giàu gửi vào hoàng cung để Đức vua và Hoàng hậu chấm chồng cho các công chúa . . ."

Chị Như Hoa thở dài:

"Chị nghĩ là danh dự của chúng ta bị chạm nặng . . . Nay mai em đã là vợ của công tử Nguyễn Lâm rồi . . . em không còn là người trong Cung nội nữa."

Tôi đen ở đôi mắt, trắng ở màu da và lòng tay gót chân thì đỏ như nhuộm phẩm. Mắt tôi ủ sương, tròng đen như trôi giữa tròng trắng . . .

Chị Như Hoa thở dài tiếp:

"Chị hơi khó tính nên chị

muốn đi tu để tự cô lập mình trong ngôi Chùa và bứt đứt hết mọi liên hệ với cuộc đời."

"Chị đâu biết võ nghệ mà cũng đòi đi tu?"

Tôi sắp chán chị Như Hoa, định bỏ đi nơi khác thì chị níu lại:

"Đức Thế tổ Cao hoàng chỉ phong cho các vị Hòa thượng hàm lục phẩm mà thôi . . . Theo chị, một kẻ chân tu đạo hạnh đáng được sắc phong hàng tam phẩm."

Chị Như Ngọc lại nhíu mày:

"Các nhà Sư chỉ nên ban cho cái hàm lục phẩm . . . Như Mai, tại sao em bảo đi tu cần phải biết võ nghệ?"

"Đạt Ma Sư tổ người Tây Tạng kiêm đủ ba phương diện: đạo hạnh, kiến thức, võ thuật . . . đều tuyệt luân. Đạt Ma Sư tổ vừa đi khắp nơi truyền đạo, vừa khai phá ra môn võ Thiếu Lâm và do đó có ngôi chùa Thiếu Lâm. Rồi đến Hồng Mi Lão tổ, Ngũ Mai Lão ni, Chí Thiện thiền sư, Bạch Mi đạo nhân . . . vị nào cũng siêu quần bạt chúng, tu thân truyền bá đạo Phật, thu nhận đệ tử để dạy võ nghệ. Đi tu như vậy mới đúng nghĩa đi tu, mỗi nhà sư cầm đầu một ngọn núi, lập chùa. Các chị thấy không? Võ nghệ và các thứ khí giới võ biền đều là con đẻ của cửa Thiền, đều do Sư đặt ra cả. Võ thuật, nguồn gốc là một bộ môn cứu người, bộ môn từ bi. Khi ta múa một thế võ, ta nên nghĩ rằng ta đang làm một cử động Từ bi.

Chị Như Hoa bực tức:

"Đầu óc em lúc nào cũng ngọ nguậy trăm mũi kiếm đường quyền, thế chưởng, em mê làm anh hùng cá nhân quá, chị không nói chuyện với em nữa . . . em mê sảng mất rồi."

Một cung nữ áo xanh bước vào vòng tay kính cẩn:

"Mấy Công chúa nhỏ đang chơi *đánh thẻ* ở ngoài kia, Hoàng Thái hậu truyền lệnh cấm . . ."

Mấy lúc này, Thái hậu ngăn cấm không cho tất cả công chúa đánh thẻ, thái hậu bảo rằng trong Đại nội, con vua đánh thẻ thì ngoài thứ dân, gạo thua hai lon ba hột. Năm ngoái phụ hoàng sắm cho các công chúa một bó thẻ gồm hai mươi bốn chiếc bằng pha lê dòn tan và trong suốt, còn cái hòn để liệng lên mà chụp làm một cái trứng vịt sống. Như Bảo tay chân nặng nề chỉ chơi được thẻ sáu, nhưng chưa qua canh năm thì hòn đã vỡ văng tròng trứng vịt ra và thẻ thủy tinh cũng gãy làm đôi. Tôi chấp Như Phiên ba lần, cho đi trước bằng trứng vịt luộc chín mà ván nào cũng nẽ được chân chị. Nẽ có nghĩa là thắng và dùng thẻ để đập vào chân đối thủ thật đau. "*Sang cái tay, trở cái chân bắt con một mà ăn*", nẽ đất, nẽ chân thì gãy thẻ nhưng không được bẻ gãy thẻ, phải cố làm cho rớt thẻ . . . *Rớt thẻ nẽ đau, rớt hòn dòn nẽ*, thế nào chân của chị Như Phiên cũng phải u lên một cục bằng trái ổi mới được.

Một cung nữ áo xanh khác vào bẩm:

"Hoàng Thái hậu truyền đòi Như Mai Công chúa đến chầu."

Tôi bươn bả đến Cung Từ Dụ, nghe như mình đang dùng phép thần hành lướt trên mặt đất bỏ xa con thanh nữ một đoạn đường dài.

Vào Chánh điện, tôi chấm mười gót chân xuống đất, nhấc cao hai bàn chân lên, rón rén đi nhẹ như một chiếc bóng nhưng Thái hậu cũng nghiêm trách:

"Như Mai không được dùng phép khinh công để đi trên mặt đất . . . Sao con không tỏ ra bình thường như những Công chúa khác. Con hãy trở ra lại cửa điện, đi bằng cả hai bàn chân rồi vào quỳ lạy trước mặt ta. . . Khi đi phải đặt cả hai bàn chân xuống đất không được lúm chúm ở mười đầu ngón chân. Lòng chân của con rất dày dặn, số con tốt hơn những công chúa khác.

Tôi bước lui trở ra, rồi đi bằng hai bàn chân . . . cốt cách của một Công chúa để đâu?. . . Con đi bằng mũi chân thì toàn thân nhún nhảy, lúc lắc có thể rung rinh nhưng lại thiếu thăng bằng dễ ngã, có thể sụp đổ cơ nghiệp. Phải đi bằng cả hai bàn chân rồi đi vào quỳ lạy bà nội.

Hai mắt chong thẳng, tôi khép vạt áo lui dần đến cửa chính; rồi cúi nhìn đất tôi uyển chuyển đi vào uốn mình lạy Thái hậu. Tổ mẫu vẫn còn chau mày:

"Như Mai, bước chân của con vẫn còn nặng nề, một người con gái đứng đắn không bao giờ kéo guốc, một tiểu thư khuê các không lê mạnh đôi hài, một Công chúa khi bước, tuyệt nhiên không để cho người ta nghe tiếng gót sen, cũng không nên để lại một làn hương khi mình đã đi qua."

Rồi Thái hậu chiếu mắt khám tôi. Ngài nhìn chăm vào xâu chuỗi minh châu nằm dài trên ngực tôi:

"Như Mai, con đeo xâu chuỗi ngọc trai dài mất thôi, con không biết giá trị, con không hiểu ý nghĩa của sự đeo ngọc vào cổ. Phải đeo thật cao, thật xa bộ ngực, phải đeo sát vào cổ để dứt cái nhìn của đàn ông, để đàn ông mải ham nhìn ngọc mà không tò mò nhìn đến bộ ngực của mình, để đàn ông mê ngắm ngọc mà không đưa mắt hạ thấp xuống trên thân thể mình. Ngoài ra, đeo ngọc để tránh bệnh tật, tránh ma quỷ ám hại, tránh rủi ro rắn độc. Người con gái phải xem xâu chuỗi ngọc như một lá bùa vừa để bảo vệ đức tính đoan trang của mình, vừa độ trì sức khỏe cho mình . . ."

Cỗ tràng hạt trên tay Thái hậu vẫn lăn từ từ, Ngài tươi mặt nói tiếp:

"Ngày xưa có anh chàng cưới được cô vợ rất xinh đẹp nhưng phải cái tật trắc nết lẳng lơ thường hay dong chơi cùng xóm để khoe sắc khoe màu. Bọn trai làng hùa nhau tán tỉnh, anh chồng cả ghen mới rèn một cái kiềng bằng sắt tròng cổ, xiềng cổ vợ lại. Chồng tưởng đó là một hình phạt khắt khe và

vợ sẽ xấu hổ không dám chường mặt ra ngoài, ai ngờ vợ cứ vác mặt đi rao . . . và từ khi mang kiềng sắt, mụ vợ coi bộ mặn mòi có duyên thêm. Thấy vậy, những người đàn ông khác liền bắt chước tròng kiềng vào cổ vợ. Cái tròng lại tăng giá trị cho con heo, những đứa con gái chưa chồng cũng a dua đeo kiềng làm đẹp . . . Người giàu thì đeo kiềng vàng, kiềng bạc, cái kiềng nghiễm nhiên trở thành đồ trang sức và trở thành thủ tục, người ta nhìn vào cái kiềng để phân biệt gia đình giàu nghèo, giai cấp sang hèn, rồi dần dần người ta nảy sinh sáng kiến đồi dào tưởng tượng chế ra dây chuyền, chuỗi ngọc để đeo cho lạ mắt . . . Ngày nay, công chúa nào đeo chuỗi dài là có tà ý dụ người đàn ông nhìn vào ngực mình.

Rồi Thái hậu truyền cung nữ lấy dây gấc xâu ngắn chuỗi minh châu của tôi lại. Những viên ngọc dư, ngài cẩn thận cất vào tráp bạc để sau này ban thưởng cho cung nhân thái giám.

Một lát, Thái hậu nghiêm nghị phán, mắt nhìn đám cung nữ:

"Hoàng gia đã đồng ý tuyển chọn công tử Nguyễn Lâm, thứ nam của quan Kinh Lược sứ Nguyễn Tri Phương, người làng Chí Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên làm Phò mã sánh duyên cùng Như Mai công chúa.

Tiếng anh hùng của Nguyễn Lâm rền vang trên trời dưới đất, chàng còn là một đô vật hạng nhất, những công tử trong nước không ai chịu nổi cánh tay cối đá của chàng, cánh tay Huỳnh cân lực sĩ vật ngã ai nhất định phải vỗ vào bụng người đó đủ bảy cái. Phụ vương dạy rằng Nguyễn Lâm là Khương Duy tái thế to gan lớn mật không sợ chết và biết trọng dụng sự sống của mình. Nhân một buổi thao diễn quân lực ở Cấm thành, sát cửa Ngọ môn, có ngài ngự duyệt lãm, bốn khẩu súng thần công bỗng

TRẦN TUẤN

Sàigòn cũ

gửi ông Văn đọc giải buồn
(võ sư, làm thơ)

Sàigòn cũ ta đi về mấy lượt
Gái Sàigòn tha thướt áo xiêm bay
Ta có cả một hoàng hôn mộng ước
Ngàn năm sau thiên địa đã phơi bày

Sàigòn cũ thuở đầu tiên gặp gỡ
Tà áo em xanh mướt cõi hoa niên
Tà áo nhẹ bồng bềnh như lịch sử
Như bồng lai chờ đón trích tiên

Đợt mây khói chập chờn bao ảo ảnh
Mới tinh khôi như thủy thảo thiên đường
Dù tắm đậm hình hài bao cát bụi
Dù đi về muôn vạn nẻo sâm thương

Sàigòn cũ ngàn năm như Chợ Lớn
Bến Chương Dương hay cõi Nhị Thiên Đường
Linh thổ đã bao lần ta đứng lại
Nhìn trăng rằm cổ độ mấy mùa sương

Trả lại ta cõi bờ muôn thuở cũ
Trả lại ta ngày tháng ngao du
Trả lại ta từng trang tờ lịch sử
Tuồng tích xưa năm tháng đã phai mờ

Cô Phùng Há và Kim Cương thuở ấy
Cô Kim Cương và Phùng Há bây giờ
Nơi phố thị đìu hiu trong rộn rã
Hồn thi nhiên buồn tự đáy hoang sơ

Triều thiên thượng dội lòng ta mãi mãi
Hoàng hôn về trên bến nước mênh mang
Nguồn có chảy sao lòng ta chẳng biết
Dưới trăng sao ta lại thấy huy hoàng

Ta lại nghe vẳng ngày nào tiếng hát
Lưng chừng trời Thánh Nữ giữa rừng sao
Bạn bè cũ hiện về trên sóng nước
Chuyện cười đùa lay động giấc chiêm bao

nhiên trục trặc bắn hoài không nổ, Phụ vương tức tối truyền cận vệ binh lấy nước sâm Cao Ly đổ vào miệng súng. Thay vì dỗ dành súng thần uống thuốc bổ, Nguyễn Lâm đĩnh đạc cầm bát sâm nuốt ực rồi quỳ xuống cúi đầu chịu tội khi quân. hoàng thượng vuốt râu ban thưởng cho chàng bảy nén bạc và phán rằng nội cả triều đình, tài văn võ không ai bằng chàng. Một lần khác, Phụ hoàng cùng quan Toàn quyền Pháp ở Đông Dương tham dự lễ thượng quốc kỳ, cờ đang lên, nửa chừng đứt dây, Nguyễn Lâm bèn cởi chiến bào, vận gân sức trèo lên cột cờ gỡ lá quốc kỳ cầm trong tay, leo lên đến ngọn treo vào, rồi đàng hoàng tụt xuống, mặt không hề biến sắc.

Thái hậu lại tươi mặt cười:

"Hoàng gia đã định ngày làm lễ hạ giá cho Công chúa Như Mai vào dịp Tết Đoan dương sắp tới."

Người con gái vương giả luống cuống tâu lên:

"Tổ mẫu, con không muốn xuất giá."

Hoàng Thái hậu nhìn lại giọng hơi cứng:

"Hạ giá, công chúa lấy chồng gọi là hạ giá; con gái quan và dân lấy chồng mới gọi là xuất giá. Như Mai, con quá ham chuyện võ nghệ nên dốt văn chương chữ nghĩa."

"Tâu Hoàng Thái hậu, con không muốn lấy chồng, con chỉ muốn đi tu thôi."

Đôi mắt Thái hậu nhìn tôi từ bi hơn bao giờ hết, tay ngài vẫn giữ xâu chuỗi Bồ Đề. Tất cả các vị vua triều Nguyễn đều sùng đạo Phật. Tất cả các nhà Sư dưới triều Nguyễn đều được sắc phong hàm lục phẩm.

Nàng Công chúa kiêu kỳ cúi đầu lập lại:

"Tình duyên không cảm được con như Phật giáo nhiệm màu, con chỉ muốn đi tu thôi. Chính những nhà Sư anh hùng giỏi võ nghệ cũng như giỏi Phật pháp đã làm con sùng kính. Xin Tổ mẫu ban ơn cho con được đi tu như Đức bà Linh Mụ và Đức bà Diệu Đế. Xin Tổ mẫu ban cho con một khu đất để xây chùa."

Đông đúc công chúa đang bị giam lỏng trong cung son điện ngọc, họ như một thứ hình nhân vật vờ múa rối, họ như những người nữ tù buồn tênh được giáo dục và huấn nghệ đợi ngày mang của hồi môn về nhà chồng. Có đến hơn chục bà Chúa góa bụa đang ép xác tu hành dọn đường lên Niết bàn, có đến vài chục công chúa già khó tính đang hâm nóng cuộc đời thiu nguội, họ già và trở nên khó tính bởi một số tập ấm công tử đã thay tên đổi họ bỏ đất kinh kỳ ra đi, và họ oan uổng lỡ mất mấy dịp hạ giá vì năm sáu cái đại tang liên tiếp của hoàng tộc. Trường hợp Công chúa Như An chẳng hạn: đang khấp khởi yêu đời vì được một công tử đẹp trai con nhà giàu nộp đơn làm phò mã thì xảy ra cái chết đột ngột của Hoàng thân Ưng Lăm và ba năm sau chế cha vừa hết thì Vương thúc Ưng Khoan lăn đùng ra qua đời, lại phải để tang thêm vài năm nữa.

Hồi môn của các Công nữ khá lớn, cất giữ ở cung Từ Dụ Hoàng Thái hậu, một vị nữ lưu xuất chúng thông hiểu kinh Phật, uyên thâm văn chương kim cổ và có thiên tài về khoa y lý như Thái Thượng Lãn Ông.

Hoàng gia sản xuất phấn nụ bán ra cho đàn bà bách tính đánh mặt mịn da. Công chúa nào siêng năng nhồi nắn nụ phấn thì dễ kiếm chút tiền còm. Xây bột gạo, mài củ sắn giây, nước thạch cao đà có cung nữ, các công chúa chỉ cần chút hoa tay ngồi lọc bột như người Lào lọc cát lấy vàng, tủn mủn từng hột bụi cho đến khi phấn kết tinh lại thành viên đem ủ nắng sương nửa mùa. Chị Như Phiên dồn được một số tiền mặt vì ngoài ra, chị còn biết vẽ tranh và thêu thùa với đường kim mũi chỉ sắc ngọt như đôi lông mày của chị ngày nào cũng nhổ.

Các công chúa già khó tính đêm đêm mất ngủ liền tâu xin Thái hậu lập một cảnh chùa trong hoàng cung cho câu kinh tiếng kệ xua tan niềm tục của ruột rà khi nhiều buổi chiều sẩm đậm, những hàng con gái cấm cung tê liệt tình dục ngồi nhìn nhau héo hắt khiến Thái hậu ngó cháu mà lòng se se. Có nàng công nữ buồn vào chiều muộn quệt nắng cuối chân ngày thoi thóp trút hơi để lại một chút hoàng hôn tối ám trước khi đêm đen gọi mời ma quỷ, có nàng Công tôn buồn vào tàn khuya chợt thức giấc lắng nghe giun dế hát xẩm không tiền.

Thái hậu đuổi hết cung nữ ra ngoài, rồi cẩn đôn, tiến lại gần bức tranh Tứ Mỹ đều giọng giải thích:

"Tất cả những công chúa ở trong cung nội, ta đang khổ công truy tìm tung tích các chàng trai xứng đáng trong thiên hạ để gả . . . để cho đi lấy chồng hết . . . Như Mai! Từ đây ta cấm con không được mở miệng đòi xin đi tu nữa mà ta muốn dạ con biết chữ *đồng* là gì? Vua Nghiêu vua Thuấn ngày xưa đã trị thiên hạ bằng hai chữ Cộng hòa tức là hòa đồng tình thương. Đọc các truyện cổ tích Việt Nam con có nhận ra chữ đồng nằm trong ấy? Đồng tức là cùng, người đàn ông và người đàn bà cùng có sức hút lẫn nhau. Chữ đồng có nghĩa là người đàn ông và người đàn bà đáp lại tình yêu của nhau một cách cân bằng chứ không phải bỏ nhau mà đi tu, có nghĩa là người đàn ông và người đàn bà huề nhau trong vấn đề tình ái không chênh lệch cán cân. Ngày xưa, Trọng Thủy sang Việt Nam làm gián điệp ăn cắp nỏ thần, vua An Dương Vương tha My Châu lên lưng ngựa chạy trốn, My Châu rắc lông ngỗng đánh dấu đưa đường cho Trọng Thủy biết lối tìm theo nên bị vua cha giết chết bên bờ biển. Trọng Thủy đắc thắng, chôn xác người yêu rồi nhảy xuống giếng tự tử. Câu chuyện được truyền tụng cho

đến bây giờ nhờ một điểm son đỏ nổi bật: Trọng Thủy đã xử vẹn chữ đồng, Trọng Thủy đã xử huề với My Châu . . . Cổ tích này thuộc loại văn chương truyền khẩu không được bút mực ghi chép lại nhưng người bình dân không muốn để mất câu chuyện đó, họ truyền miệng đời đời để giữ lại đời đời.

Trương Chi thất tình My Nương thác xuống tuyền đài trái tim chai lại thành đá được đẽo gọt nên hình chiếc chén trà đẹp đẽ mỗi lần rót nước vào, khuôn mặt chàng đánh cá lại hiện ra với âm ba tiếng sáo sầu, My Nương nhìn bóng chàng trong đáy chén, cõi lòng chợt dâng cơn khóc, lệ tình nhỏ xuống, chén ngọc tan thành nước. Khối tình Trương Chi đã được đáp lại, hai quả tim đã tự xử huề với nhau.

Đó là căn bản dân tộc tính của người Việt Nam, người Việt Nam hiếu hòa luôn luôn giải quyết mọi oan khiên mâu thuẫn bằng cách xử huề. Rồi những áng văn chương khác sẽ bị lãng quên với thời gian trong khi truyện cổ tích chỉ là truyền khẩu mà lại được nhớ kỹ đời đời vì đã vươn tới mức hòa đồng những tình cảm dân tộc. Như Mai, tình yêu chính là tình cảm có trước nhất của một dân tộc, con phải nhận lãnh tình yêu, con không thể đi tu."

Ra khỏi Cung Từ Dụ ngang qua lầu Hướng Dương, tôi dừng chân lại bên nhà nuôi chim của vua cha. Những con chim đẹp trên trời đều bay về lồng vàng của Phụ vương: Sẻ Cao Ly mình hạt dẻ, sáo Mông Cổ màu rêu lục và những con chim khổng lồ của người da trắng hiến dâng. Tôi vốc nắm hạt kê tung lên cho những con chim tài tử biết hát thuộc lòng mọi ca khúc của suối, của rừng mà không cần ngó vào bản nhạc. Lũ vẹt phường chèo thì hót không sõi, ngọng lên ngọng xuống, có lẽ lưỡi ngắn, lũ chim ca kỹ thì ngâm mãi một điệp khúc:

"Như Mai sắc nước hương trời. Như Mai sắc nước hương trời."

Thái hậu bao phen truyền chỉ giam đói loài chim ninh đó và đày chúng xuống ở trong những chiếc lồng tre hẹp và thấp gần đụng đất."

*

* *

Cậm mấy mẫu đất mà hơn hai tháng nay trồng trọt chưa xong, tôi muốn biến khu vườn riêng này thành một thứ vườn Thượng uyển trồng đủ mọi thứ cây quý lạ như của Phụ vương. Tôi sai lính tráng đi khắp nơi mua cây giống và chim chóc về làm cảnh. Vườn tược hoàn thành, mới qua phần nuôi gia súc, phải đủ bách thú về đây, công lao đã có lính nhà nước chăm lo cắt cỏ. Một cận tướng của Nguyễn Lâm cung cấp cho tôi tốp lính mà Phò mã không hề hay biết. Buổi sáng, lính chùi nhà, quét nhà xong xả mới quay ra vườn tưới cây, xúc đất, việc gì cũng chu đáo sạch sẽ cả; phiền một nỗi từ khi có lính về nhà mấy con a hoàn lại hay khúc khích cười cợt phá người phá việc. Bọn lính ngoác mỏ lên, họ coi dinh thự này là nơi hò hẹn, hò qua hò lại, đối đáp ví von, giơ bổng cán mai lên rồi lại thả xuống bạnh mồm nói chuyện:

"*Con cấy làng choa* màu mè thì đẹp nhưng không có mùi thơm, . . . vì làng *choa* ở tận *côi độn* ai cũng trồng thuốc lá mà hút, không ai *ăn trù* . . . mấy o con cấy cũng vấn điếu thuốc lá to bằng con cá bống mủ hút xì xì như *lính ôn* rứa! Mấy o con cấy cũng cầm *con cúi* mà thấp thuốc như lính ôn rứa!"

Mấy con a hoàn nói giọng kinh chứ không què rặt như bọn lính lệ, chúng không xưng *choa* mà xưng *tui*, chúng tự gọi mình là con gái chứ không phải *con cấy*, chúng biết đổi hữ *độn* thành chữ *trầu* chữ *con cúi* thành cái *mồilửa* chữ *chộ* thành chữ *thấy*.

Chú lính lệ lại tiếp tục rổn rảng kể chuyện:

"Mấy o bán *chén đọi* ở chợ Dinh nói thách quá. Một cái chén ăn cơm và một cái đọi múc canh mà đòi bảy *trự rưỡi* làm choa tưởng *chộ ôn mệ* luôn!"

Con thị tỳ Kim Lan hỏi:

"Nhưng rồi chú có mua cái tô đó về múc canh không?"

"Mắc quá ai mà mua! Cứ đứng hoài không dám trả giá cũng không dám bỏ đi sợ người ta chửi. Mấy o bán hàng chợ Dinh hàm hồ như con cấy làng Chuồn ấy mà!"

Trời đã trưa trật mà anh với ả còn nhỏ to rù rì, tôi phải sai con hầu thân tín Hương Lan ra bảo:

"Bà Chúa truyền lệnh nội nhật ngày hôm nay mấy chú phải cuốc cỏ cho xong; còn mấy chị thì hãy lui ra chùi mấy món binh khí với án thư . . ."

Từ ngày hạ giá, tôi đem tiền hồi môn nuôi một đội nữ binh thay phiên nhau canh gác tư dinh phò mã. Làm nữ binh thì tiền công cao hơn thị tỳ, kể ra, hầu hết thị tỳ nhà bà Chúa nào cũng đều có học võ nghệ. Đội nữ binh đóng ở mái Tây hiên, chia phiên nhau bồng gươm canh gác bốn cửa suốt ngày đêm. Thỉnh thoảng tôi đi tuần gặp chị nào ngủ gật thì ngày mai phải phạt nhịn đói uống nước muối! Đội nữ binh phòng thủ này không phải làm việc nhà, ban ngày tập luyện võ bị, ban đêm canh gác. Chúng mặc đồng phục màu lệ thủy, áo xuống trôn, quần xà cạp, dây đai màu thiên thanh.

Đầu giường ngủ của tôi treo lủng lẳng thanh kiếm Ngươn trường và mười món ám khí. Trên vách tường, hoa và tranh ảnh được thay bằng giáo mác gây tầm vông. Trước án thư, một bộ da cọp, một con dao nhọn, hai mũi tên lửa và mấy cuốn binh thư đồ trận của Tôn Ngô. Phòng loan chăn nệm ướp hương nhưng trên đầu giường trơ trọi một chiếc gối thêu bức tranh tứ mỹ. Cách một tuần, con Hương Lan lại cầm đèn qua triệu Phò mã Nguyên Lâm sang đàm đạo, uống rượu. Đêm

đó, nó mới sẽ sàng kê thêm chiếc gối da hổ và gối của Phò mã bao giờ cũng đặt thấp hơn gối của Công chúa.

Người làm tướng lắc đầu:

"Dẹp những thứ đó đi! Như Mai! Anh không sợ gươm giáo ngoài trận tiền, nhưng anh rùng mình khi những thứ đó nằm trong loan phòng của mỹ nhân."

Nàng công chúa lạnh lùng:

"Anh là thượng tướng ngoài trận tiền . . . *nhất tướng công thành vạn cốt khô* . . ."

Phò mã ngắt lời:

"Nơi phòng the, anh thường yêu những gì ủy mị, hiền hòa, yếu đuối, mong manh."

Những đêm ngủ riêng, thức giấc sáng nào Phò mã cũng khăn áo lịch sự bước qua vấn an tôi. Thị nữ pha nước trà, bao giờ chàng cũng nhường tôi nhấp trước.

Vô tình tôi buộc miệng:

"Toán lính nhà quê *ươn* quá chỉ hấm giớn gái thôi, Phò mã hay đem lính khác về thay thế lính này đi!"

"Công chúa đem lính về làm việc nhà ư?"

Chàng đứng lên, quắc mắt giận:

"Nếu Công chúa biết tôi thương yêu quân sĩ như thế nào! Một đời làm tướng, Nguyễn Lâm tôi chỉ biết lính là trên hết . . . Những thương yêu, vỗ về, khuyến khích, nâng đỡ anh em binh sĩ . . . chính là những lời dụ dỗ, lạy lục họ đi ra chỗ chết để cho người khác được sống . . ."

Nguyễn Lâm đi một bước, mắt nhìn thẳng, đôi vai hiên ngang:

"Hoàng đế không ham việc chinh chiến, quá trọng thi văn bỏ quên võ bị . . . Chiến tranh như thế này mà ngài thải bớt lính cho về quê làm ruộng, ngài dùng công binh để xúc cát xúc đất xây Vạn niên cơ. Lính, con của tôi, không phải là thợ nề thợ mộc xây lầu vàng cho vua làm của tư hữu. Vạn niên cơ, hoàng đế đang xây mồ mả để chôn ngai vàng đó công chúa ạ! Vạn niên cơ . . . hoàng đế thâm lạm công quỹ, tăng thuế dân, nhà giàu thì bị chuộc công sưu, nhà nghèo thì bị cấp xâu. Kho nhà nước cạn tiền, bồ thứ dân vơi lúa. Dân miền Bắc đói nằm phơi bụng, đê vỡ. Bão lụt hoành hành ở miền Trung. Loạn hơn nữa phần thiên hạ rồi, loạn ở lòng dân, hơi oán bay tới chòm sao Ngưu Đẩu . . . Công chúng đang truyền ngôn làm phản. Lăng tẩm các vị đế vương xây cất đã tốn biết bao nhiêu, lại còn xây thêm Vạn niên cơ."

Người đàn bà vương giả nổi giận phừng phừng:

"Phò mã nói xấu Thiên tử, tội đáng bêu đầu. Gia đình Phò mã không nhờ vua mà làm tới đại thần sao? . . . Xin Phò mã đừng tối tăm đầu óc như vậy ... vì chuyện xây cất Vạn niên cơ mà Thái hậu tuyệt thực ba ngày để răn con, phụ vương rập đầu khóc lóc, xin tội, dâng roi cho mẹ đánh đòn, phụ vương còn phục thiện đến nỗi dâng ngọc ấn để tổ mẫu lập người khác lên trị vì thiên hạ . . . Có bà mẹ anh minh như vậy, ta dám chắc rằng phụ vương sẽ ngồi mãi trên ngôi báu trong cõi thiên hạ."

"Thái hậu quả là một người đàn bà thông thái nhưng Thái hậu tham dự việc triều chính quá nhiều. Ta tin rằng nếu Thiên tử băng hà thì thế nào Thái hậu cũng chuyên quyền đàn áp ấu quân."

Tôi đập án thư:

"Phò mã loạn ngôn đã lăng mạ Thánh thượng còn dám xúc phạm đến Thái hậu . . . Ai đã để lậu thiên cơ cho Phò mã biết là sau khi Hoàng thượng băng hà thì những Hoàn tôn còn nhỏ tuổi sẽ tranh ngôi thiên tử?"

"Thái hậu đã nhúng tay vào việc lập vua và phế vua . . ."

"Tổ mẫu sợ tiếng thị phi, sợ phải nhúng tay vào lịch sử để hậu thế nguyền rủa như Từ Hi bên Tàu, phò mã đừng gán cho người điều bất chính. Phò mã làm tôi nhà Nguyễn, xin phò mã cứ nghĩ rằng trên đầu chỉ có vua và sơn hà xã tắc thôi, ngoài ra không có một bàn tay búp măng nào chen vào vầy vọc việc triều chính cả . . . Thái hậu chỉ giữ tư cách một giám thị kiểm soát các công chúa, các cung nữ ở trong Đại hội mà thôi."

Nguyễn Lâm bực tức không nói, tôi tiếp:

"Thái hậu là một người thầy thuốc, một lang y chữa bệnh cho hoàng tộc thật cao tay như Hoa Đà Biển Thước."

Tôi cảm thấy một cơn giận ấm áp, và lòng không được bằng nên bỏ dở chén trà bước nhẹ ra ngoài. Thấy con Hương Lan, tôi vội hỏi:

"Hôm nay đầu tháng sao không thấy trẻ con vào chầu?"

Nguyễn Lâm có một bầy cháu gọi bằng thúc phụ — con của người anh Cả đã lập gia đình từ sớm — đúng mỗi ngày đầu tháng đều đến hầu thăm hỏi han mạnh giỏi và chúc mừng dăm ba câu:

"Công chúa an khang."

"Công chúa an hảo."

"Ôn Mệ phù hộ cho công chúa."

Bao giờ tôi cũng cho mỗi đứa một trự tiền.

Phò mã Nguyễn Lâm ra trận chống Pháp ở đồn Hòa Vang, tôi truyền nữ binh sửa soạn vào Đại nội chầu thái hậu thánh thể bất an đã một tuần nay.

Tôi đi nhẹ vào lầu Phấn Cung thăm mặt từng Công chúa. Chị Như Phiên, nốt ruồi trên mép hình như mọc to hơn, hất hàm hỏi:

"Nghe tin Nguyễn Tri Phương phu nhân bị tai nạn trợt té sao đó phải không?"

"Mẹ chồng em không may bị trợt té nhưng chỉ trật gân xoàng xoàng thôi . . . gia đình đã mời được ông thầy Mấn đến nhà nắn bỏ sửa gân lại rồi."

Chị Như Hoa bắt bẻ:

"Em đã ra một giang sơn khác rồi, em đã hạ giá, không còn là gái trong cung nội nữa, tại sao em cứ sành sạch trở về hoàng cung hoài hoài vậy?"

Tôi phụng phịu:

"Ôi Phò mã tính khó lắm! Mắng em ngày hôm qua."

Chị Như Phiên cao giọng:

"Một ra đi là không trở về ... Sau lưng em, cây cầu đã chặt đứt, em biết không?"

Chị Như Hoa nghiêm nghị:

"Sau lưng em, đường về đã bị phong tỏa, em biết không?

"Tôi vùng vằng:

"Phò mã mắng em nhiều lần."

Cả mấy công chúa cùng lên giọng hạch sách:

"Tại em làm loạn, tại em gây một phong trào liên đới phụ nữ."

"Tại em nuôi một đội lính đàn bà ở trong nhà."

"Tại em bắt đàn bà học phụ nữ bán quân sự."

Tôi hỏi các chị:

"Tổ mẫu thánh thể bất an ra sao?"

"Ngài thiếu an thần mấy ngày hôm nay, nhưng ngài đã tự bốc thuốc cho mình và trở lại bình thường rồi."

Mấy bà chúa góa chồng lại rủ nhau vào chầu Thái hậu tâu xin xây cất một ngôi quốc tự tại hoàng cung nhưng ngài không chuẩn y vì đất đế đô đã là nơi tập trung đủ số chùa chiền như Diệu Đế, Linh Mụ, Bảo Quốc, Từ Đàm, Tây Phiên, Nhạc Lâm v.v. . .

Ở trong Nội được ba ngày thì cung An Định được tin Nguyễn Tri Phương phu nhân đã thất lộc một cách đột ngột. Từ kinh đô, tôi phải về làng Chí Long đưa ma mẹ chồng.

Đám tang Nguyễn Tri Phương phu nhân ra đi theo con nước trong một sớm tinh sương mặt trời còn ham ngủ. Đường về Chí Long khó khăn, đường bộ khập khểnh gai góc, và đường thủy thì trải dài như không bao giờ đến chốn. Biển động, sóng gầm và mưa từ trời xuống. Âm công ngao ngán, những tấm liễn đối chỉ còn trơ mặt lụa. Phò mã Nguyễn Lâm quỳ bên linh sàng mẹ như một hình nhân bất động, lòng chàng cũng nổi loạn như lòng trời và gương mặt Như Mai giá lạnh hơn nỗi hàn giữa biển cả. Âm công luân phiên đứng khiêng quan tài suốt ngày đêm cốt giữ cho ly nước lạnh trên áo quan đừng chao động. Nếu ly nước dằn xác từ mẫu trào ra thì chữ hiếu của con không còn nữa. Tang gia phải cúi lạy người khiêng linh cửu xin họ giữ gìn ly nước thiêng. Nước sánh ra ngoài, tất nhiên xác chết nằm không yên, xác chết còn bị cuộc sống dằn vặt; người chết chỉ còn ở lại trên đất liền giờ phút trước khi chôn nữa thôi. Trong linh cửu, xác chết còn răn quở được con cháu, trút hết sự bất mãn bằng cách tống nước hôi sình ra ngoài áo quan. Hễ con cái bất hòa, tranh giành quyền lợi thì quan tài cha mẹ rỉ ứa nước tanh rình đến mũi ba họ.

Biển chồm lên hung dữ và mưa cuống quít rơi theo đà gió. Trời đã nổi lôi đình, hành hung nhau không tôn trọng người sắp đi vào lòng huyệt. Thuyền chòng chành, trong quan tài xác ma xao xuyến, Nguyễn Lâm đưa tay sửa lại vòng tròn rơm thủ hiếu xót da đầu và nhìn toán âm công bậm môi, kiên gan đứng tấn khiêng mãi quan tài ngày đêm không hao một giọt nước. Nguyễn Tri Phương truyền lấy ba lượng vàng thưởng công. Thuyền bơi bảy ngày thì cặp bến Tu, đám ma đi thẳng ra huyệt đào sẵn. Đường đi lởm chởm và dốc ngược mãi lên, người cai giàng lên trước quan tài, đứng xướng đọc mấy lời ma lệnh điều khiển phu đám trong khi vị niên trưởng của dòng họ Nguyễn Tri ở làng Chí Long trịnh trọng nói:

"Giờ hạ huyệt phải đình lại, Như Mai công chúa phải đợi lệnh vàng của Vua và Đức Từ Thái hậu ở trong cung mới được mặc áo chế, xõa tóc, chít khăn, đội mũ mấn cư tang cho mẹ chồng, bởi công chúa là con vua không để tang cho hàng bách tính dân giã . . ."

Phu nhân về trời được hai năm Phò mã tử trận và Tướng công Nguyễn Tri Phương bị bắt vì trúng thương; Ngài tuyệt thực, phun thuốc thang vào quân địch cho đến khi chết. Em ruột của tướng công là Nguyễn Duy cũng chết theo thành trì. Một tên quân trốn thoát về bẩm với bà Chúa:

". . . Phò mã bị vây ngặt nghèo ở đồn Kỳ Hòa, trong ngoài đứt đường tiếp vận, quân sĩ nhịn đói kêu tên cha mẹ mà khóc, mười người chết bảy, Nguyễn Lâm nhìn xung quanh bốn bề tang tóc, không còn chi nữa, lòng son một tấm, Phò mã nghĩ đến cái chết cao đẹp của người anh hùng, chàng hướng về cung Kim thượng quỳ lạy lượng muôn năm và thầm gọi mấy tiếng từ phụ, Phò mã tuốt gươm ra đưa mạnh lên cổ nhưng đường gươm vừa đi ngang ngực, chỗ của tim và phổi, Phò mã sực nghĩ đến Như Mai ở nhà. Nước mắt anh hùng rơi lã chã, chàng gọi một tên quân đến gần dặn dò:

Ta chết theo thành trì nhưng lòng còn nuối bà Chúa ở nhà. Khi ta chết rồi con hãy lén cắt thủ cấp ta đem về nhà cho Công chúa vuốt mắt.

Tên quân khóc:

Tâu Phò mã, con định chết dưới gót Phò mã, nhưng vì lệnh trên, con sẽ đem thủ cấp người về dâng cho Chúa rồi sẽ chết sau . . .

Nhưng khi thành vỡ, đầu Phò mã nát bấy, ruột gan đổ tung tóe trên cỏ máu . . ."

Từ đó đêm đến tôi mộng thấy hồn Phò mã hiện về trên gối lạnh; và hồn Phò mã còn bơ vơ, mộ Phò mã đất chưa se lại, cỏ non lún phún, đức Từ Thái hậu đã truyền mấy tên gia thần vống tôi vào cung An định phán câu tâm huyết tối hậu:

"Trong một tháng trời, dòng họ Nguyễn Tri ở làng Chí Long, ba người đã chết cho sơn hà xã tắc và cho Nguyễn triều . . . Như Mai con còn nhớ lời nguyện ngày nào? Giờ mới đúng là lúc con nên xuống tóc quy y cửa Phật cho vẹn chữ đồng với Nguyễn Lâm." K

TÚY HỒNG

Phía bên kia mặt trời

HÀN SONG TƯỜNG

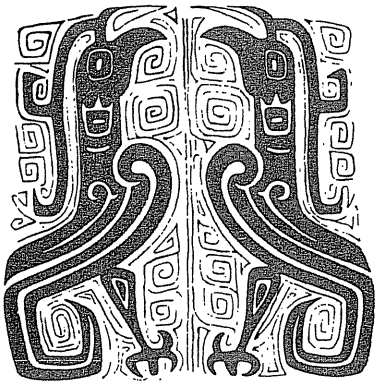

Tôi nhìn Tuyền đưa tay xoa lên thành ghế gỗ, nàng duỗi dài đôi chân, thở mệt nhọc than

"Lòng vòng đi tìm nhà anh, cũng đủ chết nắng."

Và nàng tiếp

"Tay anh đã hết đau rồi chứ?"

"Bớt nhiều. Hình như nó hết rồi."

"Nhưng trông anh còn xanh xao lắm mà đụng xe không chết là may." Tôi sung sướng nuốt chửng những âm thanh nàng thốt lùa sâu vào thớ thịt, Tuyền vẫn tự nhiên ngồi kể về đám cưới của cô em gái, bà ngoại và bà mẹ kỳ diệu của nàng, tôi vẫn lắng nghe lặng thinh cùng ngấm nghía nàng, tôi thầm thì trong lòng. Tóc cô ta đã cắt ngắn nước da đã xậm nâu bởi một tháng ở bãi biển phơi nắng. Cơn nắng cháy của vùng Miami Beach làm mất đâu làn da trắng mướt của lòng tôi, tôi nhìn rất nhanh vào mắt nàng, đôi mắt cho thấy sự thông minh và sống động từ tâm hồn nàng, tôi cúi đầu lúng túng khi nàng hỏi.

"Nhìn gì dữ vậy cha nội?"

Tôi đi vào bếp pha cho nàng ly nước trà nóng có mùi cam, nàng nói mắt nheo vui.

"Như vậy là nước cam nóng, ngộ thiệt!"

Khi nàng chăm chú uống trà, tôi đã giả bộ tìm kiếm nơi nàng sự an phận của một tình nhân đã bỏ cuộc chơi trở về sau khi bị trầy trụa với những thử thách, những đau đớn, và tôi hẳn nhiên như mặt trời, (mặt trời của em) (không) tôi cười lên mỉa mai tôi, nếu Tuyền biết được ý nghĩ ghê lạ ấy nàng sẽ chế nhạo ngay. Nhìn nét đẹp đã toàn vẹn của nàng, đôi vú như muốn ra khỏi chiếc áo chẽn, cái eo tròn giấu diếm và đôi chân dài như muốn đạp đổ tất cả, tôi nhìn đôi bàn tay sơn phết cẩn thận đang chậm rãi phủi những tàn thuốc bay đọng lên chiếc váy da đen bó sát, nàng nói

"Anh hút thuốc nhiều quá, hơn cái ngày Tuyền và Bằng sống cùng với anh."

Nàng lại nhắc đến cái ngày tôi và vợ chồng nàng mướn chung căn nhà, tôi tung một chiêu "Bằng sắp cưới vợ?"

Đúng như tôi đoán, mặt nàng xám lại, nỗi băng giá phủ lên khuôn mặt, nếu không có tôi, có thể nàng khóc (nàng còn yêu Bằng?) trái tim tôi như thắt co, bóp chẹt, đau đớn, cú đánh ra phản kháng, dội ngược. Một lúc rất lâu cố bình tĩnh để nhìn nàng tự chế, tự chôn giấu nỗi xúc động. (gã đàn ông đó có gì mà em tiếc). Tôi đi tìm tấm ảnh cũ nàng tặng cho tôi sau khi ly dị với BẰng, trong ảnh nàng đứng đơn độc dưới gốc cây, tay cầm quyển sách, hàng chữ nàng viết đằng sau "bạn hiền, ở Paris chỉ đọc sách, đấm lưng cho bà ngoại, nấu ăn cho mẹ" khi đưa tấm ảnh ra tôi nói

"Bạn hiền, ba năm qua bạn vẫn đẹp như xưa."

Nàng hớn hở khi nghe lời khen. (Cô ta chỉ thích uống nước đường). Nét u tối ở khuôn mặt như dần dần loãng tan. Nàng cầm tấm ảnh cũ ấp vào ngực nói

"Anh còn giữ tấm hình? Trời ơi nhớ Paris quá. Sao tôi lại về đây?"

Nàng đứng lên, tay vẫn cầm tấm ảnh, đi qua lại, rồi đứng dựa vào tường hỏi.

"Anh nhìn kỹ nghe, quả thật tôi vẫn như xưa."

Cơn mưa lớn đổ xuống thành phố, như muốn dằn vặt lòng tôi. Tôi gấp quyển truyện đọc dở dang lên mặt bàn, lắng tai nghe tiếng mưa bay thổi dạt, đập mạnh lên mặt kính cửa sổ. Tôi đang nằm mà lòng hổ thẹn với hành động của mình hôm qua. Tuyền đang nghĩ gì về tôi. Nàng đang khinh bỉ tôi hay đang chửi rủa tôi. Hình bóng Tuyền còn chờn vờn trên ghế, trong góc tối và ánh sáng, ánh mắt như diễu cợt và khinh mạn của nàng đã chiếu xuống thân thể tôi khi bỏ chạy khiến tôi co

quắp và xấu hổ. Khó chịu quá tôi cố xua đuổi mọi ý tưởng ra khỏi đầu óc mình rồi lại mở quyển truyện ra đọc tiếp. Lời của một văn sĩ "tình yêu, cái cảm giác chờ đợi cùng chết bên nàng, phải chăng là quá đáng, đó chỉ sự điên cuồng của một người đàn ông" (1) Đọc tới đây tôi vội ném quyển sách ra xa hơn, tất cả chẳng có nhân vật nào có thể cứu rỗi được sự thèm khát của thể xác tôi. Tuyền. Một tình tình yêu nguyên nhiễm, bất chợt, hay ngẫu hứng đổ ào vào trí tưởng đến đau oằn dục vọng. Tôi trung thành với nàng ở khắp mọi nơi, kể cả khi trao đổi tình dục với một người đàn bà khác. Nàng vẫn hiện diện ngúng nguẩy để phải đuổi bắt, tôi chẳng giấu diếm tôi đã bị nàng mê hoặc hay tôi yêu và cố tình mê hoặc nàng, điều nào giờ tôi cũng thất bại, trong năm, sáu năm trời quen biết gần gũi và xa cách. Tuyền vẫn chỉ là chiếc bóng, chiếc bóng bỏ tôi chạy mịt mù về gã có mái tóc đen chải bồng mà nàng vẫn nguyền rủa thù hận cùng mê đắm.

Tôi đến trước cửa nhà Tuyền, bên hành lang cửa căn gác phủ đầy những lá vàng, gió mỗi lúc một thổi mạnh, cuốn theo muôn vàn chiếc lá bay lả tả rơi ép xuống mặt lộ còn nhớp nhúa nước mưa, hai tháng qua cái ngày tôi định hãm hiếp nàng, giờ tôi lại trây trúa tìm nàng, tôi hình dung nét mặt ghét bỏ, lạnh nhạt của nàng, tiếng hát vọng ra từ trong nhà "se t'aimerat toujours, jusqua 'á mon dernier jour" Tuyền đã từng trước mặt tôi, tay cầm tờ báo của hội phụ nữ diên hồng, chắc có thể nàng đã vào cái hội phụ nữ này, hội phụ nữ đầu tiên của sáu ngàn người Việt của tỉnh lỵ nhỏ xíu thuộc miền tây năm nước Mỹ. Có khi nào nàng cũng đứng nói chuyện, tay giơ cao bảo vệ thuần phong mỹ tục quê xưa, và củng cố địa vị nữ tướng trong nhà. (em có chồng đâu mà ham, em là kẻ chối bỏ hạnh phúc, đuổi bắt một ảo tưởng). Tuyền đang nhìn tôi tươi cười, nhưng lời nói lạnh như gió nước.

"Đến có việc gì vậy anh Trọng?"

"Tôi đến xin lỗi cô về hôm ấy."

"Xin lỗi, anh điên à, tôi đã quên."

"Cô nói dối, tôi áy náy lắm."

"Tại sao anh lại phải áy náy."

"Tôi làm cô sợ."

"Không, tôi không sợ, tôi chỉ ngạc nhiên, giờ đã hết rồi."

Tôi lại lặng yên, lúng túng, bà chánh án đã tha tội, xong nhé kẻ tội đồ khốn khiếp, ngu xuẩn vì đâu. Tôi vẫn đứng lì, nàng vẫn mỉm cười. Khuôn mặt vương đầy ánh sáng của ngọn đèn thấp cao bên cạnh, trông nàng khác lạ, kỳ bí. Tôi nuốt nước bọt, bàn tay nàng cuộn tròn tờ báo, năm ngón tay xòe ra vuốt tóc, những cử động như một điệu múa, nàng nói.

"Hôm ấy anh say rượu phải không?"

"Không phải."

Nàng khỏa lấp.

"Mời anh ngồi ghế, uống nước nhé."

"Cám ơn, tôi chỉ mong cô quên và đừng nghĩ gì quá đáng về tôi."

"Đã bảo tôi quên rồi mà."

Nàng lại nhăn mặt, giọng ác độc.

"Hình như anh muốn cho tôi nhớ chứ chẳng muốn tôi quên anh muốn gì nơi thân thể tôi (nàng muốn gây chuyện)."

"Không, tôi đã biết lỗi."

"Sao anh nói mãi."

Rồi bỗng nhiên Tuyền đứng bật dậy, cởi nhanh chiếc váy hoa vắt lên ghế dựa, nàng nói như ra lệnh

"Nhìn tôi đi, tôi biết anh muốn được nhìn tôi như thế này."

Tôi bàng hoàng, đứng chôn chân dưới thảm. Tuyền kéo mớ tóc phủ nơi trán ra phía sau, tất cả nàng giờ là một vùng trắng ngà, nàng phơi bày, tôi xúc động, tôi cắn môi thật mạnh, cái cắn đến ứa máu, đau điếng, thân thể nàng như giòng sông chảy miệt mài, cuồn cuộn xung quanh tôi, tôi nhìn nàng chăm chú cho đến khi bóng tối làm đen xẫm làn da nàng, làm mờ nhạt vùng ngực xinh đẹp và phía dưới người nàng tan biến . . . Khi những ngọn đèn trong nhà bật sáng. Tuyền đã mặc lại chiếc váy hoa, nàng chậm rãi nói

"Chỉ có thế mới làm anh hết áy náy, chúng ta hòa nhau rồi đấy, anh chẳng còn mặc cảm quá đáng."

Tôi lạnh toát thái dương, cảm giác ham muốn về nàng bao năm bỗng dưng tắt ngấm mà bây giờ tôi đột nhiên lo sợ bị mất nàng, sợ sẽ chẳng bao giờ được gặp mặt nàng nữa, tôi van lơn.

"Tôi xin cô, sao cô lại làm thế."

*

* *

Sáng Chủ Nhật, đầu tháng Tư, đồng hồ được kéo tăng lên một giờ, mười giờ sáng Kim em gái tôi mới dậy, nó uể oải vào phòng tắm và khi trở ra nó chỉ khoác lên mình tấm khăn lông khá lớn che vừa kín cái bụng có thai đã gần sáu tháng, nó gọi tôi nhờ vả

"Chị Tuyền, xoa hộ em chút kem."

Tôi mở hộp kem từ tay nó đưa, xoa đều lên bụng em tôi, đứa bé trong người nó đã khá lớn nên thỉnh thoảng đạp mạnh từ bụng mẹ khiến bàn tay tôi lên xuống ngộ nghĩnh, Kim nằm ngửa gác hai tay sau ót, tôi ngồi dưới chân nó nơi ghế sofa đôi tay vẫn đều đều những động tác vuốt ve, nhẹ nhàng trên bụng Kim, nó hỏi.

"Sanh con đau lắm phải không?"

"Chắc vậy."

"Em sợ."

"Sợ gì, người đẻ đều chi."

Kim cười mỉm, mắt lim dim, tôi thấy hai đầu vú nó thẫm màu giống như màu trái hạt dẻ. Kim nói có vẻ như không muốn tin tưởng.

"Hỏi gì bà cũng không biết, thật ra cái tử cung của bà chưa chứa một cái trứng đậu thai."

Tôi ngẩn mặt khi nghe Kim nói, ngón tay tôi run lên theo cái đạp của thai nhi, lớp kem ngừa nứt da bụng hóa nhão nhét, nhớp nhúa đều ghê rợn, tôi thầm thì — tao chóng mặt.

Tôi lên giường nằm úp mặt xuống gối, cơn đau trong tâm khảm kéo tôi dãn co mãi miết trong cái xác còn tươi mát của người đàn bà, nhưng tôi chỉ là người đàn bà một nửa. Một nửa tù đầy, oan khuất đang thèm khát một nửa kia vô tận, mà một nửa kia chẳng thể đậu trái kết hoa. Bằng đã bỏ đi tìm một loại hoa có quả, tôi ngẩn ngơ từ khi ký xuống tờ giấy ly hôn. Hãy xé toạc quần áo tôi ra. Hãy chế nhạo tôi và hiểu tại sao tôi luôn từ chối lời chúc phúc ngọt ngào, từ chối những ve vuốt, cùng với sự nhớ nhung da thịt đàn ông. Phải chăng tôi giờ đã thắng cuộc đã tạo được cho mình lớp vỏ giải phóng, đã dập tắt được miệng núi lửa ngụt cháy trên thân. Tôi bủa quanh tôi một lớp son ảo tưởng, cái tử cung chỉ chứa những trứng non dậy dỗ tôi cách làm dáng của người đàn bà thời đại, đúng điệu nhé, một cách model thứ thiệt, phải dỏng cao, ngực, mông, bụng, đùi trơn mướt, nở đều, không thể có một vết nhăn, nhưng nó đã chẳng giữ cho tôi được người chồng, gã ngu si trên những kẻ ngu si, sau mười năm chung sống, tôi thả gã đi hoang và mất tích sau đó. Tiếng điện thoại reo không ngừng, tôi với tay cầm nó — hélo, hélo.

"Khải đó hả?"

"Tuyền ơi, nhớ Tuyền quá."

Im lặng.

"Tuyền làm gì thế?"

"Nằm."

"Đến đón Tuyền đi khiêu vũ. Có ca sĩ ở Cali về đấy."

"Ừ, ừ đến gấp đấy."

Khải, người bạn cùng xóm thuở bé, một vợ hai con. Vợ Khải chết sớm. Hai con gái lớn vừa vào trung học, Khải cũng như Trọng đều nhìn tôi bằng đôi mắt lân tinh, . . . Tôi theo Khải về nhà sau khi tiệm khiêu vũ đóng cửa, anh ta ngủ phòng khách, tôi trên giường. Xong rồi hai đứa tôi chẳng có gì cả. Không khí tốt đẹp, phải chăng anh ta tôn thờ còn tôi chạy trốn, phải chăng lớp hào quang giả quanh tôi làm lụn mất lửa rừng, nửa khuya tôi rón rén ra ngoài nhìn Khải ngủ, người đàn ông khoảng trên dưới 40 tuổi, tóc có thoảng vài sợi bạc, đẹp trai, học thức, khoái tạo những cuộc vui lãng mạn, tôi nghe đồn thế. Khải nằm để hai tay lên ngực, bộ quần áo ngủ màu xám, hòa lẫn ánh sáng của mặt trăng chiếu xuyên theo cửa sổ biến hóa xanh rờn. Khải thở nhè nhẹ, tôi cúi xuống hít mạnh mùi da người của Khải chạy loáng vào buồng phổi. Trở lại giường nằm, gác tay lên trán, tôi đoán và nghĩ đến cái mùi đàn ông ấy, đã có pha trộn nước hoa Fahrenheit hay polo shave cream? . . . Đêm chan bóng tối, đêm rên riết tiếng côn trùng dẫn tôi ngủ thiếp đi muộn nàng. Đêm thứ ba ngồi đối diện với Khải, âm thanh quấn quanh nhạc Beethoven thoát ra từ cái dĩa compact disc Khải nói.

"Tuyền ạ, tất cả đều có thể làm lại từ đầu."

Tôi cười vui thích.

"Anh làm như ván bài, xóa đi gầy lại."

"Cô bi quan thái quá."

"Có một loại quả không biết chín."

"Cái gì."

"Anh chẳng biết đâu."

Đêm thứ Tư, gió hú từng hồi, gió lăn lộn trên mái nhà, gió giằng co từng kẽ lá đầu hè. Khải nắm tay tôi để lên ngực anh im lặng, da tôi gờn gợn nổi gai, tôi tự nhủ — đừng — tôi đã quá tuổi thử thách. Không thể nhìn một kẻ thứ hai tàng hình, hãy để tôi yên thân. Tôi kéo vụt tay mình trở lại, tôi biết với Khải tôi không dễ xoay chiều như với Trọng, anh ta có thể dễ dàng dẫn dắt tôi vào cuộc, tôi nói.

"Ngừng lại, hơi xa rồi, có ích gì đâu."

Khải quay phắt ôm chặt tôi. Giống đôi môi của kẻ bạo tàn hôn tới tấp lên cổ và người tôi, tôi ú ớ một chập. Rồi lại đứng ngay dậy phủi bụi đi về, một cuộc chiến thắnt kỳ hai. Tuyệt diệu . . .

. . . Kim nhăn mặt kêu đau, nó nói.

"Mới có bảy tháng mà sao em muốn đẻ con."

Tôi nâng bụng nó.

"Ráng lên tao đưa mày đi nhà thương, họ sẽ có cách giữ nó lại đủ chín tháng."

"Ối. Ối. Trễ rồi."

"Không, đi theo tao."

Kim ngã nhoài ra ghế, nước từ đùi nói tuôn ướt mặt thảm, tôi xanh mặt, cố lấy bình tĩnh với lấy cái điện thoại gọi xe cứu thương.

"Không, Tuyền ơi, em sanh."

"Ừ tao giúp."

Tôi kéo nó lên chiếc ghế dài hơn, bắc hai chân nó bằng ghế dựa. Đứa bé ra đời trước xe Emergency vừa sáu phút ba giây, tay thế người ta vẫn đem mẹ con Kim đến bệnh viện, tôi đi theo chiếc xe đẩy em tôi ra cửa, mắt nó nhắm nghiền, làn da nhợt nhạt. Đứa nhỏ, con gái còn sống chưa thấy khóc lên một tiếng. Bụng tôi thọp lại, rỗng tuếch. Cái trứng non chưa rụng!

*
* *

Tuyền như một đốm lửa, đốm lửa dẫn dắt tôi tìm kiếm mật ngọt yêu thương. Một tuần ay tôi mang tâm trạng của người bị phụ rẫy, nàng đã chối bỏ tôi, gạt phăng tôi ra khỏi cuộc đời, khi nghe tin nàng ở lại nhà Khải cả bốn đêm liền, tôi đã bàng hoàng sửng sốt, rồi cơn ghen tức quay cuồng, người tôi ngun ngút men rượu, tôi uống cho say mềm hai, ba ngày trời. Tôi đã an ủi tôi, tôi tập tành tu hành vài ig ờ, thiều vài g iây, và cố xua đuổi hình bóng

nàng ra khỏi trí óc. Nhưng khó khăn quá, vô ích quá, Tuyền vẫn quanh quẩn, hiện hữu bất biến. Sự thật vẫn phơi bày tôi cố tình khinh bỉ ghét bỏ nàng thì tình tôi cho nàng vẫn chẳng phaiđi. Chỉ có nỗi ghen tương thì tăng lên vùn vụt, thiêu cháy, khi tôi đến tìm nàng, Tuyền đang bế trên tay đứa nhỏ, nàng đu đưa nó qua lại, nàng nói.

"Con gái của Kim đó anh Trọng, nó giống bố nó quá."

Tôi nhìn xuống đứa nhỏ, còn đỏ ửng.

Nàng khoe.

"Tuyền đỡ nó ra đấy."

Tôi khen nàng giỏi. Nàng lại bỏ đứa bé vàot rong nôi, nó đã ngủ, mắt có hàng lông mi ngắn ngủn chạy riền, trông ngồ ngộ. Tuyền đem chiếc bình thủy tinh pha đầy rượu Gin Alohn, rượu pha loãng nhạt thếch, dở ẹc, tôi uống liên tiếp ba ly, giống hệt kẻ thua bạc cháy túi, tôi khốn khổ nhìn nàng lòng đau ứa máu. Nàng thản nhiên hỏi.

"Anh sao thế, trông mệt mỏi."

"À tôi mới thua bài."

"Vậy sao. Bao nhiêu?"

"Mất cha tất cả."

Tuyền nhìn sững tôi một lát, rồi vẫn ung dung, vẫn lạnh nhạt. Tôi thoáng thấy đáy mắt nàng sâu thẳm, nhẫn tâm, Tuyền như mũi dao nhọn xoáy miết vào ngực tôi. Mất tôi tối lại trên thân nàng, tôi thèm khát nàng và ao ước nhìn thấy nàng lỏa thể. Người tôi nóng rực, tôi đưa tay xoa bóp hai mí mắt xưng húp mất ngủ. Bốn ngày đêm bên Khải, con quỷ cái này vẫn nhởn nhơ như không có gì cả, tôi phục lăn, tôi đồn hết bao câu hỏi tầm thường, ý nghĩ bẩn thỉu dán tươi lên người nàng. Chiều hình như đã lịm tàn, mặt trời sắp trốn về đâu. Ánh nắng chẳng còn chiếu rọi nơi cửa kính. Tôi giả tình thản nhiên châm thuốc hút, từng cụm khói thuốc bay lả tả che mờ khuôn mặt nàng. Tuyền lại ân cần rót nước mời. Tôi mạnh dạn hấp tấp đánh một ván bài gỡ lại.

"Tuyền, tôi muốn lấy cô."

"Không."

"Tôi yêu cô."

"Không."

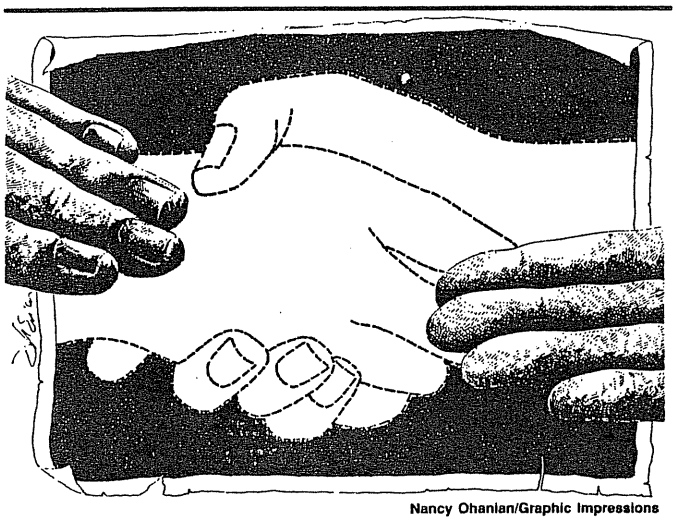

Nancy Ohanian/Graphic Impressions

"Tại sao?"

"Tôi chưa có cách để gìn giữ hạnh phúc."

Tôi nhún vai, câm điếc, dõi theo từng cử chỉ của nàng, hai chân Tuyền gác lên chiếc ghế thấp, những ngón chân khít khao trắng muốt (ngón nào là ngón bạc tình của em) tôi cay đắng, gió từ quạt đứng từ góc nhà thổi phất phới tóc nàng, bay xòa lên làn da mặt trắng xanh không son phấn. Mặt trời đã chết. Tuyền không hề để ý đến tôi, nàng nhìn tha thiết đứa trẻ ngủ say, hình như nàng mê nó, Tuyền hát nhỏ cấu hát có lời như ru em. Tôi hậm hực. Nàng đang đẩy tôi cho trượt ngã. Tôi chẳng còn gì gợi cảm được nàng, nàng không chọn tôi bao giờ. Tôi để tay vào túi quần, khẩu súng màu trắng vẫn nguyên đó. Tôi hỏi nàng một câu cuối cùng, một lời chót.

"Cô có lấy tôi không?"

"Không."

Khẩu súng từ tay tôi quay về phía nàng. Tôi không nghe tiếng nàng kêu cứu, nàng vẫn ngồi bất động, chỉ vang dội tiếng nổ nhẹ, tĩnh mịch. Cho đến khi tôi quyết định tự sát, lúc tôi quỳ xuống chân nàng.

*
* *

Cái chết của họ được đăng tải trên các tờ báo Mỹ tại Houston. Cộng đồng người Việt thì không ngớt bàn tán. Họ nói về người đàn bà trẻ bị thảm sát vì tình, nàng chết đi để lại đứa con mới sanh chưa đầy hai tháng . . . vào cuối mùa hè năm ấy. Người em gái nạn nhân bế đứa bé đẻ non rời bỏ thành phố còn hun hút nắng lửa cô ta cũng vừa chôn cất xong ánh mắt và đôi bàn tay người chị đã từng run lên trên da bụng dõi theo nhịp thở của bào thai. K

HÀN SONG TƯỜNG

Houston tháng Năm 1990

TRƯỚC GIÁ VẼ ÂM THẦM

TRƯỜNG HỢP HUỲNH VÂN NƯƠNG

LÊ PHỤC SINH

Nhìn lại nền hội họa của Việt Nam trong 15 năm qua có điều gì như đáng tiếc. Đáng tiếc ở chỗ hầu hết các họa sĩ đã không còn được nhiều thời giờ dành cho công việc sáng tác. Đời sống đã đẩy họ vào những công việc buộc phải tạm quên đi những cảm nghĩ về mỹ học, phải tiêu hao sinh lực cho những cái thực tế thúc bách hàng ngày. Những mơ mộng, cảm quan trên bước đường đi tìm cái vĩnh hằng đôi khi không còn là một cần thiết. Niềm say mê về mỹ thuật lâu dần phai nhạt đi, thảng hoặc có nhớ đến hầu như là một kỷ niệm đẹp.

Thế nên những con chim đại bàng tung hoành suốt từ giữa thập niên 60 và rồi đầu những năm 70 như Mai Chửng, Lâm Triết, Nghiêu Đề . . . tạo được biết bao say mê cho giới thưởng lãm, đã không còn hoặc giả ít thấy xuất hiện. Những con sư tử của hội họa Việt Nam: Thái Tuấn, Duy Thanh, Ngọc Dũng đã dần đi vào ký ức của thời gian. Còn vì nhiều lẽ nữa, chỉ có chính họ và đời sống họ khẳng định được thôi. Sự có mặt thường xuyên hàng năm của Nguyên Khai, Nguyễn Thị Hợp . . . thật hiếm hoi.

Song song với những vắng mặt đáng tiếc đó, là những khuôn mặt trẻ trung hơn của những sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Sàigòn, đã và đang chớm chân vào con đường hoa lệ mà gai góc này. Họ đã tìm đủ cách giành lấy sự sống từ cái chết. Hôm qua họ mơ ước bao nhiêu; hôm nay cũng lại đời sống đẩy họ vào những số phận nghiệt ngã. Họ không một chút vốn liếng như những lớp đàn anh để có thể tìm cơ hội tái tạo. Thành ra có những người đã đầu hàng ngay ở ngưỡng cửa ước mơ. Cũng có người cố gắng vươn lên, song không có một hỗ trợ tương quan, đuối hơi mà bỏ cuộc ngang đường.

Trong muôn vàn cái chung đáng tiếc, chúng tôi đã bắt gặp một số trường hợp cá biệt. Sau cuộc vật lộn nhiều năm với những nhu yếu của đời sống, họ đã chợt bừng tỉnh mà vùng dậy. Nhưng đó vẫn còn là những sự làm việc âm thầm trước những giá vẽ âm thầm mà số phận đã định đặt đâu đó rải rác khắp nơi.

Tôi muốn nói đến trường hợp của chị Huỳnh Vân Nương.

Tôi đã gặp lại chị Nương tại một cửa tiệm bán lương thực của chị ngay trung tâm thành phố Bridgeport thuộc tiểu bang Connecticut, một tiểu bang nhỏ nhưng đẹp một cách dễ thương. Sau 15 năm có một dịp rất tình cờ, sự tình cờ này lại gây cho tôi biết bao kinh ngạc về đời chị.

Tôi nhận ra chị ngay mặc dù người chị như nhỏ đi, quắt lại sau bao năm. Cái linh động dường như chỉ còn ở cặp mắt, một cặp mắt chất chứa đầy băn khoăn lại thấy ánh lên những xung đột giữa đời sống thực tiễn và nghệ thuật. Có cái gì cồm cộm, cay cay trong mắt tôi.

Khi xưa còn là một cô sinh viên ăn mặc diện và sặc sỡ nhất trong khuôn viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định. Lúc đó chị là học trò ruột của họa sĩ ấn tượng nổi tiếng hồi thập niên 60 — họa sĩ Văn Đen — cái ánh mắt kia đọc thấy nhiều cao vọng. Cái ánh mắt hứng đầy những ánh sáng của những ngôi sao vĩ đại: Monet, Manet, Renoir, Signac, Cézanne, Van Gogh, Gauguin, Toulouse de Lautrec, v.v. Cái ánh mắt tự tin bây giờ nhiều lo âu, có lẽ từ cái ngày ấy. Cái ngày chị đã cố gắng tìm cách vượt thoát để hồi sinh. Tờ *The Sunday Post* ở Bridgeport đã viết một trang báo về chị với một tựa lớn: An Artist - Escape to Rebirth (số ra ngày 27 tháng Tư 1980).

Tôi không có ý kể về những tháng ngày thống khổ của chị, cũng như muôn người đã kể. Cái đó là một vết thương lớn, một vết thương chung . . . Tôi muốn nói về chị — một Artist — là một nghệ sĩ thì đời sống vốn là căn bản, là nền tảng để từ đó phát triển tài năng. Một nghệ sĩ bao giờ cũng có cái *Trước khi* và cái *Sau khi*. Cái *Trước khi* là niềm mơ ước, cái *Sau khi* là sự thành đạt một tác phẩm. Đi tìm cái *Sau khi* quả là thăng trầm. Chưa có một họa sĩ nào có thể tìm ra cái *Sau khi* mà không có một đời sống phong phú, nhiệt thành đam mê trong khát vọng sống. Thể hiện cái *Sau*

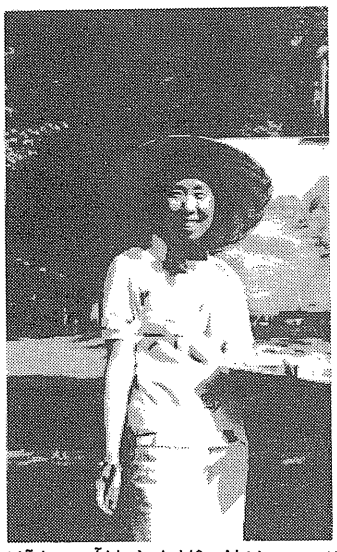

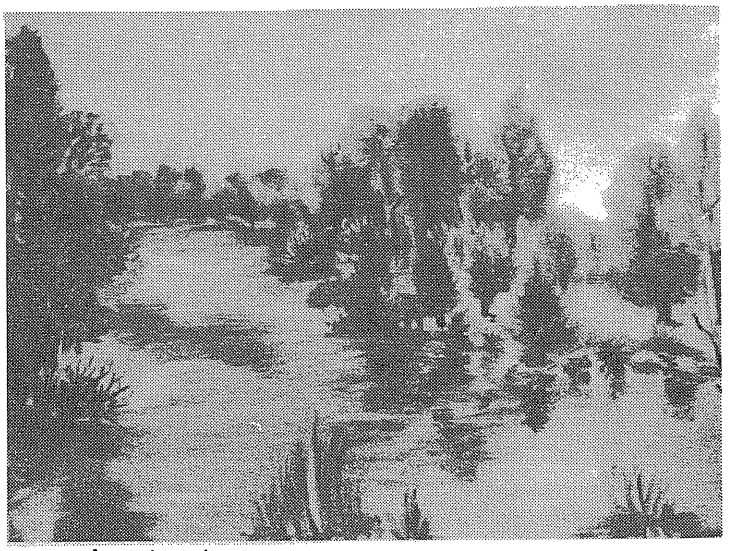

Nữ họa sĩ Huỳnh Vân Nương và tác phẩm mới nhất

khi không thể bằng lòng muốn, bằng những tính toán, vì chưng, cái *Sau khi* vốn không là kết quả của dự kiến. Các họa sĩ sáng tác đều để cho mình tự trôi chảy trên những dòng màu sắc, trong quá trình ngây ngất đó đã bật ra được từ những bức xúc — cái *Sau khi* —. Chị Nương sẽ còn gặp rất nhiều khó khăn mặc dù chị có được nhiều vốn sống và niềm say mê khôn cùng về cái đẹp.

Tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Gia Định khóa bảy năm, chị muốn đạt được cái ước vọng *Sau khi*. Nhưng, tất cả đã trái ngược, chị đã bỏ quên giá vẽ 10 năm. Tôi lại nhớ đến con số này, một con số quái ác mà lạ kỳ. Người ta xa nhau lấy chấm mốc 10 năm. Trong hội họa, những chuyển biến đánh đấu từng thập niên một. Thay đổi cuộc sống cũng 10 năm. Con số 10 đã đánh mất của chị bao nhiêu ước mơ. Đã làm đời chị quay quắt. Đã để lại cho chị một giá vẽ âm thầm.

Sau 10 năm, bỏ quên một nhà hàng, bỏ quên một cửa tiệm bán lương thực tại Bridgeport, chị đã quay lại với giá vẽ. Sự trở lại này chẳng đáng khích lệ sao? Trước giá vẽ càng sôi nổi hơn, có lẽ chị đã thầm nghĩ được điều gì ở 10 năm. Cái ánh mắt kia lại long lanh, sáng lên từng chập và bây giờ, mỗi cuốn tuần người chị ngập nắng, ngập mây và sông nước. Cùng với đứa con trai nhỏ, chị đi tìm thiên nhiên. Cái sôi nổi đó như một cơn tỉnh giấc vẫn còn đọng lại nhiều mê mệt.

Từng tấm tranh sơn dầu ra đời bằng nhiệt huyết tích tụ nhiều năm. Tranh của Nương đa số là phong cảnh Bridgeport. Trong công việc tái tạo lại thiên nhiên vẫn có điều Nương còn rất nhiều băn khoăn không hòa nhập hết được, không khẳng định được bút pháp, dầu Nương đã đẩy đến thiên nhiên một tình yêu say đắm. Thế mới biết bắt đầu lại bao giờ cũng còn gặp rất nhiều khó khăn. Dầu sao thì chị cũng đã đứng dậy rồi. Sự đứng dậy này mang một ý nghĩa rất lớn cho những hứa hẹn sau này.

Được hỏi chị nghĩ sao về con người, về những sáng tác phản ánh cuộc sống? Chị trả lời dứt khoát: — Hiện nay thiên nhiên vô số bài học và cũng từ đó tôi tìm thấy nhiều mỹ cảm. Điều này đúng lắm với tất cả họa sĩ. Thiên nhiên đã làm họ điêu đứng vì nhan sắc, vì những biến chuyển kỳ diệu của nó. (Cả đời Monet có lẽ thiên nhiên đã chiếm gần hết trong tác phẩm của ông). Học hỏi thiên nhiên rồi cùng với những biến động không ngừng của những phân tử thiên nhiên mà phát hiện ra, hiểu được cái ngôn ngữ trong sự câm lặng sinh động của từng phân tử đó mà biểu lộ được biết bao điều bất tử.

Tôi mong được cùng các bạn chờ đón cái *Sau khi* của Huỳnh Vân Nương bằng một cuộc triển lãm đang được chuẩn bị cho cuối năm nay tại Bridgeport.

Trước khi tạm biệt Huỳnh Vân Nương, một người bạn đi với tôi nói:

"Chị Nương có hai tác phẩm lớn để đời rồi còn sáng tác thêm làm chi?!"

Nương ngạc nhiên rồi chợt hiểu ra, đó là hai đứa con của mình. Chị mỉm cười:

"Nói như thế anh đã phủ nhận hoàn toàn các tài danh trên thế giới rồi."

"!?" ☼

NGUYỄN PHỤC SINH

Tháng 7/1990

OCTAVIO PAZ
NOBEL VĂN CHƯƠNG 1990

BÙI BẢO TRÚC

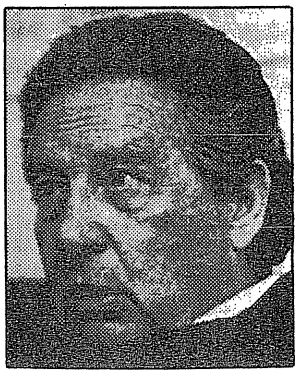

Nhà văn Octavio Paz,
giải Nobel Văn Chương 1990

Hoa Thịnh Đốn ngày 16 tháng 10 năm 1990
Bạn ta,

Tôi nghĩ bạn là một tay kỳ thị hạng nặng chứ không phải chơi đâu. Thì ra phải chờ đến khi các ông Hàn Thụy Điển quyết định chọn Octavio Paz để trao giải văn chương năm nay, bạn mới nghĩ những người có cái *lưng ướt* mà bạn gặp rất nhiều ở miền Tây *(wet-backs)*, những người lội ngang sông Rio Grande (cho nên . . . ướt cái lưng), đến nước Mỹ cũng là những người đến từ một xứ sở có . . . văn hóa. Nói theo tiếng Việt miền Tây của bạn, đây là một nhà văn . . . Xì. Có đúng vậy không? Sao mà khinh người quá vậy . . .?

Octavio Paz ở xứ của ông, Mễ Tây Cơ, là niềm kiêu hãnh của cả nước, như lời xưng tụng của tổng thống Mễ. Người dân Mễ cứ nghĩ ông đã phải được chọn để trao giải từ nhiều năm trước mới đúng. Ông nổi tiếng qua những bài tiểu luận chính trị, một số đã được dịch sang tiếng Anh, xuất bản tại Hoa Kỳ như những cuốn *"Một Địa Cầu, Bốn Hay Năm Thế Giới"* và cuốn *"Hội Tụ: Tiểu Luận Về Nghệ Thuật và Văn Chương . . ."*

Nhưng các ông Hàn Thụy Điển, khi loan báo việc lựa chọn Octavio Paz, lại đề cập nhiều hơn đến khía cạnh thi ca của ông. Theo Hàn Lâm Viện Thụy Điển, thơ của Octavio Paz được viết *bằng* và *về* ngôn ngữ. Ông yêu quí tiếng nói, và trong thơ, tiếng nói đã được ông cho thêm những đời sống mới, đó là những ý nghĩa tinh khôi và phong phú chảy ra từ ngòi bút của ông.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển trích một đoạn thơ mà ông viết về thơ của ông:

Giữa những gì tôi thấy và những gì tôi nói
Giữa những gì tôi nói ra và những gì tôi giữ kín trong lòng
Giữa những gì tôi giữ kín trong lòng và những gì tôi mơ ước
Giữa những gì tôi mơ ước và những gì tôi đã quên đi:
là thơ...

Bạn nhớ gì không? Nhớ câu *thi thị khả giảng bất khả giảng chi gian* của một nhà thơ đời Đường viết từ hơn mười thế kỷ trước không? Thơ là những gì nằm ở giữa chỗ có thể giải thích được và không thể giải thích được . . .

Octavio Paz bắt chước nhà thi sĩ đời Đường nọ? Không hẳn. Một lần, khi nói chuyện về thơ, ông nói: *"Nhà văn, nhà thơ ngày nay chính là con cháu, hậu duệ của những nhà văn, nhà thơ trước . . .*

Lại một lúc khác, khi nói về thơ, ông nói rằng đối với ông, một nhà thơ không những chỉ đại diện cho một vùng đất nào đó thôi, mà còn thay mặt cho cả vũ trụ. Các nhà văn, nhà thơ đều là những tên tôi bộc của ngôn ngữ. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội. Những người làm công việc viết lách là những người bảo vệ ngôn ngữ... Chỗ

này ông hơi khác Paul Valéry. Nhà thơ Pháp này cho rằng thi sĩ là những kẻ khi chiều đến, đem ngôn ngữ ra để khủng bố . . .

Hàn Lâm Viện Thụy Điển cho rằng cao điểm sáng tác của Octavio Paz là bài thơ dài nhan đề *Tảng Đá Mặt Trời* mà ông viết năm 1957. Bài thơ này dài 584 câu, mỗi câu tượng trưng cho một ngày trong tấm lịch của người da đỏ Aztec tạc vào những phiến đá lớn ở một phế tích tại Mễ Tây Cơ. Bài thơ được viết xuống dựa trên những kết hợp của sao Kim và mặt trời trong thần thoại của người Aztec. Hàn Lâm Viện Thụy Điển gọi bài trường thi này là một tác phẩm rất khêu gợi, mỗi câu, mỗi chữ mang theo mấy ý nghĩa khác nhau. Bài thơ nối kết, diễn giải và phân tích lại những vấn nạn về đời sống như thời gian, sự chết, tình yêu và thế giới thực nơi chúng ta đang sống:

. . . tôi thấy mình ở cuối đời
với đôi mắt đã yếu, một cơn ho gập đôi người lại, lục lọi
trong đống hình ảnh cũ
không còn ai, em chẳng còn gì
một đống tro tàn và chiếc chổi lông
một tấm da rủ xuống từ một đống xương,
chiếc cành khô, một cái hố đen,
ở đó, sâu thẳm dưới đáy mắt
của một người con gái
chết đuối từ một ngàn năm trước,
những ánh mắt chôn sâu dưới đáy giếng,
những ánh mắt đã nhìn theo chúng ta
từ lúc hồng hoang
đôi mắt cô gái nhìn một người mẹ già
người mẹ ấy thấy đứa con trai đã lớn của mình là
một người cha trẻ tuổi
ánh mắt người mẹ nhìn người con gái cô độc
nhìn thấy người cha là đứa con nhỏ,
những ánh mắt nhìn chúng ta từ những đáy thẳm
của đời sống, và phải chăng những cạm bẫy giết người —
hay những gì nếu rơi vào trong những đôi mắt ấy
chính là con đường trở lại đời sống thực này?

Octavio Paz nói rằng tất cả loài người chúng ta, khi ra đời, đều là những sinh vật hết sức cô đơn. Con người ta có nhu cầu để trao đổi với nhau, truyền thông cho nhau, và thi sĩ là người viết xuống về cái thân phận đó. Tôi (Octavio Paz) chỉ là một tiếng nói trong muôn một. Một nhà văn hay một nhà thơ phải trung thành với hai điều. Thứ nhất, ông ta phải trung thành với bộ lạc của mình. Bộ lạc của những nhà văn, nhà thơ. Thứ hai, ông ta phải thuộc về một nền văn hóa, một đất nước. Đất nước tôi là Mễ Tây Cơ . . .

Mixcoac, làng tôi: ba âm tiết như đêm tối,
một bóng đen đeo nửa chiếc mặt nạ chắn ngang mặt trời.
Cơn bão cát trờ tới,
cuốn đi mất hút. Tôi bước ra ngoài thế giới
ngôn ngữ trở thành ngôi nhà trú ẩn, và không khí
là nấm mồ của tôi . . .
. . . tôi đi sau những tiếng thầm thì,
những bước chân trong tôi, tôi nghe thấy bằng đôi mắt,
tiếng thầm thì trong trí tưởng, tôi là những bước chân,
tôi nghe thấy những tiếng nói mà tôi nghĩ,
những tiếng nói nghĩ đến tôi trong lúc tôi nghĩ tới chúng.
Tôi là cái bóng của những chữ viết xuống. . .

Đó là thơ siêu thực của Octavio Paz. Octavio lớn lên bằng thơ siêu thực của những Eliot, Breton, Montale, Ungaretti, Calvino và các thi sĩ thuộc phái Siêu Thực trong văn chương Pháp. Ông vẫn nói rằng Siêu Thực đã chết, nhưng Siêu Thực sẽ tái sinh dưới một hình thức khác. Hình thức khác nào? Phải chăng là dưới hình thức những bài thơ tình mà Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã trích một đoạn:

Đàn bà:
con suối đêm
tôi bị trói vào dòng nước êm ả đó . . .

Octavio Paz ra đời năm 1914 tại thủ đô Mễ Tây Cơ. Thân mẫu là người Tây Ban Nha, chính quán ở Andalusia. Thân phụ là một luật sư, cũng còn là một chính trị gia, gốc người Tây Ban Nha lai da đỏ. Chính vì điểm này, mà Hàn Lâm Viện Thụy Điển đã viết rằng Octavio Paz ôm lấy sự pha trộn các nền văn hóa. Sự pha trộn đó ở ngay trong máu của ông.

Ông nội của Octavio Paz cũng là một nhà văn, và là người đầu tiên đã viết về thân phận đau thương của những người da đỏ ở Mễ Tây Cơ. Chính từ môi trường sách vở, viết lách đó, Octavio Paz đã trưởng thành, và cầm lấy cây bút từ rất sớm. Năm 16 tuổi, ông đã có một tập thơ được xuất bản.

Cuốn tiểu luận nổi tiếng nhất của ông nhan đề *"Mê Cung Của Cô Đơn."* Đây là tác phẩm quan trọng nhất viết về nước Mễ Tây Cơ trong thế giới hôm nay, mặc dù cuốn sách ra đời đã được hơn 40 năm. Trong cuốn sách này, ông đưa ra một cái nhìn phân tích về đất nước và con người Mễ Tây Cơ. Theo ông, các đồng bào của ông là những người mà bản năng vốn đã chủ trương hư vô lúc nào cũng núp sau chiếc mặt nạ cô đơn kiểu cách. Chính trong cuốn tiểu luận này, ông đã tự mô tả mình là một *"người-tả-khuynh-vỡ-mộng."*

Octavio Paz gia nhập ngành ngoại giao Mễ Tây Cơ và đã từng làm đại sứ tại một số nước

Nhà văn kiêm thi sĩ người Mễ Tây Cơ Octavio Paz đã được Hàn Lâm Viện Thụy Điển hôm thứ Năm 11 tháng Mười, 1990 công bố là người đoạt giải Nobel văn chương 1990.

Hàn Lâm Viện Thụy Điển, khi công bố giải thưởng về tay Paz, ghi nhận các tác phẩm "có quan điểm rộng lớn may tầm vóc quốc tế" với "sự thông minh đầy khoái cảm và lòng nhân bản liêm khiết", và sự luân chuyển "từ sự phối hợp của các nền văn hóa: Ấn Độ Tiền — Colombia, Conquistadores Tây Ban Nha, và Tây Phương Hiện Đại."

Mặc dù Paz nằm trong số các ứng viên cho giải Nobel văn chương từ suốt thập niên 1980, việc ông đoạt giải vẫn sẽ gây tranh luận trong văn giới Châu Mỹ Latin, nhất là phe tả khuynh của Mễ Tây Cơ đã chỉ trích ông nặng nề vì quan điểm chính trị, chỉ trích chủ nghĩa cộng sản của ông. Trong nước, Paz sống như một nhân vật đối lập. Trong số các tác phẩm của ông, tập thơ "The Labyrinth of Solitude" xuất bản năm 1950 được Hàn Lâm Viện Thụy Điển xem như tiêu biểu cho lối viết của ông. Tập thơ này nói về nguồn gốc Mễ Tây Cơ của ông, và rộng lớn hơn, nguồn gốc Châu Mỹ Latin.

Quyển "The Traps of Faith", xuất bản năm 1982, cũng được chọn như một tác phẩm áp dụng lịch sử văn chương vào câu chuyện một phụ nữ thời thế kỷ 17 trở thành một bà sơ.

Tập thơ mới nhất "The Tree Within" có nhiều bài phản ảnh sự chết, và là hướng đi trở về với chính mình của Paz.

Paz sinh năm 1914 ở Mexico City. Ông nội của ông thời ấy đã là một nhà văn, và từ tủ sách của ông nội, Paz đã khám phá ra văn chương, huyền thoại, và triết lý lần đầu tiên trong đời.

Khi lớn lên, Paz học luật để theo bước của thân phụ. Đến năm 1938, ông sang Madrid trong thời kỳ nội chiến Tây Ban Nha.

Khi trở về Mễ Tây Cơ, ông là một trong những người sáng lập tạp chí Workshop, và ngòi bút của ông đã tạo rất nhiều ảnh hưởng trong nền văn chương hiện đại lúc ấy.

Vào năm 1943, Paz sang Mỹ nhờ Giải Thưởng Guggenheim đài thọ, và bắt đầu làm đại sứ cho Mễ Tây Cơ tại các quốc gia Ấn Độ, Pháp, Thụy Sĩ và Nhật. Ông từ nhiệm chức đại sứ để phản đối chính phủ Mễ đàn áp sinh viên biểu tình trong thời kỳ Thế Vận Hội ở Mễ Tây Cơ năm 1968.

trước khi ông từ chức hồi cuối thập niên 1960 để phản đối việc chính phủ Mễ nổ súng vào các sinh viên biểu tình. Ông sáng lập một tập san văn học để giới thiệu văn chương Âu châu cho độc giả và giới trí thức Mỹ châu La Tinh. Ông cũng từng được mời dạy ở nhiều đại học danh tiếng của thế giới như Cambridge, Harward và Yale . . .

Ông là người nhiệt tâm chống Cộng. Chính vì lập trường này, ông đã xung đột mạnh với các nhà văn gốc Tây Ban Nha ở Trung và Nam Mỹ như Gabriel Garcia Marquez và Carlos Fuentes. Cuối những năm 1970, ông một hình lãnh đạo một phong trào trí thức chống lại điều mà ông gọi là âm mưu khuynh đảo Trung và Nam Mỹ bởi những bàn tay của Fidel Castro và Mạc Tư Khoa. Khuynh hướng xã hội trong con người của ông đã hoàn toàn biến mất sau khi ông thấy được tận mắt những hạn chế chính trị và văn hóa tại Liên Xô cũng như tại Cuba. Ngày nay, khi nghe nhắc lại những chữ mà chính ông đã dùng để tự mô tả mình — con người khuynh tả vỡ mộng — ông có vẻ không vui. Ông nghĩ những chữ đó chuyên chở theo một quan điểm bi quan. Ông không tin là phe tả đã chết sau những biến động mới đây ở Đông Âu và Liên Xô. Nhưng ông cũng nói sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng sản là một điều tuyệt diệu.

Vậy mà ông vẫn thỉnh thoảng hoài nghi về chính thế giới và công việc cũng như tác phẩm của ông khi ông nói rằng giá cuộc đời biến thành thi ca có hơn là thi ca biến thành cuộc đời hay không . . .

Hàn lâm viện Thụy Điển đã xét hơn 150 nhà văn được đề nghị giải Nobel Văn Chương năm nay, và sau cùng đã chọn ông Octavio Paz vì những tác phẩm mãnh liệt đầy nhiệt tình của ông viết về rất nhiều chân trời bao la bằng ngòi bút thông minh khêu gợi đầy nhân bản . . .

Những cái bóng của ngày trắng
đổ lên đôi mắt tôi. Tôi chỉ thấy
một mầu trắng,
giờ trắng, tâm thức bứt tung những xiềng xích dục vọng
Mầu trắng của con nước ngầm
đôi mắt mù mở rộng
Bật viên đá lửa, đốt kỷ niệm
trên bối cảnh của thời gian và con nước ngầm chẩy xiết,
Trí nhớ, ngọn lửa bơi lượn . . .

Khi các nhà báo hỏi ông rằng được giải thưởng Nobel Văn Chương rồi, ông có định nghỉ viết chưa, thì ông nói sẽ tiếp tục viết. Ông cho rằng giải Nobel là một sự thử thách, chứ không phải là tấm thông hành đi vào miền bất tử. Bạn thấy văn chương Xì cũng gớm lắm chứ đâu phải ai cũng như ông hàng xóm của bạn. *No way Jose!*

BBT

SAN FRANCISCO THÁNH ĐỊA CỦA NHÀ THƠ ĐANG ĐI TÌM CÔNG CHÚNG

ELGY GILLESPIE
NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch

Mỗi tối thứ Năm, trên đường Guerrero (thuộc quận Mission) ở San Francisco, những kẻ nối nghiệp Jack Kerouac, Gregory Corso và Lawrence Ferlinghetti thường tụ tập nơi một quán cà phê nhỏ tên Babar, do Alvin Stillman làm chủ. Đã nhiều năm qua, những buổi đọc thơ cho công chúng là nét nổi bật trong sinh hoạt văn hóa của thành phố này, và quán Babar chính là tiêu điểm của một sự bộc phát mới đang biểu lộ trên khoảng 50 tờ tạp chí thi ca và không biết bao nhiêu

Ginsberg nói bằng một giọng gần như tụng kinh, "ấy chính là tất cả cái truyền thống của bậc thầy chối dậy, thốt ra những lời lẽ hồn nhiên đầy sự khôn ngoan. Đó chính là cái nền ở đây, thật khác biệt với cái thái độ cứng nhắc vụng về của giới "trí thức cầm trịch" ở Anh quốc (The English establishment)."

Đúng là hiện nay đang có một lớp *tsunami* (sóng triều các nhà thơ trẻ tràn về đây sau các người thầy Beat. Với

vô số những quán cà phê và những tiệm sách có thể là hoạt động ấn loát nhỏ.

"Làn sóng này tiếp làn sóng khác" là câu Allen Ginsberg mới đây đã dùng để miêu tả sự "thiên cư" tiếp nối không ngừng của các thi sĩ về vùng đất Vịnh (Bay Area) trong 40 năm qua. Ginsberg đã quy hiện tượng này — và đặc biệt là sự hoan nghênh của công chúng đối với việc đọc thơ nơi công cộng — cho ảnh hưởng liên tục của triết lý Đông phương đối với thành phố. "Phật, Thiền, Nghiệp" ông

dùng làm chỗ đọc thơ, San Francisco quả là thành phố văn chương duy nhất của một tiểu bang còn thất học: đây vẫn còn là một Thánh địa cho những linh hồn đắm say, phóng khoáng thiên cư tới cái lò luyện những tính như sự khoan dung, sự hào hứng sốc nổi và một điều gì đó được kêu bằng sự "triển nở" bản thân.

Ở số 262, Đại lộ Columbus, nơi mà khu phố Tàu xuôi tới mãi North Beach qua một con đường đã được đặt tên lại là Jack Kerouac Alley, Lawrence Ferlinghetti đã "trụ trì" lâu năm, thủ vai một ông chủ tiệm sách kiêm thi sĩ đọc thơ cho công chúng cũng như chủ nhân một nhà xuất bản đã ba phen phải ra hầu tòa vì thi phẩm *Hú* thời danh của Allen Ginsberg. Ấy là vào những năm Năm mươi và Sáu mươi, khi phong trào Beatnik hạ sinh đứa con Hippy. Ngày nay ông Ferlinghetti vẫn còn phải vật lộn với kiểm duyệt, với khoảng một tá tựa sách mới gây tranh luận mỗi năm. Mới đây ông đã tình nguyện — nhưng chuyện không thành — đứng ra in cuốn *Quỷ Kinh* của Salman Rushdie loại bìa mỏng, qua nhà xuất bản cùng tên với tiệm sách lừng danh của ông: "City Lights". Hiện nay ông đang học tiếng Ý để dịch thơ Pier Paolo Pasolini.

Cũng như hầu hết các nhà văn khác ở đây, ông Ferlinghetti chỉ là một "khách thập phương" — trường hợp của ông thì "phương" đây là thành phố Nữu Ước, cộng thêm hơi hướng của đại học Sorbonne nơi ông từng theo học nhờ một học bổng dành cho cựu binh sĩ Mỹ. "Dĩ nhiên tôi không phải là một dân beatnik *thứ thiệt*," ông thở dài nói. "Tôi đã đứng ra trông coi tiệm sách này từ năm 1953. Nếu không phải bận bịu vì nó thì lúc này có lẽ tôi đã ở bên Ý hoặc ở Nữu Ước rồi. Lúc đó tôi chỉ tính ở lại đây tối đa là 10 năm. Nhưng rồi," ông khề khà, "tiệm sách của tôi đã bốc lên." Không nói giỡn chút nào đâu. Ba mươi bảy năm sau, nhà thơ của chúng ta vẫn còn "nhảy múa trên cái vòng ngoài của thế giới" ngay tại thành phố . . . San Francisco này!

Theo lời ông Howard Junker, chủ nhiệm tờ *Zyzzyva*, một tờ quý san dành riêng cho Thơ, thì các công chuyện làm ăn nho nhỏ có thể phát triển được là nhờ sự cô lập tương đối của thành phố. Điều này, theo ông, cộng với sự bộc phát của máy điện toán cá nhân (PC) đã giải thích cái hiện tượng các nhà xuất bản "Cò con" đang nuôi dưỡng các trường thơ có mặt ở đây: nào nhóm "Ngôn Từ" (Language Poets), nào nhóm "Khách Quan" (Objectivists), nào nhóm "Tân Thuật" (New Narratives), và nhóm "Babar" (Babarians), mượn tên của quán cà phê làm danh hiệu. Một trong những người có tên tuổi thường hay lui tới quán này là nữ thi sĩ Julia Vinograd, 44 tuổi, đã xuất bản được tất cả 26 thi tập của bà. Thường thì chính bà tự xuất vốn ra in các tập thơ của mình rồi đem ra đường phố bán và hy vọng sẽ "thanh toán" hết một ấn bản khoảng 2,000 cuốn, mỗi cuốn giá 1 hay 2 đô la — phần lớn, theo lời bà, là bán cho "những người thường không ưa thơ".

"Không ai tới đây viết lách để kiếm tiền cả," ông Junker vừa cười vừa nói. "Chị sẽ không thấy ngượng nghịu chút nào khi lãnh một số tiền ứng trước cho một cuốn sách, chỉ vỏn vẹn có 250 đô". Và đây cũng là một thành phố mà bạn hầu như không thể nào bị "bôi sổ" vì là một kẻ kỳ cục "không giống ai". Bởi lẽ ở đây ai cũng kỳ cục "không giống ai" hết. "Hầu hết mọi người ở đây đều là dân tứ xứ," bà Joyce Jenkins cho biết, *Poetry Flash,* tờ nguyệt san thơ biếu không của bà có một số lượng độc giả lên tới 16,000 người. Ngoại lệ dĩ nhiên là những người bản xứ Mỹ (Native Americans), với các nhà thơ riêng ở của họ như Mary Tallmountain và Paula Gunn Allen. Bà Joyce Jenkins xổ ra một loạt tên các nhà văn Mễ viết tiếng Tây Ban Nha, kế đến là tên các nhà văn lưu vong Trung Hoa mới tới như Yow Yi Ming, Ai Bei, và Fei Yi, những người đã rời bỏ Bắc Kinh sau vụ Thiên An Môn; rồi Nhật Bản (Janice Mirkitani, Holly Ueymoto); và Miến Điện (Aung Aung Taik). Cũng có cả những người Miên, Lào, Ấn Độ và Việt Nam nữa. "Đây chính thật là thi ca của sôi sục, của hào hứng, của đi tới", bà Joyce Jenkins vui vẻ kết luận.

(Báo *The Independent*, Luân Đôn)

* Ferlinghetti có bằng tiến sĩ Sorbonne.

* "Triển nở": từ của Nguyễn Đồng.

PHẠM DUY, BUỔI CHIỀU, VÀ NHỮNG DỰ PHÓNG TIẾP NỐI

LÊ KIM ĐÍNH

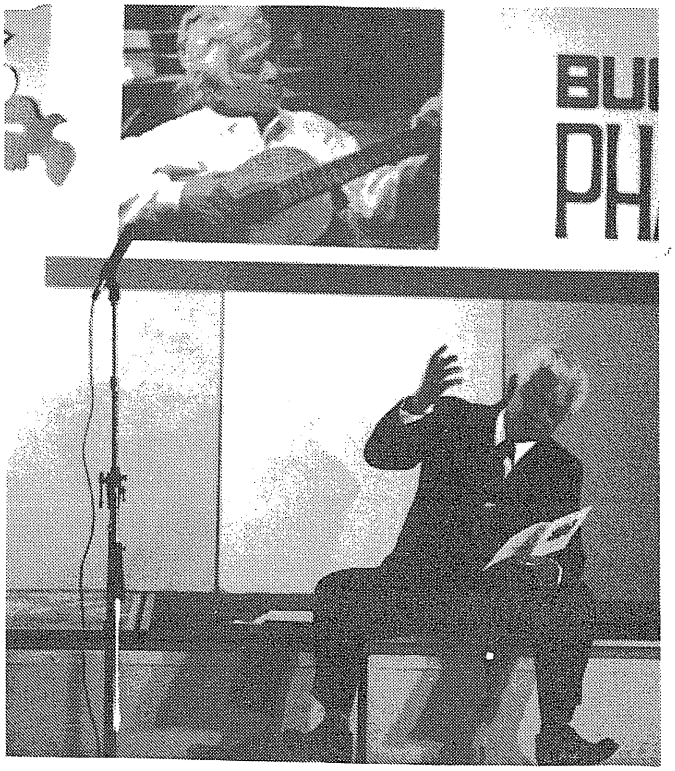

Nhạc sĩ Phạm Duy trong Buổi Chiều Phạm Duy tại phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ ở Westminster, Cali

Người ta không phê bình Phạm Duy

Như người ta không "phê bình" một buổi chiều nắng "đẹp": người ta tận hưởng cái vẻ "đẹp" của nó. Như Baudelaire, và rồi Xuân Diệu của một thời xa ưa đã viết: "Có nghĩa gì đâu một buổi chiều ..." ("Il n'a pas de signification, un de ces soirs . . ." — thơ Baudelaire). Phạm Duy cũng không phải là một huyền thoại, hay một thần tượng. Huyền thoại để người ta lật mặt nạ, và thần tượng để người ta đạp đổ. Và huyền thoại cũng như thần tượng từ lâu đã không còn chỗ đứng trên thế gian. Phạm Duy là một con người thực, đã sống, sống rất thực, và ca hát, ca hát rất say sưa, với chúng ta, giữa chúng ta, từ buổi rạng đông khi non sông bừng thức dậy, qua gần nửa thế kỷ chiến tranh điêu tàn, băng hoại từ ngoại vật đến con người, và cho tới nay, giữa đàn chim bỏ xứ, tiếng hát đó vẫn vang lên, hùng hồn như hình ảnh những chàng trai Siegfried thuở xa xưa, tình tứ nồng nàn như tiếng sáo thần của những bộ lạc Do Thái, huyền bí như đoàn Việt điểu trong truyện thần kỳ . . .

Nhìn Phạm Duy đi lại, đứng lên, ngồi xuống, múa may trên sân khấu, lim dim con mắt, đưa tay đánh nhịp, nghe Phạm Duy nói chuyện, "dẫn giải," giữa những âm thanh của bản Trường Ca "Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ" được trình diễn trong "Buổi Chiều Phạm Duy" một sinh hoạt văn nghệ đa phương tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ chiều Chủ Nhật 7 tháng 10 vừa qua nhân dịp sinh nhật thứ 70 của Phạm Duy, người ta đã đi lạc vào một thế giới riêng, thế giới của Phạm Duy. Trong thế giới đó, một thế giới không có sự thánh thiện mà cũng chẳng còn loài rắn độc, một thế giới rất "người" theo nghĩa của Pascal, mọi thẩm định giá trị, mọi phán xét đều ngừng đọng lại.

Mọi phán xét đều đòi hỏi "một khoảng cách cần thiết" giữa những người thưởng ngoạn và tác phẩm trong đó tác phẩm biến thành một "vật," một "khách thể" để người ta đem ra phân tách, mổ xẻ theo một số những tiêu chuẩn nhất định. (1)

Những "khoảng cách" đó không có trong "Buổi Chiều Phạm Duy." Một sinh hoạt văn nghệ nhiều mặt, một "biến cố thính thị" (audio-visual event). Một buổi họp mặt thân hữu với không khí của một cuộc họp mặt "du ca." Một cuộc triển lãm và trình diễn có tính cách "hồi ức" (retrospective). Một dịp mà những đau thương, những tiếc nuối, những ân hận và ghê tởm tất nhiên phải có trong cuộc đời Phạm Duy- cũng như trong lịch sử cận đại của đàn chim Việt suốt thời gian 70 năm qua và cho đến ngày nay- đã bị khỏa lấp, bị "lướt qua" một cách dễ dàng ("Việc gì mà phải buồn!" Phạm Duy nói . . .) Vì "Buổi Chiều Phạm Duy" đồng thời cũng là ngày kỷ niệm sinh nhật (chậm hai ngày), của tác giả. Tóm lại là một ngày vui. Nhưng vui nhất- cho tác giả cũng như cho người "thưởng ngoạn"— là vì đó cũng là dịp để Phạm Duy đem "trình làng" tác phẩm "Tổ Khúc Bầy Chim

Bỏ Xứ", một trường ca gồm ca khúc kết hợp lại thành từng liên khúc mà Phạm Duy đã mất 15 năm để sáng tác và đem ra trình diễn toàn bộ và liên tục trong gần một tiếng đồng hồ (một cuộc trình diễn "marathon") với phần hòa âm của Duy Cường và của chính tác giả, qua giọng ca của Kim Tước và Vũ Anh.

Bởi vậy cho nên ngay từ phút đầu người ta đã không thấy có những khoảng cách giữa tác phẩm và tác giả cũng như giữa tác phẩm và người thưởng ngoạn, hay đúng hơn là những người tham dự. Ngay từ những phút đầu của bản trường ca, sau phần giới thiệu và bày tỏ cảm tưởng của đại diện ban tổ chức và của thân hữu, người ta đã thấy Phạm Duy tác giả xuất hiện trên sân khấu là một Phạm Duy con người trình diễn (Phạm Duy "the entertainer") nhập hồn làm một với tác phẩm. Ngay từ phút đầu khi khúc nhạc dẫn với những âm hưởng rất "Wagner" trổi lên, những khoảng cách, những biên giới còn lại giữa khán thính giả và tác phẩm đã bị xóa bỏ hoàn toàn, tạo ra một không khí tham dự trực tiếp, một sức thu hút đã được gắn bó cho tới phút cuối cùng, qua gần một tiếng đồng hồ trình diễn liên tục, nhờ giọng ca (thu âm) của một Kim Tước còn đầy phong độ và một Vũ Anh mà tài năng đã được chứng tỏ trong "Đêm Nhạc Đại Hòa Tấu Và Hợp Xướng" của Lê Văn Khoa cách đây ít lâu.

Bởi vậy cho nên người ta không phê bình Phạm Duy, nhất là trong "Buổi Chiều Phạm Duy" tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ chiều Chủ Nhật 7 tháng Mười. Ở đó, người ta chỉ có quyền tham dự.

Thực ra, với buổi trình diễn trường ca "Tổ Khúc Bày Chim Bỏ Xứ" Phạm Duy đã làm xong phần vụ của người sáng tác. Ngoài phần hòa âm (hòa âm hay chỉ là một công trình "pha trộn âm thanh" - sound mixing?), khá đặc biệt, nhất là đoạn đầu, và độc đáo với những tiếng sáo, tiếng khèn, tiếng trống đồng (2), nhưng nội dung chưa được "sung mãn," và riêng đoạn cuối chưa được "chỉnh" với những âm thanh "chìm" như muốn tạo ra cho người nghe một cảm giác kỳ bí (gần như rùng rợn!) ngược với cực điểm (climax) của bản trường ca với những ý hướng vượt phóng, tung bầy đầy lạc quan, đầy sức sống- bản trường ca "Tổ Khúc Bày Chim Bỏ Xứ" mới chỉ là một cái khung vững chãi có thể tô điểm, trau chuốt thêm và đồng thời cũng hứa hẹn có nhiều khả năng khai thác theo nhiều thể cách khác nhau.

Trong "Buổi Chiều Phạm Duy" có nhiều cánh cửa hé mở, cho phép người tham dự được quyền đóng góp thêm vào một công trình sáng tác để thành hình.

Trước hết, ta hay nghe Phạm Duy nói (xem: "Phạm Duy nói . . ." dẫn của Lê Kim Đính, trong phần đóng khung), nói với cử tọa, nói với thân hữu, nói với cả những người bạn cũ không có mặt như Văn Cao (tác giả bài quốc ca của Việt Nam Cộng Sản), và Phạm Duy nói với chính mình. Không những chỉ nói, Phạm Duy còn kể chuyện và điền vào những khoảng trống chuyển tiếp giữa các liên khúc của bản trường ca. Không những chỉ nói và kể chuyện, Phạm Duy còn đi lại, múa may trên sân khấu như trong một vở kịch độc diễn và độc thoại. "Diễn xuất" của

Nói đến "Đàn chim Việt" là nói đến Văn Cao, đến Hà Nội 36 phố phường, Hà Nội thủ đô văn vật, Hà Nội của thời kỳ lãng mạn 45 năm trước, Hà Nội bừng mắt dậy thấy những ngọn lửa của cuộc Thế Chiến Thứ Hai chưa kịp tắt thì bốn phương trời đất Việt đã sừng sững những bức mây thành báo hiệu những vận hạn vô biên của đất nước, những vận hạn mà mãi cho tới nay vẫn còn chưa dứt. Như miếng bánh madeleine của Proust, tập nhạc cũ của người bạn xưa mới đến tay đã gợi lên những hình ảnh xa xôi nhưng cũng rất gần, và những tiếng hát từ thuở hoang sơ nhưng cũng vang vọng hóa thai thành những thanh âm mới. Phạm Duy giơ cao tập nhạc cũ của Văn Cao với những hoài niệm vui:

". . . Hồi đó chúng tôi làm bài Bến Xuân, *sau* cách mạng *đổi tên ra là* Đàn Chim Việt. *Bài hát đó, ai cũng biết, bắt đầu bằng những câu như thế này:*

Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước
Em đến tôi một lần . . .

Ấy là tưởng tượng thêm ra cho nó vui đấy chứ có "em" nào đâu . . . Có cô nào đến thăm đâu . . ."

Văn Cao . . . Lưu Hữu Phước . . . Lưu Hữu Phước là tác giả của bài "Tiếng Gọi Sinh Viên" sau trở thành bản quốc ca của Việt nam Cộng Hòa. Qua biết bao nhiêu năm trải hàng mấy thế hệ, trong khi tác giả của nó ở miền Bắc thì ở miền Nam tiếng hát đó đã được cất lên ở khắp mọi nơi, trong sương sớm, giữa rừng rà, trên đỉnh Dak To, trên đồi Dak Sut. Phải chăng đó cũng là một "giao lưu văn hóa" đầu tiên- hay nói cho đúng, chỉ có "giao" mà không có "lưu"? Theo Phạm Duy thì cái gọi là "giao lưu văn hóa" phải được thực thi, nghĩa là phải có hai chiều:

". . . Chúng ta chống Cộng sản, chống cái chủ nghĩa Cộng sản chứ chúng ta không có chống bạn. Mà chúng ta chống Cộng sản chứ

Phạm Duy do đó rất gần với một thể kịch rất mới phát xuất ở khu vực Off-Broadway và Off-Off-Broadway ở Nữu Ước cách đây vài năm. Trong những màn kịch tạm gọi là kịch "đọc" này, tác giả đồng thời cũng là diễn viên độc nhất đọc toàn bộ một tác phẩm của mình, thường là viết theo thể "thơ xuôi" với sự trợ lực của "video" hay phim rọi (slides). Những vở kịch này là những thử thách liều lĩnh, "một ăn cả, ngã về không" vì tất cả đều tập trung vào một tác giả, một diễn viên, một câu chuyện, một khung cảnh (mặc dầu phần video có thể làm cho diễn xuất có phần nào linh động), do đó nếu vở "kịch" không thu hút được sự chú ý của người xem ngay từ đầu có thể dễ dàng thất bại. (Một phụ diễn trong cuốn phim "The Killing Fields" khi trở về Nữu Ước đã viết hồi ký và đã thành công trong vở kịch "nói" dựa trên cuốn hồi ký này tại "The Garage" một "sân khấu thí nghiệm" trong khu vực Off-Off-Broadway). Đôi khi thể kịch này cũng có thể tạo ra được ở người xem những cảm xúc mạnh như trong những vở kịch cổ điển.

Trường ca "Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ" của Phạm Duy có khả năng khai thác thành một loại "ca kịch" cảm hứng từ thể loại kịch nói trên, nghĩa là thay vì chỉ có nói, hoặc đọc, người ta còn có thêm phần ca và nhạc, và ca nhạc ở đây trở nên phần chính. Muốn vậy, Phạm Duy, hoặc một văn hữu nào khác, phải viết là phần nói để kể lại câu chuyện "bầy chim bỏ xứ," không cần những chi tiết éo le, những tình tiết ly kỳ, những yêu đương vụn vặt thường chỉ làm giảm giá trị của câu chuyện và biến vở kịch thành một thứ "kịch tình cảm lãng mạn" rẻ tiền (soap opera), nhưng cũng phải thành một câu chuyện "có đầu có đuôi." Phần ca, nhạc, và hòa âm có thể trình diễn qua bằng thu âm như Phạm Duy đã làm trong "Buổi Chiều Phạm Duy" vừa qua và dĩ nhiên Phạm Duy phải chau chuốt, tô điểm thêm lời ca cũng như tiếng nhạc, và nếu cần, phải có can đảm, cắt bỏ, thay đổi, thêm bớt vì nhu cầu của vở "kịch."

Nhưng hiển nhiên là bản trường ca "Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ" của Phạm Duy còn có những khả năng khai thác ở những kích thước lớn hơn nhiều.

Người ta nhớ ngay đến những vở nhạc kịch của Rodgers & Hammerstein- và đặc biệt là vở ca vũ đại nhạc kịch "Pacific Overtures" đã được khán giả hâm mộ nhiệt liệt liên tiếp trong mấy năm liền ở Nữu Ước và nhiều nơi khác. "Pacific Overtures," tạm dịch là "Khai Khúc Thái Bình Dương", là một vở nhạc kịch lịch sử dùng những màn "hoạt cảnh" như những nét chấm phá trong một bức tranh Nhật Bản để kể lại câu chuyện nước Nhật từ thời kỳ "bế quan tỏa cảng" qua thời Minh Trị, và tiếp tới thời gian gần đây khi nước Nhật, sau thời gian tái thiết hậu chiến, đã trở nên một cường quốc kinh tế (phần chiến tranh được bỏ qua). Câu chuyện được "kể" bằng tiếng nhạc và lời ca trong hậu trường, bằng những màn vũ với các nam, nữ diễn viên và vũ viên múa và làm những điệu bộ, cử chỉ giáng điệu theo diễn tiến của câu chuyện như trong một vở kịch "câm" (mimes). Trong khi đó thì, suốt từ đầu

chúng ta không sợ Cộng sản, đã sợ thì làm sao nói chuyện chống? Mà bây giờ mình đã sống ở bên Mỹ, ở một cái xã hội tự do như thế này rồi thì còn sợ cái quái gì? Thời gian gần đây tôi thấy nào sách, nào băng nhạc, nào video . . . xuất xứ từ Việt Nam hay làm ấn bản tại đây bán đầy rẫy ở Bolsa . . . mà rồi tôi thấy nó đâu có ảnh hưởng gì đến mình đâu? Nhưng tôi thấy đã gọi là giao lưu văn hóa thì phải có hai chiều mới đúng. Chẳng hạn như tôi thấy một số bài ca của tôi bị cấm hát ở Saigon . . ."

Nhưng liệu có cấm, hoặc có cấm mãi được không? Thực ra thì vấn đề mệnh danh là "giao lưu văn hóa," hay đúng hơn là "tự do truyền thông" xưa nay vẫn là một trụ cột của nền Dân Chủ, Tự Do Tây phương và sau cuộc cách mạng truyền thông (information revolution) vấn đề đã không còn được đặt ra nữa vì truyền thông đã trở thành một sức mạnh không cần nổi với sự tiếp dẫn của khoa học điện tử và khoa học không gian. Bởi vậy nên mới có chuyện Đông Âu, chuyện nước Đức thống nhất, chuyện Nga "Glasnost", chuyện "Perestroika", chuyện Thiên An Môn, còn những chuyện gì kế tiếp nữa . . . Nhưng với Phạm Duy, một con người tổng hợp của những siêu việt và phàm tục (le sublime et le profane). Cõi đời này còn có những hình ảnh thân mật, gần gũi và . . . hấp dẫn hơn. Đó là những hình ảnh con chim, con cò, cái tôm, cái tép . . .

". . . (Nói đến Việt Nam) bây giờ đến con chim cũng không có nữa! Đói quá mà! chim đem bắn hết mà ăn! Tưởng tượng người mà không có chim thì còn ra cái gì nữa? Cò cũng không! Các bà, các cô ra đồng, xắn váy lên mà xúc! Xúc hết cả tép! Xúc hết cả tép rồi thì con cò nó sống làm sao? . . . (giọng ngao ngán). Không chim, không cò, không có cả tôm, cả tép nữa thì (cuộc đời) còn có nghĩa lý gì nữa?"

Đó là Phạm Duy. Phạm Duy "con người Pascal.", Phạm Duy của ngàn bài ca. Phạm Duy muôn thuở. LKĐ

đến cuối vở kịch, một diễn viên ngồi sắp chân bằng tròn phía ngoài sân khấu làm công việc "kể" chuyện bằng lời nói - không phải nói liên tiếp từ đầu đến cuối mà chỉ góp phần phụ họa thêm vào phần chính là ca, nhạc, và vũ bằng những lời dẫn nhập (khởi đầu câu chuyện và khởi đầu từng màn), bình giải (để trợ lực cho những diễn viên "câm" trên sân khấu,) và phần kết thúc. (Marlon Brando đã xử dụng kỹ thuật này trong phần đầu của phim "Sayonara" hồi xưa.)

Bản trường ca "Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ" có thể được khai thác để trở thành một vở ca vũ đại nhạc kịch theo những đường hướng tương tự- như chính tác giả đã có ý hướng phác họa khi xuất khẩu trong một phút ngẫu hứng; "Chỗ này đáng lẽ phải có "choreographie!" (Buổi Chiều Phạm Duy"). Nhất là hình ảnh ẩn dụ (metaphor) đàn chim Việt có thể gợi ra cả một rừng mầu sắc, âm thanh và vũ điệu.

Việc dựng lên một vở "ca vũ đại nhạc kịch" (musical) như vậy đòi hỏi rất nhiều tài năng ở nhiều lãnh vực khác nhau: từ nhà sản xuất cho tới đạo diễn, vũ sư, vũ viên, họa sĩ, chuyên viên trang trí sân khấu (stage designer), nam nữ diễn viên, chuyên viên âm thanh, chuyên viên ánh sáng, chuyên viên y phục, kịch tác giả (để viết lại phần nói), một nhạc trưởng để điều khiển ban nhạc và giúp làm phong phú thêm phần hòa âm- và nhất là sự hợp tác của chính tác giả. Tất cả những chuyên viên này, người Việt Nam hiện thời chưa có, chưa có đủ, nếu không kể tới những chuyên viên thuộc loại "tài tử" — đó là chưa kể đến vai trò rất quan trọng của người "promoter" (một danh từ dường như chưa có từ ngữ tương đương trong tiếng Việt.) Tuy nhiên, đó không phải là những trợ lực. Vì một vở "ca-vũ-đại nhạc kịch" như vậy đã vượt ra khỏi tầm mức của những cái gọi là ca-vũ-nhạc "dân tộc," mặc dầu nội dung hiển nhiên vẫn chứa đầy "dân tộc tính". Do đó, nếu người ta không nghĩ rằng vùng mệnh danh là "Tiểu Sài Gòn" là một quốc gia riêng biệt, bất cứ một tài năng nào, dù không phải là gốc Việt, nếu muốn hợp tác đều có thể được thu dụng, kể cả khối nam nữ diễn viên nếu cần, mặc dù điều này có thể là một đề tài tranh luận như đã xảy ra nhân việc tuyển lựa một diễn viên phụ trong vở nhạc kịch "Miss Saigon" gần đây.

Còn một vấn đề nữa, một vấn đề tối quan trọng, là vấn đề tiền. Tất cả những vở kịch hoặc ca nhạc kịch ở đây cũng như ở nhiều nước khác trên thế giới đều được dựng lên nhờ tiền đầu tư của các nhà tư bản (đôi khi có thêm những khoản tiền vay của ngân hàng). Đó là những "nhà tư bản yêu văn nghệ" những dù yêu văn nghệ tới đâu họ cũng vẫn là những nhà tư bản, nghĩa là họ phải có lời, không ít thì nhiều. Bởi vậy, như trường hợp Nữu Ước, phần lớn kịch bản đều phải qua một giai đoạn thử thách trình diễn ở một phạm vi thu hẹp, ít tốn kém, ở khu vực "thí điểm" Off-Broadway để chứng tỏ khả năng thu hút khán giả trước khi vận động được những ngân khoản đầu tư lớn (hàng triệu hoặc hàng chục triệu Mỹ kim) để có thể đem ra trình diễn ở trung tâm kịch nghệ Broadway. (Đôi khi Luân Đôn cũng được coi như một "thí điểm," như trường hợp của những vở như "Miss Saigon," "Les Miserables," hoặc "A Tale of Two Cities" vân . . . vân . . .) Tóm lại, yếu tố quyết định vẫn là khán giả, một loại khán giả mà người ta gọi là "khán giả biết thưởng thức" (the serious theater-goers).

Một vấn đề được đặt ra là: vùng "Tiểu Sài-Gòn", hay nói cho đúng là cộng đồng Việt ở quận Cam, đã có đủ khả năng để đóng một vai trò Off-Broadway cho những kịch phẩm phát xuất từ trong cộng đồng hay chưa?

"Buổi Chiều Phạm Duy" đã thổi lên được những luồng gió mát, đánh tan những cặn váng đang nổi lên trên mặt nước và làm bay đi những áng mây u uất che khuất ánh mặt trời. Trong buổi chiều rực rỡ ấy bỗng nhiên người ta nhớ lại những vần thơ ca ngợi tình yêu từ thuở hoang sơ . . .

"Comment expliquerait-on l'amour?

Il n'a pas de signification, un de ces soirs.

Il conquiert notre ame avec la lumiere attenuee,

Avec les nuages tres legers, avec la brise passagere . . ."

Trong niềm lạc quan hứng khởi đó, người ta muốn nói rằng: có. Có thể có những dự phóng tiếp nối. Và có lẽ Phạm Duy cũng nghĩ như vậy. Chưa. Chưa hết. Hãy còn những dự phóng tiếp nối. Của Phạm Duy. Của anh. Của tôi. Của chúng ta. Chưa hết. K

LKD

(1) Một trường hợp cực đoan gần đây đã đưa ngành phê bình vào một ngõ bí không lối thoát là trường hợp của trường phái "deconstructionism" tạm gọi là "phá thể", do Lacan cùng đồng bối và môn sinh - một đám hủ nho tân thời- chủ xướng, dựa trên một số khám phá về ngữ học của Jean Piaget và kế tiếp, và trên hệ thống tư tưởng của Freud và Marx, những cơ cấu kiến trúc của khoa học tâm lý và xã hội cuối thế kỷ thứ 19 mà hiện nay, cùng với thuyết "tất yếu lịch sử" và "duy vật sử quan", đã chứng tỏ phá sản trong những tiền đề cũng như trong những hệ luận của nó. Người viết hy vọng sẽ có thể trở lại vấn đề này trong một dịp khác.

(2) Trống đồng có nhiều loại, nhiều kiểu, nhiều cỡ khác nhau tùy theo niên kỷ mà người ta đào thấy được, do đó âm thanh cũng khác. Tiếng trống mà Phạm Duy giới thiệu là trống đồng âm thanh không mấy đặc sắc.

Ni Gauche, Ni Droite

NGUYỄN BÁ TRẠC

(Lòng ta là một phi thuyền
Sáng nay bay lượn đi tìm trăng sao)

Thả hồn trên hè phố Bordeaux
Sáng nay hồn bỏ ngỏ
Cất bước đi trên con đường phố nhỏ
Hút thở / tự do / từng hơi thở

Ni Gauche, Ni Droite
En Avant

Bước đi trên hè phố Bordeaux
Trời xanh / tóc vàng
Mắt xanh / nắng vàng
Tóc đen / lá vàng
Cuộc sống đếm bằng hơi thở

Ni Gauche, Ni Droite
En Avant

Quê nhà tôi chắc đã qua xuân
Ngồi nơi đây, chẳng thấy xa
cũng chẳng thấy gần
uống một cốc cà phê nhỏ
suy nghĩ tự do từng hơi thở
(viết tự do
in tự do
tự do là hơi thở.)

Lá xanh / mắt vàng
Mắt đen
Tóc chàng vẫn đen.

Bước chân qua hè phố Bordeaux
đọc chữ viết trên tường loang lổ:
"Vive le roi"
— Quoi?
"Je ne crois pas que la révolution
soit finie: - Robespierre

"Ni Gauche, Ni Droite
En Avant

Xưa, chàng từ thuộc địa
sau trận Điện Biên về
áo xanh màu cứt ngựa
tuổi mới ngoài đôi mươi

Nay đã ngoại sáu mươi
cụ đứng trên hè phố Bordeaux
với người vợ Việt
và những đứa con lai

Tôi bước qua, trời xanh lắm:
Tường cũ phơi mình trong nắng
Đám mây
và những đứa con nở những nụ cười

Bây giờ ở Đông Âu
người lính Liên Xô từ Đông Đức
cũng đã trở về Mạc Tư Khoa
dạo phố Goóc ki
với người vợ Đức

Thả hồn bước đi trên hè phố
Bordeaux
sáng nay hồn bỏ ngỏ
Bước chân qua những con đường
phố nhỏ

"Vive le roi!"
— Quoi? Tu es fou!
Ni Gauche, Ni Droite
En Avant.

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA VĂN HỌC NỮ QUYỀN VÀO PHÊ BÌNH VĂN HỌC MỚI

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Văn học mới, hậu hiện đại (postmodern) ở những năm cuối của thế kỷ 20 bước sang 21 là diễn ngôn của những tiếng nói bên ngoài trung tâm, là một hiện tượng văn hóa phổ quát có mẫu số chung là ý hướng đặt vấn đề về "sự hiện diện của quá khứ" trong toàn bộ sinh hoạt văn hóa hiện đại về cả hai mặt lập thuyết lẫn thực hành văn học. Về mặt thực hành văn học chúng ta có những nhà văn được ưa chuộng hàng đầu thế giới như Gabriel Garcia Marquéz, Carlos Fuentes, Julio Córtaza, José Lezama Lima, Salman Rushdie, John Barth, Josept McElroy, Umberto Eco, Thomas Pynchon, Ismael Reed v.v. . . mà danh sách còn rất dài. Về tư tưởng lý thuyết những tác phẩm của Jacques Derrida, Michel Foucault, Jean-Francois Lyotard Paul de Man, Roland Barthes, Jacques Lacan . . . là những bản viết diễn giải thực tại hậu hiện đại, đưa ra những khả tính mới, không nhằm đề nghị những lý giải, những giải đáp nhưng chủ yếu là khởi đầu một vận động đảo nghịch trung tâm, chấp thuận tạm thời (vì đang tham dự vào) cái thực tại thế giới và đời sống hôm nay nhưng đồng thời triệt để đặt vấn đề về lý thuyết và thực hành của cơ cấu hệ thống văn hóa hiện đại trong diễn trình tổng quát sản xuất ý nghĩa (general process of production of meaning) của ý thức hệ nhân bản tự do. Nói văn học mới là văn học ngoài lề, ngoài trung tâm vì những ngôn từ văn học đó cất lên từ một chỗ đứng bên ngoài cả ý thức hệ tự do nhân bản lẫn ý thức hệ cộng sản, nhằm phê bình, đảo ngược, tháo gỡ những tư tưởng, huyền thoại, niềm tin, giả thuyết nằm trong nền tảng của hai ý thức hệ đang hướng dẫn, trợ vì, áp đảo toàn thể nền văn hóa nhân loại, *đang ở trung tâm*. Thực ra "*trung tâm*" cũng chỉ là một thực tại được kiến trúc nên trong lịch sử chứ không phải là một thực tại cố định, bất di dịch cho nên đứng ngoài trung t3m và tra hỏi về thực tại trung tâm cấu trúc đó sẽ mở ra những khả tính mới. Vì trung tâm là áp đảo đặt định cái phổ quát, đồng hóa, cái đơn nhất cho nên đảo nghịch trung tâm đồng nghĩa với chấp nhận sự khác biệt, đa dạng, phức tính từ trong căn để.

Riêng về sinh hoạt phê bình văn học, cả hai nền phê bình văn học tự do nhân bản lẫn cộng sản đều đang cố chống đỡ cho những luận điểm ý thức hệ đang bị chấn động tận cơ sở trước những khả tính mới mẻ của nền phê bình văn học mới cất lên từ một chỗ đứng ngoài trung tâm, của phong trào tiểu thuyết mới với đông đảo những văn tài lẫy lừng không trường phái không tuyên ngôn nhưng không hẹn mà cùng "vượt đèn xanh" (R. Federman) bằng ngôn từ thế kỷ 21.

Trong bối cảnh chung đó, văn chương và phê bình văn học nữ quyền (feminist criticism) có những đóng góp lớn lao phải được kể tới nếu ta muốn khách quan, phải lẽ khi bàn về phê bình văn học hôm nay. Nói khách quan, phải lẽ là vì cho đến bây giờ những tay viết phê bình văn học cả hai phe tư bản lẫn cộng sản đều cố né tránh, làm ngơ, không đề cập tới văn chương và phê bình văn học nữ quyền.

*

Cùng với những giòng văn học: da đen, di dân tị nạn, các chủng tộc (không phải là trắng), cựu thuộc địa, đồng phái tính, thế giới thứ ba . . . văn học nữ quyền có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu xa nhất đối với phê bình văn học mới cả về hai mặt lý thuyết lẫn thực hành. Vì văn học nữ quyền chỉ là một sinh hoạt, dù rằng đó là sinh hoạt chính yếu của phong trào nữ quyền (femist movement), ở đây chúng tôi sẽ chỉ khái quát vài nét về lịch sử văn học nữ quyền và không đề cập tới phong trào nữ quyền nói chung vì đề tài chúng tôi muốn đem ra trình bày là những đóng góp của văn học nữ quyền vào phê bình văn học. Và vấn đề này sẽ được thảo luận theo khảo hướng: *phụ nữ đọc* (văn chương) *và phụ nữ viết* (văn). Khảo hướng này không khỏi có tính cách giản lược vấn đề nhưng vì cả hai đề tài "phê bình văn học mới" và "văn học nữ quyền" vốn rất bao quát và phức tạp nên chúng tôi thà chấp nhận một khảo hướng giản lược còn hơn là trở thành quá ôm đồm và

lạc lối (cả người viết lẫn người đọc). Hơn nữa, cho đến hôm nay "phê bình văn học mới" và "văn học nữ quyền" vẫn còn là những vấn đề có vẻ còn quá xa lạ đối với cả thức giả lẫn độc giả Việt Nam tuy rằng chúng chẳng có gì là xa lạ đối với trí thức tây phương.

*
* *

Nếu cho rằng ngôn ngữ, ngôn từ (discourse) đồng nghĩa với quyền hành (power) thì văn học nữ quyền của phái nữ trong ba thập niên cuối thế kỷ 20 là một vận động nhằm trình bày cái "thẩm quyền của kinh nghiệm" phái nữ (Xem: *The Authority of Experience,* Ed. by Arlyn Diamond & Lee R. Edwards) Bảo rằng ngôn từ đồng nghĩa với quyền hành vì rõ ràng cho đến hiện nay hai thứ ngôn từ đang áp đảo, ở vị trí quyền hành, thế giới là ngôn từ tư bản và ngôn từ mác-xít, là những ngôn từ ở trung tâm. Và cả hai thứ ngôn từ đều mặc nhiên chấp thuận tự bản thân đó là những ngôn từ nam phái. Như vậy ta phải thấy rằng những ngôn từ này có hai tầng áp đảo: tầng ý thức hệ và tầng phái tính.

Suốt trên hai mươi thế kỷ nay ngôn từ nữ phái bị nhận chìm vào bóng tối, bị áp đảo: người phụ nữ trong tất cả các sinh hoạt xã hội, chính trị, kinh tế, văn học được coi là *ở bên lề,* ở ngoài trung tâm, không có thẩm quyền biểu tượng và biến đổi thế giới. Riêng trong phạm vi văn học, những đóng góp của nữ giới tuy đôi khi được trân trọng nhưng không có thẩm quyền, không có một vị trí quyết định trong cả hai mặt lý thuyết và thực hành. Một số ít ỏi các tác giả nữ phái chỉ được xếp lẻ loi xen kẽ vào những "văn thi sĩ lớn" nam phái trong các tập văn tuyển và nữ giới không có những ghế giảng huấn có quyền hành ở các đại học lớn, nghĩa là không có một ảnh hưởng đáng kể trong việc hướng dẫn sinh hoạt văn học. Chỉ rất gần đây ở Mỹ một số học giả phái nữ mới chiếm được những ghế giảng huấn cấp cao ở một vài đại học nổi tiếngn hư ở Yale có Barbara Johnson, Shoshana Felman, Margaret Homans, ở Princeton có Elaine Showalter, Sandra Gilbert, Margaret Doody, ở Indiana University có Susan Gubar. Những bậc thầy này tuy đã có mặt nhưng ảnh hưởng của họ mạnh đến đâu thì chưa thấy có dẫn chứng nào chắc chắn. Nhưng ít ra là ngôn từ của nữ giới đã được cất lên và được nghe. Ở Âu Châu nữ giới tuy về mặt ý thức văn chương và ngôn từ có phần lóng lánh hơn ở Mỹ nhưng về mặt tạo ảnh hưởng và có quyền hành thì lại không bằng. Ở những xứ cộng sản tình trạng nói chung là văn học nữ quyền không thấy phát lộ, một phần lớn có thể hiểu được là vì chủ nghĩa mác-xít từ căn bản không thừa nhận, đố kỵ, bôi lọ, đàn áp phong trào nữ quyền nói chung và văn học nữ quyền nói riêng. Ở các nước tư bản buổi đầu của sinh hoạt văn học nữ quyền ở thập niên 60, 70 có một số cây viết nữ có khuynh hướng mác-xít nhưng nay phần lớn đã rời bỏ vị trí cũ, chọn thái độ hoặc im lặng hoặc ngả theo đường hướng xã hội lịch sử (socio-historical) hoặc hậu hiện đại (postmodern). Sự rời bỏ quan điểm mác-xít trước sau chỉ là một sự việc bắt buộc phải xảy ra vì "đỉnh cao trí tuệ loài người" tất nhiên không thể chấp nhận thêm một sự chia sẻ quyền hành. Ở thế giới tư bản, cuộc đấu tranh tuy không dẫn đến đàn áp man rợ nhưng không phải là không gay go vì cơ cấu quyền lực phần lớn vẫn còn nằm trong tay những người bảo thủ khư khư bảo vệ ý thức hệ tự do nhân bản, nhất là đa số quần chúng vẫn còn mặc nhiên chấp thuận ý thức hệ đó.

Một cách khái quát, lịch sử văn chương và phê bình văn học nữ quyền có hai giai đoạn: giai đoạn khởi đầu trong hai thập niên 60 và 70 và giai đạon hiện nay từ những thập niên 80 trở đi. Báo hận cho giai đoạn sơ khai là hai tên tuổi nữ phái lẫy lừng thường được coi là những kẻ tiên phong: *Virginia Woolf* với tác phẩm *A Room of One's Own* (1928) cùng với nhân vật tiểu thuyết Judith Shakespeare (cứ tưởng tượng như là chị em gì đó của William Shakespeare), và *Simone de Beauvoir* với tác phẩm *Le Deuxième Sexe* (xb. Gallimard, 1949 - dịch sang Anh ngữ năm 1953). Tuy được nhìn nhận như những tay tiên phong nhưng Virginia Woolf bị phê phán là có khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa, chủ trương một luận điểm triết lý duy yếu tính (essentialist) còn Simone de Beauvoir thì đã quá chú trọng vào việc truy tìm những huyền thoại trong văn hóa và tư tưởng dẫn đạo của tác phần mang nặng ảnh hưởng ngôn từ hiện sinh của Jean-Paul Sartre vốn là một ngôn từ nam phái. Trước hết chúng tôi sơ lược sự phát triển của phê bình văn học ở Mỹ. Năm 1968 *Mary Ellmann* cho ra mắt tác phẩm *Thinking about Women* nhằm đùa cợt kiểu cách phê bình văn học khẳng quyết của nam giới và những khái niệm như nam tính trong văn phong và nghệ thuật của ngành phê bình này. Phải chờ cho đến năm 1970 mới xuất hiện cuộc "chiến tranh ngôn từ" khi *Kate Millett* cho ra đời quyển *Sexual Politics* mới thực sự phát khởi mãnh liệt cuộc chiến nam nữ trong văn học đến nỗi *Time Magazine* chua chát nhận định về tác phẩm này rằng "cuộc chiến giữa hai phái nam nữ chốn phòng the vào thế kỷ 19 nay đang thành trò hề lộ nguyên hình một cuộc chiến tranh du kích trần trụi". Có thể nói Kate Millett là người mẹ nổi danh nhất của phê bình văn học nữ quyền Mỹ đã trực tiếp tấn công sự đố kỵ phụ nữ không che giấu của phần lớn các nhà văn nam phái như D.H. Lawrence, Henry Miller, Norman Mailer, nhà phân tâm học Wilhelm Reich, triết gia Herbert Marcuse, tay độc tài khát máu Stalin. Tuy Norman Mailer sau đó có viết quyển *The*

Prisoner of Sex để phản công nhưng luận điểm không có tính cách thuyết phục và lại tỏ ra rất nhỏ nhen bới lông tìm vết khi chê bai Kate Millett thiếu tính chất uyên bác trong khi tổng quát hóa vấn đề một cách không chính xác và hay có tật chỉ ưa đọc một đoạn văn mà không đặt đoạn văn đó vào trong văn mạch toàn bài, toàn tác phẩm. Chúng tôi sẽ nói rõ thêm về những phê bình của Kate Millett khi bàn về *phụ nữ đọc văn*. Kate Millett thực sự đã có công khởi đầu thức tỉnh phái nữ, phản kháng ngôn từ trọng nam khinh nữ trong sinh hoạt văn học và tư tưởng, mở đường cho phê bình văn học nữ quyền, làm thay đổi nhan quan, có thái độ phê phán đích thực, dẫn tới những nghiên cứu xét lại các tác phẩm trọng yếu của các nhà văn nam giới trong lịch sử văn học phần lớn đều có quan điểm hạ cấp phụ nữ trong văn chương và kỳ thị, đàn áp ngoài xã hội. Khảo hướng của phê bình văn học nữ quyền giai đoạn sau Millett nhằm thẩm xét lại những tác phẩm cổ điển, đường lối nghiên cứu và giảng dạy văn học trọng nam, sự gạt bỏ nữ giới ra khỏi thẩm quyền văn học. Hai khuynh hướng dần dần phát lộ: Khuynh hướng thứ nhất đòi xếp các nhà văn nữ ngang hàng với các nhà văn nam trong các văn tuyển để dạy học và khuynh hướng thứ hai đòi ấn hành riêng một hợp tuyển văn chương nữ giới (*). Sau Kate Millett ta phải kể tới một tác phẩm tuy ít gây ồn ào nhưng rất có giá trị là quyển *The Female Imagination* (1975) của Patricia Spacks mô tả và khảo sát tường tận kinh nghiệm phụ nữ trong văn chương, nhưng chỉ giới hạn tâ4m khảo cứu trong văn chương thế kỷ 19 và một phần nhỏ văn chương thế kỷ 20. Patricia Spacks tốt nghiệp ở Yale và UC Berkeley, giảng dạy ở Wellesley College. Năm 1977 Elaine Showalter đã đóng góp phần quan trọng vào nghiên cứu và phê bình văn học với quyển *A Litterature of Their Own*. Tác phẩm này là một nỗ lực mô tả truyền thống văn học nữ giới trong nền tiểu thuyết Anh từ thế kỷ gia đình chị em Bronte cho đến thời hiện đại và chỉ ra cho thấy sự phát triển của truyền thống này

cũng tương tự như bất kỳ một văn hóa thứ đẳng nào (subeulture), nghĩa là phụ thuộc vào nền văn hóa chính quy của thời đại. Khảo hướng của Elaino Showalter có tính chất lịch sử, chia sự phát triển truyền thống văn học phụ nữ ra ba giai đoạn: trước hết là giai đoạn phụ nữ cố gắng đạt được sự thành tựu ngang ngửa nam giới bằng cách chấp nhận sử dụng văn hóa nam phái để tạo được những thành tựu không thua kém nam giới; kế đó các nhà văn nữ phái bác bỏ quan niệm về nữ tính, phê phán văn học nam phái; và cuối cùng là giai đoạn xây dựng văn học nữ quyền trên cơ sở kinh nghiệm người phụ nữ, tạo một nền văn học tự chủ. Ta thấy rõ khởi hứng cho quan điểm lịch sử văn học của Elaine Showalter là ý thức phản kháng của người da đen trong đầu thế kỷ 20 ở Mỹ và cơ cấu biện chứng của triết học Hegel. Đến sau Elaine Showalter là cặp Gilbert Gubar năm 1979 cho ra mắt một công trình nghiên cứu công phu rất có giá trị *The Mad Woman in the Attic* nghiên cứu vai trò và ngôn từ văn chương nữ phái thế kỷ 19 ở Anh từ Jane Austen, Emily và Charlotte Bronte đến George Eliot và Emily Dickinson. Khác với khảo hướng của Showalter là lịch sử Gilbert và Gubar lấy lại quan niệm của Harold Bloom cho rằng các nhà văn lớn là những kẻ đã sống trong nỗi âu lo cố sao vượt bỏ những tài văn tài thơ lỗi lạc tiền nhân để chứng minh rằng Jane, Emily và Charloote, George là những tài năng văn chương đã đáp ứng lại sự cưỡng chế văn hóa xã hội đương thời bằng sách tạo ra lối kể truyện tượng trưng để bày tỏ tình cảm bị giới hạn gò bó, bị loại ra ngoài và bị phế thải của người phụ nữ. Nhân đây cũng cần ghi nhận năm 1988 Gilbert và Gubar đã cho ra mắt bộ sách ba tập *No Man's Land* rất đồ sộ trình bày vai trò của nhà văn nữ phái trong nền văn học tiền phong hiện đại (Modernism) ở đầu thế kỷ 20. Những công trình của Gilbert và Gubar gây phấn khởi cho văn học nữ quyền không kém gì Kate Millett vì có phần còn có tính chất quyết định hơn về mặt quan điểm. Ở phần trên chúng tôi chỉ sơ lược kể ra những tên tuổi và các tác phẩm chính của phê bình văn học nữ quyền Mỹ. Thật ra bảng danh sách còn rất dài với những Adrienne Rich, Shulamith Firestone, Maggie Humm, Nancy Chodorow, Jean Bethke Elshtain, Marcia Landy, Lynn Sukenick, Maurianne Adams, Lee R. Edwards, Mary Cohen, Dawn Lander, Priscilla Allen, Judith Fetterley, ở thập niên 80 và thập niên 90 có Toril Moi, Mary Jacobus, Alice Jardin . . . thật là một đội ngũ rất đông đảo nhưng sự tranh luận, bất đồng cũng không khỏi có nhiều khi gay gắt!

Về phía Âu Châu chỉ có ở Pháp là giới phê bình văn học nữ quyền mạnh và sáng giá hơn cả. Phê bình văn học nữ quyền Pháp thường tỏ ra rất coi thường phê bình văn học nữ quyền Mỹ và có khảo hướng thuần túy văn chương triết học chứ không dựa vào kinh nghiệm, lịch sử, xã hội như trường phái Mỹ. Hơn nữa các nhà phê bình văn học nữ quyền Pháp trực tiếp chịu ảnh hưởng và đối thoại với Jacques Derrida, Michel Foucault, Jacques Lacan chứ không chỉ gián tiếp chịu ảnh hưởng tư tưởng những vị này như những người chị em ở Mỹ. Hơn nữa truyền thống văn học Pháp là sáng tạo rực rỡ thiên tài mở đường và lóng lánh ngôn từ, triết lý trừu tượng; cho nên, phê bình văn học nữ quyền của nước này vẫn tiếp nối, kế trục truyền thống đó. Khác với ở Mỹ là nữ giới đã chiếm được những ghế giảng dạy cấp cao ở những đại học nổi tiếng, giới phê bình vănhọc nữa quyền Pháp ít có ảnh hưởng

đến cơ cấu quyền lực giảng huấn nhưng được giới độc giả trí thức và giới viết lách chú ý và tán thưởng. Bắt đầu từ những năm cuối thập niên 70, ảnh hưởng của những tay lãnh đạo phê bình văn học nữ quyền Pháp tràn mạnh sang Mỹ cùng lúc với ảnh hưởng của Jacques Derrida và jacques Lacan. Thật ra hầu hết những người như Julia Kristiva, Luce Irigaray, Hélène Cixous đều phủ nhận danh từ "Feminism", cho rằng Feminism chỉ là một sản phẩm Anh-Mỹ trong lòng xã hội tư bản đang xuống dốc. Tuy nhiên, để công việc thảo luận được dễ dàng chúng tôi vẫn phải coi những nhà phê bình văn học nữ giới nêu trên là đã tham dự vào những sinh hoạt chung của nền văn học hậu hiện đại và có thể được đặt chung vào nhóm phê bình văn học nữ quyền.

Thật khó mà có thể theo dõi và hiểu tư tưởng của Julia Kristeva, Luci Irigavay và Hélèn Cixous nếu không quen thuộc với phương pháp, tư tưởng của Jacques Lacan và Jacques Derrida, đầy những bất ngờ làm lạ lẫm do những bước đi dặm ngàn — cả về văn phong lẫn đường lối tư tưởng, ngôn từ — đòi hỏi người đọc có căn bản vững vàng về văn chương, triết học, phân tâm học. Ý định tóm lược Jacques Derrida, Jacques Lacan là một thứ ý định không thể thực hiện và thiếu thành thực, khôn ngoan. Vì vậy chúng tôi chỉ sơ lược những luận điểm trực tiếp có ảnh hưởng tới phê bình văn học nữ quyền Pháp của hai vị này mà thôi.

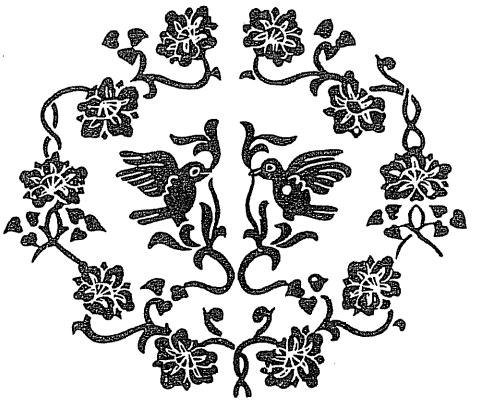

Jacques Lacan, lãnh tụ của Ecole Freudien Pháp cho rằng những chữ "đàn ông", "đàn bà" chỉ thuần túy là những danh từ luôn luôn có nội dung thay đổi khi thực tại phái tính thay đổi, xảy ra trong phạm vi ngôn ngữ. Mà ngôn ngữ, các cấu trúc tâm lý, văn hóa và chính trị lại hiện hữu trong phạm vi biểu tượng (the symbolic) chủ yếu là dương tính (phallic). Ngôn ngữ là biểu tượng dương lính. Nằm trong bóng tối, không được biểu tượng ra, đối ngã với dương (Phallus) là phạm vi toàn nhất không phân biệt ngã với tha (cái tôi với người khác), mẹ với con là thực tại tiền - Oedipe trong vô thức, tưởng tượng, ảo tưởng đơn nhất. Như vậy chủ thể phát biểu, chủ thể nói chỉ hiện hữu trong ngôn ngữ là phạm trù biểu tượng: nói là đẩy lui, tống xuất vào vùng bóng tối im lặng nỗi ham muốn làm một (vô luân) của ta với mẹ, là chấp nhận biểu tượng dương (tính, vật). Như vậy ngôn ngữ từ nay thay thế cho Mẹ, người phụ nữ bị từ bỏ, bày tỏ sự hiện hữu của một vắng mặt, sự đè nén đẩy lùi một ham muốn. Ngôn ngữ muốn vươn tới ý nghĩa, chủ thể nói thèm, đòi được hiểu theo một ý nghĩ là ham muốn một cái gì khác (người mẹ) và nỗi ham muốn cùng với tình yêu đó là không đáy. Jacques Lacan viết: "Ham muốn không phải là sự thèm được thỏa mãn, cũng chẳng phải là đòi hỏi yêu thương nhưng chính là sự khác biệt còn lại khi ta thấy cái trước (thèm thuồng thỏa mãn) trừ đi cái sau (đòi yêu)." (Ecrits, p. 691). Vậy ngôn ngữ, ngôn từ chỉ có được trong trạng thái mất vân thân đó của con người (cả nam lẫn nữ), và theo Lacan, vì ngôn ngữ là biểu tượng với dương tính (vật) làm chủ, cho nên ngay từ khi còn thơ ấu đứa bé gái đã dồn nén nỗi ham muốn nhưng khác với đứa bé trai trải qua kinh nghiệm thiếu dương (tính, vật — mặc cảm thiếu hoạn theo Freud) lại né tránh đụng chạm tới sự thiếu hụt của nó và đi vào vùng biểu tượng ngôn ngữ. Jacques Lacan đọc lại Freud trong màn kịch Freud đọc Oedipus bằng những tia sáng phản chiếu từ ngữ học cấu thức đã đưa ra một ngôn từ được nữ giới (cả ở Pháp lẫn Mỹ) vô cùng khâm phục và hâm mộ. *Nhưng đớn đau vì dương (vật, tính) vẫn là thực thể phổ quát tạo nên ý nghĩa.*

Jacques Derrida và phương pháp phê bình tháo gỡ (deconstruction) đã đem lại những phương hướng mới cho phê bình văn học (nói chung) nữ quyền (nói riêng) với những khái niệm "cặp đối nghịch" (dương/âm, trong/ngoài, tích cực/tiêu cực v.v.), chủ ngôn (logocentrism), chủ dương tính (phallocentrism) luận điểm đảo nghịch trung tâm/ngoài lề, thế giới là một bản văn, ngôn từ v.v. và một văn phong (style) mới thật phong phú và uyên bác nhưng không kém mạnh mẽ, chấn động.

Từ những năm 70 cả Julia Kristeva lẫn Hélène Cixous đều đã tham dự vào nhóm *Tel Quel nơi ảnh hưởng tin tưởng của Jacques Derrid trội hẳn. Còn Luce Irigaray là môn đệ của Jacques Lacan từ buổi đầu thành hình Ecole Freudien ở* Paris. Tuy nhiên cả ba người này đều đã trực tiếp đối thoại, chấp thuận/phủ nhận các luận điểm triết học, văn chương và tâm lý của hai bậc thầy,

mỗi người đều đưa ra một ngôn từ độc đáo. Cùng trong hàng ngũ tiên phong với Julia Kristeva, Luce Irigavay, Hélène Cixous ta phải kể nhà văn nữ lẫy lừng Monique Wittig tuy không lập thuyết nữ quyền nhưng được coi là một người viết tiểu thuyết hàng đầu trong nền văn chương mới.

Julia Kristeva, gốc Bảo Giao Lợi phê bình (đọc, viết về) ngôn từ chủ chương trong học thuyết Lacan. Theo Kristeva, vùng tiền-ngôn-ngữ, tiền-Oedipus, tiêu-biểu-tượng chính là không gian, là nơi chốn nữ tính có thể được biểu lộ qua hình thái cộng thông đối thoại mẹ-con xảy ra trước khi con người chịu ảnh hưởng của văn hóa. Julia Kristeva đặt tên cho nơi chốn đó là không gian phù hiệu học (semiotic). Sự uyên bác và văn phong của Julia Kristeva không thua xút cả Jacque Oerrida lẫn Jacques Lacan, và còn hơn hai vị này là có sức quyến rũ trí tuệ lớn lao trong thái độ tịch mịch thản nhiên của một người viết lưu vong. Kristeva không né tránh đối thoại với ngôn từ biểu tượng trấn áp (của nam giới, của những ý thức hệ đương quyền) nhưng xoáy mạnh vào sự cần thiết phải biến đổi quan niệm về chủ thể nói chung và chủ thể ngôn ngữ nói riêng trong nền tư tưởng Tây phương từ xưa cho đến nay chỉ quanh quẩn trong quan niệm cho rằng chủ thể là một cái ngã siêu vượt (transcendental ego). Theo Kristeva chủ thể chỉ là một nơi chốn, một vị trí, một chỗ đứng, và ngôn ngữ là một tiến trình chứ không là một hệ thống, ý nghĩa là đa tạp đa diện và đan kết trong bản văn chứ không là đơn nhất, tự tại và ngôn ngữ như vậy đồng nghĩa với sản xuất chứ không là phản ánh thực tại. Ngôn ngữ, ngôn từ nữ giới hiện hữu trong không gian từ nghĩa, là sức mạnh tiềm ẩn tích cực xuyên phá biểu tượng, phát ra từ cõi im lặng tịch mịch của sự vắng mặt, của sự bất nhất đứt nối, rất lóng lánh ảo ảnh nhưng cũng rất riêng tư. Cái từ nghĩa (the semiotic) đi trước cái biểu tượng (the symbolic) và chẳng bao giờ bị hoàn toàn lấp vùi dồn ép là một thách đố vô luân cái trật tự biểu tượng. Theo Julia Kristeva danh từ "người nữ" không chỉ giống mà là chỉ ra một thế đứng, "là một cái gì không thể ý niệm được, không nói ra được, là một cái gì ở trên và ở bên ngoài bảng danh pháp và các ý thức hệ". (trích phỏng vấn "La Femme, ce n'est jamais ca". Julia Kristeva coi nghệ thuật là một thứ ngôn ngữ của niềm *hoan lạc thai nhi* (cf. Polygue, 409-35) được mô tả như sự sướng khoái của hài nhi trước khi lìa mẹ. Mẹ, phụ nữ, nữ tính là không gian cưu mang không những nghệ thuật, bản viết mà cả chân lý nữa, nghĩa là cái chân thực (le vréel - le vrai elle), cái chân thực không thể biểu tượng, nằm ngoài, đảo nghịch trật tự luận lý của nam phái (cf. Folle Vérité, 11).

Lucy Irigavay vừa là nhà phân tâm trị liệu vừa là một triết gia, buổi đầu được huấn luyện trong môi trường học thuyết Lacan nhưng sau đó đã phê bình gay gắt khái niệm "cái tượng trưng, biểu tượng" của Lacan đồng thời sử dụng phương pháp tháo gỡ của Derrida để phá vỡ cấu thức lưỡng cực trong ngôn từ nam phái. Trong *Speculum de l'Autre Femme* (1974) đọc từ Freud sang Plato để khai quật, lật tung trong bản viết của hai nhà tư tưởng chủ yếu của văn hóa Tây phương này giấc mơ đối xứng cổ cũ của một ước muốn mù lòa trong sự cố gắng xóa bỏ, dồn đẩy vào bóng tối một cực (nữ) của lưỡng cực nhị nguyên nam-nữ, biến nữ tính thành một phó sản của nam tính, biện minh cho thẩm quyền nam phái. Đặc biệt trong công trình nghiên cứu này Irigaray đã đảo ngược trục thời gian bằng cách đọc *từ* Freud *sang* Plato. Như vậy người phụ nữ đã bị cầm tù trong diễn ngôn triết lý từ trên 20 thế kỷ và cũng là tù nhân của những giả định xã hội nữa, đã chìm sâu trong đáy thẳm ký ức nhân loại. Qua đến *Ce sexe qui n'en est pas un* (1977) Irigavay đọc Freud, phê bình quan niệm về nữ tính của Freud bằng một lối diễn tả vừa bác học vừa bóng bảy chứng minh Freud đã xây dựng lý thuyết tâm phân học trên định kiến trọng nam khinh nữ nhưng Freud cố che đậy định kiến này thành ra nhiều khi lúng túng quanh co, mâu thuẫn trước sau. Irigavay cũng trực tiếp tấn công khái niệm "biểu tượng của Jaques Lacan, coi khái niệm này chủ yếu là ném người phụ nữ vào quên lãng, bị bỏ rơi. Theo Irigavay, ở quan điểm nữ giới ta phải tra hỏi cái biểu tượng một cách triệt để vì "nếu không có sự phơi mở của thân xác/vật chất của người nữ thì cái tiến trình cai quản xã hội của cái biểu tượng rồi sẽ ra sao?" Để kết luận cho *Ce sexe* Irigavay viết rất kích động:

Et si, tant de fois, j'insiste: pas, ni sans, c'est pour te rappelez, nous rappeler, que nons ne nous touchons que nues. Et que, pour ainsi nous retrouver, nons avons beaucoup à nous déshabiller. Tant de representations, et d'apparences, nous éloignent l'une de l'autre. Ils nons ont si longtemps enveloppées selon leur désir, nons nons sommes si souvent parées pur le plaire, que nons en avons oublié notre peau. Hors de notre peau, nons restons distantes. Toi et moi écartées.

Toi? Moi? C'est déjà tropdire. Trop trancher entre nons: toute(s).

Chúng tôi xin trích nguyên bản Pháp văn vì dịch ra là mất đi cái tuyệt vời của tục-thanh lẫn

lộn, cái thanh của tư tưởng triết học lẫn trong cái tục của da thịt, của cởi bỏ áo quần. Phần lớn những dịch giả khi phiên dịch sách của Cixoux, Irigavay sang Anh ngữ đều nêu ra sự khó khăn trong việc chuyển bản viết như trên sang một ngôn ngữ khác, điều đó nghĩ cũng không đáng ngạc nhiên.

Năm 1980 Lucy Irigavay cho xuất bản *Amantic Marine,* đọc và viết về Friedrich Nietzsche, để từ vùng bóng (tối, dáng) của tư tưởng Nietzsche, rời xa và lại gần bóng, người nữ trở lại với bản thân, bản viết, tư tưởng, lịch sử, huyền thoại văn hóa với một *cái nhìn khác,* để diễn ngôn về thủy vô ký ức (eaux immémoriales), về làn môi hé mở, về thời điểm những thượng đế chào đời. Vấn đề là vượt qua, vượt ngoài toàn bộ hệ thống tư tưởng hữu thể thần học trong quá khứ văn hóa nhân loại, lật những mặt nạ của sự toàn thiện tình yêu cha con vốn là nền tảng của hệ thống hữu thể thần học: chính Thượng đế đã chết trong cái tương quan toàn thiện đó. Vượt khỏi "để *đọc* thấy trong cái biểu tượng thượng đế (kết) quả của sự liên minh giữa lời nói và thiên nhiên, giữa logos và cosmos" *Amante Marine, 204).

Hélène Cixous viết kịch, tiểu thuyết, khảo luận. Về mặt luận điểm phê bình văn học hai bài viết được tranh luận, nhắc nhở tới nhiều là "La Fiction et ses Fantôme" (1972) và "Le Rire de la Méduse" (1975). Ngoài ra cũng nên kể tới tản văn "Sorties" (1979). Hélène Cixous thường nhắc nhở người đọc hãy coi những bài văn xuôi bút chiến của Cixous là văn nghệ chứ không phải là lý thuyết phê bình văn học. Theo Hélène Cixous thế giới là bản năng (text) được cấu trúc theo hệ thống những đối nghịch có trật tự chủ lý trung tâm (logocentrique) dựa trên cơ sở phái tính. Cũng như Lucy Irigavay, Hélène Cixous đọc Freud để khai quật ngôn từ tâm phân học, chỉ ra cơ sở của ngôn từ đó là vũ trụ quan nam phái, rằng vô thức nữ khác vô thức nam. Đi xa hơn nữa, Hélène Cixous cho rằng vô thức nữ là bối cảnh cho sự đảo ngược nền văn hóa phụ hệ và khả tính của ngôn ngữ là đảo nghịch và cách mạng. Bản viết nữ phái *écriture féminine*là bản *viết từ thân xác* nhằm phá hủy những phạm trù lưỡng cực tìm thấy trong những bản viết văn học truyền thống, là *tiếng nói* từ mẹ đi ra, khởi lên từ dục tính chứ không từ văn hóa nhằm mục đích *"đem lại hoan lạc, tạo ra đời sống chứ không chất chồng trật tự."* Bản viết nữ phái đó không thể hệ thống hóa, khép kín, ký hiệu hóa, đặt thành lý thuyết, vượt bỏ ngôn từ của hệ thống dương tính trung tâm, "phá bỏ tác phẩm của sự chết". Trong "Sorties" Hélène Cixous cho rằng phái nữ có một tương quan đặc quyền với bản viết bởi "đối với đàn ông thật là một sự muôn vàn khó khăn việc để cho một kẻ khác (tha nhân) băng qua bản thân mình; mà bản viết là cái đường đi lại, ngõ ra ngõ vào, nơi ngơi nghỉ trong tôi cho kẻ khác làm cho ta là ta và ta chẳng là ta" (Sorties, 158). Bản viết nữ xác lập cái tương quan với tha tính (otherness). Hélène Cixous viết: "Từ khởi đầu, hành vi viết gắn liền với kinh nghiệm về sự biệt tích, gắn liền với cái cảm thức đã đánh mất chiếc chìa khóa mở vào thế giới, đã vứt bỏ nó đi rồi." (From the Scene of the Unconscious to the Scene of History, 5).

Trong phần trên, một cách rất tóm lược chúng tôi đã lướt qua Julia Kristeva, Lucy Irigavay, và Hélèn Cixous. Thật ra muốn cho tương đối đầy đủ ta không thể bỏ qua Shoshana Felman và Sarah Kofman. Nhưng chúng tôi cũng sẽ lướt qua hai tên tuổi này khi trực tiếp thảo luận về phê bình văn học mới với sự đóng góp của việc *đàn bà đọc, đàn bà viết* ở phần dưới, tuy rằng trong phần khái quát về lịch sử phê bình văn học nữ quyền ở trên chúng tôi cũng đã gián tiếp đề cập tới vấn đề này rồi.

*
* *

Tuy rằng chúng tôi không có định ý chủ trương một loại phê bình văn học đặt cơ sở trên độc gia6 (reader - based criticism) dựa trên kinh nghiệm và vai trò người đọc để phê bình văn chương nhưng theo chúng tôi *đọc* vẫn là một khâu quan trọng hàng đầu trong phê bình văn học. Từ đọc chúng ta sẽ khám phá ra những cấu thức của hệ thống sản xuất ý nghĩa trong văn chương. Sự nhấn mạnh về tầm quan trọng của đọc không có nghĩa chúng ta chấp nhận cơ sở căn bản của trường phái Tân Phê Bình (New Criticism) vì Tân Phê Bình trong có một thời vàng son nhưng lại chứa đựng rất nhiều giả định (assumptions) không có cơ sở vững vàng. Đọc kỹ (close reading) là một điều kiện cần thiết của phê bình văn học giảng dạy văn chương và cũng là bước đầu của sự phát triển tinh thần phán đoán, khách quan. Có lẽ điều tốt đẹp đáng kể nhất mà Tân Phê Bình đã để lại cho truyền thống phê bình văn học Anh Mỹ là quan điểm đọc kỹ. Và đó cũng là lý do tại sao giới văn học Mỹ nhất là ở các đại học đã ngưỡng mộ và tiếp nhận ảnh hưởng của Jacques Derrida một cách dễ dàng nhanh chóng về Jacques Derrida đã chỉ ra một phương pháp đọc chẻ ngang bản văn làm cơ sở bước đầu cho phê bình văn học.

Jonathan Culler trong *On Deconstruction* (Cornell University Press, 1982) đã đồng hóa ba giai đoạn phát triển của phê bình văn học nữ quyền với ba giai đoạn đọc sách của nữ giới: trước hết *tôi* (phụ nữ) đọc sách với tư cách một phụ nữ

(reading as a women). Đó là giai đoạn của Simone de Beauvoir đọc Montherlant, Lawrence, Clauded, Breton, Stendhal, và Kate Millett đọc Lawrence, Miller, Mailer, Genet. Sau đó là giai đoạn xây dựng quan niệm độc giả phụ nữ (hypothesis of a female reader) với Elain Showalter chủ xướng: độc-giả-phụ-nữ là một ý niệm không phải có sẵn mà là được xây dựng nên, là một tiếng nói kép (double-voiced), có nghĩa là đọc ở nhiều quan điểm khác nhau (đọc như một độc giả vô tính, không phải là nữ, đọc như một nam độc giả, và cuối cùng là đọc trong nhãn giới phê bình văn học nữ quyền) để đặt vấn đề về cơ sở của văn chương và phê bình văn học, chỉ ra cho ta thấy văn chương và phê bình trong quá khứ ngầm chứa những giả định mặc nhiên của nền văn hóa trọng nam, dùng khái niệm độc-giả-nữ như một đòn bẩy để lật tung, đưa ra ánh sáng nhưng mặt nạ che đậy chân lý của quan điểm dung dương (phallocentrism) trong văn học. Đến giai đoạn thứ ba (phê bình văn học nữ quyền Pháp) đọc (nữ giới đọc) để khảo sát lại tất cả những khái niệm căn bản của văn chương cổ kim và cả của triết lý để chỉ ra / lật ngược nền văn hóa hướng nam.

Chúng tôi xin dẫn ra vài thí dụ về nữ giới đọc sách tương ứng với mỗi giai đoạn. Thật ra các nhà phê bình văn học nữ quyền, ngoài Simone de Beavoir và Kate Millett là có thể xấp rõ vào giai đoạn đầu, những người viết sau 1970 nhiều khi đã có đề cập tới những vấn đề mà lớp đi sau của thập niên 80-90 sẽ khai triển rộng hơn.

Chúng tôi hãy theo dõi *Judith Fetterley* (giáo sư Anh ngữ và giám đốc các chương trình cao học Đại học Albany, NY) đọc *Farewell to Arms (F.A.)* của *Hemingway* (cf. The Authority of Experience, pp. 258-273). Thật ra dịch "Farewell to Arms" ra *Giã từ vũ khí* là đã làm mất đi cách chơi chữ của Hemingway. Vì chủ đề của quyển tiểu thuyết là chiến tranh và tình yêu nên Hemingway chơi chữ: *arms of war* và *arms of love* chỉ là một, trong tựa đề gợi ý của cuốn tiểu thuyết. Judith Fetterley gọi FW là "bản mật ngữ uất hận" của Hemingway và nhận xét thấy sự đồng dạng giữa *Love Story* của *Erich Segal* và FA của Hemingway: cả hai quyển tiểu thuyết này đều chứa đựng một sự sai chệch bất xu52ng giữa điều được nói trắng ra và điều được bày tỏ một cách che dập, cả hai đều muốn người đọc tin tưởng vào sự toàn hảo của một tình yêu mà bản chất hầu như lại không trọn vẹn một cách tha6m thương và có dấu ấn của cái chết. Cả hai chuyện tình này đều dựng trong khung hình: bởi ta yêu nàng, nàng phải viết. Hiển nhiên là FA phức tạp hơn LS rất nhiều nhưng động cơ cảm xúc và hình thức của cả hai lại tương tự. Viết FA Hemingway đã dùng (lạm dụng) ẩn dụ và giả trá trong việc lý tưởng hóa tình yêu trên bề mặt chữ nghĩa nhưng đằng sau, bên trong lại để lộ ra một sự thù nghịch phụ nữ rất sâu rộng: Catherine chết và nàng chết vì nàng là phụ nữ. FA được dựng trên quan điểm của nhân vật nam chính là Frederic Henry; độc giả khi đọc FA bắt buộc phải hòa mình với nhân vật nam này, phải chấp nhận những ý kiến của hắn. Suốt quyển truyện không có chỗ nào đưa ra một quan điểm nào khác để đặt vấn đề với quan điểm của Frederic Henry cho nên độc giả khi đọc hết trang chót quyển sách thấy nghẹn họng vì sự ép buộc phải hòa mình làm một với nhân vật nam này và với Hemingway trong ý định bênh vực cái nhìn lý tưởng hóa của hắn về tình yêu, về tương quan của hắn với Catherine. FA là một chuyện tình trong chiến tranh xảy ra ở một bối cảnh văn hóa miệt thị nữ giới: đó là tuyến đầu chiến tranh, là thế giới của đàn ông của những chiến binh Ý và người phụ nữ chỉ được nhìn qua ống kính tình dục. Từ lời ăn tiếng nói, thái độ của các y sĩ người Ý đến bọn binh lính như Rinaldi, chẳng hạn trước khi chia tay Frederic khi chàng di chuyển đi Milan Rinaldi đã hỏi han về Catherine bằng một giọng đầy miệt thị và thù nghịch đàn bà "chỉ có một sự khác biệt duy nhất giữa việc mần một em còn non ngon như múi mít với việc mần một mụ đàn bà là với em còn non thì đau bỏ mẹ . . . Và chẳng bao giờ cậu có thể biết được em sẽ có thực sự "khoái tỉ không". (F.A. p.66). Sự thù nghịch phụ nữ còn rõ ràng hơn trong cách đối xử bất xứng đối với cái chết của Catherine so với cái chết của đàn ông tử trận. Vị y sĩ tiền tuyến xỉ vả Catherine" cô đừng có khùng điên như vậy. Cô sẽ không thể chết và bỏ lại chồng cô được. Cô sẽ không chết. Cô không được phép ngu dại như vậy" (FA, pp.319, 331). Thêm nữa trong đoạn tả lúc Catherine chết, hai người đàn ông có mặt không hề tỏ ra hối hận hay trách nhiệm của Frederic đối với cái chết của nàng và của cái thai nhi. Hemingway ngầm cho độc giả hiểu là tất cả do lỗi của Catherine hết. So sánh cái chết của người phụ nữ với cái chết của một chiến binh (nam) thì trong cái chết người chiến binh trước hết chỉ có trách nhiệm với bản thân còn người phụ nữ lại có trách nhiệm đối với người đàn ông trong phút tử vong: nếu như nàng có một người đàn ông đang cần nàng tốt hơn nàng chẳng nên chết! Cho nên cái chết của Catherine bị coi là trò trẻ ranh và vô trách nhiệm. Đọc đến cái đoạn tả cái chết của Catherine ở cuốn sách nếu ta có rơi lệ thì những giọt nước mắt đó chẳng phải là dành cho Catherine mà ta đã khóc vì Frederic đã bị nàng bỏ lại trên đời, trong một cảnh đời ẩm ướt giá lạnh và đầy thù nghịch, chúng ta khóc là khóc cho người đàn ông bởi vì trong cái thế giới

của *Farewell to Arms* chỉ có người đàn ông là đáng kể.

Judith Fetterley cũng còn phân tích kỹ lưỡng nhân vật Frederic Henry của Hemingway: đó là

Nhã nhật ca 1990

Trang thư xưa, cúc hoa vàng
Thổi ra trận gió thu ngang mái đầu
Nhắc ta vàng đá gọi nhau
Có xưa bồng bột, có sau dạn dầy
Giật mình, mặt nước chân mây
Ghé môi nghe trái đất quay nửa vòng
Hình ma bóng quỉ chập chùng
Chẳng hề chi, vẫn mênh mông biển trời
Cùng ta, đôi tuổi năm mươi
Cộng chung thành một nụ cười trăm năm.

TRẦN DẠ TỪ
20 tháng Mười 1990

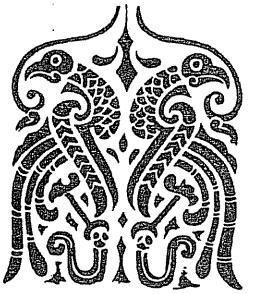

một người đàn ông tự kỷ trung tâm, sợ hãi và thù nghịch phụ nữ, thụ động, thiếu cam kết, trốn trách nhiệm và bội phản. Ngoài ra Judith Fetterley cũng phân tích cách sử dụng không gian nội giới trong FA của Hemingway: Rải rác suốt trong tác phẩm này Hemingway đã đối nghịch không gian nội giới với không gian ngoại giới chẳng hạn ngoại cảnh thì "đường đi đóng băng, và cứng như thép" còn trong "quán cà phê đầy khói thuốc và tối tăm" lại rất ấm cúng (FA p.13), Frederic luôn luôn trốn chạy không gian ngoại giới và tìm vào không gian nội giới vì bên ngoài thì đầy cô đơn sợ hãi còn bên trong lại rất an ninh ấm cúng. Cái cảnh Frederic để cho Catherine xõa tóc phủ lên mặt chàng và chàng luôn luôn chỉ cảm thấy hạnh phúc khi ở một nơi nào giống như "nhà" mình (dù đó là một phòng khách sạn hay một căn nhà nghỉ hè ở vùng núi non tên Thụy Sĩ). Nhưng có một điều lạ lùng là đối với Hemingway sự đe dọa phá hủy cái thế giới bên trong đó không chỉ đến từ thế giới bên ngoài mà cũng còn đến từ chính thế giới bên trong đó nữa, đến từ chính bản chất của cái thế giới đó. Vì thế giới bên trong cũng là thế giới của cái chết, của tình yêu. Với Hemingway tình yêu luôn luôn gắn liền với cái chết. Và bản văn FA kh3ong là gì khác hơn một bản mật ngữ đầy uất hận nói như Sheridan Baker.

*

Shoshana Felman (giáo sư ở Yale) đọc truyện ngắn "*Adieu*" của *Balzac* và chỉ ra luận điểm phê bình hiện thực của các nhà phê bình văn học trước đây chỉ là sự lập lại cách cư xử của nhân vật chính trong truyện là Philippe đối với người tình cũ là Stéphanic. Stéphanic khi mắc bệnh điên trong chiến tranh đã được mô tả như một kẻ mất lý trí, không còn nhận biết được thực tại, không thể gọi tên người quen biết trước đây. Phil, nghĩ rằng chàng có thể chữa Stéphanic khỏi bệnh bằng cách làm cho nàng nhận ra mình và gọi tên mình. Phục hồi lý từ Stéphanic đồng nghĩa với việc làm cho nàng xóa bỏ bản chất khác cotherness) của nàng. Philippe không thể nào chấp nhận được điều Stéphanic là một thứ khác và quyết định sẽ giết nàng chết và tự sát ngay sau đó nếu không thành công trong việc chữa chạy cho Stéphanic. Nàng phải nhận ra chàng và nàng cũng phải nhận ra nàng là "Stéphanic của anh". Stéphanic sau khi được Philippe công phu chữa bệnh bằng cách tái tạo một cách đầy hiện thực cái bối cảnh thời chiến trong đó Stéphanic quá khổ đau đến mất trí thì nàng đã nhận ra chàng, đã gọi được tên chàng nhưng ngay lúc đó cũng chính là phút nàng chết. Shoshana Felman viết: "Trong khung cảnh phê bình cũng như trong khung cảnh văn chương,

cũng vẫn chỉ có một nỗ lực được phô diễn mà thôi,đó là nỗ lực làm sao cho dấu chỉ (signifier) thành tích đáng và thu giảm sự lập lại làm cho nó thành khác biệt; chúng ta thấy rõ cái nỗ lực giống hệt đó cốt làm sao né tránh sự khác biệt . . . Phụ họa với những ảo tưởng của Philippe nhà phê bình hiện thực đến lượt mình chỉ lập lại cái hành vi ẩn dụ của sự sát nhân, cái việc tiêu hủy tha nhân của hắn: nhà phê bình văn học, theo cách riêng của hắn, cũng *giết chết người phụ nữ*, đồng thời giết chết luôn cả nghi vấn của bản văn và bản văn như một nghi vấn".

Có lẽ người (và tác phẩm, bản văn) được các nhà phê bình văn học nữ quyền đọc "kỹ" nhất phải kể là Freud, cha đẻ của môn Tâm phân học. Có nhiều lý do chiếc Freud được đọc kỹ hơn tất cả những nhà văn, nhà thơ, triết gia khác: Freud là người có ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn học hiện đại (ngoài ảnh hưởng đến y học, tâm lý trị liệu và các khoa học nhân văn), Freud văn hay chữ tốt, học thuyết của Freud là nguồn cối của tư tưởng Lacan, Derrida cũng đã *đọc xuyên* bản văn của Freud v.v. . . Nhưng có lẽ lý do chính yếu là vì Freud đã hoàn tất một lý thuyết về "nữ tính" trong Phân tâm học chứa đựng rất nhiều giả thuyết vô bằng với những thành kiến chủ dương miệt âm.

Mở đầu cuộc tấn công Freud trên quan điểm nữ quyền là Lucy Irigaray với tác phẩm *Speculum* với khai từ vào sách là đoạn văn của Freud"Thưa quý bà, thưa quý ông, . . . Vấn đề nữ tính làm quý vị suy tư vì quí vị là những con người. Đối với các vị phụ nữ trong số quý vị, vấn đề này không được đặt ra bởi vì chính các vị phụ nữ đó lại là sự bí mật mà *chúng ta* đang bàn cãi". Vậy thái độ khởi đầu của Freud là đã loại bỏ ngay người phụ nữ trong tranh luận, trong ngôn từ nam giới. Đọc Freud Lucy Irigaray nhận ra Freud là đại diện tiêu biểu nhất của những kẻ mang nặng một "trọng trách mù quáng của một giấc mơ cổ vũ về sự tương (lập) xứng", nghĩa là tìm mọi cách xóa bỏ một bộ phận trong cặp đối nghịch dương/âm, nam/nữ để hoàn tất một ngôn từ nam giới. Trong học thuyết của Freud cặp đối nghịch này được giải quyết bằng luận điểm nữ giới là phụ thuộc, tầm gửi. Freud định nghĩa nữ tính là niềm khao khát dương vật trong khi phát triển học thuyết dục tính nơi trẻ nhỏ. Freud có lúc đã kết luận rằng "giờ dây chúng ta bắt buộc phải nhận rằng đứa trẻ gái là một người đàn ông bé con" và "trẻ con nam biết cách tìm được cảm giác sướng khoái từ cái dương vật nhỏ xíu của chúng . . ." Nhưng còn các bé gái lại chỉ tìm thấy cái cảm giác sướng khoái đó với sự quy chiến về cái dương. Freud khai triển học thuyết này rất dài dòng phức tạp, cho rằng ngay từ buổi đầu đứa bé gái đã mang mặc cảm thiến hoạn, phải chấp nhận ưu thế của nam phái và sống trong mặc cảm tự ti. Nói cách khác *người đàn bà là một người đàn ông thiếu hụt, bất toàn*. Trong suốt trên 160 trang sách Lucy Irigaray đã lần lượt phân tích, lật ngược, tra hỏi bản văn của Freud vừa loại bỏ học thuyết chủ dương của Lacan. Để kết luận, Lucy *nhái* Freud: "Đó là tất cả mọi điều tôi phải nói với quý vị về vấn đề nữ tính. Chắc chắn rằng sự trình bày của tôi là còn thiếu sót, vụn vặt và nhiều khi không thích thú. Nhưng xin quý vị đừng quên rằng chúng ta đã nghiên cứu người đàn bà được coi như *bị quy định bởi cái chức năng sinh lý của họ*. Vai trò của chức năng này thật là đáng kể, tuy nhiên, *một cách cá biệt*, người đàn bà có thể được coi là một *sản phẩm của con người*". Vì Lucy Irigaray không những là một nhà tâm phân học mà còn là một triết gia có một văn phong sắc xảo, chính xác và một ngôn từ độc đáo nên chủ đích của Lucy Irigaray là xét lại, khai quật, đảo nghịch những khái niệm nền tảng của tư tưởng văn chương, triết học trong toàn bộ nền văn hóa Tây phương chứ không chỉ *đọc* Freud trên quan điểm nữ quyền nhằm bênh vực phái nữ; trên hết nhằm chứng minh Freud chỉ là một tù nhân của những giả định (lầm lẫn) nhưng đã được mặc nhiên nhìn nhận trong suốt truyền thống triết lý và xã hội của nền văn hóa Tây phương từ lâu này.

Khác với Lucy Irigaray đọc Freud ??? rửa sạch những ??? niệm căn bản trong triết học, ??? văn học *Sarah Kofman* với *L'énigme de la femme* (sb. Galiléc, Paris 1980) đọc Freud để chứng minh rằng nằm sẵn ngay trong bản văn của Freud, học thuyết của Freud đã có những yếu tố đảo nghịch, tháo gỡ chính bản văn, học thuyết đó.

Khái quát lịch sử hình thành văn học nữ quyền Elaine Showalter cho rằng trước khi có Phong trào Phụ nữ vào thập niên 60, phê bình văn học nữ giới mang dạng *Lưỡng tính* (androgynist poetics), chối bỏ tính duy nhất của ý thức văn chương phái nữ và cổ võ cho một tiêu chuẩn phê phán phổ quát áp dụng chung cho cả phái nữ viết văn. Đến khi PTGPPN phát động, nữ giới khởi xướng một nền *phê bình văn học nữ quyền* nhằm vào văn chương nam giới đồng thời cũng bắt đầu xây dựng một *Thẩm Mỹ Học Nữ Giới* ngợi ca văn học do phái nữ sáng tác. Vào khoảng giữa những năm 70, nữ giới hoạt động trong ngành văn học và giáo dục đã tiến vào được những địa vị có thẩm quyền, liên minh với sự phát triển của khảo hướng liên bộ môn ở các đại học thì văn học nữ quyền chuyển sang chuyên khảo những sáng tác văn chương của nữ giới. Sau đó vào những năm cuối của thập niên 70 với ảnh hưởng của trào lưu văn học nữ quyền Âu Châu xây dựng một chủ thể nữ trong triết học, ngôn ngữ, tâm phân học thì văn học nữ quyền đã thực sự trưởng thành và phát triển. Và mới đây nhất,

vào những năm cuối cùng của thập niên 80 xuất hiện *học thuyết phái tính* (gender theory) nhằm khảo cứu so sánh sự khác biệt về tính dục giữa nam và nữ ở các phạm vi triết lý, lịch sử, xã hội, tôn giáo v.v. . ., hậu thuẫn cho những "giá trị, nữ hệ" của việc cưu mang dung dưỡng, chăm sóc, bất bạo động, gắn bó kết liền và thúc đẩy xã hội chấp hành những giá trị đó, thì sự đóng góp của văn học nữ quyền đã vượt hẳn tình trạng khu biệt, tách rời và mở ra những tính mới cho văn hóa nhân loại.

Câu hỏi: "Văn chương và phê bình văn học nữ quyền đã đóng góp những gì cho phê bình văn học mới?" tuy là một câu hỏi bao quát nhưng cũng có thể được trả lời phần nào khi ta xét đến những thành tựu của nữ giới cả trong hai lãnh vực sáng tác lẫn phê bình.

Trước hết và quan trọng hơn cả là quan điểm văn học của phê bình văn học nữ quyền phù hợp với trào lưu văn học hậu hiện đại: văn học hôm nay là *nền văn học của những tiếng nói ngoài trung tâm, ở bên lề* (ex-centric). Nền văn học này đã thành hình rực rỡ trong sáng tác lẫn phê bình, đã chứng tỏ được rằng nền văn học chiếm ưu thế (tự do nhân bản, mác xít) cần phải được xét lại, cần tiếp nhận những chấn động, cần tự vượt bỏ. Trong bối cảnh văn hóa hiện đại, người phụ nữ cũng như người dị chủng, người tị nạn di dân, người của các nước cựu thuộc địa, Thế giới Thứ ba, da đen, v.v. . . là những kẻ ở ngoài lề, tuy vừa tham dự vào bối cảnh văn hóa chung đó nhưng cũng vừa tách mình ra khỏi, đặt vấn đề tra hỏi những giá trị nền tảng của nền văn hóa ưu thế đó, không hòa nhập toàn bộ để mở ra những khả tính mới cho văn hóa, đưa ra một ngôn từ hậu hiện đại, làm phong phú cho cái thực tại hôm nay đang được mọi người kinh nghiệm.

Về mặt *giảng huấn văn chương và thẩm quyền văn học,* sáng tác và phê bình nữ quyền đã có chỗ đứng, mở đầu cho những nhìn nhận các nền văn học da đen, biệt chủng, tị nạn di dân, cựu thuộc địa, thế giới thứ ba. Từ sự thay đổi trong sinh hoạt văn học cho tới sự thay đổi xã hội không phải là một điều xa vời, không hiện thực. Văn học nữ quyền đã tạo nên một truyền thống văn học nữ giới và truyền thống này là một thực tại không thể chối bỏ: những hợp tuyển văn chương nữ giới đã được ấn hành, chỗ đứng và vai trò của nhà văn phái nữ đã được phục hồi, các khảo cứu liên ngành về phụ nữ đã được đưa vào giảng trình cấp cao ở các đại học.

Về những phạm trù văn học sự đóng góp của phê bình nữ quyền cũng rất quan trọng. Trước hết, một phạm trù mới đã hình thành đó là chữ viết, bản viết nữ *(écriture féminine)*, viết từ thân xác này, viết để đảo nghịch lật đổ, để đưa ra một ngôn từ nữ phái, viết từ một quê mẹ đã bị tiêu hủy biệt tích, viết với một thẩm quyền và sáng tạo gốc nguồn.

Ít triệt để hơn khái niệm "écriture féminine", khái niệm ngôn từ nhị-ngôn (double-voiced discourse) chủ trương văn chương và phê bình nữ quyền dung nhập cả hai ngôn từ ưu thế và ngoài lề do Elaine Showalter chủ trương nhằm tránh tính khu biệt, duy bản thể, đưa cái dị biệt vào cái chung cùng, dễ dàng được mọi người kể cả các giới học giả chấp nhận hơn.

Vấn đề chủ thể đọc, nói, viết, tưởng tượng trong văn chương cũng được soi sáng hơn với sự khảo sát những hệ thống sản xuất ý nghĩa trong nền văn hóa hiện đại của phê bình nữ quyền. Từ quan niệm *phụ nữ là một chủ thể văn chương* sang đến quan niệm *phụ nữ là một vị trí, một chỗ đứng* phát biểu một ngôn từ, phê bình văn học hậu hiện đại đã nhận được một soi sáng quý báu của phê bình nữ quyền. Chỗ đứng, chủ thể văn chương là bản ngợi ca tính bất đồng, dị biệt, xóa bỏ mọi cõi bờ ngăn cách, phơi mở cái "biệt" (différance, Derrida).

Phê bình văn học nữ quyền cũng đã nghiên cứu, khám phá rạy nghĩa của phái tính trong sự hình thành các thể loại văn chương (gender and genre), tương quan phát sinh giữa phái tính và thể loại văn chương. Học thuyết phái (giống) tính (phái tính là một từ dùng để chỉ trích xã hội, tính văn hóa, tính tâm lý của những thực tại được xây dựng nên và ấn dập trên sự khác biệt sinh lý về giống) chủ trương "phái tính" là một thành tố nền tảng trong kinh nghiệm con người, khám phá ảnh hưởng của ý thức hệ và văn chương trong hệ thống tính dục / phái tính của xã hội. Joan W. Scott tóm lược ba mục tiêu của học thuyết phái tính thay thế thuyết tất định sinh học bằng phân tích cấu tạo xã hội trong sự thảo luận về khác biệt giống tính, đưa những khảo cứu so sánh về phụ nữ và nam giới vào các bộ môn chuyên biệt liên ngành, và cuối cùng là biến đổi các kiểu mẫu chuyên ngành bằng cách thêm yếu tố phái tính coi như một phạm trù phân tích vào các kiểu mẫu đó. Điểm quan trọng ở đây cần nhấn mạnh là từ nay ta có thể hiểu được và nhìn nhận rằng bất cứ ngôn từ, bản viết nào (không chỉ riêng bản viết nữ giới) đều có phái tính. Vậy "phái tính" cũng như "chủng tộc" khi đem áp dụng vào phê bình tức là đã đặt vấn đề về tính ưu thế của những ngôn từ, bản chất khác. Phái tính là một ý niệm đảo nghịch ưu thế trung tâm, đem sức mạnh cho các ngôn từ thiểu số trong phê bình văn học mới.

Chừng nào văn chương và phê bình văn học của ta ở cả trong nước lẫn ngoài nước mới học hỏi và phát triển được những kinh nghiệm của phê bình văn học nữ quyền trong khung cảnh của phê bình văn học hậu hiện đại?

ĐÀO TRUNG ĐẠO

Văn học phản kháng trong nước (3)

Nhìn lại phong trào Nhân văn Giai phẩm

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Nhân văn Giai phẩm thực chất là sự bùng nổ của những nỗi bất mãn âm ĩ từ lâu uất kết trong tâm hồn giới văn nghệ sĩ kháng chiến. Năm 1946, họ gia nhập Việt Minh, đi vào các chiến khu, chống lại thực dân Pháp với tất cả nhiệt tình hừng hực và trong sáng. Thơ văn của họ, những năm đầu cuộc kháng chiến, tuy không nhiều, song đẹp lạ lùng.

Đến đầu năm 1950, người ta bắt đầu thất vọng não nề. Đây là giai đoạn chủ nghĩa Mao tràn vào Việt Nam. Cộng sản lần lượt tung ra những chính sách văn nghệ cực kỳ độc đoán và hung bạo. Các văn nghệ sĩ phải tham gia hết cuộc chỉnh huấn này đến cuộc chỉnh huấn khác. Không khí nặng nề và sắt máu.

Nhiều người, không chịu đựng nổi ách thống trị nghiệt ngã của cộng sản, đã giã từ chiến khu về thành thị. Những người ở lại, nếu còn chút sĩ khí, đều lên tiếng tố cáo những âm mưu đen tối nhằm trói buộc văn nghệ sĩ của cộng sản. Như Nguyễn Mạnh Tường, ở Thanh Hóa, phê phán nền văn học xã hội chủ nghĩa chỉ là một cái chuồng chật chội. Như Hoàng Cầm, ở Việt Bắc, ngang nhiên tuyên bố: "Đảng không nên nhúng tay vào chuyên môn của nghệ thuật" (1).

Những sự phản kháng ấy không thành phong trào, không kéo dài lâu, một phần vì chính sách khủng bố ngầm của cộng sản, phần khác, có lẽ quan trọng hơn, vì tự họ, những người phản kháng ấy, không muốn làm ầm ĩ quá, ngại gây thiệt hại đến công cuộc kháng chiến chung của cả dân tộc. Thời ấy, hầu như mọi người đều có ý nghĩ: phải tập trung cho việc tranh đấu giành độc lập trước đã, vấn đề tự do và dân chủ sẽ tính sau. Vì thế, họ đành nhẫn nhục chịu đựng. Cho đến hết cuộc kháng chiến.

Người thổi lửa đầu tiên cho phong trào phản kháng sau này được gọi là Nhân văn Giai phẩm chính là Trần Dần.

Ngay sau khi trận chiến Điện Biên Phủ kết thúc, Trần Dần được tháp tùng Trần Độ sang Trung Quốc để thực hiện một cuốn phim về chiến tranh Việt Nam. Tại Trung Quốc, Trần Dần thích thú theo dõi sự phản kháng mãnh liệt của Hồ Phong đối với các chính sách văn hóa văn nghệ man rợ của Mao Trạch Đông. Theo Hồ Phong, các chính sách ấy đã cưỡng bức các nhà văn phải chấp nhận ý thức hệ cộng sản; phải giới hạn cảm hứng của mình vào giai cấp công nhân và nông dân; chỉ được sử dụng một bút pháp duy nhất; chỉ được viết về những đề tài do đảng quy định. Hồ Phong đòi hỏi nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa phải quay về với con người, khẳng định những giá trị của con người. Không ai có quyền bắt buộc văn nghệ sĩ chỉ được nhìn hiện thực qua một lăng kính độc nhất. Phải đánh giá văn nghệ sĩ ở năng lực sáng tạo và ở những giá trị thẩm mỹ họ tạo ra.

Về lại Việt Nam, noi gương Hồ Phong, Trần Dần tập hợp một số bạn bè của mình, tất cả đều ở trong bộ đội, phát động một chiến dịch chống đối độc tài và đòi hỏi tự do dân chủ trong văn nghệ. Chiến dịch được mở đầu bằng việc phê phán tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu vừa được xuất bản và được cộng sản thổi phồng như là một thành tựu xuất sắc nhất của nền văn học hiện đại. Trên báo *Văn Nghệ* số 67 ra đầu năm 1955, Hoàng Cầm phê bình thơ Tố Hữu "*giống như một vại nước to, đầy tràn pha loãng một màu sữa.*

Loãng quá, tôi thèm một cốc dù nhỏ thôi nhưng chan chứa những chất nuôi sống tâm hồn" (2). Trên báo *Văn Nghệ* số 68, tiếp theo, Lê Đạt cũng phê bình tương tự: *"Thơ Tố Hữu đứng về một phương diện nào mà nói là thơ có ích. Tố Hữu có nhiều cố gắng phục vụ công tác chính trị . . . Thơ Tố Hữu là những bài học chính sách tốt. Nhưng những bài học chính sách tốt chưa phải là đã hiện thực, đã công nông. Vấn đề nội dung, tôi nhắc lại, căn bản là cái điệu tâm hồn của tác giả"* (3).

Song song với việc phê bình tập thơ *Việt Bắc*, Trần Dần và Hoàng Cầm, trong các cuộc hội thảo văn nghệ ở miền Bắc, nêu ra yêu sách: đảng cộng sản phải *"trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ. Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội. Thành lập trong quân đội một Chi hội văn nghệ trực thuộc Hội Văn nghệ, không qua Cục Tuyên huấn và Tổng cục Chính trị"* (4).

Yêu sách trên không những không được đáp ứng, Trần Dần còn bị cộng sản trấn áp một cách tàn bạo. Phẫn uất, ông xin ra khỏi đảng và ra khỏi quân đội. Bạn ông, nhà thơ Hoàng Cầm, lúc ấy đang làm Đoàn trưởng Đoàn kịch thuộc Tổng cục Chính trị trong quân đội miền Bắc, cũng nộp đơn xin ra khỏi đảng và ra khỏi quân đội.

Đầu năm 1956, lực lượng phản kháng trong giới văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc phát triển mạnh, cực kỳ đông đảo. Ngoài Trần Dần và Hoàng Cầm, có thêm Phùng Quán, Lê Đạt, Trần Duy, Thụy An, Phan Khôi, Trương Tửu, Hoàng Yến, Chu Ngọc, Sỹ Ngọc, Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo, Nguyễn Hữu Đang . . .

Những người này tập trung trong hai cơ quan ngôn luận chính: Giai phẩm và Nhân văn.

Số giai phẩm đầu tiên được gọi là Giai phẩm mùa xuân phát hành đúng vào dịp Tết 1956. Trong số này, mạnh mẽ nhất là bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần, dài hơn 300 câu, trong đó, Trần Dần vẽ lại khung cảnh miền Bắc mới bị cộng sản tiếp quản hơn một năm mà đã tối sầm, u uất, cùng quẫn vô hạn. Dân chúng lũ lượt di cư vào Nam. Những người ở lại chịu đựng biết bao đau thương:

Em đi
trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi
Khổ thân em mưa nắng đi về
lủi thủi
Bóng chúng
đè lên
số phận
từng người
Em cúi đầu đi, mưa rơi
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót . . .

Bài thơ cứ lập đi lập lại hoài một điệp khúc buồn rầu:

Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ.

Giai phẩm mùa xuân, ngay sau khi phát hành, đã bị tịch thu. Trần Dần bị bắt giam. Trong nhà tù, ông phản kháng một cách tuyệt vọng nhưng vô cùng quyết liệt: cứa cổ tự tử. May, được cứu sống.

Phong trào phản kháng tạm thời lắng xuống.

Tình hình thế giới lúc này biến động dữ dội. Ngày 24 tháng Hai năm 1956, tại Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô, Khruschev đọc một bản báo cáo nẩy lửa vạch trần những tội ác tầy trời của Staline, lên án bệnh sùng bái cá nhân rất mực nghiêm trọng và phổ biến trong các nước xã hội chủ nghĩa. Ngày 25 tháng Sáu năm 1956, Lục Định Nhất, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đọc báo cáo hô hào phát động chiến dịch "trăm hoa đua nở" với khẩu hiệu "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh". Tháng Sáu, dân chúng Ba Lan nổi dậy. Tháng Mười, dân chúng Hungary nổi dậy.

Những biến động trên có ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. Dân chúng ở nhiều địa phương sôi sục đứng lên đòi chống lại chính quyền cộng sản. Vừa trấn áp, cộng sản vừa hoang mang lo lắng. Cuối cùng, đến tháng Tám năm 1956, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam công khai nhìn nhận những sai lầm nghiêm trọng của đảng trong cuộc cải cách ruộng đất. Trường Chinh và Hồ Viết Thắng bị hạ bệ. Mười hai ngàn đảng viên đang ngồi tù vì bị vu oan là địa chủ được thả ra. Đảng tuyên bố "sửa sai" để hóa giải các áp lực đến từ Liên Xô và các cuộc nổi dậy của nhân dân trong nước.

Nhờ chiến dịch sửa sai này, phong trào Nhân văn Giai phẩm đã xuất hiện và phổ biến sâu rộng. Người ta tung ra ngay Giai phẩm mùa thu tập 1 vào tháng Tám 1956. Tháng Mười 1956, người ta vừa xuất bản Giai phẩm mùa thu tập 2 vừa in lại Giai phẩm mùa xuân đã bị tịch thu lúc trước. Tháng Mười Một 1956: Giai phẩm mùa thu tập 3. Tháng Mười Hai 1956: Giai phẩm mùa đông. Song song với việc xuất bản các Giai phẩm trên, người ta cho ra đời tờ *Nhân Văn* do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký. Báo *Nhân Văn* ra mỗi nửa tháng. Số 1 ra mắt ngày 15 tháng Chín năm 1956. Số 5 ra mắt ngày 20 tháng Mười Một năm 1956.

Theo gót Nhân văn Giai phẩm Nguyễn Bích ra tờ *Trăm Hoa*, Hoàng Công Khanh ra tờ *Nói Thật*, các sinh viên Hànội ra tờ *Đất Mới* . . . để cùng chống lại các chính sách vi phạm nhân quyền thô bạo của cộng sản.

Đứng trước nguy cơ bị đánh đổ, vào giữa tháng

Mười Hai 1956, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam triệp tập hội nghị đảng viên trong giới văn nghệ để gọi là "thống nhất tư tưởng" trong việc phản công lại Nhân văn Giai phẩm. Sau cuộc hội nghị này, từ ngày 12 tháng Mười Hai năm 1956 trở về sau, người ta thấy xuất hiện hàng loạt các bài viết lên án Nhân văn Giai phẩm là "phản động", là chống đảng và chống chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh các bài viết ấy là các bản kiến nghị yêu cầu đảng sớm trừng trị Nhân văn Giai phẩm để bảo vệ trật tự và chủ nghĩa xã hội được ký bởi khá nhiều tên tuổi nổi tiếng trong giới văn nghệ sĩ ở miền Bắc. Ngày 15 tháng Mười Hai năm 1956, Ủy ban Hành chính Hànội ký quyết định đóng cửa Nhân văn và Giai phẩm. Báo *Nhân Văn* số 6 đang in bị tịch thu toàn bộ.

Như vậy, Nhân văn Giai phẩm chỉ thực sự hoạt động trong một thời gian cực kỳ ngắn ngủi, trong vòng hơn ba tháng, từ cuối tháng Tám đến đầu tháng Mười Hai năm 1956. Tuy nhiên, trong lịch sử văn học Việt Nam, cho đến nay, chưa bao giờ có một tờ báo hoặc một tờ đặc san nào lại khuấy động dư luận, có ảnh hưởng lâu dài và mạnh mẽ như vậy.

Nhân văn Giai phẩm được gợi hứng từ cuộc tranh đấu của Hồ Phong, được kích thích bởi bài diễn văn của Khruschev, bản báo cáo của Lục Định Nhất và đã được xuất hiện công khai, biến thành phong trào từ chiến dịch sửa sai của Đảng Cộng sản Việt Nam .

Những người tham gia Nhân văn Giai phẩm biết rõ điều đó, cho nên, họ luôn luôn khôn khép núp dưới lá cờ của đảng để tiếp tục hoạt động. Trong bài *Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ* đăng trên *Nhân Văn* số 4 ra ngày 5 tháng Mười Một năm 1956, Trần Duy, thư ký tòa soạn, viết:

"Báo Nhân Văn *ra đời, tự nguyện làm một trong những lực lượng tiền phong, tích cực cùng nhân dân và Đảng chiến đấu chống những sai lầm lệch lạc, những hũ bại trong tác phong lãnh đạo đã vi phạm đến những nguyên tắc cơ bản xây dựng Đảng, xây dựng chế độ"* (5).

Đó chỉ là một câu nói che chắn. Sự thật, tất cả những bài viết của nhóm Nhân văn Giai phẩm, dưới hình thức sáng tác hoặc dưới hình thức lý luận, đều nhắm tới hai mục đích: thứ nhất là vạch trần những mặt trái xấu xa, quan liêu, độc hại của chủ nghĩa xã hội; thứ hai là đòi hỏi văn nghệ phải độc lập với chính trị.

Trọng tâm của việc phê phán chế độ xã hội chủ nghĩa là vấn đề nhân quyền. Hoàng Cầm có mấy câu thơ, trong bài *In Dấu Chân*, được coi như là tuyên ngôn của cả nhóm:

Là sứ giả của Tự do vô hạn
Tôi phá tan u uất nặng lòng người
Dù sợi tóc còn cửa vào nhân phẩm
Tôi còn hét to, dù khản tiếng tàn hơi.

Thanh châu, trong bài *Mua Hàng Mậu Dịch*, lên án phong cách quan liêu, cửa quyền của bọn cán bộ cộng sản. Trần Dần, trong truyện *Lão Rồng* và *Anh Cò Lấm*, tố cáo những tội ác dã man của cộng sản trong phong trào cải cách ruộng đất. Phùng Quán, trong *Cái Chổi Quét Rác Rưởi*, ví xã hội xã hội chủ nghĩa giống như một đống rác khổng lồ, và ông, với tư cách là một nhà văn, sẽ nhận trách nhiệm dùng ngòi bút quét đi những rác rưởi ấy để đem lại sự sạch sẽ, sự trong lành cho mặt đất. Trần Lê Văn, trong *Bức thư gửi một người bạn cũ*, coi những người cộng sản là một xác chết. Trần Duy, trong *Những Người Khổng Lồ*, coi những người cộng sản chỉ là một bọn khổng lồ không có tim. Lê Đạt viết *Nhân Câu Chuyện Mấy Người Tự Tử* để lên án chế độ cộng sản đã

Đem bục công an
máy móc
đặt giữa tim người
Bắt tình cảm ngược xuôi
theo đúng luật đi đường Nhà nước

Chính tình trạng mất dân chủ nghiêm trọng trong một xã hội tự xưng là của công nhân, nông dân đã làm cho những người thuộc nhóm Nhân văn Giai phẩm căm hận và vùng dậy, bằng ngòi bút, đấu tranh. Trên báo *Văn Nghệ* số 10 ra tháng Ba 1958, trong một bài báo buộc tội nhóm Nhân văn Giai phẩm, Hồng Chương tóm lược nội dung những lời phê phán của nhóm Nhân văn Giai phẩm như sau:

"Hoàng Cầm cho rằng trong chế độ ta con

người bị chà đạp như 'con giun bị xéo quằn lên'. Hoàng Cầm viết: 'Tôi đã khóc và suy nghĩ rất nhiều về giá trị con người'... Những người trong nhóm Nhân văn Giai phẩm không ngớt lời chửi rủa các chiến sĩ cách mạng, các đảng viên cách mạng 'ốc sên', là 'dây leo', là 'nịnh hót', là 'tĩnh vật', là 'thiếu tim óc'. Trắng trợn hơn cả là Trần Duy. Trần Duy đã gọi cán bộ của Đảng, của chính quyền là 'sên ốc không cánh mà bay cao'. Nhóm Nhân văn Giai phẩm đua nhau mà đả kích chế độ ta. Họ vu chế độ ta là cái 'phủ chúa Trịnh' làm hư hỏng hết cả nhân tài (Xem bài Con Ngựa Già *của chúa Trịnh của Phùng Cung). Họ bảo chế độ ta chỉ có thể chế tạo ra những loại 'thi sĩ máy' (Xem bài* Thi Sĩ Máy *của Châm Văn Biếm)* (6).

Phan Khôi, trong tập *Nắng Chiều*, viết xong vào cuối năm 1957, nghĩa là đúng một năm sau khi Nhân văn Giai phẩm bị đóng cửa, tiến xa hơn khi coi chế độ cộng sản và ngay cả Hồ Chí Minh nữa, chỉ là một cái gì dơ dáy, thối tha: ông bịa chuyện kể dân gian gọi cây cứt lợn (còn gọi là cây chó đẻ hoặc cây bọ xít) là "cây cộng sản" hoặc "cây cụ Hồ"! (7).

Bên cạnh việc tố giác tính chất vô nhân đạo của cộng sản, nhóm Nhân văn Giai phẩm tập trung nhiều tâm huyết vào việc đòi hỏi văn nghệ phải độc lập với chính trị. Trong bài viết *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* đăng trên Giai phẩm mùa thu tập 1, Phan Khôi đưa ra quan điểm: *"Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng: 'Sở dĩ tao tha thiết đến mày là tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mày'. Đã cởi mở với nhau như thế nào rồi, văn nghệ đồng ý. Nhưng phần nghệ thuật này là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi được tự do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính trị cũng không lấy lẽ gì mà không đồng ý. Hai bên đều có lợi, cái nguyên tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ sự hợp tác nào"* (8).

Sau này, trong bài *Ông Năm Chuột* đăng trên báo *Văn* số 36 ra ngày 10 tháng Một 1958, Phan Khôi trở lại vấn đề trên: ông ví cán bộ cao cấp của cộng sản như một anh thợ bạc lưu manh, gian giảo. Cuối truyện, mượn lời Năm Chuột, Phan Khôi nhấn mạnh đến tính chất đặc thù và độc lập của văn nghệ: "Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi" (9).

Cùng quan điểm với Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang cũng lên tiếng phê phán *"đường lối lãnh đạo văn nghệ của Trung ương đảng hẹp hòi, gò bó. Cần phải sửa đổi đường lối ấy"* (10). Trần Duy, trong bài *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở*, cũng viết: *"Sau khi gắn bó người nghệ sĩ chặt chẽ hơn với thực tế để lấy tài liệu xây dựng tác phẩm, giúp cho nghệ sĩ nắm được cái chủ yếu, giúp cho nghệ sĩ những cái bí quyết bắt được cái 'thần' của cuộc sống, sau khi đã làm xong công việc ấy rồi, thì nên dừng lại ở đấy"* (11).

Trong bài *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* đăng trên Giai phẩm mùa đông, Trương Tửu, một mặt, thừa nhận *"Đảng lãnh đạo văn nghệ là một tất yếu lịch sử"*, nhưng mặt khác, lại đòi hỏi, đảng *"phải trả quyền điều khiển chuyên môn cho những người chuyên môn"*.

Theo Trương Tửu, *"lãnh đạo tốt là tuyệt đối không ngăn cản văn nghệ sĩ phát hiện sự thật một cách hoàn toàn tự do"*. Văn nghệ sĩ phải *"hoàn toàn theo sự suy nghĩ riêng, sở nguyện riêng, lương tâm riêng của bản thân họ. Họ hoàn toàn độc lập tác chiến, độc lập sáng tác", "họ chỉ tuân theo kỷ luật và chỉ thị của trái tim họ, của khối óc họ, của hiện thực xã hội mà họ phản ánh tùy theo trình độ nhận thức cá nhân của họ"*.

Nghiên cứu lịch sử văn học trên thế giới, Trương Tửu rút ra kết luận: *"Văn nghệ sĩ chân chính xưa nay đều chống lại chính trị của giai cấp cầm quyền"*. Trương Tửu tuyên bố: *"Văn nghệ sĩ yêu Đảng nhưng họ yêu sự thực hơn Đảng"*. Rồi ông nhấn mạnh: *"Vận mạng của văn nghệ dài hơn vận mạng của chế độ"*. (12).

Nói tóm lại, mục tiêu tranh đấu của Nhân văn Giai phẩm là, về mặt xã hội, đòi hỏi cộng sản phải tôn trọng nhân quyền; về mặt văn nghệ, đòi hỏi sự tự do của người cầm bút.

Đó cũng là hai mục tiêu tranh đấu, lúc công khai, lúc ngấm ngầm, của hầu hết các văn nghệ sĩ có nhiều tâm huyết dưới chế độ cộng sản, từ trước đến nay. Tất cả những nỗ lực gọi là đổi mới tại Việt Nam từ sau đại hội Đảng Cộng sản lần thứ sáu (1986), thật ra, vẫn chưa vượt qua được những yêu sách của nhóm Nhân văn Giai phẩm. Cũng đòi hỏi dân chủ. Cũng đòi hỏi văn nghệ phải thoát ly ra khỏi sự lãnh đạo độc tài, thô bạo của chính trị.

Thoạt đầu, mặc dù căm ghét Nhân văn Giai phẩm đến cực độ, nhà cầm quyền Hànội vẫn phải tự nén lòng, giới hạn sự trấn áp của mình vào việc đóng cửa Nhân văn và Giai phẩm. Họ chưa dám đụng đến con người. Không có ai bị bắt. Không những thế, đầu năm 1957, lúc cộng sản thành lập Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật cũng như các hội chuyên ngành, một số người thuộc Nhân văn Giai phẩm vẫn được bầu vào Ban chấp hành: Hoàng Cầm ở Hội nhà văn; Hoàng Tích Linh ở Hội nghệ sĩ sân khấu; Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng ở Hội mỹ thuật; Văn Cao và Nguyễn Văn Tý ở Hội nhạc sĩ . . .

Nhân văn Giai phẩm bị khai tử, tuy nhiên, ảnh hưởng của nó còn rất sâu rộng trong xã hội, càng lúc càng thấm dần, thấm dần. Phần lớn các sáng tác văn học nghệ thuật ở miền Bắc trong năm 1957, với mức độ nhiều hay ít, đều chịu ảnh

hưởng của Nhân văn Giai phẩm. Ai cũng khắc khoải đi tìm cái mới, cái thật. Ai cũng cảm thấy cay đắng, phẫn uất, muốn đạp đổ những giáo điều đè nặng lên ngòi bút của mình.

Nhưng ảnh hưởng quan trọng nhất của Nhân văn Giai phẩm chính là những ảnh hưởng mà họ tạo ra được trong Ban chấp hành Hội nhà văn. Báo *Văn*, cơ quan ngôn luận của Hội nhà văn, do Nguyễn Công Hoan làm chủ bút, Nguyễn Tuân làm phó chủ bút, Nguyên Hồng làm tổng thư ký, thực chất đã biến thành một cơ quan ngôn luận của Nhân văn Giai phẩm. Tờ báo này không những đăng nhiều tác phẩm của những người thuộc nhóm Nhân văn Giai phẩm mà còn cổ vũ cho khuynh hướng sáng tác tự do, thoát ly công thức, thể hiện nỗi khắc khoải của con người đối với lý tưởng dân chủ. Nhiều đảng viên cao cấp của đảng cộng sản đã lên tiếng chỉ trích báo *Văn* là một hình thức *Nhân Văn* mới. Tố Hữu phê bình ban biên tập báo *Văn* phớt lờ. Báo *Học Tập*, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng phê bình, Ban biên tập báo *Văn* đả kích lại kịch liệt (13).

Cuối cùng, cảm thấy mức độ nguy hiểm đã tăng cao, nhà cầm quyền Hànội ra lệnh đóng cửa báo *Văn* và thực sự mở ra chiến dịch trấn áp Nhân văn Giai phẩm.

Chiến dịch trấn áp khởi sự từ đầu năm 1958, tức là hơn một năm sau khi Nhân văn Giai phẩm bị đóng cửa. Hành động trấn áp muộn màng này chứng tỏ cộng sản rất hoang mang trước tầm ảnh hưởng sâu rộng của Nhân văn Giai phẩm. Ý đồ của họ là qua sự trấn áp này khủng bố tinh thần của những người có thiện cảm và đồng tình với Nhân văn Giai phẩm.

Ngày 6 tháng Một 1958, Bộ chính trị Đảng Cộng sản ra nghị quyết về vấn đề văn nghệ, lên án Nhân văn Giai phẩm, đề ra chính sách học tập và cải tạo đối với văn nghệ sĩ.

Thực hiện chỉ thị của Bộ chính trị, giới lãnh đạo văn nghệ miền Bắc đã tổ chức liên tiếp hai cuộc hội nghị văn nghệ: hội nghị đầu vào tháng Hai 1958 với 172 người dự; hội nghị sau vào tháng Ba 1958 với 304 người dự. Nội dung của hai cuộc hội nghị này là phê phán nhóm Nhân văn Giai phẩm; cưỡng bức mỗi người tham gia Nhân văn Giai phẩm phải lên diễn đàn công khai thú tội. Có bốn người cương quyết từ chối không tham dự hội nghị: Phan Khôi, Thụy An, Trương Tửu và Nguyễn Hữu Đang.

Ngày 4 và 5 tháng Sáu 1958, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam do Đặng Thai Mai làm chủ tịch lại tổ chức hội nghị lên án Nhân văn Giai phẩm. Tại hội nghị này, Tố Hữu đọc bản "báo cáo tổng kết cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân văn Giai phẩm". Hội nghị kết thúc bằng hai bản nghị quyết: một nghị quyết của Ban chấp hành Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam và một nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ miền Bắc. Cả hai nghị quyết đều nhằm buộc tội Nhân văn Giai phẩm là phản động, cần phải được trừng trị nghiêm khắc.

Gần hai tháng sau, từ ngày 21 tháng Sáu đến 3 tháng Bảy 1958, Ban chấp hành các Hội chuyên ngành lần lượt nhóm họp để ra nghị quyết thi hành kỷ luật đối với những người tham gia Nhân văn Giai phẩm. Theo các bản nghị quyết này, Hoàng Cầm và Hoàng Tích Linh bị khai trừ ra khỏi Ban chấp hành Hội Nhà văn; Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng bị khai trừ ra khỏi Ban chấp hành Hội Mỹ thuật; Văn Cao và Nguyễn Văn Tý bị khai trừ ra khỏi Ban chấp hành Hội Nhạc sĩ. Phan Khôi, Trương Tửu và Thụy An bị khai trừ ra khỏi Hội Nhà văn. Trần Duy bị khai trừ ra khỏi Hội Mỹ thuật. Hội Nhà văn và Hội Nhạc sĩ khai trừ trong thời hạn ba năm bốn người: Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác và Đặng Đình Hưng. (14).

Trên thực tế, các mức án trên đều giống nhau: tất cả đều bị khai trừ khỏi hội chuyên ngành của mình và bị cấm sáng tác vô thời hạn. Mãi đến cuối năm 1988, một số người mới được phục hồi hội tịch vào Hội Nhà văn!

Theo báo *Nhân Dân* số ra ngày 21 tháng Một năm 1960, tòa án nhân dân tại Hànội, đầu năm 1960, đã mở phiên tòa xét xử một số thành viên thuộc nhóm Nhân văn Giai phẩm: Nguyễn Hữu Đang và Thụy An bị kết án 15 năm tù; Trần Thiếu Bảo (tức Minh Đức) bị kết án 10 năm tù. Cả ba người đều bị tước quyền công dân năm năm sau khi mãn hạn tù. (15).

Vụ án Nhân văn Giai phẩm coi như chính thức kết thúc.

Đến đây, chúng ta có thể rút ra được mấy nhận xét:

Tinh thần phản kháng vốn đã xuất hiện từ lâu, ít nhất là từ đầu thập niên 50, trong kháng chiến chống Pháp, tuy nhiên nó chỉ âm ỉ trong lòng giới văn nghệ sĩ. Mãi đến đầu năm 1955, sau Hiệp định Genève, tinh thần phản kháng ấy mới bộc phát thành hành động và mãi đến giữa năm 1956, mới biến thành một phong trào tranh đấu rộng rãi và dữ dội. Yếu tố quan trọng nhất để tinh thần phản kháng và hành động phản kháng biến thành phong trào phản kháng vào giữa năm 1956 chính là chính sách sửa sai của đảng cộng sản. Chính sách sửa sai của đảng cộng sản Việt Nam, thật ra, chỉ là một khúc xạ của chủ nghĩa xét lại tại Liên Xô và Đông Âu. Nhờ chủ nghĩa xét lại và chính sách sửa sai, cộng với tâm trạng hoang mang, lúng túng trước những biến động đột ngột của thế giới, nhà cầm quyền Hànội tương đối nới tay trong việc lãnh đạo và quản lý các sinh hoạt văn học nghệ thuật, do đó, những lực lượng phản kháng mới có thể, trong vòng hơn ba tháng, tung ra năm số báo *Nhân Văn* và năm tập *Giai phẩm*.

Nội dung chủ yếu của chủ nghĩa xét lại là thay

ĐỖ QUÝ TOÀN

Đọc thơ Khánh Trường

Giữa đêm dậy, đọc thơ Khánh Trường
"Nằm Đủ Kiểu" và "Ngồi Đủ Kiểu"
Bật buồn cười, rồi lại xót thương
Thương cái mình thi sĩ vặn vẹo.

Cái mình ông phải ngồi, phải nằm
Nằm kiểu này, lại ngồi kiểu khác
Ngồi buông thõng, lại nằm co quắp
Còn cái đầu để chạy loăng quăng.

Tôi muốn hỏi họa sĩ nhà ta
Lúc vẽ thì chàng vẽ thế nào?
Mắt, tay, ngồi kiểu đó coi sao?
Thử nằm, ngồi kiểu đó coi sao?

Thử lúc nằm mình chỉ có nằm
Râu, tóc, rún, mông đều thả nổi
Nằm từ đầu cho đến ngón chân
Cam đoan ba ngày hết nhức mỏi.

NGUYỄN TẤN HƯNG

Chờ

Có nỗi nhớ nào dài hơn
Nghìn thư đi không trở lại
Và nỗi nhớ này của anh
Một đời trai ngoài biên ải.

Có niềm thương nào lớn hơn
Tình yêu chấp cánh vừa bay
Và niềm thương này của anh
Khắc khoải cho em từng ngày.

Có hình bóng nào đẹp hơn
Người tình ấp ủ vòng tay
Và em yêu này em hỡi
Sao nỡ bắt anh chờ hoài.

đổi mối quan hệ giữa lãnh đạo và quần chúng. Nội dung chủ yếu của chính sách sửa sai là thay đổi một số chiến thuật, một số chính sách cụ thể. Những người thuộc phong trào Nhân văn Giai phẩm đã vượt quá cái lằn ranh ấy. Họ không chỉ đòi thay đổi mối quan hệ giữa lãnh đạo văn nghệ và quần chúng văn nghệ mà còn đòi xóa bỏ cả sự lãnh đạo của chính trị đối với văn nghệ. Họ không chỉ đòi thay đổi một số chiến thuật và chính sách được sử dụng trong cải cách ruộng đất mà còn đòi xóa bỏ toàn bộ mọi chiến lược, chiến thuật, mọi chính sách có tính chất chuyên chính, chà đạp lên con người nói chung.

Những hành động vượt quá lằn ranh giới hạn trên đã khiến cho cộng sản Hànội lo sợ, đi đến quyết định đóng cửa Nhân văn và Giai phẩm.

Phải đợi đến lúc phong trào chống xét lại đã thắng thế trong cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt tại Trung Quốc, Hànội mới mạnh tay đàn áp Nhân văn Giai phẩm một cách khốc liệt. K

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Chú thích:

1. Bọn Nhân văn Giai phẩm trước tòa án dư luận, Nhiều tác giả, nxb Sự Thật, HN, 1959, trang 102
2. Dẫn theo Đông Hoài, Qua những chặng đường văn nghệ, nxb Văn Học, HN, 1970, trang 148
3. Dẫn theo Đông Hoài, sđd, trang 152
4. Bọn Nhân văn Giai phẩm trước tòa án dư luận, sđd, trang 24
5. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 83
6. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 217-218
7. Xem bài Đoàn Giỏi phê phán tập *Nắng Chiều* đăng lại trong tập *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc,* Quê Mẹ tái bản, 1983, trang 89-96
8. *Trăm hoa đua nở* . . . sđd, trang 64
9. *Trăm hoa đua nở* . . . sđd, trang 88
10. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 204
11. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 84
12. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 188-212
13. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 33
14. Bọn Nhân văn Giai phẩm . . . sđd, trang 340
15. Dẫn theo Georges Boudarel trong tập *Dissidences Intellectuelles au Vietnam* (l'affaire Nhân văn - Giai phẩm), éditions Michel de Maule, Paris, 1989, trang XXII

Trở về từ Việt Nam, nhà văn Nhật Tiến nhận định

"Buồn bã. Đất nước như một nồi cám heo"

N.N.A. ghi

Nhà văn Nhật Tiến,
Trở về từ Việt Nam

"Cảm giác chung là buồn bã, đất nước như một nồi cám heo", nhà văn Nhật Tiến, tác giả *Chim Hót Trong Lồng*, vừa trở lại Hoa Kỳ sau chuyến thăm dài ba tuần lễ, đã phát biểu như trên.

Nhật Tiến cho biết cảm tưởng đầu tiên của ông khi từ phi cơ của hãng Hàng Không Malaysia bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất là cái cảm giác của một người đang phải đối diện với bạo lực. Cái cảm giác ấy theo đuổi ông suốt thời gian ở Việt Nam.

"Tôi nhận thấy mình bị theo dõi." Nhà văn Nhật Tiến nói rằng ông xin đi thăm Đà Lạt nhưng bị chính quyền Cộng Sản từ chối. Tại phường 4, quận Phú Nhuận, công an cấp phường đã giữ *passport* của ông. Lý do: Người chủ khách sạn nơi ông cư ngụ không khai báo. Lý do sâu xa hơn là người chủ khách sạn không đút lót. Ông đã phải vất vả thuyết phục từ nửa đêm đến ba giờ sáng mới lấy lại được *passport*.

Một mầu xám bao trùm lên sinh hoạt xã hội

Saigon dưới mắt nhà văn Nhật Tiến không thay đổi gì nhiều ngoại trừ việc cho phép tư nhân buôn bán trở lại. Tuy nhiên hầu hết những khuôn mặt đều như có điều chi đăm chiêu, ẩn nhẫn, mệt mỏi. "Tôi vẫn thấy một màu xám bao trùm lên sinh hoạt xã hội." Chỉ có Hà Nội là thay đổi, hoàn toàn thay đổi. Ông cho biết năm 1979, khi ra Hà Nội, ông khó lòng mua được một bao thuốc lá nguyên, nhưng Hà Nội 1990 thì có đủ thứ: quần áo, vải vóc, sản phẩm điện tử, máy truyền hình, radio, cát-sét . . . Nhưng rõ ràng ai cũng thấy cái phồn vinh của Hànội là thứ phồn vinh mặt nổi và là thứ phồn vinh giả tạo. Và điều chua chát đó là hầu hết đều là hàng ngoại nhập và lậu thuế.

Đối với Nhật Tiến, dấu ấn để lại trong ông sau chuyến về thăm quê nhà là cái "bất công, tham nhũng, thối nát, thất nghiệp trầm trọng và một xã hội vô luật pháp. Có thể ví guồng máy tham nhũng ở Việt Nam hiện nay như một bầy đỉa xúm xít hút cạn sinh lực của cả một dân tộc vốn đã nghèo khó kiệt quệ. Và bầy đỉa đó, mỉa mai thay, lại nhân danh một Đảng vừa có tính cách Stalinist vừa có tính cách Maoist. Một đảng Cộng Sản đã lỗi thời."

"Tôi chỉ là một nhà văn, không phải là một nhà chính trị"

Trả lời câu hỏi ông nghĩ gì về một bản tin ở

hải ngoại cho rằng ông đã về Việt Nam để tham dự một cuộc họp dưới sự chủ tọa của Trần Bạch Đằng, đồng thời ra mắt cuốn *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương*, Nhật Tiến nói rằng bản tin ấy hoàn toàn bịa đặt và có ác ý. Bản tin ấy nói là đã trích dẫn từ tờ *Văn Học Nghệ Thuật* và tờ *Tuổi Trẻ* ở Sàigòn, trong khi đó tại Sàigòn không có tờ báo nào mang tên *Văn Học Nghệ Thuật*. Còn tờ *Tuổi Trẻ* thì không được nêu rõ số báo nào. Tóm lại bản tin ấy, theo ông Nhật Tiến là một "bản tin bịa đặt một cách ấu trĩ và sơ hở, không đáng để cho tôi phải quan tâm." Nhật Tiến nhấn mạnh rằng ông là một nhà văn, không phải là một nhà chính trị. Ông chỉ về Việt Nam trong tư cách một nhà văn, với một ước muốn duy nhất là tìm hiểu tình hình tại chỗ để có những chất liệu sáng tác một cách trung thực. "Nếu những tác phẩm đã viết hay sẽ viết của tôi có dính líu ít nhiều đến chính trị, thì chẳng qua cũng chỉ là vì tôi muốn góp phần suy nghĩ của tôi đối với các nhà làm chính trị để họ có thêm những dữ kiện, những ý kiến trong muôn ngàn dữ kiện khác, ý kiến khác, trên con đường hình thành một giải pháp khả dĩ đem được quê hương ra khỏi hoàn cảnh đen tối hiện nay."

Gặp ai?

Do bị công an văn hóa theo dõi từng bước, Nhật Tiến tiếp, nên ông phải giới hạn tối đa những cuộc gặp gỡ với các bạn bè văn hữu trước 1975. Có vài nhà văn ở phía Cộng sản tự ý đến tìm gặp ông nơi khách sạn ông cư ngụ "trong đó có một vài nhà văn thuộc phong trào văn chương phản kháng". Ông cho biết là ông có gặp hai nhà văn Việt Nam trước 1975. Ông cũng nói thêm rằng ông có đề nghị được đi thăm nhà văn Doãn Quốc Sĩ (hiện đang ngồi tù), nhưng chính quyền Cộng Sản không cho phép.

Trả lời câu hỏi ông đánh giá cuộc gặp gỡ nào là quan trọng hơn cả, Nhật Tiến nói không có cuộc gặp gỡ nào quan trọng cả, nhưng "tôi cho rằng tất cả đều bổ ích cho chuyến đi của tôi".

Nhật Tiến có đi thăm được nhà văn Nguyễn Đình Toàn ở làng Báo Chí Thủ Đức. Trước khi đi, ông đã phải thông báo cho cục an ninh văn hóa biết. Cuộc thăm viếng này diễn ra trong vòng nửa giờ và có sự hiện diện của một nhân vật thứ ba. Ông cho biết là hiện Nguyễn Đình Toàn bị hư một bên mắt, bên còn lại đã mờ một phần ba. Ông nhắc lại lời Nguyễn Đình Toàn: "Một hai năm nữa chắc tôi mù mất." Về đời sống văn nghệ sĩ của miền Nam trước, trừ một số nhờ vẽ tranh bán ra nước ngoài hoặc do gia đình ở hải ngoại viện trợ sống tương đối khá giả, còn đa số rất vất vả. Nguyễn Thụy Long làm đủ thứ nghề, từ sửa xe đạp lề đường, lượm ve chai, bao ny lông, thồ gạo lậu bằng xe đạp...cho đến đẩy xe phân cho ao nuôi cá. Tuy vậy Nguyễn Thụy Long vừa tiết lộ

LƯU HY LẠC

Sinh nhật

Ngọn nến đỏ khắp trời biển bắc
ngựa xe tôi về chắn hai miền
mở ròng rã đầu vây nghiệt oán
mới con đường êm ả nhân duyên.

Cháy tròn quanh vành trăng cổ độ
trái mọng vàng vững chãi ươm mơ
hình tướng tôi ngồi bên lửa ngóng
tiếng lọt lòng hơi thở ban sơ.

Ngã sấp ngửa bàn chân chập chững
vệt sẹo đường ngang tấm chân dung
tôi tự đó tôi về ở đó
giữa dập dồn son sắt đao cung.

Cơ hồ như em, và nỗi nhớ

gửi Phạm Công Thiện

Đốt cháy ý tưởng xanh
chặt đứt giòng hoan lạc
hồn tựa gió mong manh
xiêu, xiêu chiều trôi giạt.
Tôi bỏ chỗ ngồi;
không vừa ý!
cho cái nhìn chính diện,
trùng điệp bủa vây tôi . . .
Mảnh vá đắp trên ngực
tim tôi mòn ray rức;
nói đi em;
dầy đặc ở đây,
nơi, tiếng cười, tiếng nói
trên đôi điều êm ả . . .
mệt ký ức.
Em rợp mát hoa đăng
khúc huê tình rũ rượi . . .
Tôi một sáng tóc rơi hóa kiếp
buồn tựa hồ bèo bọt khơi vơi.
Giữa mắt nhìn chới với
tôi mất hút bên hè
đốt hết ý tưởng xanh
em về ngang rất vội . . .

là sắp được tái bản "Loan Mắt Nhung", "Kinh Nước Đen", "Sầu Đời" và có hai tác phẩm mới đang được dựng thành phim: "Gió Hú" và "Tình Thù Đối Mặt". Riêng nhà văn Nguyễn Thị Hoàng, tác giả "Vòng Tay Học Trò", thì vừa cho ra lò cuốn "Nhật Ký Của Im Lặng" dầy gần 500 trang do nhà Phù Sa xuất bản. Nói chung, các văn nghệ sĩ cũ, một số thất nghiệp, sống bằng tiền viện trợ của gia đình ở nước ngoài. Một số ra lề đường sống bằng đủ thứ nghề như bán sách "xôn", buôn thuốc lá lẻ, đạp xích lô, làm bồi bàn ... Cũng có một số người cầm bút núp dưới những tòa báo như *Sân Khấu, Điện Ảnh* ...

Về phía các "nhà văn phản kháng" Nhật Tiến cho biết ông có gặp bốn người. Ông nói rằng những người này không bị trở ngại gì trong sinh hoạt hằng ngày "nếu họ biết ngưng phổ biến những tư tưởng phản kháng sau khi sự cởi mở đã được khép lại."

Còn Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương thì sao?

Về trường hợp Dương Thu Hương, Nhật Tiến nói bà bị cô lập (cô lập không phải là quản thúc) ở miền Bắc sau một buổi thuyết trình ở Sàigòn trước gần một ngàn trí thức, văn nghệ sĩ thành phố. Ông cũng nói là tin tức về buổi thuyết trình này không được báo chí đăng tải. Về Trần Mạnh Hảo, Nhật Tiến cho biết ông "nhà văn ly thân" này — trong thời gian Nhật Tiến có mặt ở Saigòn trong chuyến viếng thăm vừa qua — đã đọc một bài tham luận nẩy lửa trước Hội Văn Nghệ Thành phố. "Ông ta có thể gặp nhiều khó khăn vì bài tham luận này."

Sách bán chạy ở Sàigòn

Nhật Tiến không đi thăm các chợ sách Sàigòn, nhưng có ghé vào hai cơ sở buôn bán sách cũ khá lớn ở Sàigòn. Một ở đại lộ Lê Lợi, đối diện với nhà hàng Thanh Thế cũ, và một ở đường Nguyễn Huệ, gần khách sạn Hữu Nghị (Palace). Ngoài các sáng tác của Sơn Nam, Võ Hồng, Từ Kế Tường, Đinh Tiến Luyện, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, ... còn có sách dịch của các tác giả ngoại quốc như Boris Pasternak (Bác sĩ Zhivago), Dostoievsky (Anh Em Nhà Karamazov, Tội Ác và Hình Phạt), Mario Puzzo (Bố Già). Ông nói trong số sách này có cả cuốn Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập của Nguyễn Tiến Hưng in bên Mỹ cũng được Sàigòn in lại dưới một tên mới "Từ Dinh Độc Lập đến Tòa Bạch Ốc". Tuy nhiên sách bán chạy là những cuốn truyện trinh thám Mỹ, Pháp dịch ra tiếng Việt (sau năm 1975), của những tác giả nổi danh như George Simenon, Robert Warren, Charles Williams, Pierre Rey... Cuốn Shogun của James Clavell cũng được dịch toàn bộ dày 2,000 trang — Tướng Quân — chia làm bốn cuốn, bán khá chạy. Theo nhà văn Nhật Tiến, tiểu thuyết dịch chiếm một phần quan trọng trong sinh hoạt văn chương ở quê nhà.

Cách nhìn về phong trào văn nghệ phản kháng trước và sau khi về Việt Nam có gì khác biệt?

Trả lời câu hỏi trên, Nhật Tiến đáp rằng Phong Trào văn nghệ phản kháng theo ông là *có thực*. Và những người cầm bút trong nước tham dự phong trào ấy là những người cầm bút can đảm và trung thực. "Họ không bao giờ là những văn nô viết theo chỉ thị." Nhật Tiến nhấn mạnh, phong trào ấy chỉ khựng lại do sự trở mặt của Nguyễn Văn Linh, nhưng nó sẽ còn tồn tại và sẽ còn đóng góp một vai trò lớn lao nữa trong tiến trình dân chủ hóa tại Việt Nam.

Đánh giá chuyến đi của mình nhà văn Nhật tiến cho rằng mình đã thu thập được nhiều kinh nghiệm sống, tìm lại được khả năng viết về những đề tài ở quê nhà và tự làm sáng tỏ được một số nhận định mà trước đây ông chưa sáng tỏ. Theo ông, vấn đề cốt lõi hiện nay của Việt Nam không phải là ở chỗ Cộng Sản hay không Cộng Sản, bởi vì chính người Cộng Sản đã rời xa lý thuyết của họ để đi gần về phía *Mafia* quyền lực, nhưng chính là ở chỗ làm thế nào để đánh đuổi được giặc dốt, giặc nghèo nâng cao được đời sống của dân chúng để phát triển đất nước theo chiều hướng dân tộc, nhân bản, phục vụ giá trị đích thực của con người.

Theo Nhật Tiến thì đó là một tiến trình lâu dài, khó khăn, dựa trên ý niệm động lực kinh tế có thể xoay chuyển được vai trò của chính trị. "Tôi nghĩ rằng khi bao tử còn trống rỗng hoặc đời sống quá thấp kém ở mức chỉ đủ để sinh tồn, người ta khó có điều kiện phát huy nhu cầu tinh thần cao xa khác."

Dự định sắp tới

Nhật Tiến nói rằng những ai (nhà văn) quan tâm đến đề tài Việt Nam thì nên về Việt Nam một chuyến. Không gì có lợi cho sự phong phú của tác phẩm bằng cách quan sát tại chỗ. Ông nói: "Một nhà văn mà trốn tránh sự thực thì sẽ không còn là nhà văn nữa."

"Dự định sắp tới của tôi ư? Tôi cần một thời gian cho mọi dữ kiện trong đầu lắng xuống, gạn lọc và hình thành những ý niệm cho tác phẩm mới." Ông kết luận, "dù sao tôi mới vừa trở về từ Việt Nam có mươi ngày, còn quá sớm để hoạch định một nội dung cho sáng tác mới." Tuy nhiên, ông tiếp, "tác phẩm mới của tôi sẽ viết về Việt Nam với thời điểm hiện tại."

N.N.A. ghi

Westminster 22.10.90

Thời sự Tháng qua

LÊ THỤY

Gặp gỡ lần đầu tiên tại Washington

Hôm 17 tháng Mười, đã diễn ra cuộc gặp gỡ đầu tiên của hai phía cao cấp Hoa Kỳ và cộng sản Việt Nam tại thủ đô Washington (sau các lần gặp gỡ tại New York, trong tháng Chín), để bàn về vấn đề tù binh và quân nhân Hoa Kỳ còn mất tích (POW-MIA) trong cuộc chiến Đông Dương vừa qua.

Đại diện của phía Hoa kỳ là tướng hồi hưu John Vessey, đặc sứ của Tổng thống G. Bush, còn về phía Việt Nam là ngoại trưởng Hànội Nguyễn Cơ Thạch.

Trong cuộc họp báo sau hơn hai tiếng đồng hồ họp kín với nhau, tướng J. Vessey nhìn nhận "có nhiều biến chuyển tốt đẹp diễn ra trong phiên họp này, cho cả hai bên, đồng ý trên nguyên tắc việc giải quyết vấn đề tìm kiếm người Mỹ mất tích ở Việt Nam ở một mức độ cao hơn các mức độ hoạt động trước đây".

Mức độ cao này, theo như các nguồn tin có thẩm quyền tiết lộ, có thể là Hànội sẽ để cho Hoa Kỳ mở một văn phòng tạm thời tại Hànội, để chuyên đặc trách về vấn đề POW-MIA.

Đây không phải là lần đầu tiên Hoa Kỳ đưa đề nghị với Hànội về vấn đề thành lập một văn phòng đặc trách liên lạc cho vấn đề POW-MIA, vì chính tướng Vessey vào năm 1988 đã đặt vấn đề này với Nguyễn Cơ Thạch tại Hànội.

Vào lúc đó, Hànội đòi hỏi phải cho họ mở một văn phòng liên lạc ở Washington, khiến vấn đề này đã bị hành pháp Hoa Kỳ tự ý hủy bỏ luôn.

Đến gặp Quốc hội

Sau phiên họp và dùng bữa trưa với tướng Vessey cũng có sự hiện diện của nhiều nhân vật của Bộ Ngoại giao, Quốc phòng và cả Hội đồng An ninh Quốc gia Hoa Kỳ, ngoại trưởng Hànội sau đó đã đến Quốc hội để gặp gỡ một số dân biểu, nghị sĩ Hoa Kỳ, theo đúng lịch trình đã được Bộ Ngoại giao Mỹ thông qua.

Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên tại Quốc hội Hoa Kỳ, ngoại trưởng Thạch cũng đã trình bày lại các vấn đề đã họp trong buổi sáng với Hành pháp Hoa Kỳ, liên quan chủ yếu đến vấn đề POW-MIA.

Các nhà lập pháp Hoa Kỳ, trong đó có nghị sĩ Lugar, thuộc Ủy ban Ngoại giao Thượng viện, đã yêu cầu "Việt Nam cần phải sửa đổi thể chế để tiến tới dân chủ, tổ chức tổng tuyển cử tự do, người dân được thành lập nghiệp đoàn, quyền tự do phát biểu, bảo đảm nhân quyền . . ."

Trong khi phái đoàn Hànội đến Washington để họp, khoảng hơn trăm người Việt tị nạn, cư ngụ ở Wasington, đã tập trung ngay trước địa điểm tổ chức phiên họp và trước cửa Quốc hội Hoa Kỳ để phản đối sự có mặt của phái đoàn này.

Các người biểu tình đã hô to các khẩu hiệu đòi nhà cầm quyền Hànội phải trả tự do cho những người tranh đấu cho tự do dân chủ vừa bị bắt giữ ở Việt Nam, cũng như tố cáo Hànội chủ trương buôn xác chết của các quân nhân Hoa Kỳ chiến đấu cho tự do ở Việt Nam trước đây . . .

Lê Đức Thọ, khuôn mặt bảo thủ, cứng rắn qua đời

Lê Đức Thọ, nguyên ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nay còn giữ chức cố vấn, đã qua đời vì bệnh ung thư cuống họng tại Hànội, hôm 13 tháng Mười, hưởng thọ 79 tuổi.

Lê Đức Thọ, người cùng chia giải Nobel Hòa Bình với cựu Ngoại trưởng Hoa Kỳ Henry Kissinger, sau khi cùng thương thuyết với nhau để soạn ra bản thỏa hiệp Hòa Bình Paris 1973, tuy nhiên đã từ chối nhận giải này "vì Hòa bình chưa thực sự trở lại Việt Nam".

Điều này cũng dễ hiểu thôi, bởi vì không bao lâu sau đó, chính Thọ đã được cử để chỉ huy cuộc lấn chiếm miền Nam Việt Nam với những quân đoàn, sư đoàn . . . xuất phát từ miền Bắc, để ào ạt thôn tính Việt Nam Cộng Hòa, và Thọ đã hoàn tất được mục tiêu vào tháng Tư 1975, để rồi sau đó, thống nhất đất nước dưới chế độ cộng sản.

Năm 1978, Thọ lại được cử để mở cuộc xâm lăng Căm Bốt,

xóa bỏ phe Khmer Đỏ thân Trung Hoa cộng sản để dựng lên chế độ Heng Samrin thân với Hànội.

Lê Đức Thọ, hiện được xem là lãnh tụ cộng sản thuộc phe cứng rắn và là một lý thuyết gia chủ yếu của cộng sản Việt Nam.

Đến năm 1986, tại Đại hội Đảng lần thứ sáu, Thọ và một số đảng viên lãnh tụ khác bị rút ra khỏi Bộ Chính trị, thay vào đó là các đảng viên thực tiễn, chấp nhận đổi mới kinh tế.

Thọ từ đó đóng vai cố vấn Trung ương Đảng, nhưng các nhà ngoại giao Tây phương cho rằng Thọ vẫn còn ảnh hưởng to lớn trong phe bảo thủ của đảng cộng sản Việt Nam.

Em trai Lê Đức Thọ là Mai Chí Thọ — người được xem là cùng chia sẻ quan niệm cứng rắn với anh — hiện là Bộ trưởng Nội vụ phụ trách An ninh quốc nội và cũng là ủy viên Bộ Chính trị.

Tham nhũng lan rộng tại Việt Nam

Tệ nạn tham nhũng, hối lộ, buôn lậu . . . hiện nay lan rộng hơn bao giờ hết tại Việt Nam, khiến người ta phỏng đoán rằng có đến 90 phần trăm các cơ quan nhà nước, đều dính líu ít nhiều đến các tệ nạn buôn lậu, tham nhũng hay hối lộ, tiêu cực!

Đọc các tờ báo của cộng sản, từ "Nhân Dân" cho đến "Quân Đội Nhân Dân", "Hànội Mới", "Sàigòn Giải Phóng", "Tuổi Trẻ", "Tiền Phong" . . . suốt nhiều tháng nay, không tờ nào và ngày nào, không đăng tải các cán bộ, đảng viên bất xứng ở tỉnh này hay thành phố kia, cơ quan nọ, bị truy tô hay khai trừ khỏi đảng, khỏi cơ quan, tổ chức, . . . mà chẳng cần giấu giếm như trước đây nữa!

Trong một bản tin của Đài Phát thanh Hànội, loan hôm 10 tháng Mười, người ta được biết đã có đến 2,800 đảng viên bị khai trừ khỏi chi bộ đảng tỉnh Hải Hưng, nằm sát Hànội về phía Bắc.

Nguyễn Văn Đặng, Phó Tổng biên tập tạp chí Cộng sản, cơ quan lý thuyết chính của đảng Cộng sản Việt Nam, nhìn nhận một cách đau lòng "Chúng tôi cần phải làm trong sạch đảng một cách khẩn cấp, để lấy lại uy tín cho đảng và hấp dẫn giới trẻ trở lại".

Nguyễn Văn Đặng, từng gia nhập đảng cộng sản Việt Nam, từ khi còn mang tên đảng Lao động hồi năm 1948, ước lượng trong cuộc phỏng vấn dành riêng cho hãng thông tấn Anh quốc "Reuter" hôm 12 tháng Mười tại Hànội như sau:

". . . Chắc phải tính đến con số hàng trăm ngàn đảng viên trong tổng số hơn hai triệu đảng viên của đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ khỏi đảng trong vòng ba hay bốn năm trở lại đây".

Đặng nhìn nhận tiếp:

"Tệ nạn tham nhũng đã làm cho uy tín của đảng cộng sản Việt Nam bị sa sút trầm trọng trong thời hậu chiến này".

Nằm trong "Chiến dịch chống tham nhũng làm trong sạch Đảng" được Hội đồng Nhà nước Hànội phát động qua nghị quyết 240, từ bấy lâu nay, tuy nhiên mới chỉ có một số "dê tế thần" được chọn ra mà thôi, đó là ba cán bộ cao cấp của Cục Dự trữ Lương thực Quốc gia (gồm Cục trưởng và hai Cục phó) và bốn cán bộ thuộc Ngân hàng Nhà nước Trung ương (Giám đốc và ba trong số năm phó Giám đốc của Ngân hàng này).

Các người này đều bị buộc vào tội "có những hành động quản lý sai lầm làm thất thoát tài sản xã hội chủ nghĩa".

Không biết rồi đây sẽ đến những con dê tế thần nào khác, bởi vì "chiến dịch chống tham nhũng làm trong sạch Đảng" vẫn còn tiếp diễn.

Các tin khác

* *Tổng thống Liên Xô M. Gorbachev* được trao tặng Giải thưởng Hòa bình Nobel 1990, do vai trò của ông trong các diễn tiến trong thời gian qua, đã chấm dứt Chiến tranh Lạnh, Giải phóng Đông Âu và giảm vũ khí nguyên tử Đông và Tây.

Loan báo tin này hôm 15 tháng Mười, Ủy ban Nobel Na Uy, quyết định trao giải thưởng 700,000 dollars cho vị lãnh tụ 59 tuổi này, cũng còn để ghi công ông đã cho phép cởi mở hơn ở quốc nội.

Khi hay tin mình được trao giải thưởng cao quý này, cũng là lần đầu tiên được trao tặng cho một lãnh tụ cộng sản, Gorbachev, phát biểu:

"Tôi không nói nên lời lúc này. Tôi thật xúc động".

* *Hànội lên án nặng* 38 kháng chiến quân, hôm 13 tháng Mười, nhân phiên xử của Tòa án Nhân dân Tối cao ở Hànội.

Các kháng chiến quân này, thuộc Mặt trận Thống nhất Giải phóng Quốc gia Việt Nam, đã từ Thái Lan, băng qua Lào, để tìm đường về miền Trung Việt Nam, đặt căn cứ kháng chiến, tuy nhiên khi đến Nam Lào, thì bị cộng sản Lào chận đánh và bắt được 38 chiến sĩ, sau khi có 30 chiến sĩ khác hy sinh, hồi cuối năm 1989.

Tòa án Lào đã tuyên án hồi đầu năm nay các kháng chiến quân này, trước khi chuyển giao lại cho cộng sản Việt Nam xét xử tiếp.

Chỉ huy toán kháng chiến này là anh Trần Quang Độ, 38 tuổi, cựu sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đã bị tuyên án tù chung thân.

Hai phụ tá của anh, bị tuyên án 10 và 20 năm tù ở, số còn lại bị tuyên án từ 3 đến 20 năm tù ở.

* *Nam Hàn sắp lập bang giao* với Hànội, qua lời loan báo hôm 12 tháng Mười của một viên chức trong chính phủ Nam Hàn.

Tin từ Seoul cho biết Nam Hàn và cộng sản Việt Nam sắp loan báo thiết lập bang giao trong một ngày gần đây và hai

nước sẽ có thể trao đổi đại diện ngoại giao trong vòng sáu tháng đầu của năm tới (1991).

Đài phát thanh Anh quốc BBC nhận định rằng "Nam Hàn, một đồng minh thân thiết của Hoa Kỳ, xem ra đang bắt chước Hoa Kỳ trong việc cải thiện các quan hệ với cộng sản".

* *Đài BBC hôm 15 tháng Mười cho biết* Lê Mai, thứ trưởng ngoại giao cộng sản Việt Nam, hiện có nhiều hy vọng nhất để được chọn làm Đại sứ đầu tiên của Hànội tại Washington, một khi Hoa Kỳ và Việt Nam trao đổi bang giao.

Lê Mai từng làm đại sứ của Việt Nam tại Thái Lan, mới đây đã đến New York để tham dự cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc và đã họp với thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ đặc trách về Đông Á và Thái Bình Dương, Richard Solomon hôm 20 tháng Chín tại New York.

Đài BBC cũng cho biết Lê Mai mới đây cũng đã có các cuộc họp với các đại diện của một công ty dầu hỏa Hoa Kỳ, trong khi có nhiều tin đồn cho biết Hànội vẫn sẵn sàng dành nhiều khu vực cho Hoa Kỳ đến thăm dò và khai thác dầu lửa tại Việt Nam.

* Hôm 20 tháng Mười, cộng sản Việt Nam loan báo một số biện pháp để đối phó với cuộc khủng hoảng xăng, dầu ở trong nước, bao gồm việc không nhập cảng xe hơi và xe gắn máy trong tam cá nguyệt cuối của năm 1990 và trọn năm 1991, khuyên nhủ cán bộ, viên chức chỉ sử dụng xe hơi và xe gắn máy trong trường hợp hết sức cấp bách, còn không thì nên đi xe đạp hay đi bộ; nên sử dụng than để thay thế dầu nấu nướng hay sưởi ấm . . . vì dầu đã bắt đầu khan hiếm và giá tăng gấp đôi trước đây. Hànội muốn dân chúng cắt giảm từ 10 đến 20 phần trăm mức tiêu thụ xăng, dầu hiện nay.

Kerry Waghorn/San Francisco Chronicle

Mikhail Gorbachev,
Giải Nobel Hoà Bình 1990

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

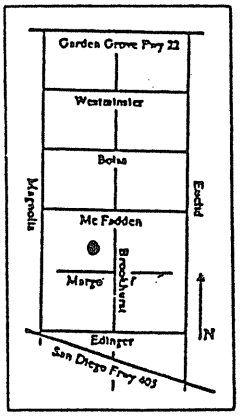

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

CHỮ VÀ NGHĨA

ĐỖ TỈNH
phụ trách

Nếu nợ là thuế thì mọi người sẽ . . . phá sản!

Đọc từ một quảng cáo của văn phòng luật sư Archer & Associates, P.C., đăng trên một bán nguyệt san ở Houston, Texas: *"PHÁ SẢN: * Quý vị không phải lo âu những con số nợ lớn hoặc nợ nhỏ. * Quý vị có thể không phải trả nợ thuế mà những năm trước còn nợ. * Quý vị không phải mất đi những tài sản quý giá đã bao năm quý vị gầy dựng như: Nhà, đất, xe, vật dụng trong nhà."*

Mẫu quảng cáo trên, ngoài những thiếu sót trong kỹ thuật dùng chữ, còn gây một hiểu lầm cho người đọc về phương diện luật pháp.

1- Chữ *phá sản* dùng một mình chưa đủ nghĩa. Phải thêm vào như là [Luật] Phá sản [sẽ giúp quý vị]:

2- Câu *"những con số nợ lớn hoặc nợ nhỏ"*. Ở đây có nghĩa là nhiều món nợ hay là một món nợ nhiều tiền? Thông thường, người ta nói "món nợ lớn, món nợ nhỏ, nhiều nợ . . .", ít ai nói "con số nợ . . ."

3- Câu *"quý vị không phải trả nợ thuế"*, chữ nợ thuế hoàn toàn sai trên phương diện luật pháp. Nợ không phải là thuế. Và ngược. Nợ (debt), được định nghĩa là một món tiền thiếu, sẽ trả trong một thời gian đã được cam kết với nhau trên văn tự (coi Black's Law Dictionary, hay là bất cứ một quyển tự điển luật nào về định nghĩa của chữ nợ). Trong khi thuế (tax) là một trách nhiệm mà chánh quyền gắn (impose) cho mỗi người, căn cứ vào lợi tức hàng năm của người đó. Thuế có nghĩa là nộp, cởi, lột ra, và không cần cam kết. Mình không có ký giấy thiếu nợ với chính phủ nhưng mỗi năm mình vẫn phải trả thuế — nếu mình làm có tiền. Bản chất quan trọng nhất của tiền thuế, là đó không phải là tiền nợ (coi vụ kiện The City of Newark v Jos. Hollander, Inc.).

4- Chữ *"quý vị không phải mất đi . . ."* Dĩ nhiên, nếu không ai lấy nhà, đất, xe của mình đi thì nó vẫn còn đó: Ý tác giả mẫu quảng cáo muốn nói là "quý vị không phải bị xiết nợ . . .". Xiết có nghĩa là nắm, lấy (không cho tự do nữa).

Hay là để chúng tôi gọi một luật sư khác? (NKP)

Nên lột da mặt chữ. . .

Đọc ở mục *"Sắc Đẹp Bạn Gái"*, đăng trên một tạp chí ở Houston, Texas: "[Nói về phương pháp căng da mặt] . . . Thí dụ như *thủ thuật căng da*

THÔNG BÁO CỦA HỘI Y SĨ VIỆT NAM TẠI PHÁP

Do sự vận động của Hội Y Sĩ Việt Nam tại Pháp (Medecins du VN). Chính quyền Pháp đồng ý cho nhập cảnh một số trẻ em vị thành niên, không có thân nhân đi theo (mineurs non accompagnés) đang ở tại các trại tị nạn Đông Nam Á, với điều kiện các em có họ hàng liên hệ ở Pháp.

Vậy Quý vị nào có con em ở trong trường hợp nêu trên, xin vui lòng liên lạc với địa chỉ sau đây để lập hồ sơ giúp các em sớm được sang Pháp định cư và học hành.

MEDECINS DU VIET-NAM
130 Boulevard Masséna Apt 3101, 75013 Paris, France

mặt (facelift) làm mất đi những vết nhăn . . . nó làm cho gương mặt có được một sự thay đổi rất nhẹ nhàng, mọi người chỉ thấy có sự *cải thiện về gương mặt* nhưng không thể biết được nguyên nhân vì sao, *trừ phi* đương sự nói cho biết . . ."

Đây là một trường hợp xài tiếng Hán-Việt quá xưa, và đôi khi không còn hợp thời nữa. *Thủ thuật* là một danh từ y khoa nói về phương pháp mổ xẻ ngoài da. Nhưng thời nay, còn được bao nhiêu bạn gái (muốn đi lột da mặt) biết được nguyên nghĩa của chữ này nữa. Dùng chữ "kỹ thuật căng da mặt" dễ hiểu hơn. Về chữ *cải thiện* có nghĩa là sửa lại cho tốt, đẹp, trong một ý nghĩa luân lý (như trong câu "cải ác vi thiện"). Ngày nay người ta không nói căng da mặt để cải thiện một khuôn mặt. Nên thay chữ cải thiện thành chữ "tăng nét thẩm mỹ". Còn chữ *trừ phi*: vẫn thường nghe chữ này trong văn nói: ý nói là trừ khi (nào) . . . Không thể nào thay chữ trừ phi cho chữ trừ khi trong văn viết được.

Trong thời đại "microwave oven" này, nếu mình có thể "căng da mặt" cho chữ nghĩa được, thì nên. Ngôn ngữ là phải trẻ trung với thời đại.

Huyễn và Huyền

Một vài tác giả đã xài lẫn lộn hai chữ *Huyễn* và *Huyền*. Một tác giả viết: "*Huyễn ảo quá, xác thân em khiêu vũ.*" *Một tác giả khác viết: "Cuộc đổ máu ở Việt Nam đã trường kỳ nhất, gay go nhất, huyền ảo* nhất."

Huyễn và huyền là hai chữ hoàn toàn khác nhau; huyễn, theo tự điển Hán-Việt, còn được đọc là ảo. Huyễn có nghĩa là chói lọi, hoa mắt, mê loạn, hư thực. Trong khi huyền có nghĩa là bí hiểm, khó biết được. Người ta viết huyễn ảo, huyễn hoặc, và huyền thoại, huyền bí (có bao giờ bạn thấy ai viết huyễn thoại đâu). Thi sĩ Đinh Hùng đã sử dụng chữ huyễn rất tài tình qua hai câu thơ: "Em *huyễn hoặc* nửa hồn xuân áo tím / Tuổi phượng hồng *hư thực* hỡi dung nhan." (NKP)

Tự do . . . thân thể

Đọc trên báo *Công An Thành Phố*, Sài Gòn số ra ngày 25 tháng Mười 89: "ông Lợi đánh vợ ông Mùi trước sở Công an phường 7, sau thời gian điều tra, quận 11 đã có lệnh khởi tố, và ngày 20 tháng Mười, tòa án nhân dân đã đưa vụ ông Lợi đánh người trái phép xét xử công khai để răn đe những kẻ *vi phạm quyền tự do thân thể của người khác.*"

Chúng tôi, "bồi thẩm đoàn nhân dân", đề nghị với tòa án nhân dân là nên truy tố ông Lợi về tội hành hung và đả thương bà vợ ông Mùi mà thôi. Vì ông Lợi *không có trói*, hoặc *bắt giữ* bà Mùi ở một chỗ để hành hung và đả thương! Chắc có lẽ "biện lý nhân dân" đã bắt tội sai. Một sự vi phạm quyền tự do thân thể chỉ xảy ra khi một người bị bắt giữ, giam cầm ở những trại cải tạo mà không bao giờ bị truy tố hay buộc tội, như chánh quyền của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đang làm, thì đó mới gọi là xúc phạm *quyền tự do thân thể!*

Dùng chữ Châm Chích coi chừng bị châm biếm!

Đọc trên bán nguyệt san *Tự Do*, Houston, Texas: (bài viết về nhạc sĩ Trung Cộng Hou Dejian, một nhạc sĩ đã dùng lời ca để chống lại chế độ dã man của Trung Cộng. Phần trích dưới đây là đoạn cuối của bài viết). "Do đó anh nhạc sĩ người chống đơn độc vẫn còn lại ở Bắc Kinh, mỗi ngày đi chọc 'bi da' và châm chích chính phủ."

Châm, nghĩa đen là cây kim (dùng để chữa trị, như trong nghĩa châm cứu), nghĩa bóng là răn, đe, sửa sai một điều gì. Châm thường dùng với biếm (chế, nhạo). Chích, tác giả dùng ở đây không có nghĩa gì cả: Chích là chiếc (một mình, đơn độc như trong nghĩa chiếc bóng). Giả định là tác giả viết sai chính tả — châm trích — thì chữ trích ở đây được sử dụng không hợp nghĩa lắm: trích, như trong nghĩa chỉ trích, phạt hoặc khiển trách. Mình chỉ có thể chỉ trích hoặc khiển trách một cách công khai (như trường hợp của nhạc sĩ Hou Dejian) khi mình có được thẩm quyền. Đoạn văn trên ngoài chữ châm chích, những chữ khác được dùng rất lạ: Rất ít người nói đi "chọc" bi da. Đi đánh, hoặc đi "thụt" bi da là câu thường được nghe hàng ngày. Câu văn trên, đọc đi đọc lại vẫn còn thấy là lạ làm sao!

Chữ và Nghĩa. Và Cú pháp!

Một nhà văn thời tiền chiến đã được nhắc tên nhiều lần ở các lớp luận văn: ông ta viết một câu văn 60, 70 chữ và không có một dấu chấm. Nhưng đó không còn là một kỷ lục nữa. Thử đọc một câu văn ở mục Thư Tòa Soạn trên *Văn Học* số 50 (tháng Tư 1990). "(. . .) có rất nhiều lý do gây nên sự chậm trễ, và một trong những lý do chính yếu là quá ít nhân sự trong ban biên tập, không những thế, bên cạnh tờ *Văn Học* phải lo thực hiện, anh . . . tổng thư ký còn đa đoan công việc của nhà xuất bản *Thời Văn* mà quý vị đã có dịp thưởng thức tuyển tập truyện ngắn của Trần Vũ trong kỳ tết Canh Ngọ vừa qua, cũng như song song với *Văn Học* số 50 này, nhà xuất bản *Thời Văn* sẽ gởi đến quý vị tác phẩm Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, một nhà văn trong nước, một tác phẩm làm rúng động chế độ mới phát hành trong vòng ba ngày đã bị tịch thu toàn bộ, và nghe đâu tác giả Trần Mạnh Hảo đã bị nhà cầm quyền bắt giam. (đã thở xong,) Quý vị muốn đọc tiếp một đoạn nữa không?

TRONG CÕI NGƯỜI TA

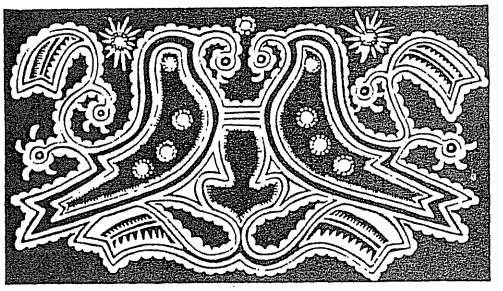

Tản Đà ngông như thế nào?

Thi sĩ Tản Đà nổi tiếng là ngông đối với người đương thời; ông không sợ vua quan, không sợ dân Tây, dân Tàu. Nhưng Tản Đà còn ngông cả đối với thần thánh nữa. Sau đây là một đoạn văn của Tản Đà, gởi thần núi Tản Viên, quê ông ở. "Bài Văn Đưa Ông Thánh Tản" này đề nghị ông thần núi Tản Viên... đi chỗ khác chơi; để cho cậu Ấm Hiếu lấy chỗ ở. Nguyễn Khắc Hiếu lấy núi Tản và sông Đà làm biệt hiệu. Không biết cụ có viết thư nào gởi Hà bá sông Đà chưa?

Sau đây là bài văn của Tản Đà:

Thờ thần là ý có hai lối: một là, thần ấy lúc còn sống, có công đức với dân, chết đi dân nhớ, cho nên kính trọng mà thờ. Hai là chốn dân ngu, tin nhờ bói toán; bảo thần ấy trước chết gần đấy; hay về làm ma quấy nhiễu dân, thời sợ mà phải thờ.

Núi Tản Viên là ngọn núi cao nhất trong tỉnh Sơn, thấy người ta đồn rằng, thần đó là một ông trong đám năm mươi con vua Lạc Long theo mẹ về miền núi. Nếu có phải ông, thời tôi nghĩ: lúc sống, ông cũng không có công đức gì với dân, thời ông càng không nên ở, nhược bằng làm ma quấy nhiễu dân, thời ông càng không nên ở. Và ông là con vua Lạc Long tổ nước Nam, thời các núi cao trong nước Nam còn nhiều, ông cũng không thiếu gì chỗ ở.

Tôi hiện là người tỉnh này, bi giờ hãy còn sống. Tôi có làm được một bài *Luận nói đạo bố con đời bi giờ;* một bài *Luận nói cách vợ chồng lấy nhau đời bi giờ;* một bài *Luận thằng người* (1), các bài khác còn nhiều, nhưng cứ ba bài này thời đã giúp luân thường, phong hóa, nhân cách cho dân một đời chú, thời cũng gọi là có công đức với dân, thời tôi nên ở. Tôi là người Sơn Tây, thời tôi càng nên ở. Tôi lại không có miếng đất nào, chết ở vào đâu, thời ông cũng nên bằng lòng để chỗ đó cho tôi ở. Chưa biết lúc nào phải cần đến, nhưng cũng xin nói trước ông biết, ông thu xếp đi chỗ khác cho.

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu

(1): Ba bài này đã in trong tập *Tản Đà tản văn,* Hùng Sơn xuất bản, 1942.

Thi sĩ bị cấm làm thơ

Tế Hanh, một nhà thơ tiền chiến ngày nay, vẫn còn nhớ mình được thành danh trong văn đàn là nhờ Tự Lực Văn Đoàn. Ông mới kể lại kỷ niệm năm 1940 được trao giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn.

Năm đó Tế Hanh 19 tuổi, mới thi rớt "Diplôme," trở về quê ở Quảng Ngãi để học thi lại khóa sau. Ở một làng quê hẻo lánh, có bữa ông coi tờ báo *Ngày Nay,* trong đó loan tin giải thưởng thơ được tặng cho hai người: Anh Thơ *(Bức Tranh Quê)* và Tế Hanh *(Nghẹn Ngào).* Tế Hanh viết thư cho tòa báo. Sau ông nhận được cái bằng khen ký tên tám tác giả thuộc Tự Lực Văn Đoàn và một lá thư riêng của thi sĩ giám khảo Thế Lữ. Được giải sướng vậy, nhưng cậu học trò không dám cho ai biết, sợ ông già la tội ham làm thơ đến độ thi hỏng. Tháng Chín năm đó thi lại, cậu đã đậu bằng Thành Chung.

Bây giờ Tế Hanh đã biết lo sợ các nhà thơ "mất tính nghệ sĩ quý báu đi, dễ thành một nhà thơ công chức." Nhưng suốt 40 năm qua chính ông ta làm công chức rất chăm chỉ của đảng và chính phủ Cộng Sản.

Được giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn cùng năm với Tế Hanh là Anh Thơ, quê ở Bắc Giang, bên bờ sông Thương. Thời nhỏ bà bỏ học sớm, ở nhà, vẫn làm thơ nhưng bị bố cấm.

Hai lần ông bố đánh đòn bà về tội làm thơ. Sau khi mẹ chết, bà phải lo mọi việc gia đình dù mới mười sáu, mười bảy tuổi. Một lần ông bố bắt được tờ báo đăng thơ của bà, mang về, vào bàn thờ khấn vái mẹ bà, xong rồi mới gọi bà ra mắng; và nói: "Con phải hứa với thầy, với linh hồn đẻ con! không được làm thơ, làm báo."

Khi nghe tin Tự Lực Văn Đoàn mở cuộc thi thơ, bà đã lén viết đủ một cuốn thơ để gởi dự thi. Ngày ngày đợi bố lên gác ngủ trưa, bà ngồi làm thơ dưới nhà, có chị người làm và các em canh, lúc bố dậy thì báo động. Trong vòng một tháng bà làm xong cả tập ba mươi bài thơ kịp gởi dự thi.

Năm đó Tự Lực Văn Đoàn không phát giải nhất, giải nhì, chỉ có hai giải khuyến khích đồng hạng cho Tế Hanh và Anh Thơ. Bà được mời lên Hà Nội lãnh giải và dự tiệc cùng tòa báo *Ngày Nay*. Đó là lần đầu tiên bà ăn mặc lối "tân thời", quần áo trắng, búi tóc chứ không vấn khăn, tay cầm "ví đầm", như một "cô gái Sàigòn." Giải thưởng là một phong bì đựng tiền. Khi trở về nhà bà đưa phong bì cho bố. Ông mở ra xem, trong có ba mươi đồng. Ông ứa nước mắt đưa lại cho bà dùng. Số tiền đó Anh Thơ đã dùng mua ống giã trầu cho bà nội, cái cặp da cho bố, cho mỗi em một cái mũ, nón, và bà may một cái áo dài lụa trắng — vì quần áo đi lãnh giải của bà là quần áo mượn. Chị Hai và chị Sen cũng được tặng người cái ví đầm, người cái quần láng. Số tiền ba mươi đồng như vậy là rất lớn; không biết ngày nay có giải thưởng thơ nào được như vậy không? *(Từ Bến Sông Thương,* hồi ký của Anh Thơ, Văn Học, 1986)

Tư bản làm ăn với Cộng Sản

Nước Tàu mở cửa. Tư bản Mỹ nhẩy vô làm ăn. Tưởng làm ăn to, hóa ra vỡ mộng. Jim Mann viết cả một cuốn sách kể chuyện xưởng làm xe Jeep của hãng AMC ở Bắc Kinh, để mô tả cảnh vỡ mộng.

Lương thợ Mỹ 20 đô la một giờ, lương thợ Nhật 12 đô la, thợ Tàu chỉ có 60 xu, rẻ quá. Nhưng vẫn không làm ăn kiếm lời được vì sao? Thứ nhất là chánh sách bóc lột . . . tư bản của các cấp hành chánh Tàu. Mắc một cái điện thoại đáng lẽ 20$ họ bắt trả 1,400$ (Mỹ). Thuế lợi tức 45%. Một chiếc xe Toyota giá 8,000$ họ bán giá 28,000$, gần gấp bốn. Tiền thuê khách sạn cũng cắt cổ.

Nhưng đó không phải là khó khăn chính. Hãng AMC muốn mua vật liệu phụ tùng ở ngoài nước Tàu, nhưng Tàu không cho ngoại tệ, vì họ không có.

Khó khăn hơn nữa là quan niệm về quản lý. Quản trị viên Mỹ nghĩ đến hiệu năng, lợi nhuận, sức sản xuất cao. Phía Tàu họ không có thói quen đó. Ông Mann dùng chữ "đồng sàng dị mộng."

Và hãng AMC cũng biết Tàu cho mở hãng xe Jeep để học kỹ thuật làm xe, bao giờ họ học thuộc bài họ sẽ tống cổ Mỹ đi. Đó là lời của Don St. Pierre, giám đốc người Mỹ.

Các hãng tư bản làm ăn ở Tàu từ 1980 đến nay đều gặp khó khăn tương tự. Họ không thể bán cho thị trường Tàu vì dân Tàu còn nghèo quá. Ngoại tệ của Tàu ít quá vì hàng xuất cảng của họ phẩm chất kém. Chánh sách kinh tế lại thay đổi theo chiều gió chánh trị. Sau vụ Thiên An Môn (tháng Sáu, 1989) chánh phủ Bắc Kinh đang quay về đường lối chỉ huy, tập trung cũ!

Trò Gorki: Không điểm luận

Làm nhà văn bạn đừng than thở rằng đời không hiểu mình, hay không hoan hô mình cho xứng đáng. Maxime Gorki là một nhà văn lớn ở Nga từ đầu thế kỷ này. Có bữa ông gặp ông em bé mười hai tuổi. Em bé nói: "Bác giúp cháu làm bài luận được không? Đầu đề khó quá."

Đầu đề như vầy: Bàn về vai trò của nước trong thiên nhiên và đời sống con người."

Quả là một đề tài khó. Viết cả cuốn sách cũng chưa nói đủ. Gorki hỏi cô bé thầy giáo dặn cô viết thế nào? "Thày bảo coi sách mà viết." Gorki mở sách của cô bé ra đọc, thấy toàn những lời văn và ý tưởng quá cao xa so với cô học trò mười hai tuổi. Ông bèn ngồi suy nghĩ, đặt mình vào địa vị một em bé mà suy nghĩ, để trình bày các kinh nghiệm trong đời sống của em hàng ngày, các ý nghĩ ngây thơ của em, không tìm cách bắt chước sách.

Lần sau Gorki gặp em bé, hỏi kết quả bài luận ra sao. Bài đó bị thày cho không điểm. Vì không giống trong sách. Ông thày này chắc sau phải làm quản giáo trại học tập cải tạo của Staline!

Một lần Maxime Gorki sang Mỹ du lịch và nói chuyện. Đến một thành phố ông thấy rạp hát đang quảng cáo trình diễn một vở kịch của ông. Trên tấm bích chương cổ động có viết: "Sau buổi trình diễn, tác giả Maxime Gorki sẽ lên sân khấu chào khán giả." Ông ngạc nhiên mua vé vào coi. Sau khi màn chót chấm dứt, quả nhiên có một người lên sân khấu chào khán giả, nhận những tràng pháo tay và hoa tặng của người ngưỡng mộ. Trông người đó giống hệt Maxime Gorki, nhưng trẻ hơn một chút. Ông ngạc nhiên tìm vào hậu trường, gặp Gorki giả. Hóa ra đó là một diễn viên chuyên đóng vai các tác giả để làm vui lòng người đi xem kịch.

Làm thế nào để ái mộ một nhà văn?

Mua sách. Đó là cách tốt nhất để tỏ lòng ái mộ một nhà văn. Mua thêm sách, để tặng thân bằng quyến thuộc.

Nhưng không phải ai cũng

có phương tiện để tỏ lòng ái mộ nhà văn như nữ hoàng Catherine nước Nga (trị vì 1762-1796) đối với Diderot, một nhà văn Pháp có tư tưởng chống đối chế độ quân chủ thời đó. Bà đã mời Diderot sang Nga để nuôi ông và cho ông tự do hoàn tất bộ *Bách Khoa*. Ông từ chối vì không muốn sống lưu vong. Nhưng việc nữ hoàng Catherine mời cũng giúp cho Diderot thêm uy thế, nhà cầm quyền Pháp phải nể nang ông hơn.

Năm 1765 nữ hoàng đề nghị mua tất cả thư viện của Diderot với giá cao. Nhưng ông Diderot vẫn được giữ tất cả sách vở, chỉ cần gởi, qua đại sứ Nga, cho bà biết danh mục các sách trong thư viện của ông. Không những trả tiền mua thư viện, bà lại còn thuê ông Diderot coi thư viện của ông cho bà, mỗi năm trả một khoản (1,000 liu) để nhà văn . . . dùng sách giúp nữ hoàng. Được ít năm, nữ hoàng muốn tiện việc sổ sách, đưa luôn nhà văn 50,000 liu để trả trước tiền công giữ sách cho 50 năm. Tủ sách và các bản thảo của Diderot hiện giờ ở Nga cả.

Năm 1773 nữ hoàng Catherine mời Diderot sang chơi, đàm đạo về triết lý và chánh trị. Khi nói chuyện, bà rất khâm phục kiến thức quảng bác và ý kiến cách mạng của ông, nhưng chỉ than phiền một điều. Ông nhà văn này cứ coi bà như bạn thân, vừa nói chuyện vừa vỗ đùi bà hoàng đôm đốp, đến nỗi bà phải viết thư than rằng: "nói chuyện với ông ấy xong đùi tôi thâm tím cả."

Không phải ai cũng có tiền và đùi để tỏ lòng ái mộ một nhà văn như bà hoàng Catherine. Vậy chúng ta có thể làm gì? Mua sách. Mua, đừng đi mượn, và đừng cho mượn nữa. Anatole France khuyên người ta rằng: "Đừng cho ai mượn sách, cho mượn là mất đấy. Hãy coi tôi làm gương. Tủ sách tôi toàn là sách đi mượn." K

Trống taiko Nhật Bản và nhạc phúc âm Tây phương

Hôi hạ tuần tháng Tám, trên đảo Sado cổ kính giữa biển Nhật Bản, Đoàn Đánh Trống *taiko* Kodo đã tổ chức một buổi hòa nhạc không nằm trong truyền thống của họ, với sự phối hợp giữa nghệ thuật đánh trống *taiko* của Nhật với nhạc phúc âm Tây phương.

Đây là lần đầu tiên những nhịp điệu quen thuộc của những chiếc trống Nhật xưa cổ được đánh lên xen kẽ với giọng ca vui tươi của một ban nhạc phúc âm đặc biệt từ Los Angeles tới.

"Quý vị đã chứng kiến hai thế giới hòa hợp với nhau mà từ bấy lâu nay từng là hai thế giới khác nhau và riêng rẽ nhau", đó là ý kiến của Patrisse Dawson, một trong sáu ca sĩ trong ban Love, Joy & Peace (Yêu thương, Hoan hỉ và Hoà bình) là ca đoàn được lập nên đã thực hiện những buổi hòa nhạc trên đảo Sado. Đây là một dịp để người ta cùng làm những gì mà trước kia chưa có ai làm".

Ban nhạc phúc âm này, được tập họp từ các ca sĩ của ba nhà thờ ở Los Angeles, đã mở những cuộc trình diễn riêng cũng như phối hợp với Đoàn Đánh Trống *taiko* Kodo. Trong dịp kỷ niệm thường niên Ngày Địa Cầu của đảo, đã có ít nhất là bốn ca khúc được phối hợp trình diễn như vậy, trong đó có một hòa tấu khúc kéo dài đến 20 phút do Đoàn Kodo và ban nhạc phúc âm thực hiện để kết thúc cuộc hội ngộ của âm thanh và nghệ thuật đặc sắc này vào một chiều cuối tuần trên đảo.

"Trong phúc âm xưa cũ, quý vị công nhận sự hiện hữu của trái đất, linh hồn, cõi thiên đường và tạo hóa", Patrisse Dawson phát biểu như vậy. "Trong ngôn ngữ của âm nhạc và trong nếp sống của con người thì trái đất, cõi thiên đường và bầu trời cũng được biểu hiện. Trước đây, khi chúng tôi gặp Đoàn Kodo ở Los Angeles, họ giải thích với chúng tôi rằng một số bản nhạc của họ là nhạc lao động, như những âm điệu họ sáng tác khi làm lụng ngoài đồng ruộng. Nhạc phúc âm thì cũng đã được cấu tạo trên cùng một căn bản như vậy thôi, nghĩa là được quan niệm như là một nguồn giải thoát cho những nô lệ da đen, hoặc như là một hứa hẹn rằng sẽ có ngày hết đi những nhọc nhằn và những xiềng xích của kiếp lao công".

Cuộc hòa nhạc không nằm trong truyền thống này phản ánh ước vọng hồi gần đây của 16 ca nhạc công của Đoàn Đánh Trống *taiko* Kodo muốn thỉnh thoảng thử nghiệm phối hợp nghệ thuật với các hình thức âm nhạc khác. Đoàn Kodo đã trình diễn chung với hai ban đại hòa tấu rồi, và hồi 1988, tay trống nhạc jazz Max Roach cũng đã trình diễn riêng với bộ phận đánh trống trong Đoàn cũng trên đảo Sado này. Nhưng cuộc hòa nhạc cùng với ca đoàn phúc âm Los Angeles đã đánh dấu lần đầu tiên, trong lịch sử 19 năm trình diễn của Đoàn Kodo, họ đã cùng hòa tấu với một nhóm các giọng ca.

ĐẤU CỜ TƯỚNG

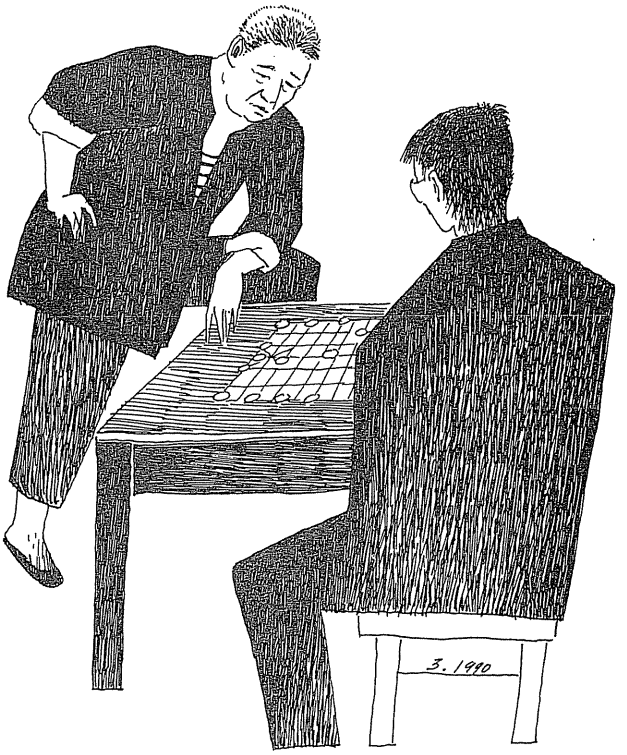

Kỳ 7

Câu chuyện về cuộc đấu cờ giữa tay vô địch Mã Kinh Lâm và ông Dương, được phóng tác từ tác phẩm của nhà văn Stefan Zweig vào hoàn cảnh Việt Nam chúng ta một năm nào đó sau 1975, để độc giả Việt Nam dễ tiếp nhận và thưởng thức.

Ông Dương là người đã bị cộng sản biệt giam ở Sàigòn, bị hành hạ tinh thần đến mức muốn phát điên. Ông có được một cuốn sách cờ tướng để giải trí và cưỡng lại cơn khủng hoảng thần kinh. Liệu ông Dương có thành công không? Những trang chót trong câu chuyện hấp dẫn của Stefan Zweig — qua phóng tác của Đỗ Quân Anh — sẽ trả lời cho câu hỏi trên.

"Họ thấy những người như tôi, không tham dự vào chính quyền, không cầm súng, nhưng có những hiểu biết về cách vận hành của một nền kinh tế tự do, biết những thủ tục, luật lệ của nền kinh tế bên thế giới tư bản, họ rất muốn khảo cho ra hết những điều họ muốn biết. Đồng thời họ cũng muốn chiếm đoạt các tài sản của các giáo hội, muốn lấy hết của chìm của nổi, để cô lập hóa và bần cùng hóa những tôn giáo, những dòng tu, tức là những địch thủ của họ về mặt ý thức hệ. Họ có trong tay giấy tờ, chứng cớ về các tài sản mà họ có thể tìm cách chiếm lấy. Ngay lúc mới vào thành, họ tìm bắt tôi ngay, trước khi tôi kịp trở tay.

"Vì thế với những người như tôi, họ không bỏ vào trại học tập, gom cả ngàn người. Họ có cách đãi ngộ đặc biệt. Chắc ngài cũng nghe nói đến số phận của mấy ông chủ tịch ngân hàng, viện hối đoái, không người nào bị bỏ vô trại cải tạo cả, họ bị nhốt vào những căn phòng trong

một cư xá rất tiện nghi, như khách sạn vậy. Tôi bị nhốt ở cao ốc Lê Lai, nơi mà Công An thành đặt trụ sở từ ngay hôm đầu.

Nhốt trong một căn phòng như khách sạn, nghe thì có vẻ nhân đạo quá, phải không? Nhưng ngài hãy tin tôi đi, họ đối xử như vậy là để áp dụng một chính sách rất là tinh tế, nhưng tinh tế không có nghĩa là nó nhân đạo hơn chút nào. Để áp đảo tinh thần mình, để mình phải tiết lộ hết những tin tức mà họ muốn khai thác, họ dùng đến một thứ áp lực tinh vi hơn là áp lực của đòn thù, của lao động kiệt lực, hay là lên lớp từ sáng tới khuya. Họ đặt mình vô trong cảnh cô lập tuyệt đối, tinh vi đến mức không lường được. Họ không làm gì chúng tôi cả — họ chỉ bỏ mặc cho chúng tôi phải đối diện với hư vô, vì thực sự ai cũng biết không có cái gì áp đảo tâm hồn người ta bằng cảnh hư vô. Bỏ tôi vào một cảnh sống trống rỗng hoàn toàn, nhốt tôi trong một căn phòng đóng kín với thế giới bên ngoài, họ đã dùng áp lực để bắt tôi phải mở miệng, thứ áp lực còn cứng rắn, mạnh mẽ hơn là tra tấn thể xác.

"Phải nói rằng căn phòng họ giam tôi không đáng phàn nàn điều gì. Nó có một cái giường, một cái ghế dựa, có chỗ rửa mặt, và cái cửa sổ có lưới sắt. Cánh cửa ra vào lúc nào cũng khóa kỹ, suốt đêm ngày. Không được phép có một cuốn sách, một tờ báo, một mảnh giấy hay cây bút nào. Cửa sổ thì nhìn ra một bức tường trống trơn. Chung quanh tôi là sự trống vắng lạnh lùng, tôi chìm ngập trong đó. Họ giữ luôn cái đồng hồ của tôi, để tôi không biết mình đang sống giờ khắc nào, không còn đo lường thời gian được nữa. Họ lấy mất cây bút để tôi không còn viết được gì nữa. Họ lấy cả con dao nhỏ bỏ túi, để tôi muốn cắt mạch máu cũng không được. Thuốc lá cấm hút. Tôi không được thấy một bộ mặt người nào, ngoài tên công an canh gác, và hắn thì rõ ràng đã được lệnh không nói một câu, nghe tôi hỏi cũng không được trả lời. Tôi không được nghe lấy một tiếng người.

"Tình trạng đó cốt để cho tất cả các giác quan của tôi không còn một đối tượng để tiếp xúc, khiến cho tôi hoàn toàn cô lập, cô độc tuyệt vọng đối diện với chính mình và mấy vật vô hồn: cái bàn, cái ghế, cái giường, cái cửa sổ, và chậu rửa mặt. Tôi sống như người thợ lặn ở trong cái lồng kính thả xuống đáy biển tối om; nhưng là một người thợ lặn cảm thấy sợi giây nối mình với chiếc tầu trên mặt nước đã bị cắt đứt, và mình không bao giờ ngoi lên khỏi chỗ đáy sâu câm nín này nữa. Tôi không có việc gì làm, không có gì để nghe, để nhìn, chung quanh tôi là nỗi hư vô chóng mặt, một cảnh trống rỗng không còn kích thước thời gian hay không gian. Tôi đi đi lại lại trong phòng, các ý nghĩ cũng đi qua, đi lại trong đầu, đi qua đi lại không ngừng, cứ một nhịp qua lại đều đều.

"Mà trong đầu của chúng ta, thì dù không có hình thể vật chất rõ rệt, các ý tưởng cũng cần một điểm tựa để mà suy nghĩ, nếu không chúng sẽ quay đảo điên cuồng không biết đến đâu thì ngừng lại. Các tư tưởng, cũng như giác quan, không thể chịu nổi cảnh trống rỗng hư vô. Cứ ở đó chờ đợi, sáng xong lại đến chiều, rồi đêm, vẫn không thấy gì hết. Chờ đợi, xong lại chờ đợi từ đầu. Vẫn không thấy gì hết. Chờ, chờ, chờ đợi, các ý tưởng cứ thế quay lộn, quay tròn ở trong đầu, cho đến lúc hai thái dương nhức nhối. Vẫn không thấy gì hết. Ở đó một mình. Một mình. Trơ trọi hoàn toàn.

"Tôi nhớ các vụ án nổi tiếng ở Mátcơva dưới thời thống chế Stalin. Năm 1936 là vụ Zinoviev, Kamenev, toàn là các đồng minh cũ của Stalin. Năm 1937 là mấy tay đệ tứ. Năm 1938 đến lượt những thủ túc như Bukharin, Rykov. Ai cũng ra tòa với các bộ mặt đờ đẫn, thú nhận hết các tội lỗi mà Stalin muốn gán cho họ, thành khẩn xưng tội, bị tuyên án, rồi đem bắn. Ở Việt Nam họ đã học được tất cả khoa học tâm lý hiện đại dùng để tước đoạt sức đề kháng tâm lý của con người. Chắc ngài cũng nhớ là thời gian xảy ra các vụ án của Stalin thì cụ Hồ ở Mátcơva mấy năm.

"Thế là họ giam tôi suốt cả tháng như vậy, một tháng trời tôi sống ngoài thời gian, ngoài không gian. Bên ngoài có đại chiến xảy ra chắc tôi cũng không hay biết. Thế giới của tôi chỉ gồm có một cái bàn, một cái ghế, cái giường, cửa sổ và cửa ra vào, và bốn bức tường để tôi nhìn mãi như một tờ giấy trắng, những hàng kẻ trên đó tôi cứ nhìn mãi đến mức như khắc sâu vào óc tôi.

"Sau cùng đến màn thẩm vấn. Họ có thể gọi mình lên bất kể lúc nào, ngày cũng như đêm. Họ dẫn mình đi qua những hành lang, quanh quất trong những ngõ ngách tối mù mờ chẳng biết đi đâu. Họ bắt mình đợi mỏi chân trong một phòng không có bàn ghế gì hết. Sau họ lại dẫn mình đi, tới một phòng với ba bốn ông mặc đồng phục ngồi sau cái bàn. Trên bàn là mấy chồng giấy tờ linh tinh, những hồ sơ trong đó có gì mình không biết; rồi họ bắt đầu hỏi, những câu hỏi thẳng, những câu hỏi mẹo để che dấu

một ý khác, hay để cho mình rơi bẫy. Trong lúc mình trả lời thì có người lật hồ sơ ra coi, mình cũng chẳng biết họ coi cái gì trong đó, và có người ngồi ghi biên bản, ghi cái gì mình cũng không biết nốt!

"Nhưng điều làm cho tôi nghi ngại nhất là tôi không biết họ đã dò thám được những gì về các thân chủ của chúng tôi, về các dịch vụ mà tôi thực hiện cho các thân chủ. Như tôi đã thưa với ngài, vào giờ phút chót chúng tôi đã đưa một số bằng khoán, giấy tờ mà các thân chủ đã phó thác cho chúng tôi, nhờ bà vú tin cẩn chuyển đến nhà ông chú. Không biết bà vú có đưa kịp hay không? Rồi còn cái ông thư ký nằm vùng nữa, ông ta đã ăn cắp được những tin tức nào? Họ đã biết thêm những gì sau khi đọc trộm các thư từ của tôi, hay là họ đã bắt giam cả những bà sơ ở nhà dòng, rồi moi lấy các tin tức? Họ tiếp tục đặt câu hỏi, hết câu này sang câu khác. Nhà Dòng đã nhờ chúng tôi mua những cổ phần nào? Tôi dùng các chương mục nào ở Genève, ở Hong Kong? Tôi có biết ông này không, ông kia không? Tôi đã nhận được thư từ ở những nơi nào tới, Zurich, Tokyo? Tôi không rõ là họ đã biết những gì và không biết gì, cho nên câu trả lời nào của tôi cũng nguy hiểm. Một câu nói vô tình của tôi có thể làm một người vô tội bị tống giam, bị hành hạ để rồi thì chỉ hại vào thân. Lương tâm nghề nghiệp không cho phép tôi phản bội thân chủ của mình, nhất là các tu sĩ. Nhưng liệu tôi cầm cự được trước bộ máy tinh vi của những người quyết tiêu diệt các ý thức hệ đối kháng với họ?

"Nhưng chuyện hỏi cung không phải là chuyện khó khăn nhất. Chuyện khó cầm cự nhất là khi tôi phải trở về với cõi hư vô, vẫn cái phòng đó, cái bàn, cái ghế đó, cái giường đó, và cái tường dán giấy đó. Bởi vì mỗi lần trở về phòng riêng, tôi lại quay cuồng với những ý nghĩ, lại nhớ lại những câu hỏi, câu trả lời, lại nghĩ đáng lẽ mình nên trả lời họ thế nào, và lần sau mình nên nói gì để họ khỏi nghi ngờ về một câu nói hớ lần trước. Tôi nhớ lại, đào sới từng chi tiết về những câu mình đã nói, tôi nghiền ngẫm những câu hỏi, câu trả lời, thử đoán coi họ đã ghi gì trong biên bản, nhưng biết rằng đoán cái gì cũng là vô vọng mà thôi.

"Nhưng mà những ý tưởng đó, một khi đã hiện ra trong đầu là chúng quay đi quay lại mãi, chúng nối kết với nhau cách này, lại đổi sang cách khác, ngay cả khi ngủ mê vẫn phải sống với các ý nghĩ quay cuồng đó. Thành ra ngay sau khi kết thúc cuộc hỏi cung, đầu óc tôi còn bị tra khảo nhiều hơn là lúc đối diện với các vị phán quan. Họ chỉ tra hỏi vặn vẹo tôi trong một vài giờ rồi đứng dậy, còn tôi thì tự tra khảo vặn vẹo mình mãi mãi không ngừng. Chung quanh tôi vẫn là cảnh cô đơn cùng cực, độc cái bàn, cái ghế, cái giường, tường dán giấy, cửa sổ trống trơn. Không có một thứ gì giúp tôi, thoát khỏi nỗi cô đơn khủng khiếp. Không một tờ báo, một cuốn sách nào, không có một khuôn mặt người nào, không một mẩu bút chì để ghi chép, một cái tăm để bầy chơi cũng không có. Tôi phải thú nhận rằng bọn thực dân ngày xưa, khi chúng bắt giam ông cụ thân sinh tôi vì tội liên hệ đến kháng chiến, tụi nó còn kém xa trong nghệ thuật tra tấn linh hồn người ta. Cái nghệ thuật này bây giờ đã được đưa lên đến một mức tinh xảo, chỉ các tay đao phủ chuyên giết linh hồn con người do Hitler và Stalin đào tạo mới nghĩ ra được mà thôi.

"Nếu bị giam vào trại học tập, tôi sẽ chịu đói, chịu lạnh chen chúc với hàng trăm người trong một cái nhà chật chội, sẽ đi làm rừng, đến chai tay hay đào đất, khuân vác đến khom lưng. Nhưng trong cảnh đó ít nhất tôi còn được trông thấy mặt người, lâu lâu còn được thấy một khoảng trời xanh, cây cối, một vì sao, thay đổi mỗi ngày, thay vì là cái phòng bất động, bất biến, trơ trọi này. Trong cảnh đó tôi không thể nào trốn thoát được cái tư tưởng đang nhảy nhót trong đầu, không thoát được cái trí tưởng tượng điên rồ, cái trí nhớ bệnh tật nó nhắc đi nhắc lại này. Mà đó chính là tình trạng mà các tay đao phủ muốn tạo ra — muốn tôi cứ lập đi lập lại các ý tưởng của mình đến mức nghẹn thở, để cuối cùng chỉ còn nước là khạc nó ra, nhổ ra cho rồi, thú nhận hết, tiết lộ hết các bí mật nghề nghiệp, phản bội các người đã tin tưởng mình, báo cáo tất cả các tin tức mà các phán quan muốn biết. Tôi biết rằng thần kinh tôi bắt đầu nhão ra dưới áp lực của tình cảnh đó, tôi đã dùng hết sức kháng cự, chỉ tiếc hồi xưa không tập yoga hay tập thiền để có được nghề thuật làm chủ cái đầu mình.

Để cho đầu mình có việc làm, tôi cố nhớ lại, đọc lại những bài mình đã học thuộc lòng trước kia, từ các bài tập đọc và học thuộc lòng, các bài hát hồi tiểu học, những bài giảng văn lấy trong truyện Kiều, thơ Nguyễn Công Trứ, rồi cả đến các bộ luật hình, các điều luật tài sản v.v . . . Rồi tôi thử làm toán, lấy một con số nhân với một số khác, rồi lại chia cho một số khác nữa. Nhưng trong cảnh trống rỗng, tôi không thể để tâm vào một cái gì cả, không thể tập

trung sự suy nghĩ vào đâu cả. Chỉ có một ý tưởng cứ len lỏi mãi trong đầu: Họ đã biết những gì? Hôm qua mình nói câu gì nhỉ? Lần sau mình nên nói ra sao?

"Tôi sống trong tình trạng như vậy bốn năm tháng dòng. Nói thì nghe rất nhanh. Chỉ một phần tư giây đồng hồ là mình nói đủ ba tiếng: bốn, năm tháng. Viết ba chữ là xong. Nhưng làm cách nào để mô tả, để diễn đạt, ngay cho chính mình, một cảnh sống không còn mốc thời gian và không gian? Không ai có thể nói được cảnh cô lập ở giữa hư vô nó sẽ gậm nhấm, hủy hoại tâm hồn mình thế nào; cái cảnh bàn, ghế, giường, cửa sổ nhìn ra một bức tường trơ trụi và im lặng, cứ như vậy ngày này qua ngày khác nó sẽ ảnh hưởng tới mình ra sao; rồi lại thêm cái anh lính gác, ngày ngày mang thức ăn cho mình, để xuống bàn, không thèm cả ngó vào mặt thằng tù lấy một cái. Những ý nghĩ cứ lập đi lập lại trong đầu, quay lộn trong cảnh trống rỗng, chung quanh nỗi cô đơn đang dần dần biến thành điên dại này.

"Những dấu hiệu đáng lo ngại xuất hiện, làm cho tôi thấy mình có triệu chứng suy nhược thần kinh. Lúc đầu thì đầu óc tôi còn tỉnh táo khi gặp mấy tay công an chấp pháp, tôi trả lời các câu hỏi một cách bình tĩnh, có suy nghĩ; tôi còn có thể suy xét coi nên nói gì, không nên nói gì. Bây giờ thì nói một câu ngắn ngủi tôi cũng lắp ba lắp bắp, vì trong lúc miệng nói, mắt tôi lại nhìn chăm chăm vào ngọn bút của người thư ký ghi biên bản, như thể bị nó thôi miên, như là tôi đang muốn chạy vội chạy vàng đuổi theo những lời mình nói và đang được ghi lại kia. Tôi thấy rõ sức đề kháng của mình yếu dần, và càng ngày càng tới lúc mình sẽ quỵ, sẽ đầu hàng, sẽ nói hết những điều mình biết, để thoát khỏi cảnh trống rỗng hư vô này, mình sẽ phản bội những nhà tu hành đã từng đặt tin tưởng vào lương tâm và trách nhiệm của mình, tất cả chỉ là để được tha khỏi cảnh tra tấn tinh thần này mà thôi.

Cái giây phút suy sụp đó, một buổi tối, đã tới. Người gác tù mở cửa mang thức ăn vô. Lúc hắn vừa quay đi tôi vội kêu lên lắp bắp như nghẹn thở: "Dẫn tôi đi, cho tôi gặp mấy ông Công An đi, tôi, tôi sẽ nói hết, giấy tờ gì, ở đâu, tiền bạc của ai, ở đâu, tôi sẽ khai hết, khai hết!" May mắn là tên gác tù này điếc không nghe thấy, hay là hắn không được lệnh nghe gì hết. Tình trạng của tôi đã đến lúc cùng cực, cho đến một bữa, một chuyện bất ngờ xảy ra, nó cứu vãn tôi, ít nhất là trong một thời gian. Bữa đó là một ngày ảm đạm vào cuối tháng Tư. Tôi nhớ rõ, vì đêm đó trời mưa tầm tã, nước mưa hắt vào cửa sổ, tôi phải che cửa lại, và tôi nghe thấy tiếng mưa ào ào khi họ dẫn tôi qua các hành lang đi thẩm vấn. Họ cho tôi đứng đợi ở một cái phòng mới, chắc ở gần lối vào cao ốc. Lần nào thẩm vấn họ cũng bắt mình đứng đợi chồn chân, cái đó cũng là một phần trong chương trình hành hạ tinh thần mà các kỹ sư tâm lý của thống chế Stalin đã soạn thảo. Đầu tiên là họ tới đánh thức mình dậy lúc giữa đêm, cho thần kinh của mình bị đảo lộn; rồi lúc mình tỉnh táo lại, cố gắng lấy bình tĩnh, suy nghĩ, mình lấy lại sức mạnh và nghị lực để sẵn sàng đối phó với đội thẩm vấn, thì họ cho mình đứng đợi, một giờ, hai giờ, ba giờ trước khi kêu mình vô; một cách để đập cho mình nhừ ra, cả thể chất lẫn tinh thần. Tôi đã đứng chờ đợi như vậy suốt mấy giờ, đêm hôm đó, đứng chờ đến mỏi cả hai chân — vì họ cấm ngồi xuống đất — hai mắt tôi nhìn vào tấm lịch treo trên tường, và tôi đọc những hàng số trên đó, để có một cái gì cho đầu óc suy nghĩ; cũng vì vậy tôi biết lúc đó là vào tháng Tư.

Đọc chán rồi tôi lại nhìn cánh cửa, đầu tự hỏi nó sắp mở ra chưa; rồi tôi nhẩm lại những câu hỏi mà tôi nghĩ họ sẽ có thể đặt ra, cứ nhẩm lại cho đầu có việc làm, chứ thực sự tôi biết họ không bao giờ đặt những câu hỏi mà mình chuẩn bị hết. Nhưng phải nhận rằng dù phải đợi chờ, lo lắng, dù cẳng mỏi rã rời, nhưng được đổi sang đứng ở một căn phòng khác vẫn còn hơn là cứ ở trong phòng giam của mình. Phòng đợi này rộng hơn, có hai cửa sổ, không có giường, không có chậu rửa mặt, và những bức tường không dán cùng một thứ giấy như trong phòng tôi. Sàn nhà cũng dùng thứ gạch khác, mấy cái bàn, ghế cũng khác, bên trái cửa ra vào có một cái tủ đứng, trong để mấy xấp giấy tờ, rồi đến cái mắc áo treo ba bốn cái áo mưa nhà binh có cái còn ướt sũng, chắc là của các vị đao thủ quý mến của tôi, hay của người lính canh gác tôi, lúc đó đang ngồi như ngủ gật trong phòng.

(Kỳ sau tiếp)

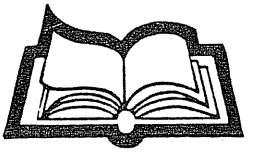

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY tản mạn của HOÀNG NGUYÊN NHUẬN Thanh Văn xuất bản. Sách dày 294 trang. Đề giá 13 MK.

Tản Mạn là cách gọi của người đọc cuốn sách với một chuỗi đề tài khô khan nhưng vô cùng hấp dẫn này. Trong *Lời Giáo Đầu*, tác giả khiêm tốn thú nhận: "Tôi không phải là kẻ hay suy nghĩ bằng ngòi bút, và lại càng không phải là kẻ sống nhờ ngòi bút . . . không phải vì ngứa cổ hát chơi hoặc ham phiêu lưu thách thức mà chỉ vì ước vọng giải nghiệp . . . Viết cũng là một cách trả nợ.

Tập sách nhỏ này thu nhặt một số chứng từ lần rấp ranh trả nợ đó . . ."

Từ Chốn Lưu Đày gồm những bài viết được ký dưới nhiều tên khác nhau: Tùy Anh, Giới Tử, Phong Trang, Hoàng Nguyên Nhuận, xuất bản dưới những ngày tháng đáng ghi nhớ trong năm.

Địa chỉ liên lạc:
NXB Thanh Văn
P.O. Box 411723
Los Angeles, CA 90041

THƠ BÙI GIÁNG, Việt Thường xuất bản tại Montreal, Canada. Sách dày 216 trang, đề giá 12 MK.

Nhóm Việt Thường ở Canada gồm tám văn nghệ sĩ: Luân Hoán, Phạm Nhuận, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Bắc Phong, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Quý Toàn, Lê Quang Xuân.

Tập sách gồm 100 bài thơ ngắn của một tác giả rất quen thuộc.

Địa chỉ liên lạc:
Việt Thường
P.O. Box, Station Place d'Armes
Montreal, Québec,
H2Y-3H3
Canada

TRƯỚC MẶT SAU LƯNG, NHỮNG NGÀY THÁNG Tạp ghi của PHẠM ĐỖ THĂNG LONG. Tác giả xuất bản. Sách dày 160 trang. Không ghi giá.

Trước mặt sau lưng, những ngày tháng là cuốn sách ghi chép những ý nghĩ vụn, những cảm xúc bất chợt đến với tác giả trong khoảng thời gian 25 năm, từ ngày mới tập viết luận văn trung học nơi quê nhà cho đến nay trải qua nhiều chân trời khác, xứ sở khác. Một số bài trong tập sách này đã được Phạm Đỗ Thăng Long gửi đăng trên mục *Tạp Ghi* nhật báo Người Việt.

Tập sách của những kỷ niệm và những đoạn đường.

SỢI CHỈ TRONG HỒN, truyện của NGUYỄN Ý THUẦN, Thời Văn xuất bản. Sách dày 324 trang. Đề giá 13 MK.

Các sáng tác của Nguyễn Ý Thuần bắt đầu xuất hiện trên báo chí hải ngoại vào năm 1985. Bốn năm sau, ông cho in tập truyện ngắn đầu tay: *Tối tháng Năm tại quán ăn đường Fifth* (nhà xuất bản Văn Nghệ). Cuốn *Sợi chỉ trong hồn* là truyện dài thứ nhất của Nguyễn Ý Thuần như một nỗ lực dài hơi đầu tiên của ông.

Cần mua sách xin liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683.

ĐI, tập truyện của NGUYỄN XUÂN QUANG, Á Mỹ xuất bản. Sách dày 274 trang. Đề giá 15 MK.

Nguyễn Xuân Quang, là một trong những nhà văn hải ngoại có sức viết đều đặn. *Đi*, một thể loại du ký được viết dưới dạng truyện ngắn, là tác phẩm mới nhất của ông sau *Những mảnh đời tị nạn*.

Nghệ thuật viết truyện ngắn của Nguyễn Xuân Quang khá lôi cuốn, đặc biệt là những truyện có liên quan đến y học.

MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC / SYLVIE SOUVENIRS DUVALOIS của GERARD DE NERVAL. BÙI GIÁNG giới thiệu và dịch. An Tiêm xuất bản. Sách dày 86 trang. Đề giá 6 MK.

Dù bất cứ thể loại nào (thơ, truyện, biên khảo) của bất cứ tác giả nào (Anh, Pháp, Đức ...) khi qua ngòi bút của Bùi Giáng, tác phẩm ấy mang đầy tính chất Bùi Giáng. Hoàng Tử Bé của St.-Ex, Ngộ Nhận của Albert Camus . . . là của Bùi Giáng hơn là của St.-Ex hoặc A. Camus. Chỉ trong mùa xuân 90, nhà An Tiêm đã xuất bản ba cuốn: Đọc Kinh của Vũ Khắc Khoan, Hoàng Tử Bé của St.-Ex, và giờ đây Mùi Hương Xuân Sắc của Gerard de Nerval.

Những cuốn sách của An Tiêm luôn luôn là những cuốn sách đẹp và giá trị. Ba cuốn vừa nói trên đều là tập sách mỏng, trên dưới 100 trang. Nhưng đó lại là những tác phẩm không thể thiếu trong tủ sách của các bạn.

Thư từ và tác phẩm xin liên lạc:

34 rue Alphonse Melun
94230 Cachan - France
hoặc 1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại (213) 559-0413

NGÀY PHẢI ĐẾN, Thơ DU MIÊN Bách Khoa xuất bản. Bìa Hạ Quốc Huy, phụ bản Bé Ký - Hồ Thành Đức. Sách dày trên 100 trang. Đề giá 10 MK.

Tập thơ *Ngày Phải Tới* tràn đầy niềm lạc quan và tin yêu

Chờ từ bấy lâu nay mới thấy em mỉm cười

. . . . . .

Ta xin nụ cười em
bắt đường lên hy vọng
(Khơi lại nguồn sông)
Mẹ rồi sẽ vui, mẹ sẽ rất vui
đưa tay run run, vừa mếu vừa cười
ngày ta mong đây, đây ngày sẽ tới
thật hết trơn rồi hầm hố cách ngăn

(Ngày mới trong vòng tay mẹ)

Một tập thơ tràn đầy tình tự quê hương dân tộc và tự tin.

Địa chỉ liên lạc:
NXB Bách Khoa
P.O.Box 2317
Westminster, CA
(714) 531-4953

GÃ CÙI VÀ MIẾNG DỪA NON, Tạp ghi, Tuyển truyện của TRẦN NGHI HOÀNG, TRẦN THỊ BÔNG GIẤY Văn Uyển xuất bản. Sách dày 230 trang. Đề giá 12MK.

Những bài viết ngắn chứa đựng những suy nghĩ siêu vượt. Một nỗ lực lớn của những ngòi bút dịu dàng

Địa chỉ liên lạc:
Văn Uyển
P.O.Box 1882
San Jose, CA 95109
(408) 288-8869

SỬA SOẠN CHO MỘT VIỆT NAM HẬU CỘNG SẢN. Khảo luận chính trị, KHUẤT PHONG NGUYỄN ĐÌNH PHÙNG Nguồn Ý xuất bản. Sách dày 226 trang. Đề giá 12MK.

Tập khảo luận gồm những bài viết về những vấn đề đang và sẽ xảy ra cho quê hương trong giai đoạn hậu cộng sản. Ngoài những bài trên, tập sách còn có những bài viết về chính trị thế giới, và một số bài viết về kinh tế, xã hội.

HẠNH PHÚC LÀ VIÊN MÃN YÊU THƯƠNG, sách của CAO TẤN TĨNH, CAO-BÙI xuất bản. Sách dày 154 trang. Đề giá 8MK.

Một tập sách viết về hạnh phúc và tình yêu với những từ ngữ triết học.

LẠC LỐI THIÊN ĐƯỜNG, Tuyển tập Truyện ngắn MẶC BÍCH NGUYỄN ĐÌNH PHÙNG, Nguồn Ý xuất bản. Sách dày 214 trang. Đề giá 10MK. Tập truyện dễ thương của những người yêu nhau. Địa chỉ liên lạc:

2905 Milam Street,
Houston, Texas 77006
(713) 524-5652

ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI, Hồi ký của HOÀNG LIÊN, Văn Nghệ xuất bản. Sách dày 578 trang. Đề giá 23 MK. Đây là cuốn hồi ký của người đại diện chính phủ VNCH tại Trung nguyên Trung phần bị cộng quân bắt trong cuộc tấn công vào thị xã Huế năm Mậu Thân.

Hồi ký là một thể loại văn học được sản xuất nhiều nhất trong sinh hoạt chữ nghĩa Việt Nam sau 1975.

Theo nhà văn Võ Phiến, người viết tựa cho cuốn *Ánh sáng và Bóng tối* thì cuốn hồi ký của Hoàng Liên "có phong cách của một tác phẩm nghệ thuật chứ không phải chỉ là một sưu tập tài liệu".

Địa chỉ liên lạc:
NXB Văn Nghệ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI, Sự tích Đức Phật, VÕ ĐÌNH kể chuyện và vẽ tranh, Văn Nghệ xuất bản. Sách khổ đặc biệt. Dày 100 trang. Ông Võ Đình là người kể chuyện giỏi và vẽ cũng giỏi.

Địa chỉ liên lạc nhà xuất bản như trên.

CHO RỰC RỠ EM, TRẦN THỊ DIỄM PHÚC, Thế Giới xuất bản. Thơ thay lời tựa của Hoàng Anh Tuấn. Bìa Khánh Trường. Sách dày 180 trang. Đề giá 10MK.

Địa chỉ liên lạc:
NXB Thế Giới
P.O.Box 813
Midway City, CA 92655

TRI ÂM, Thơ LƯU NGUYỄN, Sông Thu xuất bản. Sách dày 110 trang. Đề giá 8MK. Bìa Nguyên Khai Luân Hoán đề tựa.

Địa chỉ liên lạc:
NXB Sông Thu
9129 E. Valley Blvd.
Rosemead, CA 91770
(818) 286-9798

Tạp chí

CHÍNH KHÍ, Cơ quan ngôn luận của Liên đảng Cách mạng Việt Nam, số 4 - 4869 Việt lịch - 08/90 Tây lịch. Tạp chí do Trung ương Học xã LĐCMVN thực hiện. Báo do Chu Chi Nam, Đinh Hoàng Long, Chu Nguyên Vũ, Lý Dung Hóa, Bùi Văn Súy chủ biên.

Địa chỉ liên lạc:

Hoa Kỳ P.O.Box 27213, Santa Ana, CA 92799.

Gia Nã Đại 373 Driftwood Ave., Downview, Ont, M3N 2P6, Canada

Âu Châu 1 Rue Abraham Lincoln, 92220 Bagneux France

Báo dày 120 trang, không đề giá.

HOA SEN, tạp chí nghiên cứu văn học và sáng tác số đặc biệt: Vu Lan 2534 tháng Chín và Mười 1990. Chủ bút: ĐĐ Thích Pháp Châu.

Địa chỉ liên lạc:

12292 Magnolia St.

Garden Grove, CA 92641

(714) 534-7263

Báo dày 150 trang, đề giá 3MK.

CANH TÂN, tạp chí Thời sự, Văn học Nghệ thuật Đời sống, số 4 tháng Mười, 1990.

Báo in đẹp. Bìa và trang trong giấy tốt nhiều màu.

Báo dày 84 trang. Đề giá 3MK.

Địa chỉ liên lạc:

Ô. Trần Quang Lân

1685 Branham Ln #134

San Jose, CA 95118

(408) 978-0539

PHỤ NỮ DIỄN ĐÀN nguyệt san chính trị, thời sự văn học, giáo dục, xã hội, phụ nữ số 80.

Báo do Chử Bá Anh làm chủ bút

Dày 154 trang. Đề giá 5MK

Bài vở gửi về:

Mr. Chử Bá Anh

P.O.Box 10638

Burke, VA 22015

(703) 425-1751

BẤT KHUẤT, nguyệt san văn hóa thời sự chính trị số 4, tháng Bảy, Tám và Chín 1990.

Thư ký tòa soạn: Gia Du

Địa chỉ liên lạc

P.O.Box 110 Lakemba

NSW 2195 Australia

Báo dày 100 trang. Đề giá 3 Úc kim

HỒN VIỆT số 85 tháng Mười 1990. Chủ biên Ngọc Hoài Phương. Báo quán

14541 Brookhurst #A-4B

Westminster, CA 92683

(714) 839-5844

Báo dày 90 trang. Đề giá 2.50MK.

HOÀI BÃO QUÊ HƯƠNG, tập san nghiên cứu chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, văn học. Số 4 tháng Chín 90. Đệ nhất Chu niên. Tổng hội cựu sinh viên Quốc gia Hành chánh chủ trương. Báo dày 220 trang. Đề giá 2.5MK.

Địa chỉ liên lạc:

P.O.Box 5851

Springfield, VA 22150

(703) 866-9784

SÓNG tạp chí chính trị văn học nghệ thuật, phát hành mỗi đầu tháng. Số 101, tháng Mười 1990.

Nguyễn Tăng Chương, chủ nhiệm kiêm chủ bút.

Báo dày 126 trang. Đề giá 3MK.

Địa chỉ liên lạc:

P.O.Box 317 Station H

Toronto, Ontario

M4C5J2 Canada

LIÊN HỘI, tạp chí xây dựng cộng đồng và Văn học Nghệ thuật. Tiếng nói của Liên hội người Việt Canada.

Chủ bút: Nguyễn Hải Bình.

Địa chỉ liên lạc:

Case postale 115

Succursale Côte-des-Neiges

Montreal, Quebec, Canada

H3S2S4

(819) 565-2793

(514) 738-2585

Sách dày 88 trang. Không đề giá.

Hộp thư tòa soạn

Thế Kỷ 21 vừa nhận được sáng tác của các bạn dưới đây. Rất cám ơn sự hợp tác quý báu của các bạn. Tùy trường hợp chúng tôi sẽ có thư riêng. Xin lưu ý bài các bạn nên viết trên một mặt giấy. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo.

Đan Quế. Mai Hà. Trương Ái Minh. Hoài Thương. Hoàng Minh Tường. Nguyễn Thanh Giản. Châu Trang. Luân Lưu. Nguyễn Mạnh Đan. Đoàn Phương. Trần Chí Thiện. Việt Thường. Nguyễn Văn Khoa. Quỳnh Hoa. Lê Huy. Nguyễn Ngọc Bằng. Nguyễn Văn Ngọc. Hà Ngọc Cứ. Thành Tôn. Thái Ngọc Tân. Lê Văn Ngô. Trần Ngọc. Hồ Nam Bửu. Lê Ngữ Tôn. Phạm Thị Bích. Vũ Quân Khanh. Trần Thiện Hòa. Phạm Liên Thành.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÒA, MA — Cuốn truyện dài của Nguyễn Mộng Giác đang "lên khuôn". Sông Côn Mùa Lũ sách dày gần bằng tập *Mùa Biển Động*.

Ngô Đình Trúc, VA — Tập truyện *Căn Nhà Ngói Đỏ* của Nguyễn Xuân Hoàng do Văn Nghệ xuất bản. Tác giả *Người Đi Trên Mây* nói rằng *Căn Nhà Ngói Đỏ* chớ không phải *Ngôi Nhà Ngói Đỏ*.

CÔ TRẦN VÂN MUỘI, PA — Chúng tôi đã gửi thư riêng đến cô. Nhà văn Kiệt Tấn hiện ở Pháp. Ông Lê Tấn Lộc anh của Kiệt Tấn hiện ở Canada.

MỤC LỤC CHỈ DẪN

THẾ KỶ 21

Từ số 16 đến số 18

A

Anh Tư Lý ở Sàigòn, *Hồi ký NHÃ CA, 16*, 38-41

Ảo tưởng và thực tế qua một vài tác phẩm của văn chương phản kháng trong nước gần đây, *Tiểu luận*, NGUYỄN VĂN SÂM, *17*, 71-78

B

Bức tường chưa sụp hẳn, *Bình luận*, HOÀNG LINH, *16*, 23-26

Bush hồi sinh "Adam . . . Vẹm", *Hí họa*, GÚC, *17*, 21

Bài hát, *Thơ* LEONARD COHEN, NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch, *17*, 47

C

Chiến tranh và vấn đề nhân quyền ở Cam Bốt, *Bình luận*, SIDNEY JONES, TRỊNH Y THƯ dịch, *16*, 27-35

Chuyện đời, *Thơ* TENNESSEE WILLIAMS, NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch, *16*, 37

Cầu cứ những vì sao, *Truyện*, TRẦN SA, *16*, 50-58

Cô giáo văn, *Truyện*, MAI KIM NGỌC, *17*, 26-38

Con chó và nhà đô vật, *Thơ* ĐỖ KH., *17*, 60

Căn nguyên cơn cuồng nộ của người Hồi giáo, *Biên khảo*, BERNARD LEWIS, ĐẶNG HOÀNG dịch, *18*, 20-30

Có một mùa hè, *Thơ*, NGUYỄN THỊ MINH THỦY, *18*, 45

Chiều hướng bình thường hóa bang giao vẫn tiếp diễn . . . TSTQ, LÊ THỤY, *18*, 85-87

D

Dòng sông tôi, *Thơ*, TRỊNH Y THƯ, *16*, 62

Đ

Đối thoại Hoa Kỳ - CSVN, TSTQ, LÊ THỤY, *16*, 79-82

Đấu cờ tướng, *Truyện dài*, ĐỖ QUÁN ANH, *16*, 83-85

Đối thoại với bom nguyên tử, *Tạp bút*, VÕ PHIẾN, *17*, 11-14

Đổi mới, *Hí họa*, VẸT, *17*, 15

Đồng nhất và là một, *Chữ và Nghĩa*, ĐỖ TÍNH, *17*, 87

Đấu cờ tướng, *Truyện dài*, ĐỖ QUÁN ANH, *17*, 88-89

Dưới ánh mặt trời, *Truyện*, VI KHUÊ, *18*, 32-35

G

Gửi bầy én ở Capistrano, *Thơ* BÙI BẢO TRÚC, *16*, 67

Gái hư, *Truyện* PERRI KLASS, NGUYỄN KHANH dịch, *17*, 58-62

Gai hồng, *Truyện*, NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG, *18*, 52-57

Giới thiệu hồi ký Ánh Sáng & Bóng Tối, *Giới thiệu sách*, VÕ PHIẾN, *18*, 82-84

H

Hiện tượng Nguyễn Đan Quế, *Bình luận Thời sự*, NGUYỄN HỮU CHUNG, *16*, 13-15

Hai bộ mặt của Châu Âu, ADAM MICHNIK, ĐẶNG HOÀNG dịch, *Bình luận, 16*, 20-22

Hội nghị các nhà văn thế giới tại Cali, *Tường thuật*, NEROLI LAWSON, NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG dịch, *17*, 63-65

Hãy ngưng . . . chống Cộng, *Bình luận Chính trị*, NGUYỄN HỮU CHUNG, *18*, 13

Hiện tình chính trị Việt Nam và triển vọng trong những năm tới, *Bình luận Chính trị*, LÊ MẠNH HÙNG, *18*, 16-18

I

Iraqophobia, *Hí họa*, GÚC, *17*, 21

K

Không lời, *Hí họa*, KÚM, *16*

Khe núi, *Thơ* VŨ PHONG, *16*, 52

Khoa học quản trị, *Biên khảo*, NGUYÊN PHONG, *16*, 68-71

Kiếm khách, VXRĐNT, VAN PHANN, *16*, 76-78

Không lời, *Hí họa*, GÚC, *17*, 20

Ký họa Chóe về văn nghệ sĩ trong nhà tù Việt Nam, *Ghi chú* của TRẦN DẠ TỪ, *17*, 40-42

Khủng hoảng tại Trung Đông, TSTQ, LÊ THỤY, *17*, 82-85

Không lời, Hí họa, KÚM, *18*, 19

Không lời, Hí họa, VẸT, *18*, 31

Khoa cử thời cải cách: Địa vị chữ quốc ngữ và chữ Pháp hồi đầu Thế kỷ XX, *Nghiên cứu*, NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH, *18*, 70-72

L

Lửa đã lên, tiếng nói từ Tiệp Khắc, *Ghi nhận,* CHÂN VĂN, *16*, 16-19

M

Một vòng Nam Bắc Đông Tây (II): Nghĩ về một cuộc chiến sớm bị lãng quên, *Hồi ký* NGUYỄN XUÂN THU, *16*, 42-45

Một đoạn thơ xuôi trích từ 1990, *Thơ* LÊ BI, *16*, 46-48

Một vài nguyên tắc căn bản để xây dựng một nước Việt Nam mới, *Thảo luận*, TÔN THẤT THIỆN, *18*, 14-15

Men mùa hạ, *Thơ,* TRẦN SA, *18*, 67

Mây, *Thơ,* NGUYỄN THỊ THANH BÌNH, *18*, 67

N

Những khoảng cách, *Tiểu luận,* THÁI TUẤN, *16*, 36

Nỗi sợ hãi của chúng ta, *Thơ,* ZBIGNIEW HERBERT, PHẠM VIỆT CƯỜNG dịch *16*, 66

Ngàn năm bia miệng, *Trong cõi Người ta*, Vương Công Tử, *16*, 74-75

Người róc mía trên đầu sư, *Biên khảo,* PHẠM CAO DƯƠNG, *17*, 22-25

Nằm đủ kiểu, Ngồi đủ kiểu, *Thơ* KHÁNH TRƯỜNG, *17*, 39

Nguyễn Huy Thiệp trên Wall Street Journal Á Châu, VXRĐNT, CHÂU VĂN, *17*, 81

Nhân vật X., *Truyện,* TRẦN DIỆU HẰNG, *18*, 58-64

Nhóm Sáng Tạo, *Nhận định,* TÚY HỒNG, *18*, 66-69

Nhã Ca, trong nỗi buồn một mình, *Đọc sách*, QUỲNH GIAO, *18*, 73-75

O

Ôi nước mắt . . . cá sấu . . . *Hí họa,* GÚC, *18*, 19

P

Pho tượng Mẹ Việt Nam của Lê Thành Như, *Giới thiệu,* ĐỖ QUÝ TOÀN, *17*, 9-10

Phố mùa, *Truyện*, LÊ THỊ HUỆ, *18*, 48-51

Phụ bản THÁI TUẤN, *18*, 65

Phải lên án bạo lực, Nhân vụ ký giả Lê Triết bị ám sát, *Nhận định,* LAM SƠN, *18*, 88

S

Sáu mươi năm và một con giáp, *Chữ và Nghĩa,* ĐỖ TỈNH, *16*, 72-73

Sân khấu và hậu trường, *Bình luận Chính trị,* NGUYỄN HỮU CHUNG, *17*, 16-19

Sông bé, *Thơ,* TRẦM PHỤC KHẮC, *17*, 32

So long . . . son!, *Hí họa,* GÚC, *18*, 23

Sóng Tam Giang, *Thơ,* VI KHUÊ, *18*, 54

T

Thảo luận việc dựng lại đất nước, *Đề nghị,* VƯƠNG HỮU BỘT, *16*, 9-12

Tình của Cỏ, *Sách báo Trong tháng,* LÊ TAM CA - NGUYỄN NAM ANH, *16*, 86-88

Tôi ngụ trong đời tôi, *Thơ,* MARC CHAGALL, NĐT dịch

Tạ Văn Tài giới thiệu truyền thống nhân quyền Việt Nam trước thế giới, *Đọc sách,* LÊ TAM CA, *17*, 86

Thứ Bảy, Xóm Tàu, Xóm Việt, *Truyện,* PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN, *18*, 36-42.

Truyện đùa hay nhất trong năm, *Truyện,* NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC, *18*, 43-47

V

Văn học phản kháng trong nước (I): Tổng quan về sinh hoạt văn học dưới chế độ cộng sản, *Tiểu luận,* NGUYỄN HƯNG QUỐC, *16*, 59-65

Vết nứt trên tường, *Truyện,* XUÂN VŨ, *17*, 43-49

Vườn thơm hoa bưởi, *Truyện*, HỒ TRƯỜNG AN, *17*, 50-57

Văn học phản kháng trong nước (II): Phản kháng thật hay phản kháng giả? *Tiểu luận* NGUYỄN HƯNG QUỐC, *17*, 66-70

Vài ảo tưởng và mặc cảm, *Bình luận,* VƯƠNG HỮU BỘT, *18*, 8-12

Vết bỏng trong hồn, *Thơ,* TRẦN MỘNG TÚ, *18*, 38

Viết cho ai đọc? *Tiểu luận,* THỤY KHUÊ, *18*, 76-81

PHÁT HÀNH VÀO THÁNG 10/1990 :

GÃ CÙI và MIẾNG DỪA NON

tuyển tập của

TRẦN THỊ BÔNG GIẤY và TRẦN NGHI HOÀNG

Gồm những truyện ngắn lạ lùng của Trần thị Bông Giấy
tác giả bút ký Nước Chảy Qua Cầu
và những tạp ghi thơ mộng và bi tráng của Trần Nghi Hoàng

VĂN UYỂN xuất bản

TƯỞNG LAI

TƯỞNG LAI
Vietnamese Chinese Seafood Restaurant

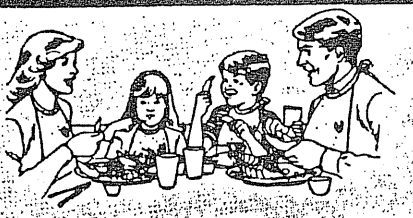

9191 BOLSA AVE. # 108-109
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 895-6199

TƯỞNG LAI
Grocery • Beer • Wine
Sandwich • Food To Go

9211 BOLSA AVE. # 120-121-122
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 893-1218

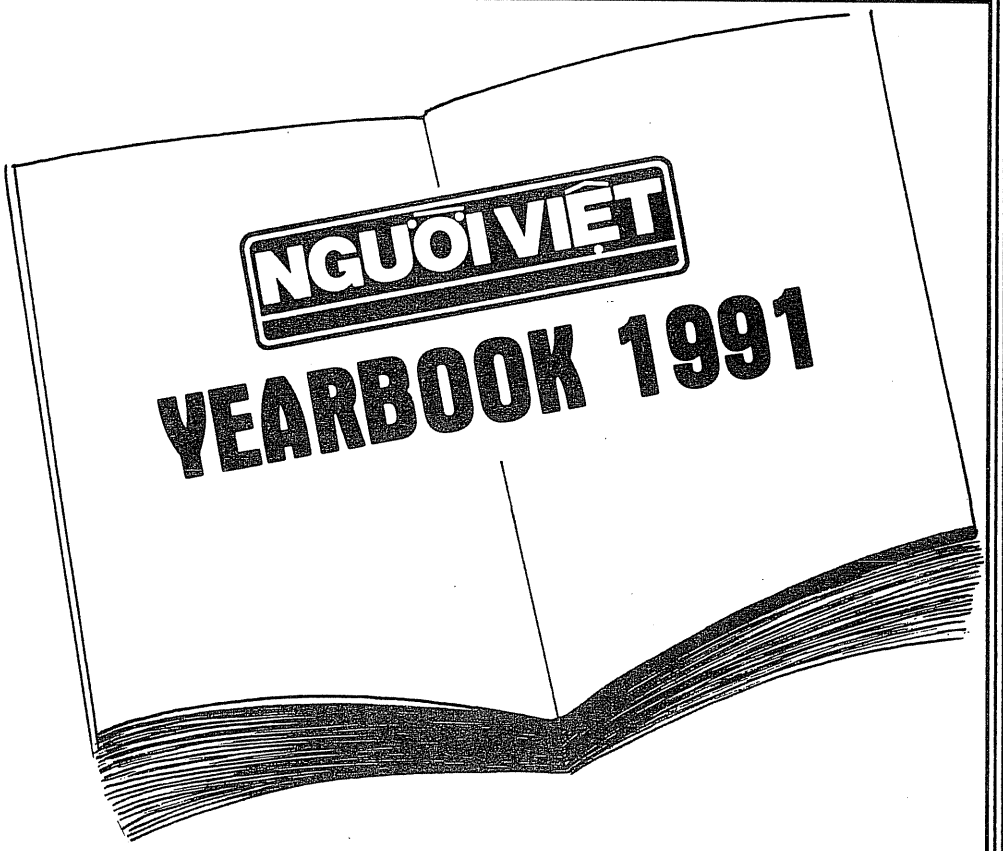

Với gần 500 trang gồm hàng trăm
tài liệu, bản đồ, hình ảnh, đề mục tra cứu
thực dụng.

NGƯỜI VIỆT YEARBOOK 1991

là
cẩm nang chung
của
mọi gia đình
Việt Nam

đã phát hành khắp nơi

TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA NHÃ CA

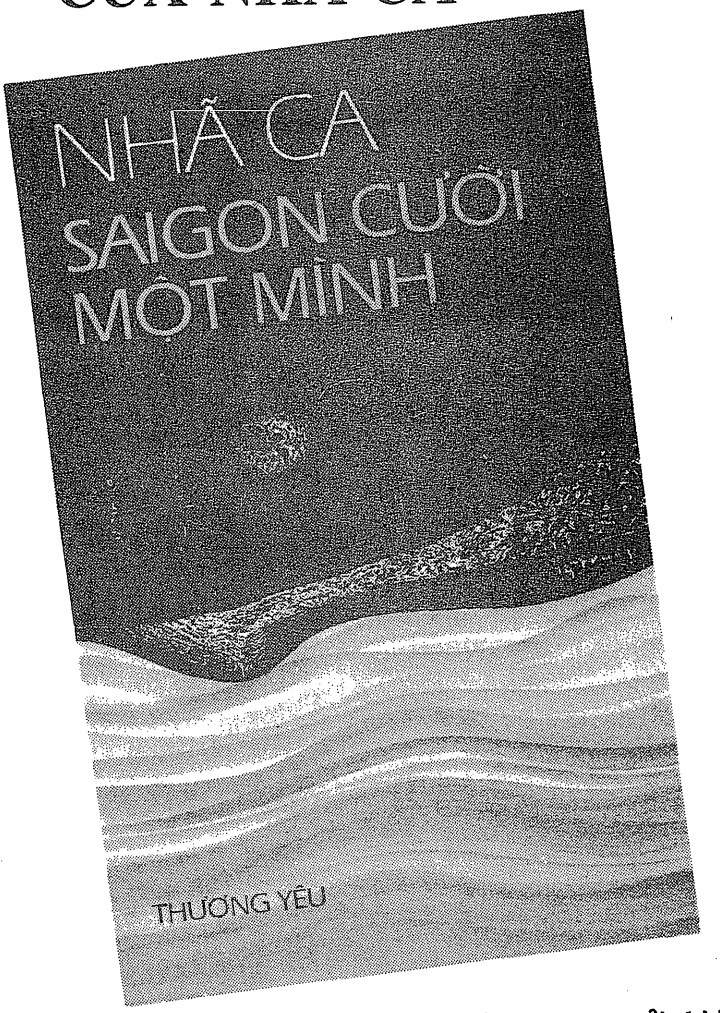

* Lần đầu tiên được viết ra, những chuyện về Saigon đổi đời: Saigon *xếp hàng cả ngày,* Saigon *xuống hố cả nút...*

saigon cười một mình

tranh bìa: Nguyễn Trung. Phụ bản: Bé Ký. 264 trang. Giá US$12.00

NGƯỜI VIỆT tổng phát hành
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-9414

Dân Chu Văn An

khắp nơi trên thế giới phải tìm đọc cho bằng được:

Đặc san CHU VĂN AN
Xuân 1990 *(đã ra tháng Hai 90, còn ít)*
do nhóm CVA Nam Cali thực hiện

Đặc san CHU VĂN AN
Hè 1990 *(đã ra tháng Bảy 90, còn ít)*
do nhóm CVA San Jose thực hiện

Đặc san CHU VĂN AN
Thu 1990 *(sắp ra tháng Mười Một 90)*
do nhóm Bưởi - CVA Paris thực hiện

Liên lạc: **Nhà Phát Hành Người Việt**
14891 Moran St., Westminster CA 92683,USA
ĐT (714) 892-9414

Đặc san Chu Văn An Xuân 1991 do nhóm CVA Nam Cali thực hiện chờ đón bài vở, tin tức, hình ảnh của các bạn. Liên lạc LONG ÂN, 14541 Brookhurst, Suite A-4B, Westminster, CA 92683. ĐT (714) 839-5844.

Bộ Chữ Việt Nam

©VN Labs 1984,1990

Trên IBM PC & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Computer tiếng Việt và Bộ Chữ Quốc Tế.

Dbase III&IV
Foxbase
Microsoft Word V4&V5
Norton Editor
PC-Write
Personal Editor
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter V1&2&3&4
VP-Planner
Wordstar V4&V5
WordPerfect V4&V5
Works V1&V2
Ventura Publisher V1&V2
vv..

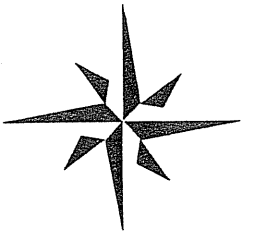

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Hệ thống Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường.

- ☐ **VN.COM version 7.5:** dùng tiếng Việt với Wordstar V4 & 5, Microsoft Word V4 & 5, Volkswriter V3 & 4, PC-Write, WordPerfect V4.2 & 5.0 & 5.1, Ventura Publisher V1.1 & 2.0, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ☐ **VN Labs Word Processor:** đầy đủ tiện nghi, menu tiếng Việt, dùng mouse.
- ☐ **Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt đánh chữ trước, dấu sau trong các software thị trường,** không bị hạn chế vào một word processor.
- ☐ Nơi duy nhất chế tạo tiếng Việt có thể in trên tất cả các loại máy in hiện đại, kể cả Postscript printers và phototypesetters.
- ☐ Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..
- ☐ **Font tiếng Việt in nền đen chữ trắng từ Ventura ra Laserjet.**

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)
Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15
Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 55 kiểu chữ Việt tuyệt vời $195
Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher.

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA NỮ BÁC SĨ

HỒ THỊ ÁNH NGUYỆT, M.D.

AMERICAN BOARD OF OB — GYN

Tốt nghiệp Y Khoa Đại Học U.C.L.A.
Tốt Nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại University of Texas

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA
* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn.

SẢN KHOA
* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

CƠ SỞ THẰNG BỜM Ở NHẬT NHẮN TIN

Cơ sở duy trì và phát triển văn hóa Việt tại Nhật Bản muốn nhận thư mục mới nhất của các nhà xuất bản, cơ sở phát hành sách báo và băng video nhạc, CD Mỹ, và sẵn sàng cộng tác với quý vị để phổ biến, phát hành những ấn phẩm của quý vị tại Nhật. Có những ấn phẩm mới nhất xin vui lòng giới thiệu ngay với cơ sở Thằng Bờm:

THẰNG BỜM (PHẠM NGỌC THANH)

262-72-918 Shimowada, Yamato-shi, Kanagawa-ken t242 Japan. Tel: 0462(68)1792, 0467(78)8146
Fax: 0462(68)4293

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Điện thoại: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:**

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

TUYỂN TẬP Thi Viết Văn Hè 88

NGƯỜI VIỆT

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

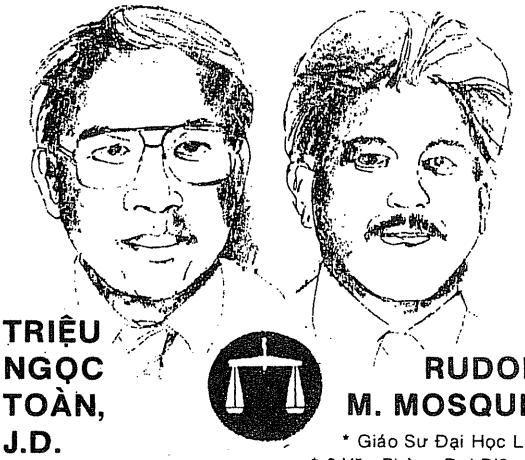

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.J.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

Chỉ cần mua (dài hạn)
một tờ báo
bạn được đọc
14 tờ báo mỗi tuần

Chuyện khó tin, nhưng có thật.

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo tràn ngập
tin tức Việt Nam,
Đông Nam Á, và Quốc tế

NGƯỜI VIỆT
CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

Tờ báo của
mọi gia đình Việt Nam hải ngoại

Nhật báo NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT: (714) 892-9414 / (714) 892-9316
FAX: 894-1381

TRUNG TÂM CHUYÊN TRỊ ĐAU NHỨC, Y KHOA CHỈNH XƯƠNG

BOLSA CHIROPRACTIC CLINIC

Bác Sĩ NGUYỄN BẢO LỘC, D.C.

Bác Sĩ ÔN JACQUELINE TRINH, D.C.

CHUYÊN TRỊ

- Nhức đầu cấp tính và kinh niên
- Sai trật xương quai hàm
- Cổ, vai đau nhức, giới hạn sự cử động, tê, bại chuyền xuống cánh tay, tê các ngón tay
- Sai trật các khớp xương bả vai, khuỷu tay, cổ tay, đầu gối, mắt cá.
- Tức ngực, khó thở, khó ngủ, mỏi mệt, tiêu hóa kém.
- Đau nhức giữa lưng, ngang lưng, bên hông, bàn tọa, đau nhức lưng chuyền xuống chân, bàn chân, ngón chân.
- Đi chân thấp chân cao, hay bị vọp bẻ.
- Bị phong thấp, tê thấp kinh niên.

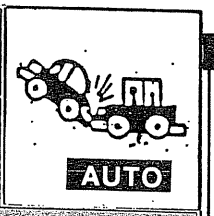

TRỊ LIỆU

* Điều chỉnh các hệ thống xương, thần kinh và bắp thịt.
* Dinh dưỡng và thể dục trị liệu.

PHÒNG MẠCH

Trang bị nhiều dụng cụ Y Khoa vật lý trị liệu tối tân như:
Ultrasound, Diathermy, Transcutaneous Electrical Nerve Stimulation (TENS), Interferential, Intersegmental, Traction Therapy Table, Low Voltage Muscle Stimulation, Parabath, Hydrocollator, Cryotherapy, Massage Machines...

(714) 839-6068

9361 Bolsa Ave., Suite 201
Westminster, CA 92683
(Khu Lê Lợi, trên lầu nhà hàng Song Long)

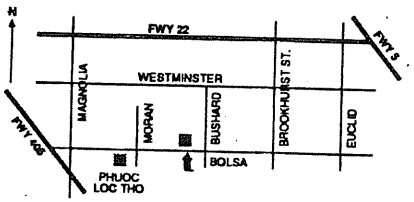

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10AM - 7PM
Thứ Bảy: 10AM - 3PM
Chủ Nhật: Theo hẹn

XIN QUÍ VỊ ĐẾN THAM KHẢO, CHỮA TRỊ QUA KHÓA CHỈNH XƯƠNG TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHẪU!

(714) 839-6068

NHẬN BẢO HIỂM 100%
Có chương trình đặc biệt cho các bệnh nhân có Medical, Medicare và đồng hương mới qua Hoa Kỳ.

ĐẶC BIỆT ĐIỀU TRỊ TAI NẠN XE CỘ LAO ĐỘNG VÀ THỂ THAO

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA PERMIT 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN
WESTMINSTER
Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.
ABR — FACR — FACNM

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN,
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC

10051 Bolsa Avenue, # A-2,
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 / 839-4321

* Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah
* Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC
* Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC
* Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC
* Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.
* Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA
* Nguyên Bác sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN
* Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.

- Truy tầm và hợp tác với các Bác Sĩ chuyên môn để trị liệu các Bệnh Ung Thư Ngực, Cổ, Tử Cung, Bao Tử, Ruột, Phổi v.v...

Giá 3.00 MK Ngoài Hoa Kỳ thêm 1.00 MK